

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LÊ THỊ ĐIỂM TRINH

CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA
CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

LÊ THỊ DIỄM TRINH

CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA
CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
HIỆN NAY

Mã số: 9310202

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS, TS. TRẦN THỊ HƯƠNG
2. PGS. TS. NGUYỄN VĂN GIANG

HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả

Lê Thị Diễm Trinh

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	7
1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài	7
1.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước	12
1.3. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan và những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu làm rõ	30
CHƯƠNG 2: CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	32
2.1. Các tỉnh, tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và đồng bào Khmer ở các tỉnh	32
2.2. Vận động đồng bào Khmer và công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	57
CHƯƠNG 3: CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM	76
3.1. Thực trạng công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long	76
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm	120
CHƯƠNG 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI GIAN TỚI	129
4.1. Dự báo những yếu tố tác động và phương hướng tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới	129
4.2. Những giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới	139
KẾT LUẬN	177
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	179
TÀI LIỆU THAM KHẢO	180
PHỤ LỤC	180

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

BTVTU	: Ban thường vụ tỉnh ủy
CT-XH	: Chính trị - xã hội
DTTS	: Dân tộc thiểu số
ĐBSCL	: Đồng bằng sông Cửu Long
ĐNCB	: Đội ngũ cán bộ
HTCT	: Hệ thống chính trị
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
QP,AN	: Quốc phòng, an ninh

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Công tác dân vận trong tình hình mới phải phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, tạo động lực để nhân dân các dân tộc đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Tăng cường và đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc là một nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng hiện nay.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) gồm 13 tỉnh, thành phố, nằm ở hạ lưu sông Mê Kông, với tổng diện tích tự nhiên khoảng 4 triệu héc-ta, có biên giới giáp Campuchia. Toàn vùng có trên 27 thành phần dân tộc cùng sinh sống, đông nhất là dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm, dân số khoảng 17 triệu người, trong đó, dân tộc Khmer có khoảng 1,3 triệu người, chiếm trên 7% dân số. Đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL có truyền thống yêu nước, đoàn kết, gắn bó cùng các dân tộc anh em trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, góp phần quan trọng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây và thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Những năm qua, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đã quan tâm đẩy mạnh công tác vận động đồng bào Khmer, thúc đẩy phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng ĐBSCL và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, đời sống của đồng bào còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào còn cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra còn chậm, việc áp dụng những thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa hiệu quả; hệ thống cơ sở hạ tầng KT-XH vùng còn nhiều yếu kém và hiện mới chỉ phục vụ nhu cầu dân sinh thiết yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế thị trường; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế của vùng; một bộ phận không nhỏ đồng bào dân tộc Khmer còn ít quan tâm đến đời sống chính trị của đất nước, một bộ phận chưa thật sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của chính quyền, Nhà nước; một số ít đồng bào người Khmer thực hiện chưa nghiêm

đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kể cả sư sãi, người có chức sắc... Về văn hóa - xã hội, trình độ dân trí của đồng bào dân tộc Khmer chưa có chuyển biến rõ nét; các tệ nạn xã hội, tiêu cực, phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan vẫn đang tồn tại ở nhiều nơi; việc tranh chấp đất đai, khiếu kiện đông người vẫn còn phức tạp, có lúc diễn ra gay gắt... Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém nêu trên thuộc về những khuyết điểm, hạn chế trong công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy. Việc xác định chủ trương, chính sách và giải pháp vận động đồng bào Khmer có thời điểm chưa phù hợp với thực tiễn. Công tác tuyên truyền, vận động chưa thực sự hiệu quả, chưa phù hợp với đặc điểm, văn hóa của đồng bào Khmer. Một số cán bộ làm công tác dân tộc chưa sâu sát, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đồng bào. Việc phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm công tác vận động đồng bào Khmer chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao...

Hiện nay, tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc người Khmer nhất là các vùng biên giới còn tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định. Các thế lực thù địch tiếp tục đẩy mạnh nhiều hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; lợi dụng “dân tộc”, “tôn giáo”, “nhân quyền”, tình hình đời sống còn khó khăn, hạn chế thông tin kích động lôi kéo gây mất ổn định chính trị, xã hội. Hoạt động truyền đạo trái pháp luật vẫn diễn ra; mâu thuẫn, tranh chấp đất đai một số nơi chưa được giải quyết triệt để; tình hình di cư tự do diễn biến phức tạp gây mất ổn định về chính trị, xã hội. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như việc tổ chức các phong trào thi đua yêu nước ở một số địa phương chưa được thường xuyên và chưa thực sự rộng khắp, nội dung, phương pháp tuyên truyền thiếu phù hợp không sát với tình hình thực tế ở cơ sở; việc nắm bắt tâm tư tình cảm, nguyện vọng của đồng bào người Khmer không kịp thời nhất là vùng sâu vùng xa, đặc biệt là vùng gần biên giới; sự phối hợp, kết hợp trong việc tổ chức thực hiện công tác vận động của các ngành, các cấp chưa chặt chẽ. Một số chính sách chưa được cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của địa phương; số ít cán bộ và đồng bào người dân tộc còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động tích cực vươn lên thoát nghèo.

Xuất phát từ tình hình và yêu cầu trên, việc nghiên cứu đề tài “***Công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay***” có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích của luận án

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác vận động đồng bào người Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL hiện nay, luận án đề xuất phương hướng và những giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

- Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án tập trung giải quyết.
- Luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL hiện nay.
- Khảo sát, đánh giá thực trạng công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL từ năm 2015 đến nay, chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế và rút ra những kinh nghiệm.
- Phân tích những yếu tố thuận lợi, khó khăn đối với việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL; đề xuất phương hướng, giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

- *Về không gian*: Luận án khảo sát, nghiên cứu thực trạng công tác vận động đồng bào người Khmer của các tỉnh ủy Sóc Trăng, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang và Vĩnh Long, những tỉnh có khá đông đồng bào Khmer sinh sống.
- *Về thời gian*: Luận án khảo sát công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong thời gian từ năm 2015 đến nay; phương hướng và giải pháp do luận án đề xuất có giá trị trong thời gian tới.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân vận, công tác dân vận, dân tộc, công tác dân tộc.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là các báo cáo tổng kết của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan chức năng về công tác dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer nói riêng; kết quả khảo sát, điều tra của luận án.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như:

- Phương pháp hệ thống hóa được sử dụng ở phần tình hình nghiên cứu và chương 2 của luận án nhằm nghiên cứu hệ thống hóa toàn bộ các quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng, các cấp ủy đảng về công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL một cách đầy đủ và toàn diện về mặt lý luận; đồng thời xác định rõ nội dung cần tập trung nghiên cứu của đề tài. Trong chương 3, luận án sử dụng phương pháp hệ thống hóa để tổng hợp, thống kê các sự kiện, hiện tượng, các hoạt động của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có liên quan đến công tác vận động đồng bào Khmer một cách logic và có hệ thống.

- Phương pháp phân tích và tổng hợp được sử dụng chủ yếu trong việc phân tích đánh giá các sự kiện, hiện tượng nhằm làm rõ cơ sở, nguyên nhân về thực trạng công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL từ năm 2015 đến nay, trên cơ sở kết quả phân tích để tác giả khái quát, đưa ra các nhận định, đánh giá và kết luận vấn đề.

- Phương pháp quy nạp và diễn dịch được sử dụng để luận giải và làm rõ những vấn đề cơ bản của luận án xác định từ thực tiễn.

- Phương pháp thống kê, so sánh được sử dụng nhằm đánh giá, xử lý các số liệu từ các nguồn tổng hợp được.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Thông qua các phiếu điều tra để thu thập thông tin một cách đa dạng với các đối tượng nhằm đánh giá công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL một cách khách quan, trung thực. Kết quả khảo sát được xử lý trên phần mềm SPSS (viết tắt của Statistical Package for the Social Sciences) - phần mềm thống kê được sử dụng phổ biến cho các nghiên cứu điều tra xã hội học. Luận án điều tra 2 đối tượng: 1) Người đứng đầu cấp ủy các cấp trực thuộc các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL (300 phiếu); 2) Đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL (500 phiếu).

- Phương pháp tổng kết thực tiễn: Thông qua khảo sát thực tiễn để đánh giá chính xác, đầy đủ những ưu, khuyết điểm, tìm nguyên nhân, những bất cập từ thực tiễn và rút ra những kinh nghiệm; đề ra các giải pháp cần thiết, khả thi, đáp ứng yêu cầu của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Các phương pháp trên được sử dụng linh hoạt, đan xen, kết hợp để phát huy hiệu quả tổng hợp nhằm hoàn thành mục tiêu nghiên cứu.

Luận án có sự kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến đề tài, có tham khảo các báo cáo, các số liệu thống kê có liên quan đến đề tài của các cấp ủy, tổ chức đảng tại địa phương từ năm 2015 đến nay.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

- Luận án xây dựng khái niệm, nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL.

Khái niệm công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL: *Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL là hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU với sự tham gia của các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh và các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan ở những tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống về tuyên truyền, thuyết phục, tập hợp, giáo dục và tổ chức đồng bào thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh (QP,AN), đối ngoại, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của tỉnh, nâng cao đời sống nhân dân nói chung, đồng bào Khmer nói riêng.*

- Luận án rút ra 05 kinh nghiệm trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL, nhất là kinh nghiệm: Xây dựng HTCT cơ sở, nơi có

đồng đồng bào Khmer sinh sống vững mạnh, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ cơ sở là người Khmer, phát huy mạnh mẽ vai trò của người có uy tín trong đồng bào là yếu tố đặc biệt quan trọng thực hiện thắng lợi công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

- Luận án phân tích, luận giải 06 giải pháp nhằm tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thời gian tới, trong đó giải pháp có tính đột phá là: Phát huy vai trò của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cấp xã; các chi hội CT-XH, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok và những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL hiện nay.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho các tỉnh ủy ở ĐBSCL trong công tác vận động đồng bào Khmer, đáp ứng yêu cầu của Đảng đã đề ra những năm tới.

- Kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ việc nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập môn xây dựng Đảng và dân vận của Đảng ở các trường chính trị tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Trong thời gian qua đã có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu về đồng bào Khmer và công tác vận động đồng bào người Khmer của các cấp ủy đảng. Tuy nhiên, tùy theo đối tượng và phạm vi nghiên cứu mà từng công trình khoa học có góc độ tiếp cận, giải quyết các vấn đề riêng và đề cập đến nhiều nội dung khác nhau. Đáng chú ý là:

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến dân tộc thiểu số

Nancy J.Smith-Hefner (1999), *Người Mỹ gốc Khmer: Giáo dục bản sắc và đạo đức trong cộng đồng hải ngoại* [100] chỉ rõ, vào đầu những năm 1980, hàng chục nghìn người tị nạn Campuchia đã trốn khỏi đất nước bị chiến tranh tàn phá để đến định cư tại Hoa Kỳ, nơi họ nhanh chóng trở thành một trong những nhóm nhập cư gặp rắc rối nhất và ít được nghiên cứu nhất. Cuốn sách kể lại những nỗ lực của người Mỹ gốc Khmer nhằm tái tạo nền tảng văn hóa và bản sắc sau hậu quả của nạn tàn sát người Khmer. Cuốn sách phân tích những căng thẳng và mâu thuẫn trong quá trình xã hội hóa của người Khmer, đặc biệt nhấn mạnh vào quan niệm của người Khmer về nhân cách, đạo đức và tình dục. Tác giả xem xét di sản văn hóa này ảnh hưởng như thế nào đến kết quả học tập của trẻ em Khmer tại các trường học ở Mỹ và cuối cùng quyết định sự gắn kết của người Khmer với văn hóa Mỹ.

Lưu Kim Hâm (2000), *Trung Quốc - Thách thức nghiêm trọng của thế kỷ mới* [67] là một công trình nghiên cứu tổng hợp, toàn diện các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự... của các nhà nghiên cứu Trung Quốc. Đặc biệt, cuốn sách chỉ rõ rằng, việc lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo để tiến hành tấn công và thâm nhập vào Trung Quốc là một mưu đồ chiến lược xuyên suốt của các thế lực đối địch phương Tây nhằm “Tây hóa” và phân hóa Trung Quốc. Chúng thực hiện các mưu đồ này thông qua các hình thức như du lịch và thăm hỏi tới Trung Quốc mang theo và tán phát các tài liệu tuyên truyền về tôn giáo, các hoạt động

từ thiện, bồi dưỡng, huấn luyện nhân viên chuyên nghiệp với ý định lập nên một tổ chức tôn giáo biến tướng. Bên cạnh đó, chúng còn thực hiện ý đồ trên thông qua quyên góp để xây dựng cơ sở và dùng tiền mua chuộc các nhân sĩ tôn giáo, phân hóa và làm tan rã lực lượng yêu nước. Thông qua vấn đề nhân quyền, chúng ra sức ủng hộ các thế lực phản đối bí mật bao gồm các phần tử dân vận bí mật trốn ra nước ngoài. Các thế lực đối địch với Trung Quốc còn dùng những đài phát thanh để tiến hành tuyên truyền đối với các khu vực dân tộc thiểu số (DTTS) ở biên cương hòng quấy rối và phá hoại Trung Quốc. Trước tình hình đó, Trung Quốc giương cao ngọn cờ đoàn kết dân tộc, chống chủ nghĩa chia tách dân tộc và khẳng định, bảo vệ sự thống nhất tổ quốc và đại đoàn kết các dân tộc là nhiệm vụ thiêng liêng của dân tộc.

Stefano Vecchia (2007), *Người Khmer: Lịch sử và kho báu của nền văn minh cổ đại* [110] thông qua hàng trăm bức ảnh tuyệt vời và văn bản sâu sắc, cuốn sách khám phá sự tiến hóa, phát triển và suy tàn của nền văn minh hùng mạnh một thời này. Bắt đầu với sự xuất hiện của nền văn minh Khmer hay Angkor tồn tại trong khoảng thời gian từ 802 đến 1431 sau Công nguyên, tác giả lần theo lịch sử, phác thảo các cột mốc quan trọng và làm sáng tỏ những niềm tin, chính trị, sự phát triển khoa học và nỗ lực nghệ thuật của nền văn minh này.

Xiaowei Zang và cộng sự (2016), *Cẩm nang về các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc (Sổ tay nghiên cứu về Trung Quốc đương đại)* [193] là cuốn sổ tay đánh giá nghiên cứu về các vấn đề dân tộc chính ở Trung Quốc và đề cập đến một số vấn đề quan trọng về khái niệm, lý thuyết và phương pháp luận trong nghiên cứu về dân tộc ở Trung Quốc. Cung cấp các kết quả nghiên cứu cập nhật về DTTS, củng cố kiến thức rải rác trong các lĩnh vực khác nhau trong tài liệu hiện có và cung cấp cho độc giả một phạm vi bao quát đa ngành và nhiều mặt trong một tập duy nhất. Dựa trên những hiểu biết sâu sắc và quan điểm từ các học giả ở các châu lục khác nhau, những đóng góp này cung cấp những phản ánh quan trọng về lĩnh vực này đã và đang đi đến đâu, cung cấp cho độc giả những hướng nghiên cứu khả thi trong tương lai về DTTS ở Trung Quốc.

Lun Yin và cộng sự (2020), *Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp truyền thống của các dân tộc thiểu số tại Trung Quốc* [88] đã tham khảo các tài liệu nghiên cứu chuyên khảo về truyền thống sinh kế nông nghiệp của các DTTS ở Trung Quốc, và phân chia các loại hình nông nghiệp khác nhau trên cơ sở xem xét tài liệu. Đồng thời, các tác giả tập trung xem xét các tri thức truyền thống được hình thành bởi đồng bào DTTS trong nông nghiệp, đặc biệt là kiến thức truyền thống liên quan đến thông tin thời tiết và khí hậu. Trong các phát hiện của tác giả, các tác giả nhận thấy rằng các DTTS là những người thực hành nông nghiệp truyền thống. Sự quan sát và nhận thức của họ xuất phát từ thực tế cuộc sống và có thể không “khoa học”, nhưng chúng phản ánh trực tiếp tác động của biến đổi khí hậu với sinh kế địa phương và chứa đựng sự khôn ngoan để thích ứng với biến đổi khí hậu.

Shuxin Mao (2020), *Lựa chọn chiến lược sinh kế và sự đa dạng sinh kế của các dân tộc thiểu số chính ở Trùng Khánh, Trung Quốc* [111] cho rằng, để cải thiện sinh kế hộ gia đình DTTS ở nông thôn, điều cơ bản là phải tìm ra các loại hình, đặc điểm cũng như các yếu tố tác động của các chiến lược sinh kế của họ. Trong bài viết này, tác giả khám phá các lựa chọn chiến lược sinh kế hộ gia đình và sự đa dạng sinh kế của các DTTS ở Trùng Khánh, cũng như cách vốn sinh kế tác động đến chiến lược sinh kế thông qua các phương pháp phân cụm, chỉ số đa dạng sinh kế và hồi quy logistic đa biến theo phương pháp khung tiếp cận sinh kế bền vững.

Denise Affonco (2021), *Thoát khỏi địa ngục Khmer đỏ - Hồi ký của một người còn sống* [38] gồm những câu chuyện có thật của tác giả Denise Affonco - một nạn nhân của chế độ Khmer đỏ, kể lại chi tiết, chân thực về một giai đoạn đặc biệt và phi thường của cuộc đời mình, những mất mát và khổ đau mà bà đã trải qua trong những năm bị đày ải dưới sự kìm kẹp của Khmer đỏ cũng như trong thời gian 11 tháng sau khi bộ đội Việt Nam vào giải phóng nhân dân Campuchia. Với lời văn sinh động, chân thực qua lời kể của một người đã từng trải qua những năm tháng địa ngục ở Campuchia sẽ giúp những thế hệ đi sau hiểu hơn, từ đó không lãng quên một giai đoạn tang thương của người Campuchia dưới tội ác diệt chủng của chính quyền Khmer đỏ, cũng như tôn vinh những đóng góp to lớn của

bộ đội tình nguyện Việt Nam trong sự nghiệp quốc tế cao cả, nhưng hiện đang bị một số thế lực phản động tìm cách phủ nhận.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác vận động dân tộc thiểu số

Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Lào (2009), *Công tác dân vận của Quân đội nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay* [177] trên cơ sở những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Cay Xôn Phôm Vi Hăn và chủ trương, đường lối của Đảng Nhân dân nhân cách mạng Lào về công tác dân vận, cuốn sách trình bày có hệ thống những cơ sở lý luận, thực tiễn và những nhiệm vụ chính của công tác dân vận ở đơn vị cơ sở trong Quân đội nhân dân Lào hiện nay.

Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Lào (2009), *Một số lý luận và thực tiễn về công tác dân vận - phát triển nông thôn toàn diện, gắn với xây dựng làng và cụm làng vững mạnh về mặt quốc phòng* [178] đã trình bày quá trình hơn 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, Quân đội nhân dân Lào đã tạo ra nhiều thành tích xuất sắc và nhiều kinh nghiệm quý như: cần coi trọng hàng đầu công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân, xây dựng lực lượng và xây dựng căn cứ địa. Trong công tác vận động quần chúng phải căn cứ vào dân, lấy dân làm cơ sở, dám đi, dám nói, dám làm, dám chịu trách với nhân dân, để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Lưu Văn Sơn (2012), *Kiên trì quan điểm nhân dân là tối thượng, thiết thực làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới* [109] là báo cáo đề dẫn tại Hội thảo Lý luận lần thứ bảy giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong bài viết của mình tác giả khẳng định mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc với nhân dân được ví như thuyền với biển, cá với nước, công bộc với chủ nhân... Đáng chú ý, bài viết khẳng định trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, công tác vận động quần chúng đã thu được nhiều thành quả, quan hệ giữa Đảng với quần chúng đã đạt nhiều tiến bộ. Đặc biệt, để làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới, theo tác giả cần tập trung vào một số nhiệm vụ cơ bản, như: Xây dựng quan điểm quần chúng đúng đắn, thắt chặt sợi dây tình cảm gắn kết với quần chúng nhân dân, tạo nền

tăng tư tưởng vững chắc để làm tốt công tác quần chúng; luôn giữ vững lập trường quần chúng, đề cao tôn chỉ phục vụ nhân dân, tập trung giải quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích thiết thân của quần chúng nhân dân; cần phải đi sâu quán triệt đường lối quần chúng, kiên trì phương châm chính sách hợp lòng dân, đáp ứng nhu cầu chính đáng của nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh của quần chúng nhân dân để phát triển sự nghiệp; cần phải cải tiến và đổi mới phương thức và phương pháp, sử dụng các hình thức và biện pháp mà quần chúng ưa thích, nỗ lực tăng cường tính hướng đích và tính hiệu quả của công tác quần chúng; cần xây dựng và kiện toàn chế độ công tác, nâng cao sức ràng buộc và thực thi của chế độ, tăng cường mức độ quy phạm hóa và chế độ hóa của công tác quần chúng.

Lý Trung Kiệt (2012), *Kinh nghiệm quý báu của Đảng Cộng sản Trung Quốc về làm tốt công tác quần chúng* [80] khẳng định, để cách mạng và công cuộc xây dựng, cải cách của Trung Quốc đạt được những thành tựu to lớn trong suốt những năm qua, nguyên nhân cơ bản là do Đảng Cộng sản Trung Quốc làm tốt công tác quần chúng. Nghiên cứu những thành tích quan trọng đó, tác giả chỉ ra 10 bài học kinh nghiệm sâu sắc. Những bài học kinh nghiệm này đều khẳng định vị trí, vai trò to lớn của quần chúng, nhân dân. Đảng Cộng sản Trung Quốc phải dựa vào dân để đặt kế hoạch, chính sách, đường lối cho đúng đắn; đặc biệt, đảm bảo lợi ích cho nhân dân là cơ bản nhất.

Trương Bá Lý (2012), *Kiên trì đường lối quần chúng, củng cố ưu thế chính trị của Đảng* [85] chỉ rõ, đường lối quần chúng chính là đường lối cơ bản để thực hiện đường lối tư tưởng, chính trị, tổ chức của Đảng; nội dung cơ bản là vì quần chúng, dựa vào quần chúng, từ quần chúng mà ra và đến với quần chúng. Theo tác giả, thực tiễn cách mạng Trung Quốc những năm qua đã chứng minh: Đảng Cộng sản dựa vào nhân dân để hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ mới, thực hiện độc lập dân tộc, giải phóng nhân dân; Đảng Cộng sản Trung Quốc dựa vào nhân dân để hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa cơ bản; Đảng Cộng sản Trung quốc đã dựa vào nhân

dân để tiến hành cuộc cách mạng cải cách mở cửa vĩ đại mới, phát triển chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc.

Lý Tiệp (2012), *Lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân là sự thể hiện tập trung tính chất và tôn chỉ của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [117] khẳng định, lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân chính là sự kế thừa và thăng hoa truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Theo đó, mọi phấn đấu và công tác của Đảng đều nhằm đem lại lợi ích cho nhân dân; điểm xuất phát và đích đến trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước phải tôn trọng vai trò làm chủ của nhân dân. Theo tác giả, bản chất lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân xuất phát từ những phương diện cơ bản sau: Phát triển vì nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết; kiên trì phát triển dựa vào nhân dân: thật sự tôn trọng vai trò làm chủ và tinh thần sáng tạo của quần chúng; kiên trì nhân dân hưởng thụ thành quả phát triển: tập trung nâng cao chất lượng cuộc sống, điều kiện sức khỏe và chỉ số hạnh phúc của họ,... Đặc biệt, tác giả khẳng định: lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân được thực hiện lâu dài trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số

Trần Thanh Nam (2001), *Phát triển đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào Khmer Nam Bộ trong công cuộc đổi mới hiện nay* [101] làm rõ, phân tích các yếu tố liên quan đến đời sống tinh thần, trong đó có nhiều yếu tố ảnh hưởng, tác động đến đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer ĐBSCL. Luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp, nhằm phát huy các giá trị truyền thống văn hóa đồng bào dân tộc Khmer vùng ĐBSCL, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn mới.

Nguyễn Thu Thủy (2001), *Quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long* [116] trình bày khái quát một số chính sách đối với đồng bào dân tộc Khmer ở ĐBSCL trước năm 1975; cơ sở lý luận và đánh giá thực tiễn việc hoạch định chính sách của Đảng về phát triển KT-XH trong đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ trong thời kỳ 1975-2000; việc triển khai, thực hiện chính sách dân tộc

của Đảng. Những vấn đề luận án có thể tham khảo, kế thừa là chính sách đối với đồng bào dân tộc Khmer ở ĐBSCL qua các thời kỳ như: Chính sách về phát triển kinh tế, xã hội; chính sách nâng cao dân trí và bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Lê Tăng (2003), *Một số giải pháp nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc Khmer ở Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay* [114] đánh giá thực trạng đời sống của đồng bào dân tộc Khmer, những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình nâng cao đời sống cho đồng bào. Đề tài đã đề ra các giải pháp góp phần nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ. Thời gian qua, đời sống đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ đã có những chuyển biến tích cực, nhờ sự quan tâm tích cực của Đảng, Nhà nước. Tuy nhiên, các tác giả cũng chỉ ra một bộ phận không nhỏ đồng bào dân tộc Khmer vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Từ đó, các tác giả đề xuất những giải pháp nhằm góp phần nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ. Trong đó, đặc biệt quan tâm những đề xuất về việc tăng cường đầu tư vốn, chuyển giao khoa học công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của đồng bào dân tộc Khmer, nâng cao trình độ dân trí, phát huy dân chủ.

Nguyễn Thái Hòa (2008), *Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer ở cơ sở xã, phường, thị trấn khu vực Tây Nam Bộ* [68] trình bày khái quát đặc điểm của đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ. Đề tài đánh giá một cách hệ thống, cụ thể những ưu điểm, hạn chế về ĐNCB và công tác cán bộ người dân tộc Khmer ở xã, phường, thị trấn Tây Nam Bộ. Trên cơ sở thực trạng và nguyên nhân, đề tài chỉ ra phương hướng, giải pháp nhằm xây dựng và nâng cao chất lượng ĐNCB người đồng bào dân tộc Khmer ở cơ sở các tỉnh Tây Nam Bộ thời gian tới.

Huỳnh Thanh Quang (2010), *Phát huy giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long góp phần củng cố khối đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay* [104] đã nêu lên những giá trị văn hóa đồng bào dân tộc Khmer ĐBSCL, đồng thời khẳng định tầm quan trọng của các giá trị văn hóa đó đối với sự phát triển của đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ. Luận án làm rõ mối

quan hệ giữa việc phát huy giá trị văn hóa với củng cố khối đại đoàn kết dân tộc; đặc điểm cư trú, giá trị kiến trúc, hội họa, điêu khắc; nhà ở, trang phục đến các lễ hội truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo. Trên cơ sở đánh giá thực trạng, luận án đề xuất một số giải pháp phát huy giá trị văn hóa đồng bào dân tộc Khmer vùng ĐBSCL, bao gồm: Nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền đối với việc phát huy giá trị văn hóa Khmer vùng ĐBSCL; quan tâm đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào dân tộc Khmer, rút ngắn sự chênh lệch về mọi mặt giữa dân tộc Khmer với các dân tộc khác trong khu vực; phát triển giáo dục gắn với nâng cao dân trí, đào tạo cán bộ, trí thức đối với đồng bào dân tộc Khmer; đặc biệt phải có cơ chế nhằm bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa làm cơ sở để xây dựng ý thức đại đoàn kết dân tộc trong đồng bào dân tộc Khmer và giữa dân tộc Khmer với các dân tộc khác trong khu vực.

Vũ Đình Mười (2014), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của người Khmer vùng Nam Bộ* [99] cung cấp những thông tin, tư liệu khá quan trọng về quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ, nguyên nhân hình thành mối quan hệ này, thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ thân tộc xuyên quốc gia ở đồng bào dân tộc Khmer; đặc biệt, bài viết chỉ ra một số tác động tiềm ẩn, nguy cơ về chính trị từ bên ngoài. Điều này đặt ra nhiều thách thức cho việc quản lý, đảm bảo trật tự xã hội và an ninh quốc phòng ở vùng Tây Nam Bộ nói riêng và ở nước ta nói chung trước mắt cũng như lâu dài.

Hoàng Thị Quyên (2015), *Vai trò Phật giáo Nam tông với đời sống người Khmer Nam Bộ* [106] tập trung mô tả niềm tin, thực hành tôn giáo (Phật giáo Nam tông), từ đó chỉ ra vai trò của Phật giáo Nam tông trong đời sống của người Khmer Nam Bộ. Với người Khmer, triết lý đạo Phật trở thành tư tưởng chủ đạo trong ý thức hệ, nó tác động sâu sắc đến tính cách, lối sống của con người nơi đây. Các sự kiện mang ý nghĩa lịch sử trong cuộc đời của một người Khmer từ khi sinh ra, lớn lên, đi tu, cưới vợ, lấy chồng và mất đi, tất cả đều được tổ chức theo những tập tục riêng, ít nhiều mang màu sắc Phật giáo. Ngôi chùa có vị trí, vai trò đặc biệt đối với cộng đồng này.

Nguyễn Thuận Quý (2015), *Quan hệ tộc người của người Khmer ở hai bên biên giới Việt Nam - Campuchia (khu vực Tây Nam Bộ)* [107] phân tích mối quan hệ của người Khmer ở khu vực biên giới Tây Nam Bộ qua các mối quan hệ trong lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời, phân tích ý thức và hành động của người Khmer đối với quốc gia - Tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, với đặc trưng đa tộc người, đa tôn giáo thì vùng đất Tây Nam Bộ vẫn còn nhiều nguy cơ mất ổn định do nhiều nguyên nhân khác nhau mang tính chủ quan và khách quan. Đồng thời, luận án cũng đã đưa ra một số kiến nghị đề xuất những giải pháp nhằm góp phần cho công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc được hiệu quả hơn.

Nguyễn Quốc Dũng, Võ Thị Kim Dung (2016), *Giảm nghèo đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong quá trình phát triển bền vững* [41] chỉ rõ, Tây Nam Bộ là nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống, tập trung ở chín tỉnh, thành phố gồm: Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Hậu Giang và thành phố Cần Thơ. Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách đúng đắn, phù hợp với đặc điểm của đồng bào dân tộc Khmer, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Cuốn sách nhằm giải quyết một số vấn đề về giảm nghèo đối với đồng bào Khmer trên cơ sở tiếp cận không chỉ qua các chính sách hỗ trợ về kinh tế, mà còn đi sâu nghiên cứu về đời sống tinh thần, phong tục, tập quán, nét văn hóa truyền thống, tín ngưỡng đặc thù của dân tộc Khmer, tìm ra nguyên nhân chính dẫn đến đói nghèo và đề ra phương hướng, giải pháp cơ bản góp phần giảm nghèo cho đồng bào một cách thiết thực nhất.

Dương Thành Trung (2016), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam* [181] phân tích cơ sở lý luận của hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng ĐBSCL. Luận án khảo sát, đánh giá đặc điểm tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội ở vùng ĐBSCL có ảnh hưởng đến công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer, thực trạng công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng ĐBSCL trong những năm qua trên phương diện những thành tựu, kết quả đạt được cũng như các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng đó; từ đó rút

ra những bài học kinh nghiệm phục vụ cho việc đề xuất, xây dựng các giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác này. Trên cơ sở các quan điểm có tính chất chỉ đạo, đề xuất, luận giải tính khả thi của một số giải pháp bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng ĐBSCL trong giai đoạn tiếp theo.

Thào Xuân Sùng (2016), *Xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới* [112] phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác dân vận và xây dựng ĐNCB dân vận người DTTS; đánh giá thực trạng ĐNCB dân vận người DTTS qua 30 năm đổi mới. Trên cơ sở thực trạng, nguyên nhân và kinh nghiệm, các tác giả đưa ra những giải pháp cơ bản xây dựng ĐNCB người DTTS đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030.

Nguyễn Duy Trường (2019), *Thực trạng và giải pháp giảm nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau* [182] trên cơ sở nghiên cứu lý luận, điều tra, khảo sát thực tế, đề tài đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác triển khai, thực hiện chính sách dân tộc, đánh giá thực trạng, xác định và phân tích các nguyên nhân dẫn đến hộ gia đình còn nghèo của đồng bào dân tộc Khmer; xác định và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Cà Mau. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp giảm nghèo, nâng cao thu nhập đối với đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Cà Mau trong giai đoạn hiện nay.

Sơn Minh Thắng (2019), *Nghiên cứu kết quả thực hiện một số chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer và những vấn đề đặt ra* [173] đưa ra khung lý thuyết đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer Nam Bộ từ năm 1991 đến nay; đánh giá kết quả thực hiện một số chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer Nam Bộ từ năm 1991 đến nay. Trên cơ sở dự báo tình hình KT-XH vùng đồng bào Khmer trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, đề tài đề xuất quan điểm, định hướng, nội dung, giải pháp, kiến nghị về đổi mới, hoàn thiện chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer

Nam bộ nói chung và đồng bào Khmer ở vùng đặc biệt khó khăn nói riêng, trong thời gian tới.

Nguyễn Thị Bích Thu (2019), *Thực trạng và giải pháp bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng dân tộc thiểu số (Chăm, Hoa, Khmer) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2025, tầm nhìn 2030* [174] đánh giá thực trạng văn hóa truyền thống và đời sống KT-XH của cộng đồng DTTS (Chăm, Hoa Khmer) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Đánh giá hiệu quả tác động của chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với bảo tồn văn hóa truyền thống các DTTS (duy trì, thực hành văn hóa truyền thống) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Dự báo, đề xuất giải pháp bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng các DTTS trên địa bàn thành phố từ nay đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

Phạm Tiết Khánh (2019), *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ* [78] hệ thống và phân loại âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ; xác định không gian và giá trị văn hóa của âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ. Đề tài phân tích thực trạng thực hành âm nhạc dân gian trong sinh hoạt văn hóa của người Khmer Nam Bộ; hệ thống hóa tư liệu và đánh giá tình hình sưu tầm, bảo tồn và truyền dạy dân ca, nhạc khí dân gian Khmer Nam Bộ; xây dựng dữ liệu về nghệ sĩ, nghệ nhân tiêu biểu của nền âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ. Đồng thời, đề tài phân tích thực trạng giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ trong bối cảnh hiện nay và xây dựng các nhóm giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ; xây dựng, xuất bản và phát hành bộ tư liệu bài bản dân nhạc Khmer Nam Bộ; xây dựng bộ sách ảnh các nhạc cụ, cách chế tác và hướng dẫn sử dụng nhạc cụ một số thể loại nhạc đàn và nhạc hát của âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ.

Nguyễn Phan Đẩu (2019), *Chính sách đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ hiện nay: Thực trạng và bài học kinh nghiệm* [62] khẳng định, Tây Nam Bộ là một trong ba vùng trọng điểm của cả nước có đông đồng bào DTTS. Thời gian qua, việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng trong

vùng đồng bào DTTS luôn được Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, đảng bộ, chính quyền các địa phương trong vùng quan tâm, chú trọng và đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn những tồn tại nhất định cần tiếp tục nghiên cứu, trao đổi, tháo gỡ... Nội dung bài viết là chỉ dẫn cụ thể về thực trạng và bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện chính sách đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ hiện nay.

Lý Hùng (2020), *Vai trò của tu sĩ Phật giáo Nam tông trong đời sống xã hội của người Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay* [73] làm rõ vai trò của tu sĩ Phật giáo Nam tông trong đời sống xã hội của người Khmer hiện nay. Đồng thời, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hơn nữa vai trò của tu sĩ Phật giáo Nam tông trong đời sống xã hội của người Khmer Tây Nam Bộ.

Nguyễn Thị Huệ (2020), *Môi trường tự nhiên và hoạt động văn hóa của người Khmer Nam Bộ* [71] chỉ rõ, người Khmer tại Việt Nam có những hoạt động văn hóa mang đậm sắc thái tộc người. Các hoạt động văn hóa nổi bật như nghệ thuật sân khấu Dù Kê, lễ cúng Phước Điền được hình thành từ sự vận dụng không gian sống, vật liệu tự nhiên, điều kiện địa lý của người Khmer trong quá trình cải tạo vùng đất Nam Bộ. Từ các chuyến điền dã, quan sát, phỏng vấn hỏi cố những người Khmer có tuổi đang sinh sống tại tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng, bài viết làm rõ những ảnh hưởng của môi trường tự nhiên trong hoạt động văn hóa của tộc người Khmer ở Nam Bộ thông qua hai hoạt động lễ hội trên đây.

Nguyễn Ngọc Diễm, Đỗ Thị Thơm (2020), *Tổng quan tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường đến đời sống kinh tế của người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay* [39] cho rằng, ĐBSCL đang có nguy cơ bị nhấn chìm do biến đổi khí hậu. Cư dân ĐBSCL gồm 4 dân tộc chủ yếu là Kinh, Hoa, Khmer và Chăm. Kết quả nghiên cứu cho thấy các vấn đề nổi bật chủ yếu là biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường có tác động đến các nguồn tài nguyên liên quan đến sinh kế là đất, nước và rừng; còn các hoạt động sinh kế chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất là nông nghiệp và thủy sản. Bài viết cũng đồng thời đề xuất một số hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm đưa ra những giải pháp

thực tiễn hỗ trợ cộng đồng người Khmer ĐBSCL tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường.

Nguyễn Thị Huệ (2020), *Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer tại Việt Nam hiện nay* [72] hệ thống hóa cơ sở lý luận và xác định khung lý thuyết nghiên cứu những vấn đề cơ bản và cấp bách trong phát triển bền vững của cộng đồng DTTS nói chung và dân tộc Khmer ở Việt Nam nói riêng; bài học kinh nghiệm của một số quốc gia trong nhận diện và giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách trong phát triển bền vững của cộng đồng DTTS; đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của các chính sách phát triển KT-XH vùng dân tộc Khmer từ năm 1986 đến nay; nhận diện những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở phân tích bối cảnh tình hình, dự báo các xu hướng vận động của những vấn đề trong cộng đồng dân tộc Khmer thời gian tới, đề tài đề xuất quan điểm, giải pháp cơ chế, chính sách nhằm phát triển bền vững vùng dân tộc Khmer đến năm 2030.

Hồ Xuân Mai (2020), *Chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng người Khmer trong phát triển bền vững vùng Nam Bộ* [90] không chỉ trình bày những vấn đề chung về chính sách ngôn ngữ, đặc điểm chính sách ngôn ngữ của một số quốc gia trên thế giới nói chung, và chính ngôn ngữ của Việt Nam nói riêng, cụ thể là chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng người Khmer; mà còn giới thiệu đặc điểm đời sống, văn hóa, kinh tế và ngôn ngữ của người Khmer Nam Bộ. Tác giả đã đi sâu phân tích năng lượng sử dụng ngôn ngữ - tiếng Việt và tiếng Khmer của cộng đồng người Khmer - ở hai tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh và đưa ra những đánh giá về chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng này và thực trạng dạy ngôn ngữ ở hai tỉnh, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp cho vấn đề này.

Đặng Viết Đạt, Hoàng Thị Quyên (2020), *Vai trò chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer trong phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bằng sông Cửu Long* [61] khẳng định, chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer ở vùng ĐBSCL có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần, hoạt động sản xuất và vận hành các thiết chế xã hội. Trong hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật, các chức sắc là người trực tiếp tham gia hoặc tổ chức, phối hợp tổ

chức, duy trì các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật. Bên cạnh đó, các chức sắc còn là tấm gương sáng trong chấp hành tốt các quy định pháp luật và vận động chư Tăng, Phật tử sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật... Vì thế, phát huy vai trò của chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer trong công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước nói chung, trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói riêng là nhiệm vụ quan trọng trong công tác dân tộc, tôn giáo ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Đặng Thị Kim Dung (2021), *Một số vấn đề về chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer ở Việt Nam* [40] khẳng định, vấn đề chính sách dân tộc và hiệu quả của chính sách dân tộc hiện nay đang là vấn đề hết sức nhạy cảm và dành được nhiều sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Trong đó, việc phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào các dân tộc ít người, trong đó có người Khmer ở Nam Bộ, luôn được ưu tiên chú trọng. Có thể nói, đây là nhiệm vụ quan trọng, gắn liền với chiến lược phát triển lâu dài vùng ĐBSCL và là một nhu cầu cấp bách trong bối cảnh kinh tế, xã hội nước ta có nhiều chuyển biến phức tạp. Với các phương pháp phân tích, tổng hợp và thống kê, tác giả chỉ ra chính sách dân tộc và hiệu quả chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer ở Việt Nam hiện nay, góp phần xây dựng bức tranh toàn diện về đồng bào và chỉ ra những giải pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả của chính sách dân tộc đối với dân tộc Khmer ở Nam Bộ.

Nguyễn Phú Lợi (2022), *Sự chuyển biến của Phật giáo Nam tông Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay* [83] chỉ rõ, đa số người Khmer ở Việt Nam theo Phật giáo Nam tông, sống tập trung chủ yếu ở các tỉnh Nam Bộ. Phật giáo Nam tông là tôn giáo gắn bó mật thiết với dân tộc Khmer, trở thành tôn giáo của dân tộc Khmer ở Nam Bộ Việt Nam. Tuy nhiên, từ khi bước vào thời kỳ đổi mới đất nước (1986) đến nay, những thay đổi về đời sống KT-XH, chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường, dưới tác động của toàn cầu hóa, của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, cũng như chính sách tôn giáo đổi mới của Đảng và Nhà nước, Phật giáo Nam tông Khmer đang có sự chuyển biến khá nhanh, diễn ra trên nhiều phương diện, từ truyền thống tu tập, đội ngũ chức sắc, sự chuyển đạo, đến vị thế, vai trò của hệ phái trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Bài viết này trình bày

sự chuyển biến trong sinh hoạt tôn giáo truyền thống, đội ngũ chức sắc, nhà tu hành, sự chuyển đổi đức tin tôn giáo của một bộ phận người Khmer theo Phật giáo Nam tông tại các tỉnh vùng Tây Nam Bộ trong những năm gần đây.

Dương Sà Kha (2022), *Nâng cao hiệu quả, tính bền vững các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trong đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Sóc Trăng* [76] khẳng định, trong những năm qua, những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã được cấp ủy, chính quyền tỉnh Sóc Trăng quan tâm, nhân dân đồng tình ủng hộ; tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức, hành động của các cấp ủy, chính quyền trong HTCT. Công tác dân vận và phong trào thi đua “Dân vận khéo” đã phát huy sự sáng tạo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH, đảm bảo QP,AN, khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố vững chắc.

Hoàng Thị Lan (2023), *Thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo đối với đồng bào Khmer ở khu vực Tây Nam bộ hiện nay* [81] khẳng định, người Khmer ở Việt Nam là một trong những dân tộc ít người có dân số khá đông, tập trung chủ yếu ở khu vực Tây Nam bộ. Thời kỳ đổi mới, Đảng, Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách đầu tư cho vùng đồng bào Khmer. Bài viết đánh giá những kết quả đạt được trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo đối với đồng bào Khmer ở khu vực Tây Nam bộ trên một số lĩnh vực như: Phát triển KT-XH vùng đồng bào Khmer; xây dựng ĐNCB người dân tộc Khmer; công tác thông tin, truyền thông cho đồng bào Khmer; công tác bảo tồn văn hóa, ngôn ngữ chữ viết của đồng bào Khmer; công tác đảm bảo các điều kiện cho sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào Khmer.

Nguyễn Thị Ngọc Anh (2023), *Sự tham gia của đồng bào Khmer trong xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp* [1] trên cơ sở phân tích thực trạng sự tham gia của đồng bào Khmer trong xây dựng nông thôn mới ở ĐBSCL, bài viết đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường sự tham gia của đồng bào Khmer trong xây dựng nông thôn mới ở ĐBSCL, bao gồm: Một là, đổi mới và hoàn thiện chính sách đối với đồng bào

Khmer và chính sách xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc Khmer. *Hai là*, đổi mới phương thức triển khai xây dựng nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc Khmer gắn với đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của HTCT. *Ba là*, đổi mới nhận thức, phương pháp làm việc và nâng cao năng lực của ĐNCB, công chức trong việc thực hiện chính sách xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào Khmer. *Bốn là*, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đồng bào Khmer về xây dựng nông thôn mới; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer. *Năm là*, quan tâm giải quyết một số vấn đề cấp bách trong phát triển KT-XH vùng đồng bào Khmer để có thể phát huy tốt sức mạnh của đồng bào trong xây dựng nông thôn mới.

Tài Lê Nhã Mi (2024), *Thực thi chính sách tín dụng đối với đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh* [91] khẳng định, chính sách tín dụng đối với đồng bào dân tộc Khmer là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bài viết làm rõ thực trạng thực thi chính sách tín dụng đối với đồng bào dân tộc Khmer, qua kết quả 4 nội dung chính: xây dựng và ban hành các văn bản triển khai chính sách; phân công thực thi chính sách; tuyên truyền, phổ biến về chính sách và sơ kết, tổng kết hiệu quả thực thi chính sách tín dụng, từ đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tín dụng đối với đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Nguyễn Thị Bạch Tuyết (2024), *Đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu* [183] làm rõ những vấn đề lý luận chung về đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer trong bối cảnh biến đổi khí hậu; nghiên cứu kinh nghiệm về đảm bảo sinh kế bền vững cho đồng bào DTTS của một số quốc gia trên thế giới như: Trung Quốc, Ấn Độ, một số quốc gia châu Phi và một số vùng ở trong nước có điều kiện tương đồng, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Đồng thời, luận án phân tích và đánh giá thực trạng đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu giai đoạn 2017-2022. Nêu bật thành tựu và

hạn chế đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu, làm rõ nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế đó, rút ra vấn đề đặt ra cho Tây Nam Bộ. Từ đó, đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu đến năm 2030.

Đào Đình Thương (2024), *Đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo hình thành “Nhà nước Khmer Krôm” ở Tây Nam Bộ* [176] khẳng định, những năm gần đây, một số thế lực thù địch đã lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Tây Nam Bộ để tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc nhằm mục đích chống phá Nhà nước Việt Nam, đòi thành lập “Nhà nước Khmer Krôm”. Bài viết góp phần nhận diện và đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để hình thành “Nhà nước Khmer Krôm” ở Tây Nam Bộ.

Nguyễn Thị Ngọc Anh (2024), *Sự tham gia của đồng bào Khmer trong xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và những vấn đề đặt ra* [2] chỉ rõ, các nghiên cứu lý luận về phát triển hiện nay và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đều nhấn mạnh việc phát huy sự tham gia của đồng bào DTTS trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là trong các chính sách phát triển. Chủ yếu dựa trên kết quả khảo sát thực tiễn thực hiện năm 2022, bài viết làm rõ thực trạng sự tham gia của đồng bào dân tộc Khmer trong xây dựng nông thôn mới; đồng thời phân tích một số vấn đề đặt ra liên quan đến sự tham gia của đồng bào Khmer trong xây dựng nông thôn mới ở ĐBSCL.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số

Son Phước Hoan (2003), *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ* [69] đã khái quát về đặc điểm đồng bào dân tộc Khmer Nam bộ, đi vào đánh giá thực trạng công tác dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ trước năm 1975 và sau năm 1975. Đề tài làm rõ đặc điểm đời sống mang tính đặc trưng của đồng bào dân tộc Khmer; ngoài sản xuất nông nghiệp là cơ bản, đồng bào còn trồng trọt, chăn

nuôi và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp. Đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào rất phong phú, đa dạng nhưng vẫn mang được nét đặc trưng. Đặc biệt đề tài đi vào đánh giá thực trạng công tác dân tộc vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ, từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả công tác dân tộc thời gian tới.

Nguyễn Hữu Tám (2009), *Đổi mới nội dung và phương thức vận động đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng trong tình hình mới* [113] làm rõ đặc điểm tự nhiên, kinh tế, văn hóa; tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội của đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, đề tài đánh giá những ưu điểm, hạn chế về nội dung và phương thức vận động đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Sóc Trăng trong thời gian qua; chỉ ra những nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực trạng đó và rút ra những bài học kinh nghiệm. Đặc biệt, để đổi mới nội dung và phương thức vận động đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Sóc Trăng giai đoạn mới, đề tài đã đề xuất mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp cơ bản.

Đặng Trí Thủ (2012), *Công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng bộ xã, phường, thị trấn ở Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay* [115] làm rõ khái niệm, nội dung và phương thức tiến hành công tác vận động đồng bào dân tộc Khmer của các đảng bộ xã, phường, thị trấn ở các tỉnh Tây Nam Bộ, đánh giá kết quả và thực trạng công tác vận động đồng bào dân tộc Khmer của các đảng bộ xã, phường, thị trấn ở các tỉnh Tây Nam Bộ, chỉ ra các nguyên nhân và kinh nghiệm của hoạt động này. Đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm góp phần tăng cường công tác vận động đồng bào dân tộc Khmer của các đảng bộ xã, phường, thị trấn ở các tỉnh Tây Nam Bộ đến năm 2020.

Trần Bình Trọng (2015), *Phong trào yêu nước của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam* [180] tổng quan đặc điểm địa lý, dân số tỉnh Trà Vinh; giới thiệu một số đặc điểm của đồng bào Khmer Trà Vinh; các chi bộ Đảng Cộng sản ra đời, lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh. Đồng bào Khmer cùng tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954); phong trào đấu tranh cách mạng của đồng bào Khmer Trà Vinh từ 1954-1975; truyền

thống đoàn kết trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc; danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, của khu là người Khmer đã hy sinh, từ trần, và đang công tác; danh sách anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là người Khmer; danh sách các mẹ Việt Nam anh hùng người dân tộc Khmer. Đồng thời đề tài chỉ rõ nguyên nhân và bài học kinh nghiệm.

Lê Quốc Lý (2016), *Chính sách phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ* [86] trình bày các vấn đề về chính sách phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội; thực trạng chính sách và đánh giá chính sách phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ; các giải pháp hoàn thiện phát triển nguồn nhân lực tạo việc làm đảm bảo an sinh xã hội đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ.

Phạm Thị Thu Hường (2017), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2017-2025* [75] nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS của Đảng và Nhà nước. Đánh giá thực trạng, hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong những năm vừa qua, phân tích kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS thực hiện tốt các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2017-2025.

Lê Quốc Lý (2017), *Chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ* [87] trình bày tổng thể về chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Đồng thời, cuốn sách phân tích thực trạng thực thi chính sách, đánh giá chính sách và giải pháp hoàn thiện các chính sách phát triển KT-XH đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ.

Lê Văn Lợi (2019), *Công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [84] chỉ rõ, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận được

thể hiện qua nhiều tác phẩm, bài nói, bài viết của Người. Trong đó đặc biệt là bài báo “Dân vận”, in trên báo Sự thật, tháng 10-1949; một tác phẩm được coi là kinh điển về dân vận, là cẩm nang về công tác dân vận của Đảng, có tác dụng dẫn đường, soi lối cho công tác vận động nhân dân, trong đó có đồng bào các DTTS, đoàn kết, hăng hái thi đua kháng chiến, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong giai đoạn hiện nay, cần tiếp tục quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động đồng bào DTTS, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ đất nước.

Nguyễn Phần Đầu (2019), *Công tác dân vận trong đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [63] đã làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận: vai trò, nội dung, lực lượng, phương pháp, ý nghĩa lý luận và thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận. Đồng thời tác giả đã phân tích thực trạng công tác dân vận trong đồng bào Khmer Tây Nam Bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đề xuất phương hướng, giải pháp thực hiện công tác dân vận hiệu quả hơn. Năm giải pháp cụ thể là: nâng cao ý thức trách nhiệm của HTCT và đồng bào dân tộc Khmer; tập trung phát triển KT-XH, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc Khmer; đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động đồng bào Khmer phù hợp với bối cảnh hiện nay; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong vận động đồng bào Khmer; thực hiện tốt công tác cán bộ và phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc Khmer.

Đinh Vũ Thủy (2021), *Bộ đội biên phòng vận động người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh ở khu vực biên giới* [175] trình bày một số vấn đề lý luận và thực trạng công tác vận động người có uy tín trong đồng bào DTTS tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh ở khu vực biên giới của Bộ đội Biên phòng. Trên cơ sở phân tích những vấn đề chủ yếu về công tác vận động người có uy tín trong đồng bào DTTS tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh ở khu vực biên giới của Bộ đội Biên phòng; từ đó đề xuất những giải pháp cơ bản tăng cường hiệu quả công tác này trong tình hình mới.

Dương Thị Ngọc Minh, Lâm Châu Tuấn (2022), *Phòng chống âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch trong cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng* [98] khẳng định, dân tộc, tôn giáo luôn là các vấn đề nhạy cảm và tác động đến nhiều mặt đời sống xã hội. Lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá đoàn kết toàn dân tộc và sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta là âm mưu thường xuyên của các thế lực thù địch. Tỉnh Sóc Trăng là địa bàn đa dân tộc, đa tôn giáo và tiềm ẩn một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo có thể bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá khối đại đoàn kết dân tộc và sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Bài viết điểm lại một số thành tựu trong công tác đấu tranh chống lại âm mưu của các thế lực thù địch và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác này trong cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng.

Trần Hoàng Khải (2022), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ là người Khmer giai đoạn hiện nay* [77] luận giải, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo xây dựng ĐNCB là người Khmer. Luận án khảo sát, đánh giá thực trạng ĐNCB là người Khmer ở các tỉnh ĐBSCL và thực trạng các tỉnh ủy ở ĐBSCL lãnh đạo xây dựng ĐNCB là người Khmer thời gian qua, chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và kinh nghiệm; đồng thời dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn, đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy ở ĐBSCL đối với xây dựng ĐNCB là người Khmer đến năm 2030.

Lại Thị Ngọc Hạnh (2022), *Công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [66] tập trung phân tích, luận giải các khái niệm: Công tác vận động quần chúng, tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác vận động quần chúng, về công tác vận động đồng bào DTTS; phân tích nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác vận động quần chúng, vận động đồng bào DTTS. Phân tích, đánh giá thực trạng, chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân của thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong công tác vận động đồng bào DTTS tỉnh Đắk Lắk hiện nay nhìn từ tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác vận động đồng bào DTTS tỉnh Đắk

Lắc trong thời gian tới, phương hướng và giải pháp nâng cao chất lượng công tác vận động đồng bào DTTS tỉnh Đắk Lắk hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Vũ Thế Công (2023), *Vận động quần chúng và xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa bàn dân tộc, tôn giáo* [37] cung cấp một số kiến thức cơ bản về vận động quần chúng và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa bàn dân tộc, tôn giáo bao gồm: khái niệm, vai trò, đặc điểm, mục đích và nguyên tắc xây dựng lại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tại địa bàn dân tộc, tôn giáo; thực trạng một số địa bàn dân tộc, tôn giáo bao gồm các tình hình về phát triển văn hóa đặc trưng, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nhân chủng học các dân tộc, tình hình tôn giáo và thực hành giáo lý trong đồng bào giáo dân; nội dung và biện pháp vận động quần chúng và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa bàn dân tộc, tôn giáo; giới thiệu về một số lực lượng quần chúng nòng cốt có vai trò quan trọng trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nói chung và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh, tổ quốc tại địa bàn dân tộc, tôn giáo nói riêng.

Nguyễn Thanh Huyền (2023), *Vai trò công tác đồng bào dân tộc thiểu số trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về dân tộc, tôn giáo* [74] khẳng định, công tác dân vận có vai trò to lớn và quan trọng trong mọi thời kỳ cách mạng. Công tác dân vận nói chung, vận động đồng bào DTTS ở cơ sở là nhiệm vụ của cả HTCT. Trong đó, có nhiệm vụ trọng tâm là làm cho đồng bào các DTTS hiểu đúng và tự giác thực hiện tốt những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận động để mỗi người dân là lực lượng “tiên phong” nòng cốt trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về dân tộc, tôn giáo góp phần quan trọng ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động.

Nguyễn Thành Nhân (2023), *Công tác vận động quần chúng đồng bào Khmer bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Cần Thơ* [102] làm rõ những vấn đề có liên quan, tác động đến công tác vận động đồng bào Khmer bảo vệ an ninh, trật tự tại Cần Thơ. Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác vận động quần chúng đồng bào Khmer bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Cần

Thor, đề tài đưa ra dự báo công tác vận động quần chúng đồng bào Khmer bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn thành phố Cần Thơ và giải pháp, kiến nghị.

Lưu Minh Quân (2023), *Đổi mới nội dung, phương thức vận động đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững ở tỉnh Sơn La* [105] chỉ rõ, Sơn La là tỉnh miền núi phía Tây Bắc, có 11 DTTS. Xác định vai trò, vị trí quan trọng của công tác dân tộc, công tác dân vận đối với sự phát triển bền vững của tỉnh, cấp ủy các cấp đã thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện trong HTCT. Đồng thời, tỉnh đã nghiên cứu, ban hành những chủ trương, cơ chế, chính sách phù hợp thực tiễn địa phương, theo tinh thần “trúng, đúng, hợp lòng dân” để phát huy sức mạnh tổng hợp của các nguồn lực, nhất là khơi dậy sức dân để lo cho đời sống người dân.

Nguyễn Thị Minh Hạnh (2024), *Phát huy vai trò của sư sãi, người có uy tín và đồng bào Khmer trong công cuộc xây dựng và đổi mới tỉnh Vĩnh Long* [65] chỉ rõ rằng, đồng bào dân tộc Khmer tỉnh Vĩnh Long có nền văn hóa phong phú, mang sắc thái riêng, có sự gắn kết giữa tín ngưỡng truyền thống dân tộc, tôn giáo; sống tập trung chủ yếu ở bốn huyện Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, thị xã Bình Minh; đa số làm nông nghiệp và chăn nuôi, một bộ phận khác sống bằng nghề dịch vụ. Đời sống tín ngưỡng, văn hóa, tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer đều xoay quanh ngôi chùa. Nhờ làm tốt công tác dân vận nên các vị sư sãi, người có uy tín trong đồng bào Khmer tỉnh Vĩnh Long đã phát huy hiệu quả vai trò, vị thế của mình trong cộng đồng, không quản ngại khó khăn, tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng tại địa phương. Trong thời gian tới, các vị sư sãi, người có uy tín và đồng bào Khmer sẽ phát huy tinh thần yêu nước, đại đoàn kết toàn dân tộc, làm tốt nghĩa vụ công dân, lao động sản xuất hiệu quả, tham gia hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội, xây dựng nông thôn mới, cùng chung tay xây dựng một cuộc sống bình yên, hạnh phúc, từ đó góp phần tích cực trong xây dựng và phát triển tỉnh Vĩnh Long ngày thêm giàu đẹp, văn minh.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CỦA CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU LÀM RÕ

1.3.1. Khái quát kết quả của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học nêu trên với nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, có giá trị tham khảo tốt trong thực hiện mục đích, nhiệm vụ của luận án, thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, các công trình đã khẳng định vị trí, vai trò của đồng bào DTTS; vị trí, vai trò và đặc điểm của đồng bào Khmer. Đồng thời, các công trình đã đi sâu làm rõ khái niệm, nội dung, hình thức, phương pháp vận động đồng bào Khmer và khái niệm, nội dung, vai trò của công tác vận động đồng bào Khmer của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp. Đây là những nội dung rất quan trọng để luận án kế thừa, phát triển xây dựng khái niệm, nội dung, vai trò của công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng DBSCL.

Hai là, các công trình đã đánh giá sát, đúng thực trạng, chỉ ra ưu điểm, hạn chế trong công tác vận động đồng bào Khmer của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp với những số liệu, dẫn chứng cụ thể. Nhất là, một số công trình đã rút ra những kinh nghiệm trong công tác vận động đồng bào Khmer của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp.

Ba là, ở những mức độ khác nhau, nhiều công trình đã đề xuất và phân tích rõ một số mặt, khía cạnh của một số giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp như: Nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ của chủ thể trong công tác vận động đồng bào Khmer; đổi mới nội dung, phương thức công tác vận động đồng bào Khmer; huy động sức mạnh tổng hợp trong công tác vận động đồng bào Khmer; tăng cường phát triển KT-XH, nâng cao đời sống đồng bào Khmer; làm thất bại các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch...

Những kết quả nghiên cứu trên là những nội dung cần thiết, hữu ích để luận án kế thừa, phát triển trong thực hiện mục đích, nhiệm vụ của luận án.

1.3.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu làm rõ

Mặc dù, đã có một số công trình đề cập đến công tác vận động đồng bào Khmer của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp nêu trên, tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, chuyên sâu, toàn diện cả về lý luận và thực tiễn về công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL hiện nay. Do đó, nghiên cứu sinh chọn vấn đề này làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ, đáp ứng được yêu cầu về lý luận và thực tiễn đặt ra hiện nay.

Luận án sẽ tập trung giải quyết những vấn đề sau:

Một là, luận án luận giải và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL: chỉ ra đặc điểm, vai trò của các tỉnh ở vùng ĐBSCL; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và vai trò của tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL; đặc điểm và vai trò của đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL. Đồng thời, luận án xây dựng khung lý thuyết về vận động đồng bào Khmer và công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL, trong đó làm rõ khái niệm, xác định chủ thể, đối tượng, lực lượng tham gia, mục đích của công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL; nội dung và vai trò của công tác này.

Hai là, luận án khảo sát, đánh giá thực trạng công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL theo khung lý thuyết đã được xây dựng (theo các nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL); chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, hạn chế, nguyên nhân của ưu điểm và nguyên nhân của khuyết điểm, hạn chế. Trên cơ sở đó, luận án tổng kết và chỉ ra những kinh nghiệm trong công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL.

Ba là, luận án phân tích dự báo những yếu tố thuận lợi, khó khăn đối với việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thời gian tới. Đồng thời, luận án xác định phương hướng và những giải pháp đồng bộ, khả thi, trong đó có những giải pháp mới, mang tính đột phá nhằm tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thời gian tới.

Chương 2

CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. CÁC TỈNH, TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ ĐỒNG BÀO KHMER Ở CÁC TỈNH

2.1.1. Các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - đặc điểm, vai trò

2.1.1.1. Đặc điểm của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

** Đặc điểm địa lý, tự nhiên*

Hiện nay, ở ĐBSCL có 12 tỉnh, gồm: tỉnh Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Bến Tre, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang và một thành phố trực thuộc Trung ương là thành phố Cần Thơ. Ở 12 tỉnh có 125 đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó có 14 thành phố trực thuộc tỉnh; 13 thị xã, 98 huyện với 1.539 đơn vị hành chính cấp xã, gồm xã, phường, thị trấn. Đây là 12 tỉnh thuộc vùng đồng bằng vào loại lớn ở Đông Nam châu Á và lớn nhất ở nước ta; nằm ở phía Tây cực Nam của Tổ quốc, vùng đất cuối cùng của bán đảo Đông Dương, vùng đất thuộc hạ lưu sông Mê Kông, do phù sa của sông Mê Kông bồi đắp, thường được gọi là miền Tây Nam bộ; thành phố Cần Thơ nằm, ở trung tâm vùng, có thời kỳ được gọi là Thủ đô của miền Tây (Tây đô).

Phía Tây ĐBSCL giáp vịnh Thái Lan; phía Tây Bắc giáp với nước Campuchia, một số tỉnh có đường biên giới với Campuchia với tổng số 202,6km; phía Đông Bắc giáp với tỉnh Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ lớn của nước ta; phía Đông giáp với biển Đông, phía Nam giáp Thái Bình Dương; phía Tây giáp vịnh Thái Lan với tổng số 740km bờ biển và 100 đảo lớn nhỏ, 360.000km² đặc quyền kinh tế. Đây là điều kiện rất thuận lợi để các tỉnh phát triển kinh tế biển, nuôi và khai thác thủy, hải sản; giao thương với nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước và nhiều nước trên thế giới để phát triển mọi mặt.

Đất đai của các tỉnh ở vùng ĐBSCL rất màu mỡ, hệ thống sông ngòi dày đặc thích hợp với phát triển trồng trọt, chăn nuôi, nhất là trồng lúa nước, cây ăn quả, nuôi cá nước ngọt; là vùng kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp lớn đa dạng ở nước ta. Ngoài đặc điểm chung nêu trên, các tỉnh có những đặc điểm đặc thù. Có thể phân chia các tỉnh ở vùng ĐBSCL thành ba loại hình chủ yếu:

Các tỉnh có đường biên giới với Campuchia, gồm: tỉnh Long an, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang. Kinh tế của các tỉnh này chủ yếu là nông nghiệp, trồng lúa nước, nuôi trồng thủy; tỉnh Kiên Giang có kinh tế biển phát triển khá mạnh mẽ.

Các tỉnh ven biển, gồm: Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang; tỉnh Kiên Giang vừa là tỉnh ven biển, vừa là tỉnh có đường biên giới với Campuchia, phần lớn các tỉnh thuộc loại này tiếp giáp biển Đông; tỉnh Kiên Giang tiếp giáp vịnh Thái Lan; tỉnh Cà Mau vừa tiếp giáp với biển Đông, vừa tiếp giáp với vịnh Thái Lan. Kinh tế của các tỉnh này rất đa dạng, phong phú, song chủ yếu là nông nghiệp, trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản và kinh tế biển.

Các tỉnh còn lại: đây là các tỉnh không giáp biển, không tiếp giáp với Campuchia. Kinh tế của các tỉnh này chủ yếu là nông nghiệp, trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Hiện tại và trong tương lai các tỉnh vùng này đang và sẽ chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, trái đất nóng lên, nước biển dâng cao gây xâm nhập mặn; sạt lở, sụt lún đất ở và đất canh tác, đây là những khó khăn, thách thức không nhỏ đối với các tỉnh vùng này trong lãnh đạo phát triển mọi mặt, nhất là phát triển nông nghiệp. Bên cạnh đó, thời tiết, khí hậu ở các tỉnh có những nét đặc thù, nổi bật là có hai mùa rõ rệt là mùa khô và mùa mưa, ít có bão, rất thuận lợi lớn cho phát triển nông nghiệp. Song, trong những thập niên gần đây, thời tiết ở vùng này cũng có những diễn biến phức tạp, khó dự báo, như giảm rõ rệt sự khác biệt về thời tiết, khí hậu giữa mùa mưa và mùa khô; nhiệt độ tăng, hạn hán kéo dài; đã xuất hiện những cơn bão lớn... gây thiệt hại và khó khăn đáng kể đối với sự phát triển mọi mặt của các tỉnh.

** Đặc điểm kinh tế*

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày của Bộ Chính trị khóa IX “về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2020” có tác dụng to lớn đối với sự phát triển kinh tế nói riêng, các mặt khác nói chung của các tỉnh vùng này. Nghị quyết đã tạo thuận lợi cho việc phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đóng góp quan trọng vào thành tựu chung của cả nước thời kỳ đổi mới.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp - công nghiệp và dịch vụ ở các tỉnh ĐBSCL được hình thành ngày càng phát triển rõ rệt theo hướng tăng dần tỷ trọng kinh tế công nghiệp, dịch vụ, giảm dần tỷ trọng kinh tế nông nghiệp. Tuy nhiên, tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế vẫn là chủ yếu; tỷ trọng kinh tế công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế chưa cao. Việc sản xuất nông nghiệp ở nhiều nơi chủ yếu thủ công, quy mô nhỏ, lao động của các tỉnh tập trung chủ yếu ở nông thôn. Bên cạnh đó đã hình thành, phát triển các trang trại nông nghiệp lớn, nhất là nuôi trồng hợp tác với nước ngoài, do nước ngoài đầu tư và thu mua sản phẩm, sản xuất theo tiêu chuẩn của nước ngoài, như ở Kiên Giang, An Giang... Tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm của các tỉnh vào loại cao, song chưa thực sự vững chắc.

Gần đây, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Việc Nhà nước tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là giao thông, tạo thuận lợi lớn cho các tỉnh trong vùng phát triển mạnh mẽ về kinh tế và các mặt khác. Nghị quyết đang được các tỉnh ủy tích cực, chủ động lãnh đạo tổ chức thực hiện nhằm mục tiêu đưa ĐBSCL nói chung, các tỉnh nói riêng trở thành vùng phát triển toàn diện theo hướng sinh thái, văn minh và bền vững, phù hợp với quy luật tự nhiên; là trung tâm kinh tế nông nghiệp hiện đại, năng động, hiệu quả trên cơ sở chuyển dịch nhanh mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, sử dụng hiệu quả nguồn nước, tài nguyên đất và phát triển các chuỗi cung ứng; phát triển chuỗi đô thị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân dân...

** Đặc điểm chính trị*

Nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSCL có truyền thống kiên cường, bất khuất trong chống ngoại xâm, bôn áp bức bóc lột; năng động sáng tạo trong lao động sản xuất xây dựng quê hương, đất nước và cuộc sống ấm no, hạnh phúc; một lòng một dạ đi theo Đảng làm cách mạng; đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Ở các tỉnh ĐBSCL chính trị ổn định, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; nhân dân phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và thắng lợi của công cuộc đổi mới sự nghiệp xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc, tích cực, chủ động tìm tòi các giải pháp đúng đắn, đem lại hiệu quả đưa công cuộc đổi mới ở từng tỉnh đến thắng lợi. HTCT từ tỉnh đến cơ sở từng bước được xây dựng, củng cố, phát triển vững mạnh, thể hiện rõ và khẳng định vai trò của mình đối với sự phát triển, vững mạnh của địa phương. Tuy nhiên, cũng xuất hiện một số vấn đề phức tạp, nhất là về vấn đề dân tộc Khmer ở một số nơi, các thế lực thù địch đẩy mạnh xuyên tạc về mối quan hệ giữa đồng bào Khmer với các dân tộc khác, nhất là dân tộc Kinh trên địa bàn, xuyên tạc lịch sử hình thành, phát triển vùng ĐBSCL, gây thù hằn dân tộc, phá hoại khối đoàn kết toàn dân ở một số địa phương. Song các cấp ủy địa phương đã kiên trì tuyên truyền, vận động đồng bào và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết hợp tình, hợp lý và dứt điểm, tạo sự ổn định ở địa phương để phát triển mọi mặt.

** Đặc điểm văn hóa, xã hội*

Các tỉnh ở vùng ĐBSCL thuộc vùng đất vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng hào hùng; là địa bàn sinh sống, gắn bó đoàn kết lâu đời của cộng đồng dân tộc Kinh và ba DTTS là Khmer, Hoa, Chăm, trong đó dân tộc Kinh chiếm đại đa số, dân tộc Khmer có số lượng lớn hơn các dân tộc Hoa, Chăm (khoảng 1,3 triệu người). Phần lớn dân cư sống ở nông thôn và chủ yếu ở dọc các đường giao thông và kênh rạch. Ở các tỉnh phía Đông ĐBSCL dân cư đông đúc hơn các tỉnh phía Tây ĐBSCL. Các dân tộc chung sống hòa đồng, đoàn kết giúp đỡ nhau trong những khi gặp khó khăn, hoạn nạn, trong chống ngoại xâm và trong xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, cùng hòa đồng trên miền đất Tây

Nam bộ, tạo nên bức tranh văn hóa đa dạng, phong phú, sinh động, đặc sắc của văn hóa vùng ĐBSCL là động lực tinh thần to lớn, cổ vũ, động viên, khích lệ người dân nơi đây vươn lên trong xây dựng quê hương, đất nước và cuộc sống âm no, hạnh phúc.

Người dân ở các tỉnh kết tinh nhiều đức tính quý báu: chịu thương, chịu khó; tự chủ, tự lực, tự cường; năng động, sáng tạo; kiên cường, bất khuất, vượt qua những cảnh ngộ, bất trắc của cuộc sống; luôn coi trọng nghĩa tình; sống bình dị, chân thực, chân tình, cởi mở, phóng khoáng... Ở các tỉnh ĐBSCL có 6 tôn giáo lớn, hoạt động, như: Phật giáo, Tin lành, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Hồi giáo và Công giáo. Đa số tín đồ của các tôn giáo coi trọng và thực hiện tốt phương châm “sống tốt đời, đẹp đạo”, “đồng hành cùng dân tộc” góp phần cùng dân tộc đánh đuổi ngoại xâm, bôn áp bức, bóc lột, giành độc lập dân tộc và xây dựng cuộc sống âm no, hạnh phúc.

Hiện tại đời sống của nhân dân ở các tỉnh ĐBSCL ngày càng được cải thiện và nâng cao, không có hộ gia đình người dân đói, số hộ nghèo ngày càng giảm theo chuẩn nghèo đa chiều. Chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao được triển khai mạnh mẽ thu được kết quả quan trọng, nhờ đó đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện.

Tuy nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông đường bộ ở các tỉnh ĐBSCL đang trong quá trình nâng cấp, xây dựng còn gặp nhiều khó khăn; hậu quả của biến đổi khí hậu, nước biển dâng cao, xâm nhập mặn... hiện tại và trong tương lai rất nặng nề; nước ta là một trong những nước trên thế giới chịu hậu quả nặng nề nhất và ĐBSCL là nơi chịu hậu quả nặng nề nhất nước ta; trình độ văn hóa của nhân dân tuy được nâng lên, song vẫn còn thấp so với nhiều vùng trong cả nước; những đặc tính quý báu của người dân, như trọng nghĩa, khinh tài, mến khách thủy trung, hết mình với bè bạn nhiều trường hợp dẫn đến “ăn nhậu” thái quá, gây tốn kém, lãng phí về kinh tế, thời gian, tổn hại sức khỏe... là những khó khăn và cái nứu kéo, cản trở nhất định sự phát triển của các địa phương ở các tỉnh vùng này và công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy.

** Đặc điểm quốc phòng, an ninh, đối ngoại*

Với những đặc điểm địa lý, tự nhiên, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội các tỉnh ở vùng ĐBSCL thực sự là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về QP,AN

của đất nước; là “Vùng cực Nam - Thành đồng của Tổ quốc”; cửa ngõ phía Tây Nam nước ta, ngăn chặn, tiêu diệt kẻ thù xâm lược và bọn phá hoại an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; tạo thuận lợi cho cả nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Với tổng số 740km bờ biển thuộc biển Đông và vịnh Thái Lan; 202,6km đường biên giới với Campuchia thuộc các tỉnh ở vùng ĐBSCL, các tỉnh ở vùng này thực sự là “phên dậu”, thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc. Các tỉnh ở vùng ĐBSCL kết hợp với thành phố Hồ Chí Minh, miền Đông Nam Bộ, Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên và các đảo, quần đảo như: Phú Quốc, Thổ Chu, Côn Đảo, Trường Sa... tạo nên thế trận QP,AN vững chắc bảo vệ Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân vùng này. Qua đó, tạo thuận lợi cho các tỉnh khai thác hiệu quả lợi thế, tiềm năng, thế mạnh để phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc về mọi mặt trong thời kỳ đổi mới.

2.1.1.2. Vai trò của các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, là nơi hiện thực hóa quan điểm, đường lối của Đảng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và là cầu nối với các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Theo quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hệ thống hành chính nhà nước ta gồm bốn cấp: Trung ương; cấp tỉnh, gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp huyện, gồm huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; cấp xã, gồm xã, phường, thị trấn. Như vậy, các tỉnh tỉnh ở vùng ĐBSCL là nơi hiện thực hóa quan điểm, đường lối của Đảng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long và là cầu nối với các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

Hai là, là địa bàn thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH, QP,AN trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối chính sách ấy trong cả nước.

Để đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH, QP,AN được thực hiện thắng lợi, đường lối, chủ trương, chính sách ấy phải được đưa xuống cấp dưới để tổ chức thực hiện, trước hết là cấp

tỉnh. Các tỉnh ở vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng đối với công việc này, nhất là thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ba là, là địa bàn triển khai ngay việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT, xây dựng HTCT từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng HTCT nước ta vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tương tự như trên, để đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT nước ta vững mạnh, đường lối, chủ trương ấy phải được đưa xuống cấp dưới để tổ chức thực hiện, trước hết là cấp tỉnh. Các tỉnh ở vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng trong công việc này, bảo đảm xây dựng HTCT trên địa bàn từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; góp phần quan trọng xây dựng HTCT nước ta vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Bốn là, trong quan hệ với cấp hành chính Trung ương, cấp huyện và cấp xã, các tỉnh ở vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cấp hành chính này.

Các tỉnh ở vùng ĐBSCL thuộc cấp hành chính thứ hai trong hệ thống hành chính ở nước ta; là cấp trên trực tiếp của cấp huyện, sau khi sắp xếp lại đơn vị hành chính là cấp xã, nhân tố rất quan trọng bảo đảm cho cấp huyện, cấp xã phát triển, vững mạnh toàn diện; là cấp dưới trực tiếp của cấp Trung ương, tạo thuận lợi và bảo đảm cho cấp Trung ương tiếp cận, lãnh đạo, chỉ đạo đạt hiệu quả hoạt động của cấp huyện, cấp xã.

2.1.2. Tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và vai trò

Ở vùng ĐBSCL có 12 tỉnh, tương ứng với 12 tỉnh là 12 đảng bộ tỉnh và có 12 tỉnh ủy, 12 BTVTU [phụ lục 4].

2.1.2.1. Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long- chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

** Khái niệm “tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long”*

Điều lệ Đảng quy định: Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy) [64, tr.17].

Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12-12-2018 của Bộ Chính trị “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”, chỉ rõ:

Cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ cấp tỉnh giữa hai kỳ Đại hội, có chức năng lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương [31].

Từ những điều nêu trên có thể hiểu: *Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, do đại hội bầu ra, lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh; các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng đối với địa phương.*

** Chức năng*

Từ khái niệm và Quy định số 10-QĐi/TW nêu trên, tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có chức năng lãnh đạo. Sự lãnh đạo của tỉnh ủy gồm:

Một là, tỉnh ủy lãnh đạo các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh.

Tỉnh ủy lãnh đạo các tổ chức đảng của mình, gồm: các tổ chức đảng trực thuộc; các tổ chức cơ sở đảng, các tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở; các cấp ủy từ cấp ủy cấp huyện và tương đương đến các chi ủy; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh (ở những nơi có tổ chức này; lãnh đạo đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh. Song tỉnh ủy tập trung lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

Hai là, tỉnh ủy lãnh đạo các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở xã, phường, thị trấn, lãnh đạo các tổ chức CT-XH trong các cơ quan, đơn vị ở tỉnh, huyện, thị xã, thành phố...; các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp... được tồn

tại và hoạt động trên địa bàn tỉnh theo quy định của Hiến pháp, pháp luật. Trọng tâm là lãnh đạo các tổ chức trong HTCT tỉnh.

Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo các lĩnh vực của đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh, như: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, QP,AN, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; cải cách hành chính nhà nước; phòng chống tệ nạn xã hội; ứng phó với biến đổi khí hậu...

Bốn là, lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của các cấp ủy, tổ chức đảng thuộc đảng bộ tỉnh, của các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc tỉnh ủy... Trong đó, tập trung lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và ủy ban kiểm tra tỉnh ủy.

Năm là, tỉnh ủy đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đối với tỉnh.

** Nhiệm vụ, quyền hạn*

Theo Quy định số 10-QĐi/TW nêu trên, tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

Một là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại; chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa; quy chế làm việc của tỉnh ủy, BTVTU và ủy ban kiểm tra tỉnh ủy.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, các cấp ủy trực thuộc, các cơ quan có liên quan cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh; cụ thể hóa nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại tổ chức thực hiện.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và quyết định thông qua, ban hành quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của tỉnh ủy; quy chế làm việc của tỉnh ủy, BTVTU và ủy ban kiểm tra tỉnh, thành ủy.

Hai là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, xây dựng và ban hành các chủ trương, nghị quyết để tiếp tục thực hiện các nghị quyết đó.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của tỉnh ủy đã ban hành đang thực hiện. Tỉnh ủy căn cứ vào nội dung, tính chất của từng lĩnh vực cụ thể trên địa bàn tỉnh, tỉnh ủy ban hành các nghị quyết hoặc các kết luận để lãnh đạo, chỉ đạo việc tiếp tục thực hiện các nghị quyết đó. Trong đó, tỉnh ủy xác định nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá và các chương trình, kế hoạch, đề án, trọng điểm để thực hiện; tổ chức thực hiện thí điểm các chủ trương, mô hình mới theo chỉ đạo của Trung ương Đảng.

Ba là, tỉnh ủy định hướng hoặc quyết định theo thẩm quyền những vấn đề về xây dựng Đảng, công tác tổ chức, cán bộ; công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

Tỉnh ủy thực hiện những công việc nêu trên, gồm:

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác chính trị tư tưởng, học tập lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận; đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, bảo nền tảng tư tưởng của Đảng - chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - bảo vệ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp trong tỉnh; lãnh đạo việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của HTCT từ tỉnh đến cơ sở theo quan điểm, chủ trương của Đảng, nhất là theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Tỉnh ủy quyết định việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh ủy theo quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Trên cơ sở chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu của Đảng từng nhiệm kỳ (trước các Đại hội Đảng từng nhiệm kỳ Bộ Chính trị đều ban hành các chỉ thị loại này), tỉnh ủy xác định phương hướng chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp của tỉnh; chuẩn bị nội dung và

quyết định triệu tập đại hội đảng bộ tỉnh, hội nghị giữa nhiệm kỳ (nếu có); thông qua dự thảo các văn kiện trình Đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ mới; chuẩn bị và giới thiệu nhân sự tham gia tỉnh ủy, BTVTU, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt khóa mới của tỉnh.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác cán bộ và quản lý ĐNCB, thực hiện chính sách cán bộ trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở, theo đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền về công tác cán bộ theo quy định của Đảng; lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

Tỉnh ủy cho ý kiến về kết quả kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hằng năm của ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy; lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên; công tác bảo vệ chính trị nội bộ của đảng bộ tỉnh, nhất là vấn đề chính trị hiện nay.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, đảng viên. Quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên, vấn đề đảng tịch trong đảng bộ tỉnh tỉnh quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương Đảng.

Bốn là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; định hướng đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng để Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, quyết định.

Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền từ tỉnh đến cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; định hướng chính trị đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng để Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận, quyết định.

Tỉnh ủy xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong quy hoạch phát triển KT-XH, kế hoạch dài hạn, trung hạn, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất của tỉnh.

Tỉnh ủy cho chủ trương về những vấn đề lớn, quan trọng, nhạy cảm về KT-XH, ngân sách, phát hành trái phiếu, QP,AN; các chương trình, dự án trọng

điểm về đầu tư, phát triển sản xuất, kinh doanh, kinh tế đối ngoại...; về chủ trương đầu tư các dự án đặc biệt quan trọng của tỉnh.

Tỉnh ủy cho ý kiến về quy hoạch, điều chỉnh địa giới hành chính hoặc thành lập, sáp nhập, chia tách đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật.

Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về tình hình KT-XH, ngân sách 6 tháng và hằng năm của tỉnh; định hướng phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.

Năm là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận, thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; vai trò của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ), các tổ chức CT-XH trong tỉnh.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của các cấp ủy, tổ chức đảng trong đảng bộ tỉnh; của chính quyền các cấp, MTTQ, các tổ chức CT-XH và các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong tỉnh, trọng tâm là lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của các cấp ủy trực thuộc, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh; nâng cao vai trò giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh. Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Sáu là, tỉnh ủy quyết định những vấn đề có liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của đảng bộ tỉnh, xem xét, cho ý kiến về công tác tài chính đảng hằng năm và cuối nhiệm kỳ, lãnh đạo hoạt động kinh tế đảng (nếu có).

Bảy là, tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về những công việc BTVTU đã giải quyết giữa hai kỳ họp tỉnh ủy; quyết định những vấn đề quan trọng của BTVTU.

Tám là, tỉnh ủy thực hiện các nhiệm vụ khác do Trung ương giao cho tỉnh ủy.

2.1.2.2. Ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

** Khái niệm “ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long”*

Theo Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12-12-2018 của Bộ Chính trị “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”:

Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy, có chức năng lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh, thành phố, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy tỉnh và của Trung ương; quyết định chủ trương về công tác tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp cấp ủy tỉnh; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy cấp tỉnh những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và cấp ủy cấp tỉnh đối với địa phương; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao [31].

Từ quy định nêu trên, có thể hiểu: *Ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long do hội nghị tỉnh ủy bầu ra trong số các tỉnh ủy viên; là tinh hoa về mọi mặt của tỉnh ủy, đảng bộ tỉnh; cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp tỉnh ủy, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.*

** Chức năng của ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Theo quy định của Điều lệ Đảng và Quy định số 10-QĐi/TW nêu trên, BTVTU ở vùng ĐBSCL có chức năng: lãnh đạo (kiểm tra, giám sát nằm trong chức năng lãnh đạo); đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và tỉnh ủy những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và của tỉnh ủy đối với địa phương; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Như vậy, chức năng của BTVTU ở vùng ĐBSCL giống với chức năng của tỉnh ủy, chỉ khác ở mức độ triển khai thực hiện. BTVTU triển khai thực hiện các chức năng đó một cách trực tiếp hơn tỉnh ủy. Ngoài ra BTVTU còn có chức năng phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

** Nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Theo Quy định số 10-QĐi/TW của Bộ Chính trị, BTVTU ở vùng ĐBSCL có 10 nhiệm vụ, quyền hạn sau:

Một là, quyết định triệu tập hội nghị tỉnh ủy, chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình, báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết, kết luận trình hội nghị tỉnh, ủy về những vấn đề thuộc thẩm quyền của tỉnh ủy; chủ động đề xuất những vấn đề lớn, quan trọng của tỉnh, trình tỉnh ủy xem xét, quyết định; quyết định chương trình công tác của BTVTU.

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, nghị quyết, chỉ thị của tỉnh ủy và của Trung ương; tổ chức thực hiện thí điểm mô hình mới theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh ủy; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

Ba là, lãnh đạo cụ thể hóa, thực hiện chủ trương, nghị quyết về công tác xây dựng Đảng, xây dựng HTCT và công tác tổ chức, cán bộ.

Bốn là, có thể ra nghị quyết hoặc kết luận để lãnh đạo những vấn đề quan trọng, nhạy cảm thuộc lĩnh vực KT-XH.

Năm là, quyết định hoặc cho chủ trương định hướng, biện pháp thực hiện nhiệm vụ QP, AN, đối ngoại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ; lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề phức tạp trên địa bàn tỉnh, nhất là những tình huống đột xuất liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, dân tộc, tôn giáo.

Sáu là, định hướng hoạt động công tác nội chính, điều tra, viện kiểm sát, tòa án, tư pháp, cải cách tư pháp, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp theo quy định.

Bảy là, lãnh đạo, chỉ đạo công tác tài chính, tài sản của đảng bộ tỉnh, theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tám là, tham gia ý kiến trong việc xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, nhất là những vấn đề có liên quan đến tỉnh.

Chín là, quyết định những vấn đề quan trọng khác do các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị; thực hiện các nhiệm vụ khác do Trung ương và tỉnh ủy giao.

Mười là, ủy quyền cho thường trực tỉnh, thành ủy thực hiện một số công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của BTVTU, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2.1.2.3. Mỗi quan hệ công tác của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Theo Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12-12-2018 của Bộ Chính trị nêu trên, tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL có mỗi quan hệ công tác:

Một là, quan hệ công tác với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư là quan hệ cấp ủy phục tùng sự lãnh đạo của Trung ương.

Chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định, kịp thời phản ánh, xin ý kiến những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, đột xuất phát sinh, nhất là những vấn đề liên quan đến QP, AN, đối ngoại, dân tộc, tôn giáo.

Hai là, quan hệ giữa công tác với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan trực thuộc Trung ương; với đảng ủy quân khu, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng là quan hệ phối hợp công tác.

Phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan trực thuộc Trung ương, với Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh về công tác cán bộ và thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo quy định.

Phối hợp thường xuyên và thực hiện sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương.

Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của đảng ủy quân khu; Đảng ủy Bộ đội Biên phòng về công tác quốc phòng, quan sự địa phương.

Ba là, quan hệ công tác với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan tham mưu, giúp việc là quan hệ lãnh đạo và bị lãnh đạo.

Tỉnh ủy, trực tiếp, thường xuyên là BTVTU lãnh đạo toàn diện công tác đối với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc. Kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ chính trị, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để các cơ quan này phát huy tính chủ động, sáng tạo, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy chịu trách nhiệm trước tỉnh ủy, BTVTU về thực hiện nhiệm vụ được giao và những quyết định của mình. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo theo quy định. Kịp thời giải quyết những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, đột xuất phát sinh theo thẩm quyền.

Quan hệ công tác của tỉnh ủy, BTVTU với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc thực hiện theo quy định của Ban Bí thư về quan hệ lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy với các đảng đoàn, ban cán sự đảng trực thuộc.

2.1.2.4. Vai trò của các tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, sự lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL là một trong những nhân tố chủ yếu quyết định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại được thực hiện thắng lợi trên địa bàn tỉnh.

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL có trách nhiệm tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN và nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại. Để hoàn thành nhiệm vụ này, trước hết tỉnh ủy, BTVTU phải lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh. Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định cụ thể hóa nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại về phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN của tỉnh để tổ chức thực hiện.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN các nghị quyết, quyết định cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách đó; các nghị quyết, quyết định về cụ thể hóa nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại về phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN trong các cấp ủy, tổ chức đảng của mình, xây dựng chương trình hành động thực hiện. Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo việc thực hiện các nghị quyết quyết định đó, kiểm tra, giám sát việc thực hiện, sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm.

Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL là nhân tố quan trọng hàng đầu, quyết định và bảo đảm cho các nghị quyết, quyết định về cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN và nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại được thực hiện thắng lợi; từng bước thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách ấy trên địa bàn tỉnh và nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại.

Hai là, sự lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng Đảng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng bộ tỉnh vững mạnh do đại hội đảng bộ nhiệm kỳ hiện tại xác định, góp phần vào kết quả xây dựng Đảng.

Tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL là cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh đó giữa hai kỳ đại hội đảng bộ tỉnh. Chức năng, nhiệm vụ của tỉnh ủy, BTVTU là lãnh đạo tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh đường lối, các chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển KT-XH, QP,AN, đối ngoại, xây dựng Đảng, xây dựng HTCT vững mạnh, trong đó quan trọng hàng đầu là lãnh đạo thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng Đảng. Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại về những nội dung này nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu cao cả nhất của Đảng và nhân dân là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Trong đó,

nhiệm vụ quan trọng nhất là tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ giải pháp xây dựng đảng bộ tỉnh vững mạnh thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh. Trước hết, tỉnh ủy, BTVTU chịu trách nhiệm lãnh đạo và trực tiếp tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng do Đại hội XIII của Đảng xác định; nhiệm vụ, giải pháp xây dựng đảng bộ tỉnh vững mạnh do đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại xác định.

Như vậy, tỉnh ủy, BTVTU chịu trách nhiệm trước hết và cao nhất việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng nêu trên. Đây là nhân tố quan trọng hàng đầu để xây dựng đảng bộ tỉnh vững mạnh lãnh đạo KT-XH, QP, AN, HTCT của tỉnh phát triển.

Ba là, các tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Để đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được thực hiện thắng lợi không thể thiếu sự quan tâm tham gia thực hiện của các tổ chức trong HTCT và nhân dân. Như vậy, các tổ chức trong HTCT và nhân dân có vai trò đặc biệt quan trọng trong hiện thực hóa đường, pháp luật của Nhà nước. Không có các tổ chức này, thì đường lối, chủ trương, chính sách ấy chỉ nằm trên giấy. Ở các tỉnh vùng ĐBSCL các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở và nhân dân trong tỉnh là nhân tố quyết định thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị nghị quyết của tỉnh ủy, chính quyền tỉnh. Để thể hiện trên thực tế vai trò của mình, các tổ chức này phải được xây dựng vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Điều này chỉ có thể đạt hiệu quả bởi sự lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU.

Lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy của các tổ chức trong HTCT tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng ĐNCB của HTCT đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ và lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của từng tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở là nhiệm vụ và trách nhiệm của tỉnh ủy, BTVTU. Tỉnh ủy, BTVTU tập trung lãnh đạo xây dựng hệ thống

chính quyền từ tỉnh đến xã, phường thị trấn vững mạnh; thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước ở địa phương; cán bộ, công chức là những công bộc của nhân dân. Đồng thời, coi trọng lãnh đạo xây dựng MTTQ, các tổ chức CT-XH từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh; xứng đáng là cơ sở chính trị của HTCT; tham gia đạt hiệu quả thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của tỉnh ủy, chính quyền tỉnh tham gia tích cực, hiệu quả vào việc xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát, phản biện xã hội... sẽ tiếp tục khẳng định vai trò của tỉnh ủy, BTVTU.

Bốn là, tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Qua quá trình lãnh đạo phát triển KT-XH bảo đảm QP,AN, xây dựng Đảng, xây dựng HTCT ở tỉnh, tỉnh ủy, BTVTU khẳng định sự đúng đắn của đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ ra những điểm chưa hợp lý để Đảng, Nhà nước nghiên cứu chỉnh sửa, bổ sung cho đường lối, chủ trương, chính sách ấy hợp lý, hoàn chỉnh hơn. Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU phát hiện những điểm còn thiếu trong đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đóng góp cho Đảng, Nhà nước những kinh nghiệm, cách làm đem lại hiệu quả để Đảng, Nhà nước nghiên cứu bổ sung và đề ra chính sách mới đúng đắn đem lại hiệu quả... Những hoạt động này và đóng góp của tỉnh ủy, BTVTU là rất quan trọng đối với nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước hiện nay.

Bên cạnh đó, qua hoạt động thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình ở địa phương, nhiều cán bộ tỉnh, khá nhiều cán bộ cấp huyện ở vùng ĐBSCL hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và trưởng thành. Đây là nguồn cán bộ rất quan trọng, có chất lượng bổ sung cho ĐNCB Trung ương nguồn nhân lực và tổ chức mới, góp phần nâng cao chất lượng ĐNCB Trung ương - nhân tố quyết định nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

2.1.3. Đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - đặc điểm và vai trò

2.1.3.1. Đặc điểm của đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có số lượng khá lớn và lớn nhất so với các DTTS sinh sống ở vùng này, đồng bào sống tập trung ở năm tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, đông nhất là ở tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang.

Ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có ba DTTS sinh sống đông nhất gồm Khmer, Hoa, Chăm, trong đó dân tộc Khmer có số lượng lớn nhất (1,3 triệu người, chiếm gần 7% tổng dân số ở vùng ĐBSCL). Họ sinh sống ở nơi đây khá lâu đời, từ khi có cư dân chuyển đến sinh sống ở vùng đồng lầy do phù sa của sông Mê Kông bồi đắp.

Ở hầu khắp các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL đều có đồng bào Khmer sinh sống rải rác, song họ sống tập trung hơn ở các tỉnh: Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long. Số lượng đồng bào Khmer ở các tỉnh này chênh lệch khá lớn. Tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang có số lượng lớn đồng bào Khmer. Tỉnh Trà Vinh có 315.203 người Khmer, chiếm 31,53% so với tổng số dân của tỉnh; tỉnh Sóc Trăng có 361.933 người Khmer, chiếm 30,19% so với tổng số dân của tỉnh; tỉnh Kiên Giang có 230.500 người Khmer, chiếm 13,19% so với tổng số dân của tỉnh; tỉnh An Giang có 230.500 người Khmer, chiếm 3,98% so với tổng số dân của tỉnh; tỉnh Vĩnh Long có 22.736 người Khmer, chiếm 2,21% so với tổng số dân của tỉnh [Phụ lục 2].

Như vậy, ở vùng ĐBSCL, có ba tỉnh có số lượng lớn đồng bào Khmer lớn nhất là tỉnh Trà Vinh (31,53%), tiếp đến là tỉnh Sóc Trăng (30,19%), thứ ba là tỉnh Kiên Giang (13,19%). Một số tỉnh có số lượng nhỏ đồng bào Khmer sinh sống, như: An Giang (3,98%); Vĩnh Long (2,21%)...

Đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL sinh sống tập trung chủ yếu trên đất giồng, đất ruộng dọc theo các kênh, rạch nhỏ và các đường giao thông. Ở tỉnh An Giang

và Kiên Giang đồng bào còn sinh sống chủ yếu ven theo các chân núi vùng biên giới của tỉnh với Campuchia từ thị xã Châu Đốc (An Giang) đến tỉnh Kiên Giang.

Hai là, phương thức sản xuất của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL chủ yếu là tự cung, tự cấp; nông nghiệp chủ yếu độc canh cây lúa nước; các ngành nghề phát triển rất chậm; đời sống của đa số đồng bào còn nhiều khó khăn.

Sự mưu sinh của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL chủ yếu bằng nông nghiệp, nghề trồng lúa nước, đây là nghề truyền thống lâu đời của cư dân vùng này. Ở những nơi đồng bằng, người Khmer trồng lúa nước; ở nương, rẫy họ trồng các loại hoa màu, như: rau, đậu, đậu phộng, hành, tỏi, khoai mỳ... Đồng bào có nhiều kinh nghiệm gieo trồng, thu hoạch lúa và hoa màu.

Bên cạnh nghề trồng lúa nước và hoa màu, đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL còn mưu sinh bằng các nghề tiểu thủ công như: dệt vải, sản xuất đồ gốm; đường Thốt Nốt, đây là sản phẩm nổi tiếng và đặc trưng của người Khmer ở vùng này; đồ dùng như bàn, ghế... bằng mây, tre... Phương thức sản xuất của đồng bào chủ yếu là tự cung, tự cấp; các ngành nghề phát triển rất chậm... Vì thế, đời sống của đa số đồng bào thấp và gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, tỷ lệ tăng dân số trong đồng bào còn cao nên dân số ngày càng tăng, đất đai dành cho nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, năng suất tăng chậm nên việc nâng cao đời sống của đa số đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL gặp nhiều khó khăn và còn nhiều vấn đề cần tập trung giải quyết.

Ba là, văn hóa của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL rất đa dạng phong phú, gắn liền với văn hóa tâm linh với nền tảng là văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước cổ truyền, với sinh hoạt Phật giáo Tiểu thừa Khmer; chùa là nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung của đồng bào.

Nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước cổ truyền gắn liền với đời sống tinh thần của đồng bào, rất đa dạng, phong phú gồm nhiều lễ hội truyền thống, gắn với văn học dân gian và các lễ nghi, sinh hoạt Phật giáo Tiểu thừa Khmer. Phần lớn sinh hoạt tinh thần của đồng bào ở ĐBSCL diễn ra ở các nhà chùa trên địa bàn sinh sống.

Ngôn ngữ của đồng bào là ngôn ngữ Khmer, đây là ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer là một bộ phận trong ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Tiếng

Khmer gồm tiếng nói và chữ viết được dùng trong đời sống sinh hoạt thường nhật trong gia đình đồng bào và trong sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt tôn giáo và trong giao tiếp giữa người Khmer trong cộng đồng dân tộc. Văn học của đồng bào chủ yếu là văn học dân gian rất đa dạng, phong phú, gồm, truyện dân gian, thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười và dân ca, tục ngữ.

Chùa có vai trò rất quan trọng trong đời sống tinh thần của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL; là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo chủ yếu, đồng thời là nơi sinh hoạt văn hóa cộng đồng với các hoạt động chủ yếu như: dạy chữ viết và tiếng Khmer; dạy nghề của đồng bào Khmer... Chùa còn là nơi lưu trữ, bảo quản các thư tịch cổ, hiện vật văn hóa, lịch sử, kiến trúc của người Khmer. Các vị sư ở các chùa Khmer được đồng bào rất kính trọng; có ảnh hưởng, vai trò quan trọng chi phối các quan hệ xã hội của đồng bào. Các vị sư thường được nhiều người Khmer tìm đến để xin những lời chỉ bảo khi trong xóm, ấp của mình và dòng họ mình xảy ra những bất hòa cần giải quyết. Ở khá nhiều nơi trong vùng, chính quyền địa phương gặp khó khăn nhất định trong việc uốn nắn, chấn chỉnh hoạt động của nhiều vị sư khi hoạt động của họ có những biểu hiện chưa thực sự hoàn chỉnh.

Bón là, “phum”, “srok” là những đơn vị cư trú cổ truyền và sinh hoạt của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL; song “phum”, “srok” dần dần trở thành bộ phận của đơn vị hành chính cấp cơ sở ở vùng này, tương tự thôn, bản ở miền Bắc nước ta.

Đơn vị cư trú cổ truyền và sinh hoạt của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL là “phum” và “srok” theo mức độ lớn dần về quy mô diện tích và dân số. “Phum” là nơi cư trú, sinh sống chủ yếu của phần lớn hộ gia đình Khmer có quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân; ngoài ra còn có một vài gia đình Khmer không có những quan hệ này và một số gia đình người Kinh, người Hoa sinh sống. “Mê phum” là chức danh của người có uy tín, đại diện cho các phum, có vai trò rất quan trọng trong chăm lo mọi công việc trong phum và quan hệ với các phum khác, được đồng bào trong phum suy tôn. “Srok” là nơi cư trú và sinh sống của đồng bào, có quy mô diện tích và dân số lớn hơn phum và bao gồm nhiều phum. Phần lớn các srok của đồng bào có khá nhiều gia đình người Kinh, người Hoa cư trú, sinh sống đan xen với các gia đình Khmer.

Trong thời gian khá dài trước đây, ở các srok có ban quản trị srok làm nhiệm vụ quản lý các hoạt động trên địa bàn srok, trong đó có người đứng đầu là “Mê srok” (trưởng srok), đây là người lớn tuổi (đàn ông), có hiểu biết sâu rộng nhiều mặt, nhất là về phong tục, tập quán, văn hóa, truyền thống của người Khmer; có uy tín cao, được đồng bào trong srok thừa nhận và suy tôn. Ngoài công việc chủ yếu là lo toan mọi công việc trong srok, các Mê srok và ban quản trị srok còn có nhiệm vụ rất quan trọng là quan hệ với các srok khác và với nhà chùa để giải quyết các công việc trong srok vì sự phát triển, tiến bộ và cuộc sống của cộng đồng srok. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt của các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL, việc điều hành công việc và quản lý mọi hoạt động ở các phum, srok theo kiểu truyền thống của đồng bào Khmer đã biến đổi rất lớn và hầu như không tồn tại nữa. Các ban quản trị srok, nhiều mê srok, mê phum dần dần là nhân viên trong bộ máy hành chính cơ sở xã và các chức danh quản lý ở các ấp - “cánh tay nối dài” của chính quyền xã ở các tỉnh, thành phố vùng này. Tuy nhiên, nhiều ban quản trị srok và khá nhiều mê srok, mê phum trước đây vẫn còn tác động, chi phối ở mức độ nhất định khác nhau một số hoạt động của đồng bào Khmer ở nhiều nơi.

Năm là, đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh trong vùng ĐBSCL có mối liên hệ mật thiết với nhau và có quan hệ mật thiết, nhiều người có quan hệ họ hàng, thân tộc với đồng bào Khmer ở nước Campuchia.

Mối liên hệ mật thiết giữa đồng bào Khmer ở các tỉnh của vùng ĐBSCL, tạo sự đoàn kết chặt chẽ trong đồng bào và thuận lợi cho hoạt động của cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các tổ chức CT-XH ở địa phương, nhất là trong công tác vận động đồng bào. Quan hệ mật thiết, nhiều người có quan hệ họ hàng, thân tộc với đồng bào Khmer ở nước Campuchia là thuận lợi trong xây dựng và tăng cường đoàn kết giữa hai dân tộc Việt Nam và Campuchia. Song, các thế lực thù địch thường tập trung lợi dụng mối quan hệ này để phá hoại sự đoàn kết giữa đồng bào Khmer với người Kinh trong Vùng này, phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, gây nên những phức tạp nhất định ở các địa phương.

Vấn đề dân tộc, văn hóa Khmer ở vùng ĐBSCL đã, đang là một trọng tâm các thế lực thù địch xuyên tạc, hòng phá hoại sự đoàn kết, hòa đồng giữa đồng bào Khmer với người Kinh, các DTTS trong vùng, phá hoại khối đại đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, Đảng, Nhà nước và chế độ ta; phá hoại tình hữu nghị giữa Việt Nam và Campuchia; phá hoại hoạt động của Đảng, Nhà nước; công cuộc xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc của nước ta và công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Campuchia.

Mặc dù đã thất bại nặng nề, song bọn chúng vẫn không từ bỏ âm mưu đen tối. Bọn chúng luôn coi trọng kết hợp vấn đề dân tộc Khmer và văn hóa của đồng bào ở vùng ĐBSCL với dân tộc, văn hóa Khmer và với lịch sử quá trình hình thành, phát triển vùng đất phía Nam Tổ quốc ta để xuyên tạc, phá hoại. Với những luận điệu phản động như: “Vấn đề Khmer Crôm”; “Vùng đất ĐBSCL là của Campuchia”; “Cây Thốt Nốt ở đâu thì đất Campuchia ở đó”... chúng đã xuyên tạc trắng trợn quá trình giữ nước, khẩn hoang, mở mang bờ cõi, phát triển vùng đất cực Nam Tổ quốc ta. Dù cố tình xuyên tạc, bọn chúng không thể phủ nhận được thực tế lịch sử.

Trình độ nhận thức của đại đa số đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL về mọi mặt, nhất là về chính trị, ngày càng được nâng lên cùng với những kết quả công cuộc đổi mới ở các tỉnh trong vùng ĐBSCL; sự nâng lên về đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào; sự phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam và Campuchia. Đồng bào ngày càng nhận rõ luận điệu phản động và âm mưu đen tối của các thế lực thù địch, tăng cường đoàn kết các dân tộc trong vùng, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc; góp phần tăng cường tình hữu nghị giữa hai dân tộc Campuchia và Việt Nam, góp phần quan trọng vạch mặt bọn chúng.

2.1.3.2. Vai trò của đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng ĐBSCL là một bộ phận quan trọng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không tách rời cộng đồng dân tộc, cùng các dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam.

Cộng đồng dân tộc Việt Nam gồm 54 dân tộc anh em chung sống thuận hòa, đoàn kết xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam yêu dấu, trọng tâm là ở vùng đất cực Nam của Tổ quốc.

Hai là, đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng ĐBSCL góp phần nhất định vào sự phát triển kinh tế ở các xã, thị trấn của các tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL và của các tỉnh, thành phố vùng này.

Đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng ĐBSCL cần cù, chịu khó, khắc phục khó khăn trong sản xuất, tiết kiệm trong chi tiêu, bảo đảm đời sống gia đình và cộng đồng góp phần đáng kể vào thực hiện thắng lợi chủ trương của cấp ủy địa phương là bảo đảm, nâng cao đời sống, có đóng góp vào kết quả phát triển kinh tế của địa phương, giảm bớt khó khăn cho cấp ủy, chính quyền địa phương.

Ba là, đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL có vai trò quan trọng trong sự phát triển đa dạng văn hóa vùng ĐBSCL.

Văn hóa, bản sắc dân tộc của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL được Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và tạo thuận lợi cho sự phát triển ngày càng đa dạng, phong phú trong tổng thể sự phát triển đa dạng, đa màu sắc của văn hóa cộng đồng dân tộc Việt Nam ở vùng ĐBSCL. Trong quá trình phát triển đó, đồng bào Khmer là lực lượng quan trọng lưu giữ, phát triển văn hóa dân tộc mình và làm phong phú, đa dạng bức tranh văn hóa cộng đồng dân tộc Việt Nam ở vùng ĐBSCL.

Bốn là, đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL là lực lượng nòng cốt trong xây dựng, củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa hai dân tộc Campuchia và Việt Nam.

Nhờ quan hệ thân thiết họ hàng, phum, srok và quan hệ cùng dân tộc giữa đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL với đồng bào Khmer ở Campuchia, nhất là ở các tỉnh biên giới, quan hệ hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa hai dân tộc Campuchia và Việt Nam, nhất là trong những khi khó khăn, hoạn nạn này càng được củng cố, tăng cường. Kết quả này có sự đóng góp quan trọng của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL.

Năm là, đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL góp phần ngăn chặn, làm thất bại âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề dân tộc và văn hóa Khmer ở vùng ĐBSCL để thực hiện âm mưu đen tối của bọn chúng, góp phần giữ vững an ninh

chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong vùng và bảo vệ Tổ quốc.

Đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL ngày càng nhận rõ âm mưu, thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt của các thế lực phản động, kể cả một số phản động trong đồng bào Khmer trong việc lợi dụng vấn đề dân tộc, văn hóa Khmer để xuyên tạc, phá hoại. Tiến hành việc này, bọn chúng nuôi hy vọng gây chia rẽ tình đoàn kết giữa dân tộc Khmer với dân tộc Việt Nam, thực hiện âm mưu phá hoại Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nhận thức rõ điều này, chính đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL là lực lượng nòng cốt vạch mặt có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, cung cấp thông tin kịp thời cho lực lượng chức năng ở các địa phương. Qua đó, đồng bào Khmer ở vùng này góp phần quan trọng giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội ở địa phương và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER VÀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.2.1. Vận động đồng bào Khmer - khái niệm, nội dung, hình thức, phương pháp

2.2.1.1. Khái niệm, nội dung vận động đồng bào Khmer

**** Khái niệm “vận động đồng bào Khmer”***

Vận động nhân dân hay dân vận được Đại từ điển tiếng Việt chỉ rõ: “dân vận là tuyên truyền, vận động nhân dân” [1994, tr.521]. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường dùng thuật ngữ “dân vận”. Trong tác phẩm nổi tiếng của mình - “Dân vận” - Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra khái niệm khoa học, dễ hiểu, dễ nhớ về “dân vận”. Để đưa ra khái niệm “dân vận” Người đã luận giải luận giải sâu sắc, khoa học và trả lời thỏa đáng câu hỏi: vì sao phải dân vận? Người bắt đầu từ việc chỉ rõ bản chất của Nhà nước, chế độ ta. Người viết: “NƯỚC TA LÀ NƯỚC DÂN DÂN CHỦ./ Bao nhiêu lợi ích đều vì dân./ Bao nhiêu quyền hạn đều của dân./ Công cuộc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân./ Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân ./ Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra./ Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên./ Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [93, tr.698].

Vì vậy, phải dân vận. Người nêu khái niệm: “Dân vận là vận động tất cả lực

lượng của *mỗi một người dân* không để sót một người nào, góp thành lực lượng toàn dân, để thực hiện những công việc nên làm, những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho” [93, tr.698].

Từ những điều nêu trên, có thể nêu khái niệm: *vận động nhân dân là hoạt động của các tổ chức, lực lượng trong xã hội trong việc tuyên truyền, thuyết phục, tập hợp mọi người dân, không bỏ sót một người nào tạo thành lực lượng toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.*

Tương tự, *vận động đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long là hoạt động của các tổ chức, lực lượng ở các tỉnh trong việc tuyên truyền, thuyết phục, tập hợp mọi người dân Khmer trên địa bàn, không bỏ sót một người nào tạo thành lực lượng của đồng bào Khmer thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, trước hết là nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, chính quyền xã, thị trấn, nơi đồng bào Khmer sinh sống và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.*

2.2.1.2. Nội dung vận động đồng bào Khmer

Từ khái niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “dân vận” cho chúng ta hiểu về lực lượng của nhân dân, gồm lực lượng vật chất và lực lượng tinh thần (bao hàm cả trình độ trí tuệ, kinh nghiệm...); xác định nội dung dân vận, gồm hai việc lớn:

Thực hiện những công việc nên làm, nghĩa là vận động nhân dân thực hiện những công việc cụ thể ở địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan trực tiếp, thiết thực, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng, lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân như phát triển KT-XH, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Có nghĩa là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, giải quyết đúng đắn, hiệu quả những vấn đề nổi lên được đông đảo nhân dân quan tâm.

Thực hiện những công việc Chính phủ và Đoàn thể đã giao cho, nghĩa là vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

Từ khái niệm vận động đồng bào Khmer và những điều nêu trên có thể xác định nội dung vận động đồng bào Khmer hiện nay, gồm:

Một là, vận động đồng bào thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ xã, thị trấn, đẩy mạnh phát triển KT-XH, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống, bảo đảm QP,AN, chấp hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và những quy định của địa phương.

Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KT-XH, QP,AN đều được đưa về các địa phương thực hiện, trong đó có các tỉnh ở vùng ĐBSCL. Cấp ủy, chính quyền tỉnh, cấp huyện, cấp xã cụ thể hóa phù hợp với điều kiện của địa phương và lãnh đạo, chỉ đạo, vận động nhân dân thực hiện. Ở những nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống, các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức trong HTCT và các tổ chức, lực lượng ở địa phương, cùng với việc vận động, tổ chức nhân dân địa phương thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cần coi trọng vận động đồng bào Khmer thực hiện đạt hiệu quả công việc này. Đồng thời, tăng cường vận động đồng bào thực hiện nghiêm Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước và những quy định của địa phương.

Coi trọng tuyên truyền, giải thích để đồng bào hiểu rõ nhiệm vụ chính trị của đảng bộ xã, thị trấn, nhất là nhiệm vụ, mục tiêu phát triển KT-XH, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trong đó có đồng bào Khmer; xây dựng nông thôn mới, nâng thôn mới nâng cao; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến vào phát triển sản xuất; tham gia xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, điện, nước sạch, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng thể trận lòng dân, an ninh nhân dân, bảo đảm an ninh, trật tự ở địa phương...

Hai là, vận động đồng bào tham gia tích cực vào việc tăng cường và củng cố sự đoàn kết đồng bào Khmer với dân tộc Kinh và các DTTS khác ở địa phương; phát huy mạnh mẽ sức mạnh của sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuyên truyền, vận động đồng bào với dân tộc Kinh và các DTTS khác ở địa phương trên cơ sở tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, lấy mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng để củng cố, phát triển sự đoàn kết giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của mỗi dân tộc.

Ba là, vận động đồng bào tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và các MTTQ, các tổ chức CT-XH ở địa phương vững mạnh, tích cực tham gia vào các các tổ chức này và các tổ chức xã hội ở địa phương.

Cần gắn chặt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng với công tác vận động các tầng lớp nhân dân ở địa phương, trong đó, có đồng bào Khmer, vận động đồng bào tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, trước hết đối với cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên của xã, thị trấn theo Quy định số 218- QĐ/TW ngày 12-12-2013 của Bộ Chính trị “về Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”.

Bên cạnh đó, cần tăng cường vận động đồng bào tham gia và là thành viên của chi hội của các tổ chức CT-XH ở xã, thị trấn, phum, srok, ấp, tích cực tham gia giám sát hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức ở địa phương; tham gia với MTTQ và các tổ chức CT-XH trên địa bàn trong phản biện xã hội đối với các chủ trương, quyết định ở địa phương liên quan đến đông đảo nhân dân địa phương, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống đồng bào Khmer theo Quy định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị “về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”. Coi trọng việc kết nạp đảng viên là người Khmer.

Bốn là, vận động đồng bào nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại sự đoàn kết đồng bào Khmer với các dân tộc trên địa bàn, phá hoại Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới ở nước ta.

Vận động đồng bào nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tích cực đấu

tranh chống lại sự tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, nhất là về dân tộc, tôn giáo và các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại Đảng, Nhà nước ta. Đây là vấn đề trọng yếu các thế lực thù địch lợi dụng để phá hoại Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới ở nước ta, nhất là từ sau khi thống nhất đất nước đến nay. Chúng ráo riết thực hiện việc này trong thời kỳ đổi mới, nhất là trong những thập niên gần đây.

Cần coi trọng tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đúng đắn của đồng bào về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến pháp luật sâu rộng trong đồng bào để họ hiểu và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân. Đồng thời, vạch trần, phản bác có hiệu quả âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại, góp phần bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ ta, tăng cường đoàn kết các dân tộc ở địa phương.

2.2.1.3. Hình thức, phương pháp vận động đồng bào Khmer

Một là, các tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH, các tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang của tỉnh tiến hành vận động đồng bào Khmer tham gia thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Các tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH, các tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang của tỉnh có đông đồng bào Khmer, như tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long tiến hành vận động đồng bào Khmer theo chức năng, nhiệm vụ của mình dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, các tổ chức, lực lượng này căn cứ vào nội dung vận động đồng bào Khmer nêu trên để xác định nội dung, xây dựng chương trình, kế hoạch vận động đồng bào, trước hết là vận động đồng bào tham gia thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình. Qua đó, góp phần thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, đảng ủy, cán bộ, đảng viên, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH xã, thị trấn và các chi hội của các tổ chức CT-XH ở phum, srok, ấp trực tiếp và thường xuyên vận động đồng bào Khmer.

Đây là các tổ chức, lực lượng ở cơ sở xã, thị trấn nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống, nhất là các chi hội của các tổ chức CT-XH ở phum, srok, ấp hàng ngày, hàng giờ gần gũi, tiếp xúc với đồng bào, nắm được tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng, hợp pháp của đồng bào rất thuận lợi trong vận động đồng bào. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, từng tổ chức xác định nội dung, cách thức vận động đồng bào phù hợp, trước hết vận động đồng bào tích cực phát triển KT-XH, nâng cao đời sống, bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường, xây dựng thể trận lòng dân, an ninh nhân dân và tham gia bảo vệ Tổ quốc...

Ba là, phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tổ chức đảng địa phương vận động đồng bào tích cực tham gia; tạo thuận lợi cho đồng bào tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn, nghệ cộng đồng, lễ hội truyền thống.

Các chủ thể vận động đồng bào Khmer phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương và vận động, thuyết phục, thu hút đồng bào tham gia, như: phong trào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ hiện đại vào trồng trọt, chăn nuôi; phong trào giảm nghèo, thanh niên lập thân, lập nghiệp; bảo vệ môi trường sinh thái; ngày hội đoàn kết các dân tộc tại địa phương; hội thi dân vận khéo; phong trào xây dựng phum, srok, ấp văn hóa...

Phát động và duy trì và đạt hiệu quả các phong trào hành động cách mạng nêu trên ở địa phương nhất là ở cơ sở, vận động thuyết phục và thu hút đông đảo đồng bào Khmer tham gia là cách thức vận động đồng bào đạt hiệu quả ở các tỉnh vùng ĐBSCL.

Bốn là, gặp gỡ, giúp đỡ những gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; xây dựng, duy trì mối quan hệ mật thiết và coi trọng phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer, cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên là Khmer trong vận động đồng bào.

Các chủ thể vận động đồng bào Khmer coi trọng cử cán bộ tăng cường tiếp xúc, quan hệ, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích chính đáng, hợp pháp của đồng bào thông qua các cuộc sinh hoạt cộng đồng, các hoạt động tiếp dân của chính quyền xã, thị trấn, gặp gỡ riêng. Qua đó, có chủ trương, giải pháp giải quyết theo quyền hạn của mình; đề nghị cấp có thẩm quyền giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền. Đặc biệt, coi trọng gặp gỡ, giúp đỡ những gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; coi trọng xây dựng, duy trì mối quan hệ mật thiết với những người có uy tín trong đồng bào Khmer ở địa phương, phát huy vai trò của họ trong vận động đồng bào. Bên cạnh đó, cần coi trọng phát huy mạnh mẽ vai trò của cán bộ, công chức, viên chức xã, thị trấn và đảng viên là người Khmer trong vận động đồng bào.

Năm là, thông qua hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng của tỉnh, cấp huyện, và hệ thống truyền thanh, phát thanh xã, thị trấn và sự phối hợp các địa phương ở vùng ĐBSCL trong vận động đồng bào Khmer.

Các tỉnh có đông đồng bào Khmer cần củng cố, nâng cấp và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng của tỉnh, cấp huyện, phát huy vai trò của các cơ quan này trong vận động đồng bào Khmer. Coi trọng nâng cao chất lượng chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer; đặc biệt coi trọng chỉ đạo nâng cao chất lượng truyền thanh, phát thanh của các xã, thị trấn có đông đồng bào Khmer...

2.2.2. Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - khái niệm, nội dung và vai trò

2.2.2.1. Khái niệm công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

Để đưa ra khái niệm “Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL hiện nay” cần làm rõ khái niệm “Công tác vận động đồng bào Khmer”. Theo “Sách tra cứu các mục từ về tổ chức”: “Công tác là công việc của tổ chức, cơ quan, đơn vị (đảng, nhà nước, đoàn thể, đơn vị kinh tế, sự nghiệp) cùng nhau thực hiện, hoặc giao cho từng thành viên trong tổ chức, cơ quan, đơn

vị đó thực hiện” [108, tr.174]. Như vậy, có thể hiểu một cách khái quát: “công tác” là công việc của các tổ chức trong HTCT, gồm Đảng, Nhà nước, các tổ chức CT-XH các tổ chức xã hội, kinh tế nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập. Lực lượng vũ trang... do các thành viên của tổ chức đó, cùng thực hiện, hoặc giao từng thành viên của tổ chức đó thực hiện nhằm thực hiện thắng lợi chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức.

Đại từ điển tiếng Việt cho rằng: “Vận động là dùng ngôn ngữ để thuyết phục, tuyên truyền cho ai, làm việc gì theo ý mình” [1994, tr.1082]. Khái niệm “dân vận” và “vận động nhân dân” là đồng nhất và được dùng thay thế cho nhau một cách phù hợp.

Từ những điều nêu trên và khái niệm “vận động đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL” đi đến khái niệm: *Công tác vận động đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long là các tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang... ở những địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống, tiến hành thuyết phục, tuyên truyền, tập hợp và tổ chức đồng bào thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy, chính quyền địa phương, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, nâng cao đời sống nhân dân nói chung, đồng bào Khmer nói riêng, góp phần xây dựng đất nước vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.*

Từng tổ chức trong HTCT, gồm Đảng, Nhà nước, MTTQ, tổ chức CT-XH, như: Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh; tổ chức xã hội; tổ chức kinh tế nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang ở những địa phương có đồng bào Khmer sinh sống theo chức năng, nhiệm vụ và mục đích của mình, tiến hành thuyết phục, tuyên truyền, tập hợp và tổ chức đồng bào Khmer tham gia thực hiện chủ trương, quyết định của mình nhằm thực hiện thắng lợi chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, đem lại lợi ích cho đồng bào.

Trong quá trình tiến hành công việc nêu trên, các tổ chức ở các địa phương có đồng bào Khmer sinh sống thường phối hợp với nhau trong vận động đồng bào Khmer tham gia thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức và đem lại lợi ích cho đồng bào.

Tương tự, đi đến khái niệm: *Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là hoạt động của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy với sự tham gia của các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh và các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức có liên quan ở những tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống về tuyên truyền, thuyết phục, tập hợp, giáo dục và tổ chức đồng bào thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của tỉnh, nâng cao đời sống nhân dân nói chung, đồng bào Khmer nói riêng.*

Trên thực tế ở những tỉnh có trên 20% đồng bào Khmer sinh sống được coi là tỉnh có đông đồng bào Khmer. Quan niệm này, cũng được dùng để chỉ các tỉnh có đông đồng bào theo đạo Thiên chúa như tỉnh Nam Định và tỉnh Ninh Bình, nghĩa là những tỉnh này, có trên 20% đồng bào theo đạo Thiên chúa.

Các tổ chức có liên quan trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL, gồm: các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh.

Chủ thể công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL: tỉnh ủy, BTVTU là chủ thể chủ yếu của công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Đối tượng công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL gồm: toàn bộ đồng bào Khmer sinh sống trên địa bàn tỉnh và đồng bào Khmer sinh sống ở các nước trên thế giới có quan hệ với đồng bào Khmer sinh sống trên địa bàn tỉnh. Song, đối tượng chủ yếu của công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy là toàn bộ đồng bào Khmer sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Lực lượng tham gia công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở

vùng ĐBSCL, gồm: cấp ủy các cấp; chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh và nhân dân trong tỉnh.

Trong từng địa phương trong tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh ở các địa phương vừa là chủ thể (chủ thể gián tiếp) của công tác vận động đồng bào Khmer ở địa phương, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, BTVTU; vừa là lực lượng nòng cốt tham gia công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy.

Đồng bào Khmer trong tỉnh vừa là đối tượng, vừa là lực lượng tham gia công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. Trong đó, lực lượng tham gia chủ yếu công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, gồm chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH từ tỉnh đến cơ sở, nòng cốt là Ban dân vận, tuyên giáo cấp ủy các cấp trong tỉnh, MTTQ, Hội Nông dân, ban tôn giáo, dân tộc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục đích của công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL: nâng cao nhận thức của đồng bào Khmer về các chủ trương, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN; tổ chức, hướng dẫn và phát huy năng lực, quyền làm chủ của đồng bào trong thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết, quyết định ấy nâng cao đời sống nhân dân trong tỉnh; góp phần thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, xây dựng đất nước vững mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

2.2.2.2. Nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thường được hiểu là những công việc cần thiết tỉnh ủy phải thực hiện để vận động đồng bào tham gia đạt chất lượng, hiệu quả vào việc thực hiện thắng lợi các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về phát triển KT-XH, bảo đảm

QP,AN; từng bước thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại. Những công việc cần thiết ấy gồm:

Một là, tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.

Chủ trương của tỉnh ủy, BTVTU về công tác vận động đồng bào Khmer thường được thể hiện và bao hàm trong nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận, trong đó có những nội dung về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. Cũng có thể tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành riêng chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer. Nội dung chủ trương, chương trình, kế hoạch này cần nhấn mạnh những nội dung về vận động đồng bào Khmer thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN trên địa bàn tỉnh, nhất là ở xã, phường, thị trấn.

Trên cơ sở nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại và các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về cụ thể hóa nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh về phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN để thực hiện, nhằm từng bước thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định về công tác dân vận. Trong đó, nhấn mạnh những nội dung về vận động đồng bào Khmer để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Tùy theo điều kiện và tình hình cụ thể, tỉnh ủy, BTVTU có thể xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chủ trương, chương trình, kế hoạch riêng về công tác vận động đồng bào Khmer, nhất là ở những tỉnh có đông đồng bào Khmer. Tập trung vào những nội dung chủ yếu, như: phát triển KT-XH ở địa phương, phát huy quyền làm chủ và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào; xây dựng, củng cố và tăng cường đoàn kết dân tộc Khmer với dân tộc kinh và các DTTS khác ở địa phương, xây dựng nông thôn mới, đời sống văn hóa ở nông thôn; chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của địa phương, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở phum, srok, ấp; tham gia xây

dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức CT-XH ở cơ sở; cảnh giác, làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại.

Hai là, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.

Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của tỉnh ủy, BTVTU về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế nhà nước, lực lượng vũ trang..., đặc biệt coi trọng việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.

Các cấp ủy tập trung tuyên truyền, phổ biến nội dung của các chủ trương của tỉnh ủy, BTVTU về công tác vận động đồng bào Khmer, nhấn mạnh những nội dung trọng tâm. Đối với từng loại hình tổ chức đảng, tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế nhà nước, lực lượng vũ trang... căn trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức nhấn mạnh những nội dung phù hợp, thiết thực để thực hiện đạt kết quả, góp phần thực hiện thắng lợi chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đó.

Các cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở chủ động phổ biến nội dung của các chủ trương vận động đồng bào Khmer cho cán bộ, đảng viên trong các cuộc sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng, các cuộc sơ kết, tổng kết hoạt động lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng hằng năm, giữa nhiệm kỳ, nhất là các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác dân vận; coi trọng phổ biến những nội dung của các chủ trương này trong sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chi bộ theo chuyên đề về vận động đồng bào Khmer đối với những chi bộ ở phum, srok và chi bộ ấp nơi có đông đồng bào Khmer.

Cấp ủy lựa chọn các hình thức, phương pháp tuyên truyền, phổ biến chủ trương của tỉnh ủy, BTVTU về công tác vận động đồng bào Khmer trong tổ chức chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế

nhà nước, lực lượng vũ trang phù hợp với từng loại hình tổ chức, đạt hiệu quả. Tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương này qua các phương tiện truyền thông đại chúng của tỉnh, cấp huyện và cấp xã...

Ba là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào.

Lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL gồm: ban dân vận, ban tuyên giáo tỉnh ủy. Đây là các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy về công tác dân vận, công tác tuyên giáo, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer và tuyên truyền nâng cao nhận thức của đồng bào về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về mọi mặt hoạt động của địa phương, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức CT-XH các cấp và ban tôn giáo, dân tộc của Ủy ban nhân dân tỉnh có một trong những chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là công tác dân vận, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer, công tác dân tộc tôn giáo.

Đặc biệt, đảng ủy xã, phường, thị trấn nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống, cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên, nhất là những cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên là người Khmer, chi ủy, chi bộ ở các phum, srok và chi bộ ấp, ở ấp có đông đồng bào Khmer... là những tổ chức lực lượng trực tiếp, thường xuyên thực hiện công tác vận động đồng bào Khmer.

Tỉnh ủy tăng cường xây dựng tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng ĐNCB, nhất là cán bộ chủ chốt của các cơ quan, tổ chức nêu trên, bảo đảm thực sự là lực lượng nòng cốt trong công tác vận động đồng bào Khmer. Đồng thời, tỉnh ủy phát huy mạnh mẽ vai trò của các cơ quan này trong công tác vận động đồng bào Khmer; xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp các cơ quan này và với ban dân vận, ban tuyên giáo tỉnh ủy, phối hợp chặt chẽ với đảng ủy xã, phường, thị trấn và các chi bộ ở phum, srok, ấp trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Bốn là, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng thực hiện nhiệm vụ chính trị đảng bộ tỉnh, vận động, thu hút đồng bào Khmer tích cực tham gia; coi trọng các hoạt động nhân đạo, từ thiện, giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào.

Các phong trào hành động cách mạng thực hiện nhiệm vụ chính trị đảng bộ tỉnh cần phát động, duy trì, đạt hiệu quả, tập trung vào phát triển KT-XH, nâng cao đời sống nhân dân nói chung, đồng bào Khmer nói riêng; xây dựng đời sống văn hóa nông thôn, phum, srok, ấp văn hóa, ngăn chặn, loại trừ tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh, trật tự...

Năm là, tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.

Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, tiến hành kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và đội ngũ đảng viên, coi trọng kiểm tra, giám sát cấp ủy cấp huyện, cấp ủy quân sự tỉnh, cấp ủy bộ đội biên phòng tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer. Đồng thời, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc, nhất là cấp ủy cấp huyện tiến hành công tác kiểm tra giám sát các tổ chức đảng, đảng viên về công tác vận động đồng bào Khmer; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tỉnh ủy, nhất là ban dân vận, ban tuyên giáo tỉnh ủy tiến hành kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới về những điểm thuộc lĩnh vực tham mưu của từng cơ quan trong công tác vận động đồng bào Khmer; lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy trong chính quyền tỉnh nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan tiếp dân, coi trọng tiếp đồng bào Khmer và giải quyết những phản ánh, đề xuất của đồng bào.

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy, các tổ chức đảng trong tỉnh, tỉnh ủy phát hiện cổ vũ, động viên, khen thưởng và tạo thuận lợi cho những nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong công tác vận động đồng bào Khmer phát triển. Đồng thời, xử lý kịp thời, nghiêm minh những tập thể, cá nhân có sai phạm đến mức phải xử lý. Qua đó, tỉnh ủy thực hiện đạt chất lượng hiệu quả công tác vận động đồng bào Khmer.

Sáu là, tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Tỉnh ủy duy trì thành nền nếp thực hiện công việc nêu trên; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc duy trì thành nền nếp việc định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của cấp ủy; coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo các đảng ủy xã, phường, thị trấn duy trì thành nền nếp việc định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng ủy đảng bộ xã, phường, thị trấn, nhất là cấp ủy ở những nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống. Cần hướng dẫn cụ thể việc sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer; có thể cử cán bộ trực tiếp giúp đỡ các cấp ủy xã, phường, thị trấn tiến hành công việc này.

2.2.2.3. Vai trò công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Một là, công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL là yếu tố quyết định việc hiện thực hóa và khẳng định vai trò của đồng bào trong sự nghiệp đổi mới ở địa phương, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN, củng cố, phát triển sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương, góp phần xây dựng, củng cố, phát triển khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị hợp tác Việt Nam và Campuchia. Song, vai trò ấy là tiềm năng, thế mạnh, là điều kiện cần để vai trò

ấy thành hiện thực, phát huy tác dụng. Để đạt được điều này, phải có điều kiện đủ, đó là sự lãnh đạo, tổ chức và tạo thuận của Đảng, Nhà nước, trước hết là sự lãnh đạo của tỉnh ủy ở các tỉnh vùng ĐBSCL, tập trung ở công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng này. Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trở thành yếu tố chủ yếu, quyết định việc hiện thực hóa và khẳng định vai trò của đồng bào trong sự nghiệp đổi mới, phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN ở các địa phương, góp phần đưa các tỉnh phát triển mạnh mẽ, vững chắc, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi các nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh và đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong suốt thời kỳ dài từ sau giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước từ năm 1975 đến nay đã khẳng định điều nêu trên. Trong suốt thời gian ấy, tỉnh ủy, các cấp ủy ở vùng ĐBSCL đã tích cực, chủ động vận động đồng bào Khmer tham gia thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước với những nội dung thiết thực, hình thức, phương pháp phù hợp, đem lại hiệu quả. Nhờ đó, đồng bào đã có chuyển biến sâu sắc nhận thức về nhiệm vụ xây dựng địa phương, đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Từ đó, đồng bào đã đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc ở các tỉnh vùng ĐBSCL, tích cực tham gia phát triển KT-XH, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội ở địa phương; góp phần quan trọng vào kết quả thực hiện các nghị quyết của đại hội đảng bộ các tỉnh và thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước gần 40 năm đổi mới. Hiện nay, đồng bào đã và đang tích cực thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ các tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đạt kết quả.

Ba là, công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng xây dựng, củng cố và phát triển sự đoàn kết giữ đồng bào

Khmer với các dân tộc ở vùng ĐBSCL, góp phần củng cố, phát triển khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng, phát triển khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, phát huy vai trò của sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta; đặc biệt quan trọng trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Nhiệm vụ ấy phải được triển khai thực hiện ở các vùng, miền, địa phương trong cả nước, nhất là ở những nơi có nhiều đồng bào các dân tộc sinh sống. Đối với các tỉnh ở vùng ĐBSCL có đông đồng bào Khmer sinh sống rất cần được triển khai mạnh mẽ đạt kết quả việc xây dựng, phát triển sự đoàn kết đồng bào với các dân tộc ở địa phương.

Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng trong công việc này, trước hết là việc nâng cao nhận thức của đồng bào và nhân dân địa phương về sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương, chung sức, chung lòng xây dựng quê hương, đất nước và nâng cao đời sống. Qua đó, đồng bào tích cực tham gia vào các hoạt động xây dựng, phát triển sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương, sống thuận hòa, thương yêu, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, nhất là trong vượt qua những khó khăn, thiên tai và rủi ro, xây dựng quê hương, đất nước, góp phần củng cố, phát triển khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

Bốn là, công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại, góp phần giữ vững an ninh, trật tự ở vùng đất phía Nam của Tổ quốc.

Trong thời kỳ đổi mới, nhất là những năm gần đây, các thế lực thù địch càng tăng cường lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại an ninh, trật tự ở địa phương, cản trở việc thực hiện chính trị của đảng bộ tỉnh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Bọn chúng tăng cường các hoạt động xuyên tạc, mua chuộc, lôi kéo, lừa gạt, kích động một số đồng bào nhẹ dạ, cả tin tham gia vào các hoạt động gây hấn thù, chia rẽ dân tộc Khmer với

dân tộc Kinh và các DTTS khác ở địa phương. Qua đó, gây phức tạp về an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, gây khó khăn cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh và đường đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng trong giáo dục, nâng cao nhận thức, tinh thần cảnh giác cách mạng của đồng bào đối với âm mưu, thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt của bọn thù địch, phá hoại. Qua đó, đồng bào vạch mặt bọn chúng, chỉ rõ âm mưu thâm độc, thủ đoạn xảo quyệt của bọn chúng, phát hiện những tên phá hoại đang lẫn lút ở địa phương thực hiện âm mưu, phá hoại báo cho cơ quan chức năng để xử lý thỏa đáng. Qua đó, góp phần quan trọng giữ vững an ninh, trật tự ở vùng đất phía Nam của Tổ quốc để các cấp ủy lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh, và mục tiêu, nhiệm vụ công cuộc đổi mới.

Tiểu kết chương 2

Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển, vững mạnh của tỉnh. Công tác này cần được tăng cường cùng với sự phát triển không ngừng của công cuộc đổi mới đang diễn ra ở các tỉnh vùng này. Để đạt được điều này cần nắm vững nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, gồm: *Một là*, tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer. *Hai là*, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer. *Ba là*, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào. *Bốn là*, tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào. *Năm là*, tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer. *Sáu là*, tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Chương 3
CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER
CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
- THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.1.1. Ưu điểm

Một là, các tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer tương đối kịp thời, sát thực tiễn và yêu cầu đặt ra.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của công tác dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer nói riêng, từ năm 2015 đến nay, các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL luôn chú trọng xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer. Điều này cho thấy sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL; kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định, định hướng về việc thực hiện các nội dung công tác vận động đồng bào Khmer dựa trên chủ trương, đường lối của Đảng để phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

Ở Sóc Trăng: BTVTU ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 14-2-2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ở vùng đồng bào DTTS; Kết luận số 02-KL/TU ngày 30-12-2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU của Tỉnh ủy khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác ở vùng đồng bào DTTS; Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 09-7-2021 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS, giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh...

Tại Trà Vinh: Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 09-9-2011 về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2011-

2015; Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 20-8-2013 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương 7 khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Kết luận số 01-KL/TU ngày 16-6-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 03 của Tỉnh ủy (khóa IX) về phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer giai đoạn 2011-2015; Kế hoạch số 81- KH/TU ngày 23-4-2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 08-10-2021 của Tỉnh ủy về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang ban hành Kế hoạch 54-KH/TU ngày 12-6-2018 về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư (Khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ở Kiên Giang: BTVTU ban hành Quyết định số 09-QĐ/TU ngày 13-10-2010 về quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị trong tỉnh; Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27-8-2013 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới; Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 01-8-2019 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý đoàn viên, hội viên; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi đoàn, chi hội, tổ hội ở địa bàn dân cư; Kế hoạch số 112-KH/TU ngày 10-4-2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thiện hiện Chỉ thị số 19-CT/TW về tăng cường công tác ở vùng đồng bào Khmer trong tình hình mới; Quyết định số 357-QĐ/TU ngày 11-11-2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Kiên Giang; Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 10-10-2023 của Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo thực hiện Chương trình mục

tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy Vĩnh Long ban hành Kế hoạch số 79-KH/TU ngày 22-8-2013 về việc triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện các Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI); Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 17-9-2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá XI “về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Quy chế số 20-QC/TU ngày 01-10-2021 của Tỉnh ủy về ban hành Quy chế công tác dân vận trong hệ thống chính trị tỉnh Vĩnh Long; Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 27-7-2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường củng cố HTCT, phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo...

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 82,75% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 80,12% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy, BTVTU đã thực hiện tốt nội dung xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer [phụ lục 11, 12].

Hai là, các tỉnh ủy, BTVTU chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến trong đồng bào Khmer, nội dung sát với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Trong những năm qua, các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú: Từ học tập, quán triệt nghị quyết đến thông qua các cơ quan báo chí, truyền hình, phát thanh, sinh hoạt đoàn thể... Do đó, các cấp ủy, tổ chức đảng, ĐNCB,

đảng viên của đảng bộ tỉnh, cùng HTCT từ tỉnh đến cơ sở đã nghiêm túc thường xuyên phối hợp tốt cùng với các cấp, các ngành và lực lượng vũ trang đứng chân trên địa bàn tỉnh thực hiện có hiệu quả công tác phổ biến, quán triệt, học tập và đa phương hoá các hoạt động tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc Khmer hiểu và thông suốt những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tổ chức thực hiện những nội dung vận động đồng bào Khmer trong các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận.

Do đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL sinh sống ở những vùng còn nhiều khó khăn, lễ nghi ràng buộc; trình độ văn hóa, hiểu biết xã hội còn hạn chế; trong khi đó, các thế lực thù địch thường xuyên lợi dụng các hoạt động tôn giáo để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kích động, lôi kéo, tụ tập đông người gây mất trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ, gây áp lực với chính quyền cơ sở... Vì vậy, những năm qua, tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên là BTVTU đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, ĐNCB, đảng viên của đảng bộ tỉnh chú trọng công tác vận động đồng bào Khmer. Sau khi nghị quyết, quyết định của các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL được ban hành, mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh là một tấm gương điển hình trong việc chấp hành và tổ chức thực hiện những nội dung vận động đồng bào Khmer để đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Đồng thời, việc tuyên truyền phổ biến cho ĐNCB, đảng viên thực hiện những nội dung vận động đồng bào Khmer luôn được tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong quá trình hoạt động. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của tỉnh ủy, BTVTU cho cán bộ, đảng viên được thực hiện bằng nhiều hình thức như: thông qua sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ hàng tháng để tuyên truyền, vận động, đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến từng chi bộ, đến từng cá nhân đảng viên, nhất là các buổi sinh hoạt chuyên đề về vận động đồng bào DTTS nói chung, đồng bào Khmer nói riêng. Qua đó làm cho cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong

HTCT, các tổ chức có liên quan nhận thức được trách nhiệm của mình trong thực hiện những nội dung vận động đồng bào Khmer trong các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác vận động đồng bào. Điển hình như:

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TU ngày 16-6-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa IX) về phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer, các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, đoàn thể các cấp đã xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện và tổ chức tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, các vị sư sãi, chức sắc, chức việc, người có uy tín và nhân dân. Kết quả, các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp đã tuyên truyền, phổ biến được 24.722 cuộc, có trên 1 triệu lượt người dự [158, tr.2].

Ngay sau khi tiếp thu Chỉ thị số 19-CT/TW, BTVTU Kiên Giang đã lãnh đạo tổ chức Hội nghị triển khai, quán triệt đến cán bộ chủ chốt từ tỉnh đến huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, bao gồm các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; lãnh đạo các sở, ban, ngành, MTTQ, các tổ chức CT-XH cấp tỉnh và tương đương; bí thư, phó bí thư, chủ tịch Ủy ban nhân dân, trưởng ban dân vận, chủ tịch ủy ban MTTQ và trưởng, phó phòng nội vụ các huyện, thành phố. Sau hội nghị triển khai của tỉnh, các huyện, thành ủy tổ chức triển khai đến toàn thể các bộ chủ chốt cấp huyện, xã và toàn thể cán bộ, đảng viên trong đảng bộ, tỷ lệ cán bộ, đảng viên được tiếp thu quán triệt đạt 98% [142, tr.3]. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang đã tổ chức 03 lớp học tập, quán triệt Nghị quyết số 25-NQ/TW, trong đó có 01 lớp thông qua hình thức hội nghị trực tuyến với 20 điểm cầu, có hơn 3.000 cán bộ chủ chốt các cấp dự. Mỗi huyện, thành ủy tổ chức từ 02 đến 03 lớp cho ĐNCB chủ chốt và đảng viên các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; 100% đảng ủy cấp xã xây dựng kế hoạch hướng dẫn tuyên truyền học tập và kế hoạch cụ thể hóa thực hiện nghị quyết [143, tr.2]. Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới, các cấp ủy tỉnh Kiên

Giang đã ban hành 188 chương trình hành động, 263 kế hoạch và 741 văn bản khác cụ thể hóa về công tác dân vận, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer [143, tr.4]. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng đoàn MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh Kiên Giang đã tổ chức triển khai, quán triệt Chỉ thị số 19-CT/TW trong cán bộ chủ chốt, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên cấp mình và chỉ đạo cấp cơ sở triển khai thực hiện được 6.583 cuộc, với 284.665 lượt người dự (trong đó đảng viên dự đạt 99%) [166, tr.2].

Tỉnh ủy An Giang chú trọng công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động cụ thể hóa để thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư, đồng thời tổ chức triển khai, thực hiện tại 05 huyện, thị có đông đồng bào dân tộc Khmer [118, tr.5].

Năm 2022, tỉnh Vĩnh Long đã quán triệt và tổ chức triển khai Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20-10-2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào DTTS cho cán bộ chủ chốt ngành tỉnh và Ban Thường vụ các huyện, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, có 92 đồng chí dự [166, tr.2].

Trong các tỉnh ở vùng ĐBSCL hiện nay có nhiều tỉnh có phát thanh, truyền hình tiếng Khmer như: An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh... Ở các địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống đã quan tâm đầu tư, tăng thời lượng phát sóng và phát thanh bằng tiếng Khmer với chất lượng, nội dung và hình thức phong phú, góp phần tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU nhanh chóng đến được với người dân.

Theo thống kê, tỉnh Sóc Trăng, năm 2016, 100% số dân là người dân tộc Khmer trong tỉnh được tiếp cận với phát thanh, truyền hình; 5,15% người dân sử dụng điện thoại cố định, 1,55% số dân sử dụng điện thoại di động, 2,6% người dân sử dụng internet; thực hiện chương trình phát thanh, truyền hình tiếng Khmer 3,63 giờ/ngày; xuất bản Báo Sóc Trăng Khmer ngữ thứ hai hằng tuần; các xã đặc biệt khó khăn, các điểm chùa trong tỉnh đều thụ hưởng 20 loại báo,

tạp chí theo Quyết định số 975/QĐ-TTg và 2472/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ [36].

Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng thường xuyên sản xuất, phát sóng Chương trình cùng học tiếng Khmer. Hiện nay, chương trình tiếng Khmer đã được phát thanh 90 phút/ngày, phát hình 60 phút/ngày, báo chữ Khmer phát hành 02 số/tuần, báo ảnh chữ Khmer phát hành 01 kỳ/quý. Vào dịp Chôi Chnăm Thmây, Sêne Đôlta... sẽ có chuyên trang, chuyên mục đặc biệt, tăng thời lượng phát sóng, tăng số báo, số trang với nội dung phong phú, chất lượng, phục vụ tốt nhu cầu thông tin và nghiên cứu ngôn ngữ Khmer của đồng bào. Đặc biệt, trong thời gian bệnh Covid-19, tỉnh Sóc Trăng đã tập trung tuyên truyền công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 qua các hệ thống truyền thanh cố định và các loa di động, các trang mạng xã hội... bằng hai thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Khmer) trên các tuyến đường giao thông nông thôn, các nhóm chợ dân sinh, các khu dân cư.

Thực hiện sản xuất và phát sóng trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng Chương trình “Cùng nhau học tiếng Khmer” trình độ căn bản được 52/52 kỳ và Chương trình “Cùng nhau học tiếng Khmer” trình độ nâng cao đến nay đã thu sóng 46/78 kỳ và phát sóng được 38/78 kỳ. Hỗ trợ cho 357 nhà sư và Achar dạy tiếng và chữ Khmer vào dịp hè [191, tr.12].

Chương trình với tên gọi “Cùng học tiếng Khmer” phát sóng vào lúc 19h45 phút Chủ nhật hàng tuần và phát lại vào lúc 17 giờ 45 phút ngày thứ Hai và thứ Bảy hàng tuần trên Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng, đồng thời phát qua kênh Youtube của Ban Chỉ đạo Đề án và kênh Youtube Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng. Chương trình được khán giả đánh giá cao về hình thức, nội dung và ý nghĩa nhân văn (nhất là khán giả người dân tộc Khmer) thu hút sự quan tâm của khán giả được đánh giá qua nhiều lượt xem và share, tần suất xem thường xuyên, mức độ xem từ ½ chương trình đến hết chương trình chiếm tỷ lệ khá cao.

Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Trà Vinh phát sóng bằng 02 thứ tiếng Kinh và Khmer, từng bước nâng cao chất lượng, tăng số lượng, thời lượng, tạo

điều kiện cho đồng bào Khmer nắm bắt thông tin kịp thời, hiện nay Đài Phát thanh - Truyền Hình Trà Vinh phát sóng kênh THTV2 phục vụ công tác giáo dục, đào tạo, dạy học trên truyền hình cho học sinh, sinh viên và nhân dân trong, ngoài tỉnh bằng 02 thứ tiếng Kinh và tiếng Khmer với thời lượng 16 giờ/ngày [16, tr.6]. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, hàng năm tổ chức in và phát hành 02 số nội san văn hóa bằng chữ Khmer với số lượng 2.000 cuốn [16, tr.6].

Đối với báo in Trà Vinh bằng chữ Khmer phát hành bình quân 102 kỳ/năm (trong đó có phát hành 01 kỳ đặc biệt nhân dịp tết cổ truyền Chôl Chnam Thmây hàng năm), với cơ cấu 08 trang/kỳ phát hành, gồm: chính trị - nông thôn, kinh tế, an ninh - chính trị, xã hội, văn hóa đã kịp thời phản ánh tình hình phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc Khmer. Báo được phát hành đến 100% chùa Khmer (143 chùa) và các chi, đảng bộ có đông đảng viên Khmer, người có uy tín trong vùng đồng bào Khmer. Chỉ tính riêng từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/10/2023, báo in Trà Vinh bằng chữ Khmer đã đăng tải 1.107 tác phẩm báo chí (185 tin, 316 bài, 606 ảnh) [16, tr.1-2].

Chương trình phát sóng phát thanh, truyền hình tiếng Khmer của tỉnh Kiên Giang được tăng thêm thời lượng và nâng lên chất lượng (mỗi chương trình 60 phút/lần, 3 lần/ngày). Ngoài ra, tỉnh còn cấp miễn phí một số loại báo, tạp chí cho các chùa và đồng bào Khmer [142, tr.7].

Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện khá tốt công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong vùng có đông đồng bào dân tộc, trong đó có đồng bào Khmer; phát huy vai trò của chức sắc, chức việc, người có uy tín trong vận động đồng bào dân tộc, tôn giáo thực hiện nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện các phong trào thi đua yêu nước và làm công tác từ thiện xã hội. Chỉ tính riêng năm 2015, tỉnh Kiên Giang đã phối hợp Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ và chỉ đạo tổ chức 09 lớp tuyên truyền có 1.052 người dự tại các huyện Châu Thành, Gò Quao, Giồng Riềng, Giang Thành, Kiên Lương, thị xã Hà Tiên và thành phố Rạch Giá [125, tr.8]. Biên soạn và biên dịch tài liệu tài liệu hỏi đáp về tuyên truyền Chương

trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 bằng 02 thứ tiếng Việt - Khmer.

Năm 2022, Đài Phát thanh - Truyền hình Kiên Giang biên dịch hơn 3.000 tin, bài; biên tập trực tiếp bằng tiếng Khmer gần 150 tin, bài; thu phát lại 03 chương trình văn nghệ Khmer tại Ngày hội văn hóa - thể thao và du lịch đồng bào Khmer năm 2022; thực hiện 14 chương trình cộng tác với Đài VTV5 - Tây Nam bộ [14, tr.9]. Đồng thời, quan tâm giải đáp các vấn đề người dân nêu ra qua hoạt động của chuyên mục “Dân hỏi, chính quyền trả lời” trên Báo Kiên Giang và Đài Phát thanh - Truyền hình Kiên Giang.

Ở tỉnh An Giang, các xã, thị trấn trong vùng đồng bào DTTS đều có đài truyền thanh, tiếp âm từ đài truyền thanh huyện, thị xã, những nơi có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống phát cả hai ngôn ngữ: Việt - Khmer để bà con đồng bào dân tộc kịp thời nắm bắt các chủ trương, chính sách của địa phương và hoạt động đúng theo chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước. Chương trình phát thanh bằng tiếng Khmer được thực hiện thường xuyên từ tỉnh đến cơ sở trong vùng có đồng bào dân tộc Khmer thời lượng phát sóng bằng tiếng Khmer trên truyền hình là 120 phút/ngày [118, tr.8].

Đồng thời, các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL ngày càng chú trọng hơn chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, gắn với việc nắm và phản ánh tương đối đầy đủ, kịp thời tình hình, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tình hình dân tộc, tôn giáo và giải quyết khá tốt những vấn đề phát sinh trong đồng bào Khmer. Các cấp ủy đảng, tổ chức đảng đã thường xuyên đổi mới phương thức vận động; tăng cường công tác tuyên truyền cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện những nội dung vận động đồng bào Khmer trong các nghị quyết, chủ trương quyết định của tỉnh ủy, BTVTU. Ngoài đội ngũ tuyên truyền viên các cấp, kết hợp với sư sãi, người có uy tín trong phum, srok - lực lượng trực tiếp - thì việc vận động, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng đã được quan tâm, như: Đài phát thanh - truyền hình, sách báo, tờ rơi, panô, áp phích...

Ngoài ra, một số hình thức tuyên truyền khác cũng được quan tâm, như: thông qua sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt chi bộ khóm, ấp; những cuộc sinh hoạt khu dân cư và kể cả việc tiếp nhận thông tin từ bạn bè và người thân. Trong khi đó, ở cơ quan công quyền, các nội dung công khai cho đồng bào biết cũng được niêm yết khá đầy đủ: các chính sách mới, các thủ tục hành chính có liên quan đến lợi ích hợp pháp của đồng bào Khmer; quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, công chức. Các hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, du lịch được đổi mới, nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt nhu cầu của đồng bào Khmer như: Nghệ thuật diễn tấu dàn nhạc ngũ âm Khmer, Văn học dân gian Khmer...

Như vậy, có thể khẳng định, các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL đã sử dụng đa dạng các hình thức tuyên truyền, phổ biến chủ trương về công tác vận động đồng bào Khmer. Các hình thức tuyên truyền được sử dụng đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng và địa bàn cụ thể, bám sát thực tiễn, kết hợp hài hòa giữa quán triệt học tập nghị quyết, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và sinh hoạt đoàn thể.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 84,86% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 79,71% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy, BTVTU đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer [phụ lục 11, 12].

Ba là, các tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Thực tế cho thấy, trong những năm qua, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL luôn chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer; đồng thời, phối

hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào. Nhất là ban dân vận tỉnh ủy (nay là ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy), các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc về công tác dân tộc, tôn giáo đã làm tốt vai trò là cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy về công tác tuyên giáo, dân vận, công tác dân tộc, tôn giáo, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer.

Đồng thời, tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL đã lãnh đạo, chỉ đạo MTTQ Việt Nam, các tổ chức CT-XH các cấp và ban tôn giáo, dân tộc của Ủy ban nhân dân tỉnh trong thực hiện công tác dân vận, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer, công tác dân tộc tôn giáo. Qua đó nhận thức của các lực lượng này được nâng lên, thấy được ý nghĩa, chiến lược của công tác vận động đồng bào Khmer.

Các cấp ủy đảng duy trì khá tốt chế độ định kỳ làm việc với mặt trận, đoàn thể, hội quần chúng; chấn chỉnh việc phân công cấp ủy viên chi bộ, đảng bộ các sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể cấp tỉnh, huyện phụ trách dân vận của cơ quan, đơn vị. Mặt trận, đoàn thể các cấp đã tích cực tham mưu cấp ủy chỉ đạo tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong đoàn viên, hội viên và nhân dân các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, BTVTU. Vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực thực hiện phong trào thi đua yêu nước.

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, MTTQ, các tổ chức CT-XH tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, từng bước khắc phục tình trạng hành chính hóa, hướng về cơ sở, đáp ứng lợi ích của đoàn viên, hội viên và nhân dân, phát huy tích cực vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động đồng bào chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới - đô thị văn minh, phát triển KT-XH, giữ vững QP,AN, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở và phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo Hiến pháp và

pháp luật, góp phần xây dựng Đảng, HTCT cơ sở vùng đồng bào Khmer vững mạnh, toàn diện.

Khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch phát triển KT-XH có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của đồng bào Khmer, Ủy ban nhân dân tỉnh ở vùng ĐBSCL đã chỉ đạo các sở, ngành được giao chủ trì soạn thảo gửi văn bản dự thảo để Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tham gia góp ý, phản biện. Chính quyền phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tổ chức tiếp xúc cử tri định kỳ tại các địa phương, chú trọng đến khu vực đồng bào Khmer. Tại các hội nghị tiếp xúc cử tri, chính quyền các cấp đều cử đại diện tham dự và có giải trình, tiếp thu ý kiến kiến nghị của cử tri tại hội nghị tiếp xúc. Do đó, đã được đông đảo cử tri hoan nghênh, góp phần thu hút và củng cố lòng tin của cử tri, nhân dân đối với Đảng, chính quyền các cấp. Công tác tiếp nhận, tổng hợp, theo dõi, đôn đốc giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri được tiến hành thường xuyên. Tỷ lệ các ý kiến, kiến nghị được giải quyết tăng lên đáng kể, đáp ứng được phần lớn những yêu cầu, nguyện vọng của cử tri và nhân dân, góp phần hạn chế tình trạng người dân lợi dụng dân chủ trong tiếp xúc để thực hiện khiếu nại, tố cáo cá nhân. Hiện nay, tỉnh Kiên Giang duy trì và thực hiện tốt chuyên mục “Dân hỏi, chính quyền trả lời” trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

Công tác tập hợp quần chúng là người Khmer vào các tổ chức đoàn thể được chú trọng. Tại Kiên Giang, thông qua các mô hình tập hợp, số lượng đoàn viên, hội viên các tổ chức CT-XH là người Khmer tăng 63.832 người, chiếm 10% so với tổng số đoàn viên, hội viên toàn tỉnh; ở những vùng có đông đồng bào Khmer đều bố trí cán bộ là người dân tộc Khmer tham gia thành viên của các tổ chức. Toàn tỉnh hiện có 568 người là người dân tộc Khmer tham gia vào Ủy ban MTTQ và ban chấp hành các đoàn thể, hội quần chúng các cấp [142, tr.10].

Tỉnh Vĩnh Long, số đảng viên là người dân tộc Khmer giữ chức vụ chủ chốt có 14 đồng chí (cấp tỉnh 01, cấp huyện 07, cấp xã 6), trong 14 đồng chí chủ chốt trong tổ chức đảng có 3, chính quyền 10, đoàn thể 01 [166, tr.8]. Năm 2020, đồng bào DTTS tham gia vào Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp nhiệm kỳ 2019-2024 có

67 người, trong đó có 10 người là chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer và 05 người là người dân tộc Khmer tiêu biểu tham gia làm ủy viên [166, tr.7].

Đồng thời, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và cấp ủy, chính quyền các huyện có đông đồng bào Khmer (như huyện Bình Minh, Trà Ôn, Tam Bình, Vũng Liêm) ở tỉnh Vĩnh Long đã tổ chức triển khai cho chức sắc, chức việc, sư sãi Phật giáo Nam tông và các cá nhân tiêu biểu trong đồng bào dân tộc Khmer. Các tổ chức đoàn thể ở cơ sở triển khai cho đoàn viên, hội viên ở 48 ấp, 11 xã có đông đồng bào Khmer. Các cấp ủy của 04 huyện, 11 xã có đông đồng bào Khmer sinh sống đều có xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc [165, tr.4].

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, cấp ủy các cấp, nhất là cấp ủy cấp huyện, cấp xã ở các tỉnh ở vùng ĐBSCL đã không ngừng được đổi mới nội dung và phương thức vận động đồng bào dân tộc Khmer; phát huy vai trò của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên là người Khmer, chi ủy, chi bộ ở các phum, srok và chi bộ ấp, ở ấp có đông đồng bào Khmer... trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Thực tế cho thấy, công tác xây dựng Đảng, đoàn thể và đào tạo cán bộ trong đồng bào dân tộc Khmer luôn được các cấp ủy đảng quan tâm. Số lượng đảng viên trong đồng bào dân tộc Khmer hằng năm đều tăng. Các cơ sở đảng, tổ chức đoàn thể và tổ chức chính trị trong đồng bào dân tộc Khmer được củng cố, tăng cường cả về số lượng và chất lượng, ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hiện nay, Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng có 642 tổ chức cơ sở đảng (230 đảng bộ cơ sở, 412 chi bộ cơ sở) [30, tr.1]. Tính đến tháng 6-2023, tỉnh Sóc Trăng có 48.155 đảng viên, trong đó có 7.865 đảng viên là người Khmer (16,33%), có 1 đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, người dân tộc Khmer tham gia cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 là 340 đồng chí [191, tr.11].

Đảng bộ tỉnh An Giang có 16 đảng bộ trực thuộc, trong đó, có 11 đảng bộ huyện, thị, thành phố; 04 đảng bộ khối, ngành và 01 đảng bộ được giao quyền

cấp trên cơ sở (Trường Đại học An Giang); với 756 tổ chức cơ sở đảng, trong đó, có 421 chi bộ cơ sở và 335 đảng bộ cơ sở với tổng số 66.531 đảng viên, chiếm 3,5% dân số toàn tỉnh [120, tr.1].

Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long có 11 đảng bộ trực thuộc: Gồm 06 đảng bộ huyện, 01 thị xã, 01 thành phố, 02 đảng bộ ngành (Công an, Quân sự) và Đảng bộ khối Cơ quan và Doanh nghiệp, với 461 tổ chức cơ sở đảng (217 đảng bộ cơ sở, 244 chi bộ cơ sở); có 1.989 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở với tổng số 44.092 đảng viên [24, tr.1]. Ở Vĩnh Long, năm 2020, có 80 chi, đảng bộ cơ sở có đảng viên là người dân tộc Khmer; không có chi, đảng bộ cơ sở 100% đảng viên là người dân tộc Khmer [166, tr.7].

Các cấp ủy đảng, chính quyền ở các tỉnh vùng ĐBSCL thực hiện khá tốt Quy định số 11-QĐ1/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; tiếp tục chỉ đạo, quán triệt thực hiện các quy định của pháp luật về Luật Tiếp công dân. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân đúng quy định. Điển hình như: Năm 2021, người đứng đầu cấp ủy cấp huyện, thành phố ở tỉnh Kiên Giang tổ chức tiếp công dân 130 cuộc/433 lượt người; cấp xã, phường, thị trấn tổ chức 2.512 cuộc/7.492 lượt người, qua đó kịp thời chỉ đạo giải quyết, xử lý những phản ánh, kiến nghị của nhân dân [138, tr.3]. Năm 2023, cấp ủy, chính quyền tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết 100% vụ việc thông qua thuyết phục, giải thích và hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định, đã tiếp 209 lượt công dân với 164 vụ việc [154, tr.4]. Năm 2016, toàn tỉnh Kiên Giang có 3.337 đảng viên là người DTTS, chiếm 6,84% tổng số đảng viên trong toàn đảng bộ (trong đó Khmer 2.793 đảng viên) [126, tr.6]. Đến năm 2023, toàn tỉnh có 4.070 đảng viên là người dân tộc Khmer, trong đó có 7 đảng viên là sư sãi Phật giáo hệ phái Nam tông Khmer, 77 đảng viên tham gia cấp ủy các cấp, 01 đại biểu Quốc hội, 377 đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp [142, tr.9].

Đến tháng 6-2023 toàn tỉnh Trà Vinh có 8.256 đảng viên là người dân tộc Khmer, chiếm 17,67%; có 526/526 chi bộ ấp, khóm có đông đồng bào dân tộc Khmer có đảng viên là người dân tộc Khmer [160, tr.6]. Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, đảng viên là người dân tộc Khmer được bầu vào cấp ủy là 18 đồng chí (trong đó cấp tỉnh 01 đồng chí, cấp huyện và tương đương 02 đồng chí và cấp xã 15 đồng chí) [166, tr.8]. Nhờ làm tốt công tác tạo nguồn, phát triển mạnh đội ngũ đảng viên Khmer cả về số lượng và chất lượng nên việc tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ Khmer thời gian qua tại các địa phương được thực hiện tốt, đáp ứng các quy định mang tính đặc thù của địa phương có đông đồng bào Khmer như: Địa phương có trên 30% số dân là người Khmer thì phải bảo đảm tỷ lệ cấp ủy là người Khmer không dưới 15% và phải có cán bộ Khmer được bố trí trong Thường trực cấp ủy. Nơi nào khó khăn thì bố trí cán bộ Khmer trong ban thường vụ hoặc chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; nơi có từ 20-30% số dân là người Khmer thì cán bộ Khmer trong cấp ủy không dưới 10%. Đối với địa phương có dưới 20% số dân là người Khmer, thì có từ 5%-7% cấp ủy viên là người Khmer. Đối với các đảng bộ cấp huyện và cấp trên cơ sở còn lại, nếu có cán bộ người Khmer nổi trội, tiêu biểu, đủ chuẩn thì cơ cấu vào cấp ủy hoặc giới thiệu để bổ sung cho nơi thiếu.

Mỗi cán bộ, đảng viên đã xác định bản thân là một tuyên truyền viên, tiên phong, gương mẫu trong việc nắm bắt quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước và địa phương tuyên truyền, giải thích, hướng dẫn, tổ chức cho đồng bào Khmer trong các nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận.

Các cấp ủy, tổ chức đảng chú trọng phân công đảng viên phụ trách hộ gia đình; phân thành các tổ hoặc nhóm đảng viên để phụ trách hộ gia đình theo cụm dân cư hoặc khu phố. Tùy vào điều kiện sinh hoạt của các hộ gia đình, cụm dân cư, khu phố các đảng viên, các tổ nhóm đề ra phương pháp tiếp cận một cách thích hợp đối với các hộ gia đình phụ trách.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh ban hành Quy định số 784-QĐ/TU ngày 10/5/2016 về việc cấp ủy, lãnh đạo Ban Dân vận, MTTQ, đoàn thể các cấp tham dự sinh hoạt định kỳ và ngày sinh hoạt định kỳ ở các loại hình chi bộ, chi, tổ hội, phân hội. Phân công cấp ủy, lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở phụ trách địa bàn. Công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên được thực hiện chặt chẽ, tỷ lệ đảng viên được phân công nhiệm vụ đạt 97,38% [156, tr.4].

Đồng thời, ĐNCB khối dân vận thường xuyên được quan tâm củng cố, kiện toàn, nhất là cán bộ chủ chốt sau đại hội đảng các cấp, thực hiện tốt công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, luân chuyển cán bộ tương đối hợp lý, chú trọng tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức và năng lực; cán bộ dân vận, mặt trận, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở cơ bản đủ về số lượng, chất lượng từng bước được nâng lên.

Công tác quy hoạch cấp ủy các cấp được quan tâm, bảo đảm tỷ lệ là người DTTS hợp lý về số lượng và cơ cấu, trong đó có đồng bào Khmer. Quan tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ người Khmer làm công tác văn hóa trên địa bàn; cử cán bộ người Kinh học ngôn ngữ Khmer để nâng cao hiệu quả khi tham gia công tác trong vùng đồng bào dân tộc Khmer.

Hiện nay, toàn tỉnh Sóc Trăng có 5.610 cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (21,48%). Có 2 đại biểu Quốc hội khóa XV là người dân tộc Khmer; 507 đại biểu người Khmer tham gia Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 [191, tr.11].

Tỉnh Trà Vinh tổng số cán bộ, công chức, viên chức người Khmer toàn tỉnh 4.706/22.584 người, chiếm tỷ lệ 20,84%; Cán bộ dân tộc Khmer tham gia Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là 726/3.225 người, chiếm 22,51% (cấp xã 663/2.879 người, chiếm 23,03%; cấp huyện 47/297 người, chiếm 15,82%; cấp tỉnh 16/49 người, chiếm 32,65%); cán bộ dân tộc Khmer tham gia Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh là 2/6 người, chiếm 33,33%; cán bộ, công chức, viên chức người Khmer làm công tác Mặt trận 32 người (cấp tỉnh 5 người, cấp huyện 9 người, cấp xã 18 người) [97].

Đến nay, toàn tỉnh Kiên Giang có 2.407 cán bộ, công chức là người dân tộc Khmer, trong đó có 01 đồng chí được bầu vào Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh [142, tr.9].

Năm 2016, số lượng đồng bào dân tộc Khmer tham gia vào cơ quan nhà nước, HTCT của tỉnh An Giang là 1.456 người (nam: 874 người, nữ: 582 người), chiếm 86,7%; số lượng đảng viên là người dân tộc Khmer là 1.248 người [6, tr.8].

Ở tỉnh Vĩnh Long, tổng số cán bộ, công chức người dân tộc Khmer là 609 người, trong đó cấp tỉnh 151 (chiếm 15,22%); huyện 208 (chiếm 27,3%); xã 250 (chiếm 10,9%) [165, tr.10].

Dưới sự lãnh đạo các tỉnh ủy, BTVTU, tổ chức bộ máy được quan tâm kiện toàn, chất lượng ĐNCB, nhất là cán bộ chủ chốt ngày càng cao. Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị đang tích cực khẩn trương xây dựng, triển khai xây dựng danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm công chức các cơ quan đảng, MTTQ Việt Nam và tổ chức CT-XH, đồng thời từng bước bố trí công chức tại cơ quan, đơn vị phù hợp với vị trí việc làm theo tiêu chuẩn khung năng lực vị trí việc làm do Trung ương ban hành. Các vị trí việc làm được thiết kế gắn với yêu cầu kết quả sản phẩm đầu ra theo từng chức năng, nhiệm vụ tương ứng góp phần thực hiện được 3 mục tiêu của việc xây dựng vị trí việc làm của HTCT.

Với đặc thù là có đông đồng bào Khmer, BTVTU ở vùng ĐBSCL đặc biệt quan tâm, tăng cường công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ người dân tộc Khmer. Trước tiên là chú trọng đào tạo tiếng Khmer cho ĐNCB, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, nhất là những cán bộ phải thường xuyên tiếp xúc, làm việc với bà con người dân tộc Khmer. Đồng thời triển khai thực hiện Đề án Đào tạo tiếng Khmer cho cán bộ, công chức, viên chức và đã đạt được một số kết quả bước đầu đáng phấn khởi, phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền, vận động bà con người dân tộc Khmer thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tập trung đào tạo chuẩn hoá về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, nhằm đảm bảo cho ĐNCB, công chức đồng bào Khmer đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Qua đào tạo, bồi dưỡng, trình độ cán bộ người dân tộc Khmer đã từng bước được nâng lên về trình độ học vấn, lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ... Đặc biệt, năng lực lãnh đạo, tổ chức và điều hành xử lý công việc ngày càng hiệu quả; hầu hết cán bộ, đảng viên đều có lập trường chính trị vững vàng; giữ gìn được đạo đức, có lối sống trong sạch, lành mạnh; am hiểu, sâu sát địa bàn phụ trách, có nhiều đổi mới, tiến bộ trong phong cách làm việc, giữ được mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Thông qua hoạt động thực tiễn, nhiều cán bộ, đảng viên đã tích lũy được kinh nghiệm trong lãnh đạo và quản lý, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HTCT ở cơ sở. Theo đó, tỷ lệ đảng viên người dân tộc Khmer so với tổng số đảng viên trong từng đảng bộ huyện, thị xã, thành phố ngày càng tăng; tỷ lệ cán bộ là người dân tộc Khmer tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy và giữ các chức danh chủ chốt ở vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer tương đối hợp lý.

Công tác bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chặt chẽ, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện được thực hiện theo đúng quy định. Tập trung xây dựng ĐNCB các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín; thực hiện nghiêm quy định về miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ; đồng thời khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Sau Đại hội Đảng các cấp ở các tỉnh vùng ĐBSCL, cán bộ dân vận, Mặt trận, các đoàn thể CT-XH tiếp tục được củng cố và tăng cường. Chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý, tập trung thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch, trong đó chú trọng đến ĐNCB là người dân tộc Khmer nhằm bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ trong tình hình mới. Đội ngũ cán bộ ở các tỉnh vùng ĐBSCL nói chung, ĐNCB ở những địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống nói riêng, đa số đều am hiểu phong tục tập quán của đồng bào,

có khả năng giao tiếp bằng tiếng Khmer, nhờ đó đem lại hiệu quả cao trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Cùng với việc chăm lo phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của đồng bào, các chính sách về giáo dục đào tạo, giữ gìn tiếng nói, chữ viết của đồng bào DTTS cũng được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm, tạo điều kiện duy trì tiếng nói, chữ viết trong đồng bào dân tộc Khmer.

Thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025 xác định, cần bồi dưỡng tiếng dân tộc (Khmer) 2.020 lượt cán bộ, công chức, viên chức [27, tr.24]. Đến nay, tỉnh Sóc Trăng đã tổ chức đào tạo được 4 khóa (1 khóa đào tạo thí điểm) với 836 học viên; trong đó có 12 lớp căn bản với 648 học viên; 4 lớp nâng cao với 140 học viên và 2 lớp biên phiên dịch với 48 viên [191, tr.12]. Tỷ lệ lao động người Khmer được đào tạo nghề có việc làm năm 2022 ở tỉnh Sóc Trăng là 2.695 người (97,93%) [191, tr.5].

Giai đoạn 2021-2023, tỉnh Sóc Trăng đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng 77.250 lượt/80.148 lượt cán bộ, công chức, viên chức [30, tr.22]. Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2024, tỉnh Sóc Trăng đã cử 100 cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc Khmer tham gia đào tạo sau đại học theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS thuộc Tiểu dự án 2 (Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo đại học và sau đại học) của Dự án 5 (Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực) theo Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc [30, tr.23].

Từ năm 2019 đến tháng 8-2024 tỉnh Trà Vinh đã cử đi đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ được 750 cán bộ, công chức là người dân tộc Khmer; đã luân chuyển, điều động, giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm 23 cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản là người dân tộc Khmer [162, tr.16].

Việc chọn, cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo sau đại học đảm bảo đúng nguyên tắc, công khai, dân chủ; căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo,

quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị để nâng cao chất lượng ĐNCB, công chức, viên chức là người DTTS.

Công tác quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025 ở tỉnh Trà Vinh như sau: Cấp tỉnh: 31 đồng chí là người dân tộc Khmer quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; 12 đồng chí là người dân tộc Khmer quy hoạch BTVTU; 31 đồng chí là người dân tộc Khmer quy hoạch trưởng, phó ngành tỉnh và tương đương. Cấp huyện: 110 đồng chí là người dân tộc Khmer quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ huyện và tương đương; 34 đồng chí là người dân tộc Khmer quy hoạch ban thường vụ huyện ủy và tương đương. Cấp xã: 584 đồng chí là người dân tộc Khmer quy hoạch Ban Chấp hành đảng bộ xã, phường, thị trấn. Ban Chấp hành đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 đã có 458 đồng chí là người dân tộc Khmer; chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở nhiệm kỳ 2022-2025 có 1.381 đồng chí là người dân tộc Khmer [162, tr.16].

Đảng viên là người dân tộc Khmer giữ chức vụ chủ chốt (Trưởng, phó) ở tỉnh Vĩnh Long là 14 đồng chí (cấp tỉnh 01, cấp huyện 07, cấp xã 6 đồng chí), trong 14 đồng chí chủ chốt trong bộ máy đảng có 3, chính quyền 10, đoàn thể 01 đồng chí. Ban Dân tộc tỉnh đã quy hoạch cán bộ lãnh đạo giai đoạn 2015-2020, chức danh trưởng ban 02 đồng chí (người dân tộc Khmer), phó trưởng ban 03 đồng chí (02 Khmer, 01 Kinh); giai đoạn 2020-2025, chức danh trưởng ban có 04 đồng chí (3 Khmer, 1 Kinh), phó trưởng ban 04 đồng chí (2 Khmer, 2 Kinh) [165, tr.5-6].

Dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy, BTVTU, công tác xây dựng ĐNCB các cấp ở các tỉnh vùng ĐBSCL vững mạnh, nhất là ở những địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống luôn được các cấp ủy đảng quan tâm lãnh đạo, triển khai thực hiện phù hợp với nhu cầu phát triển KT-XH của tỉnh và tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng ĐNCB, công chức, viên chức, từng bước đạt chuẩn theo yêu cầu

chức danh lãnh đạo, quản lý, vị trí việc làm, gắn với công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

Đội ngũ cán bộ các cấp ở các tỉnh vùng ĐBSCL luôn có ý thức, trách nhiệm phục vụ nhân dân, giảm dần tình trạng những nhiễu nhâm nhân dân trong thực thi công vụ; công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại của dân, hòa giải ở cơ sở tiếp tục được tăng cường. Chất lượng, hiệu quả cải cách thủ tục hành chính từng bước nâng lên, giảm dần những thủ tục không còn phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và công dân trong giải quyết thủ tục hành chính.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 81,33% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 80,55% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào [phụ lục 11, 12].

Bốn là, các tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào tương đối hợp lý, ngày càng khoa học hơn.

Từ năm 2015 đến nay, các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL luôn chú trọng xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định về công tác dân vận, coi trọng những điểm về vận động đồng bào Khmer trong các nghị quyết, quyết định này; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia.

Trong đó, các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL luôn chú trọng đến công tác dân vận, nhất là những nội dung về vận động đồng bào Khmer thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN luôn được điều chỉnh cho phù hợp với các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo của từng địa phương

trong từng giai đoạn để đảm bảo các chính sách này luôn chăm lo đời sống của đồng bào Khmer.

Do đó, các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU khi thâm nhập vào đời sống của đồng bào Khmer đã mang lại những chuyển biến tích cực. Đồng bào Khmer an tâm lao động sản xuất, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào Khmer ổn định; khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được giữ vững và phát huy. Các kết cấu hạ tầng ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn ngày càng hoàn thiện; hàng nghìn hộ Khmer nghèo được hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, vốn sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần của người dân dần được nâng lên rõ rệt.

Đồng bào Khmer luôn có sự phấn đấu vươn lên trong lao động, sản xuất, học tập và công tác; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động ở địa phương, từng bước khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại, tinh thần tự lực tự cường của đồng bào được phát huy, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào từng bước được cải thiện, ổn định.

Tình hình KT-XH vùng đồng bào dân tộc Khmer đã có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên; tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer giảm. Kết cấu hạ tầng vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer, vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn được tập trung đầu tư, xây dựng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân; chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo được nâng lên; hệ thống trường dân tộc nội trú được quan tâm đầu tư xây dựng; công tác chăm sóc sức khỏe cho đồng bào vùng DTTS, vùng đặc biệt khó khăn tiếp tục được chú trọng thực hiện; bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của đồng bào Khmer được giữ gìn và phát huy.

Các cấp, các ngành tăng cường công tác khuyến công, khuyến nông, khuyến ngư, đẩy mạnh chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nhiều mô hình sản xuất trong đồng bào dân tộc Khmer đạt hiệu

quả kinh tế cao, thực hiện chuyển dịch cơ cấu phát triển kinh tế trong vùng đồng bào dân tộc, đã hình thành và phát triển các làng nghề và nhiều tổ hợp tác, hợp tác xã trong vùng đồng bào dân tộc hoạt động có hiệu quả.

Ở Sóc Trăng, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer giảm trên 4,5%/năm [155, tr.2]. Năm 2022 toàn tỉnh giảm 3.031 hộ nghèo người Khmer (giảm 3,01%) và giảm 1.353 hộ cận nghèo người Khmer (giảm 1,36%) [155, tr.5]. Đến nay, các xã có đông đồng bào Khmer ở tỉnh Sóc Trăng đều có trường trung học cơ sở, trạm y tế và đường ô tô đến trung tâm xã. 100% xã, phường, thị trấn và 100% khóm, ấp có điện lưới quốc gia. 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng phát thanh - truyền hình, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt tinh thần của người dân. 100% xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế [191, tr.1].

Tỉnh Trà Vinh, năm 2020, hộ nghèo trong đồng bào Khmer giảm còn 3,92% (năm 2015 là 23,12%) [156, tr.18]. Năm 2021, hộ nghèo dân tộc Khmer có 6.483 hộ, chiếm 7,19% so với hộ dân tộc Khmer, hộ cận nghèo là 17.215 hộ, chiếm tỷ lệ 6% so với tổng số hộ dân cư [159, tr.13]. Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) còn 1,88% (trong đó hộ dân tộc Khmer chiếm 3,61%); hộ cận nghèo còn 3,80% (trong đó hộ dân tộc Khmer chiếm 5,87%) [160, tr.17].

Đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh An Giang đến nay không còn hộ đói, hộ nghèo giảm dần, mỗi năm trung bình giảm từ 3% đến 4% hộ nghèo [118, tr.8]. Tổng số hộ nghèo DTTS của tỉnh An Giang là 3.161 hộ, trong đó hộ nghèo là người Khmer: 3.017 hộ. Tổng số hộ cận nghèo DTTS của tỉnh là 2.106 hộ, trong đó số hộ cận nghèo là người Khmer: 1.912 hộ [10, tr.8].

Tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm ở tỉnh Kiên Giang giảm 1,33% (cuối năm 2017 hộ nghèo dân tộc Khmer 6.723 hộ, đến cuối năm 2022 còn 2.485 hộ [142, tr.2].

Các ngành, các cấp quan tâm triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ đồng bào; các thiết chế văn hóa, lễ hội truyền thống của đồng bào được quan tâm đầu tư. Đặc biệt, kết cấu hạ tầng vùng có đông đồng bào Khmer, vùng khó khăn như: điện, nước sinh hoạt, đường giao thông,

trường lớp, mạng lưới y tế... được tăng cường đầu tư, đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH, ổn định an ninh chính trị và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào. Đồng thời, các cấp ủy, ĐNCB các cấp trong tỉnh luôn quan tâm triển khai thực hiện khá hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách dân tộc; các chính sách an sinh xã hội; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho các hộ nghèo, gia đình chính sách, người có uy tín, các chức sắc là người dân tộc trong dịp lễ, tết của đồng bào. Điển hình như: Năm 2016, MTTQ tỉnh Sóc Trăng phối hợp triển khai mô hình hỗ trợ 20 con bò giống trị giá 400 triệu đồng cho đồng bào dân tộc Khmer [147, tr.8]. Năm 2022, tặng tiền mặt cho 140 hộ gia đình dân tộc Khmer nghèo, sinh sống ở vùng ven biển bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 từ nguồn ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 của Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam [153, tr.10].

Đồng thời, quan tâm chỉ đạo tổ chức Tết Chôl-Chnăm-Thmây, lễ Sene Đôn Ta của đồng bào Khmer, bên cạnh đó các ngành chức năng thực hiện tốt chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đồng bào DTTS ở vùng khó khăn theo quy định; đồng thời tham mưu đề xuất hỗ trợ kinh phí cho hộ đồng bào Khmer nghèo giúp đồng bào vui Tết. Hằng năm, đều đi thăm chúc mừng và tặng quà các chùa, các vị chức sắc, Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình chính sách, cán bộ lão thành và người có uy tín tiêu biểu là dân tộc Khmer. Tiêu biểu như năm 2018, tỉnh Kiên Giang tổ chức họp mặt Chôl-Chnăm-Thmây 250 cán bộ (đang công tác, về hưu), sư sãi và người có uy tín, tiêu biểu là người dân tộc Khmer về dự; hỗ trợ cho 6.723 hộ đồng bào Khmer nghèo (mỗi hộ 300.000 đồng) với số tiền 2 tỷ 16 triệu 900 ngàn đồng giúp đồng bào vui Tết [130, tr.8].

Cấp ủy, đội ngũ các cấp trong tỉnh ở những nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống luôn chú trọng triển khai thực hiện các chính sách dân tộc của Trung ương và của tỉnh; lồng ghép thực hiện đan xen các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách của Đảng và Nhà nước và các kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh ở vùng đồng bào DTTS. Đội ngũ cán bộ quan tâm tổ chức các đoàn thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, cán bộ hưu trí, chức sắc tiêu biểu và hộ

nghèo đồng bào dân tộc Khmer trong tình nhân dịp lễ, tết của đồng bào dân tộc, qua đó vận động đồng bào tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động. Các chính sách như: Chính sách hỗ trợ tiền điện, vay vốn tín dụng ưu đãi, vay vốn cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, nước sạch, vệ sinh môi trường, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn... luôn được cấp ủy, ĐNCB các cấp trong tỉnh ở vùng ĐBSCL quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt, tỷ lệ giải ngân cao, tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống.

Những năm qua, các cấp ủy, chính quyền tỉnh Sóc Trăng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đã đầu tư xây dựng 399 công trình (350 đường giao thông nông thôn, 6 công trình thủy lợi, 41 công trình nhà sinh hoạt cộng đồng, 1 công trình giáo dục, 1 trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã) và thực hiện duy tu, bảo dưỡng 207 công trình, chủ yếu tập trung vào đường giao thông và nhà sinh hoạt cộng đồng với tổng nguồn vốn thực hiện là 430.131 triệu đồng [155, tr.4].

Chính quyền, MTTQ, tổ chức CT-XH các cấp ở các tỉnh vùng ĐBSCL, nhất là ở vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer đã tập trung vào xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng sinh hoạt, tổ chức các phong trào thi đua, hướng mạnh về cơ sở, chăm lo, bảo vệ lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, phát huy truyền thống yêu nước, ý thức trách nhiệm, tinh thần tự lực tự cường, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đại hội đảng các cấp. Trong 20 năm (2003-2022), tỉnh Kiên Giang đã xây dựng 6.189 căn nhà theo Chương trình 134 cho đồng bào dân tộc Khmer [139, tr.22].

Tại Kiên Giang, từ tháng 6-2019 đến tháng 6-2022 đã tổ chức 337 lớp nghề nông nghiệp, 8.990 học viên tham gia, trong đó có 3.411 học viên là người Khmer, qua đó góp phần giải quyết việc làm, ổn định đời sống cho đồng bào [142, tr.4]. Đồng thời, tỉnh vận dụng chính sách miễn đóng học phí và quỹ xây dựng trường lớp đối với học sinh là người Khmer ở các cấp học phổ thông trong hệ công lập, đầu tư. Năm học 2023-2024, có 22 trường phổ thông ở xã có đông đồng bào DTTS dạy chữ Khmer (15 trường tiểu học, 06 trường trung học cơ sở và 01 trường trung học phổ thông) [189, tr.7].

Trong 3 năm (2018, 2019, 2023), tỉnh Kiên Giang đã hỗ trợ trên 1 tỷ đồng mua sách giáo khoa, bồi dưỡng giáo viên, sư sãi dạy tiếng nói và chữ viết Khmer ở các chùa trong dịp hè, qua đó góp phần duy trì và giữ gìn tiếng nói - chữ viết trong đồng bào; thường xuyên tổ chức mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng giáo viên các kỹ năng, phương pháp sư phạm dạy tiếng Khmer [142, tr.6].

Ở các xã có đông đồng bào Khmer, ngành giáo dục tỉnh Vĩnh Long đã đầu tư xây dựng mới 40 trường học từ mầm non đến trung học phổ thông. Tổng số học sinh Khmer các cấp được huy động đến trường đạt tỷ lệ 98%. Ngoài việc học tiếng Việt cùng học sinh người Kinh, số học sinh tiểu học người Khmer trong tỉnh cũng được tổ chức học chữ Khmer theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo do đội ngũ giáo viên Khmer có năng lực phụ trách giảng dạy. Hiện nay có 8 giáo viên dạy tiếng Khmer. Học sinh là con em đồng bào dân tộc Khmer được miễn học phí theo Chỉ thị số 68/CT-TW của Ban Bí thư và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh [165, tr.9].

Đồng thời, công tác bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer luôn được cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp ở các tỉnh vùng ĐBSCL quan tâm, tạo điều kiện. Điển hình như: Việc dạy và học song ngữ phổ thông được duy trì và phát triển ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và các điểm chùa. Thực hiện việc động viên, khuyến khích, hỗ trợ đối với con em đồng bào Khmer tham gia học tập tại Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ và Sư phạm

tiếng Khmer của Trường Đại học Trà Vinh. Hay việc học tập, nghiên cứu của các vị sư tại Trường Trung cấp Pali-Khmer tỉnh Trà Vinh. Hiện nay, 100% xã trong vùng dân tộc Khmer ở tỉnh Trà Vinh có trường mẫu giáo. Việc dạy và học chữ Khmer được duy trì và phát triển, toàn tỉnh có 134/143 chùa tổ chức dạy học chữ Khmer dịp hè, có 16.736 học sinh theo học [158, tr.4].

Ở Kiên Giang, hoạt động văn nghệ quần chúng Khmer được quan tâm, hằng năm đều tổ chức các hội thi, hội diễn... ở một số địa phương, cơ sở như huyện Gò Quao, Hòn Đất, Giồng Riềng, An Biên... Hằng năm, tỉnh Kiên Giang dành nguồn ngân sách hỗ trợ và duy trì hoạt động của Đoàn nghệ thuật Khmer Kiên Giang nhằm gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc; phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, của địa phương đến với người dân, nhất là đồng bào vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo... một cách hiệu quả, thiết thực.

Hằng năm, các cấp, các ngành tỉnh Sóc Trăng luôn quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào dân tộc Khmer sinh hoạt các lễ, hội theo truyền thống như: Tết Chôl Chnăm Thmây, lễ Sene Đội Ta, lễ hội Oóc Om Bóc - đua ghe Ngo,; đồng thời, còn tổ chức họp mặt, truyền hình trực tiếp và thành lập các đoàn đến thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà các gia đình người Khmer tiêu biểu và các chùa Phật giáo Nam tông Khmer trên địa bàn tỉnh, với tổng kinh phí gần 2 tỷ đồng/năm [191, tr.13].

Đồng thời, trong công tác vận động đồng bào Khmer, các cấp ủy đảng, chính quyền MTTQ, các tổ chức CT-XH ở các tỉnh ĐBSCL luôn quan tâm tuyển chọn, quản lý, sử dụng người có uy tín và thực hiện tốt chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg, ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

Ở Sóc Trăng hiện có tổng số 606 người có uy tín (trong đó, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh quản lý 50 người, Công an tỉnh quản lý 199 người và Ban Dân tộc tỉnh quản lý 357 người). Từ năm 2018-2022 cấp phát Báo Đại đoàn kết cho người có uy tín 79.765 tờ với số tiền 438.707.500 đồng; thăm, tặng quà

nhân các dịp lễ, tết và thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ người có uy tín gặp khó khăn, phúng viếng khi người thân, gia đình người có uy tín qua đời 397 suất với số tiền 248.000.000 đồng; hỗ trợ cho 257 lượt người có uy tín trong công tác tuyên truyền, vận động gia đình, cộng đồng và xã hội, tiếp đón đồng bào với số tiền 308.400.000 đồng (1,2 triệu đồng/người/năm); khen thưởng cho 30 cá nhân người uy tín có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước [155, tr.11].

Năm học 2022-2023, toàn tỉnh Trà Vinh có 96 trường dạy học tiếng Khmer với 20.357 học sinh; tổ chức 02 kỳ thi nhận trình độ Ngữ văn Khmer cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở. Toàn tỉnh có 134/143 chùa dạy học tiếng Khmer trong dịp hè với 20.278 học sinh, 835 người dạy [16, tr.4].

Toàn tỉnh An Giang có 54 trường trung học phổ thông và 155 trường trung học cơ sở, trong đó, có 03 trường phổ thông dân tộc nội trú, việc dạy và học tiếng Khmer được tổ chức tại 03 trường phổ thông dân tộc nội trú và ở các trường tiểu học riêng tại các điểm chùa vào dịp hè mới có lớp học chữ Khmer [118, tr.8].

Mỗi năm tỉnh Kiên Giang có khoảng 5.000 sư sãi, học sinh Khmer theo học tại các chùa, cộng đồng dạy tiếng nói và chữ viết Khmer vào dịp hè [142, tr.2]. Hiện nay, toàn tỉnh bầu chọn được 279 người có uy tín, trong đó có 235 người Khmer làm nòng cốt [142, tr.9]. Trên địa bàn tỉnh An Giang có 63 người có uy tín, trong đó có 58 đồng bào dân tộc Khmer [11, tr.4]. Toàn tỉnh Vĩnh Long hiện có 60 người là người có uy tín trong đồng bào dân tộc, trong đó 40 người là người dân tộc Khmer [166, tr.8].

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 82,05% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 80,96% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy đã thực hiện tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia

đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào [phụ lục 11, 12].

Năm là, các tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer đạt hiệu quả cao.

Thực tế tại các tỉnh ở vùng ĐBSCL cho thấy, trong quá trình lãnh đạo thực hiện công tác vận động đồng bào Khmer, các tỉnh ủy luôn chú trọng kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết các chương trình, kế hoạch thực hiện công tác dân vận đã ban hành luôn được quan tâm thực hiện, nhất là đối với các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên về công tác vận động đồng bào Khmer.

Tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL đã duy trì thành nền nếp công tác kiểm tra, giám sát đối với các tổ chức đảng trực thuộc và đội ngũ đảng viên về công tác vận động đồng bào Khmer. Với những tổ chức đảng, đảng viên gương mẫu, có nhiều sáng kiến, cách làm hay được áp dụng trong thực tế được cấp ủy, nhân dân ghi nhận đều được biểu dương, khen thưởng kịp thời. Bên cạnh đó, với những đảng viên còn lơ là, thậm chí lệch lạc trong nhận thức và hành động, các cấp ủy cũng đã kịp thời phê bình, uốn nắn, giúp đỡ, tháo gỡ khó khăn giúp đảng viên hoàn thành nhiệm vụ. Kịp thời giải quyết những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân nói chung và đồng bào dân tộc Khmer nói riêng.

Diễn hình như: Năm 2015, Tỉnh ủy Kiên Giang đã tổ chức hội nghị sơ kết hoặc báo cáo sơ kết bằng văn bản 12/12 chương trình, kế hoạch [125, tr.4]. Từ năm 2016-2020, Kiên Giang đã tổ chức trên 30 cuộc kiểm tra, khảo sát, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án vùng đồng bào DTTS để kịp thời phát hiện chấn chỉnh những sai sót, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện [186, tr.11], trong đó có vùng đồng bào Khmer.

Để thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cũng đã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo tập huấn

tổ chức thực hiện Chương trình MTQG 1719, giai đoạn 2021-2025. Tính đến tháng 9-2024, toàn tỉnh Sóc Trăng đã tổ chức được 222 cuộc kiểm tra, giám sát. Trong đó, cấp tỉnh kiểm tra, giám sát được 101 cuộc, cấp huyện giám sát 121 cuộc [30, tr.3].

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 79,93% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 79,29% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy đã thực hiện tốt nội dung kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khme [phụ lục 11, 12].

Sáu là, các tỉnh ủy duy trì thành nền nếp việc định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Thực tế cho thấy, cấp ủy các cấp, nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh vùng ĐBSCL đã duy trì thành nền nếp thực hiện tốt sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã ban hành trong công tác vận động đồng bào Khmer, nhất là việc sơ kết thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới. Qua sơ kết, tổng kết đã đánh giá đúng thực chất tình hình; rút ra được nhiều kinh nghiệm tốt, đề ra nội dung chỉ đạo cho thời gian tiếp theo khá sát đúng và kịp thời uốn nắn những biểu hiện lệch lạc.

Qua đó, nhiều mô hình thiết thực, hiệu quả, gắn liền với phát triển đời sống trong đồng bào được nhân rộng, điển hình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để nắm tình hình; lắng nghe ý kiến, phản ánh tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đồng bào... thông qua các buổi sinh hoạt văn hóa cộng đồng, các ngày lễ tết, các nhóm nòng cốt, các câu lạc bộ, sinh hoạt chi, tổ hội của các tổ chức CT-XH... Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết và biểu dương, khen thưởng; tích cực vận động chức sắc, nhà tu hành, chức việc, tín đồ các tôn giáo là người dân tộc Khmer phát huy tinh thần yêu nước, làm tốt nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia lao động sản xuất, hoạt động nhân đạo, từ thiện xã hội, xây dựng nông thôn mới...

Tập trung rà soát, chỉ đạo nâng cao chất lượng các phong trào như: “Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”; “Năm không, ba sạch”; “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; “Tổ nhân dân tự quản không có tội phạm và tệ nạn xã hội”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”... Chất lượng thực hiện các phong trào thi đua từng bước được nâng lên, đi vào chiều sâu, đáp ứng yêu cầu vận động, tập hợp nhân dân thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tình hình an ninh chính trị trong vùng đồng bào dân tộc Khmer tiếp tục được giữ vững, ổn định. Các cấp ủy, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể CT-XH ở các địa phương thường xuyên quan tâm giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đồng bào DTTS; xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng các tổ chức quần chúng làm nòng cốt bảo vệ an ninh trật tự và kịp thời nhân rộng các mô hình có hiệu quả, nhất là trong vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer.

Sóc Trăng tập trung thực hiện Mô hình 4 không “không xảy ra trộm cắp - không xảy ra cháy nổ - không tệ nạn xã hội - không bị lợi dụng, lôi kéo” tại Trường Bỏ túc văn hóa Pali Trung cấp Nam bộ; mô hình “5 không và 3 có” tại Trường Trung học Dân tộc nội trú Huỳnh Cương. Đồng thời, củng cố, nâng cao chất lượng và nhân rộng 9 loại mô hình triển khai tại 35 điểm, sinh hoạt 105 điểm mô hình; nhân rộng 6 mô hình hoạt động hiệu quả, điển hình, tiêu biểu được Bộ Công an ghi nhận [191, tr.11].

Tại Hội nghị sơ kết các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của MTTQ, các đoàn thể CT-XH, hội quần chúng giai đoạn 2016-2021, Tỉnh ủy Kiên Giang khen thưởng cho 51 tập thể, 44 cá nhân có thành tích xuất sắc [143, tr.8], trong đó có nhiều cách làm hay trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 82,39% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 74,47% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy đã thực hiện tốt nội dung định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer

của tỉnh ủy một cách thường xuyên và được đổi mới phù hợp với thực tiễn [phụ lục 11, 12].

3.1.2. Hạn chế

Một là, việc xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer của một số tỉnh ủy, BTVTU đôi lúc còn chung chung, chưa cụ thể, có lúc chưa nhấn mạnh những nội dung về vận động đồng bào Khmer.

Việc xác định chủ trương, xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định về công tác dân vận, trong đó có vận động đồng bào Khmer của một số tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL có lúc, có nơi còn chung chung, chưa cụ thể. Sự lãnh đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác vận động đồng bào Khmer có lúc, có nơi thiếu quyết liệt, chất lượng, hiệu quả có mặt chưa đạt yêu cầu.

Một số cấp ủy chưa xác định rõ yêu cầu, nội dung, những việc cần làm trong xây dựng kế hoạch công tác vận động đồng bào Khmer, chương trình hành động thực hiện của tập thể đơn vị chưa cụ thể, còn thiếu tính chủ động, trông chờ vào hướng dẫn của cấp trên, chưa xác định là yêu cầu, nhiệm vụ, thường xuyên. Việc sao chép kế hoạch của cấp trên còn khá phổ biến, chưa thể hiện được tính đặc thù của từng địa phương trong việc xác định nội dung vận động đồng bào Khmer. Thậm chí, có địa phương còn chưa quan tâm việc xây dựng, chương trình, kế hoạch riêng. Chưa chỉ đạo sâu sát và kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động của các lực lượng tham gia công tác vận động đồng bào Khmer.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 1,41% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 3,56% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy, BTVTU thực hiện chưa tốt nội dung xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, thậm chí có 0,7% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 1,05% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ĐBSCL cho rằng các tỉnh ủy, BTVTU không thực hiện nội dung vận động này [phụ lục 11, 12].

Hai là, đôi khi tỉnh ủy, BTVTU chưa chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan; việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương trong đồng bào Khmer có lúc chưa phù hợp với thực tiễn.

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer có lúc còn chậm trễ hoặc nhận thức chưa đầy đủ, chưa đồng bộ dẫn đến việc nắm tình hình, dư luận quần chúng có liên quan đến công tác tổ chức thực hiện chính sách dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc Khmer, ở một số địa phương chưa thông tin cụ thể những khó khăn, vướng mắc để phản ánh lên cấp trên, nhận thức về công tác dân tộc của một số cán bộ, đảng viên, cấp ủy, chính quyền chưa sâu sắc nên trong tổ chức thực hiện hiệu quả chưa cao. Một số cấp ủy đảng ở cơ sở chưa quán triệt đầy đủ nội dung chương trình chỉ đạo của Tỉnh ủy; việc xây dựng kế hoạch cụ thể hóa có nơi chưa sát hợp tình hình địa phương, đơn vị [125, tr.1]. Trong khi đó, trình độ của người dân ngày một nâng lên, vì vậy nhu cầu tiếp cận thông tin càng cao trong khi công tác tuyên truyền, vận động mặc dù có nhiều đổi mới nhưng đôi lúc vẫn chưa theo kịp với yêu cầu phát triển [119, tr.15]. Trong một số hoạt động, việc tổ chức công tác tuyên truyền chủ yếu còn theo lối mòn truyền thống, chưa có nhiều sáng tạo, cách làm hay, chưa lan tỏa cũng như thực sự tạo được sự thu hút đồng bào Khmer tham gia thực hiện.

Công tác tuyên truyền cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện những nội dung vận động đồng bào Khmer trong các nghị quyết, chủ trương quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận đồng bào của một số cấp ủy có lúc còn thiếu chiều sâu, tư tưởng trông chờ, ỷ lại còn diễn ra khá phổ biến. Chưa thường xuyên cập nhật các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, do đó, có những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa

phương có liên quan đến đồng bào Khmer nhưng đồng bào chưa nắm được, chưa hiểu rõ, dẫn đến việc tổ chức thực hiện không hiệu quả.

Việc tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào Khmer hiểu rõ về quyền lợi và nghĩa vụ của mình một số nơi chưa thật sâu sát, chưa kịp thời và chưa đúng đối tượng. Vì vậy, một bộ phận đồng bào Khmer còn mơ hồ, chưa thật sự giác ngộ. Đôi khi đồng bào Khmer chỉ biết hưởng thụ lợi ích từ những chủ trương của Đảng, Nhà nước mang lại và xem đó là “đương nhiên” họ phải có, còn nghĩa vụ, trách nhiệm công dân thì họ ít quan tâm. Điều đó lâu ngày hình thành nên thói quen, tư tưởng trông chờ, ỷ lại, không tự phấn đấu vươn lên.

Để đồng bào Khmer hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình phải tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích. Tuy nhiên, việc tổ chức triển khai, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đến với đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL có nơi chưa nghiêm túc; chưa đảm bảo tính thông tin hai chiều của công tác vận động nên việc nắm và phản ánh tình hình liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khmer có lúc, có nơi chưa kịp thời và chặt chẽ nên việc điều chỉnh hoặc đặt chính sách đôi khi chưa thật sự phù hợp. Công tác tuyên truyền, vận động đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL có chuyển biến nhưng còn chậm; năng lực của một số cán bộ làm công tác dân vận chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thái độ thờ ơ, buông lỏng trong vận động đồng bào Khmer của một số cán bộ vẫn còn tồn tại; chưa có phương pháp, phong cách làm việc đúng đắn, hiệu quả.

Thời gian phát sóng tiếng Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL thường trùng với nhiều tỉnh, thành khác nên đồng bào không thể xem được nhiều kênh, nghe được nhiều đài. Mặt khác, nội dung chương trình tiếng Khmer cũng không phong phú, hình thức chưa bắt mắt nên không thu hút được nhiều người xem.

Trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long chưa có chương trình phát thanh, truyền hình, báo chí bằng tiếng Khmer hoặc song ngữ Việt - Khmer [165, tr.8]. Ở Trà Vinh, việc phát sóng các chương trình tiếng Khmer hiện nay về thời lượng còn rất hạn chế, chỉ phát 02 buổi trong ngày và cùng thời lượng. Chuyên mục “Dân

hỏi, chính quyền trả lời”, công tác dân vận trên Báo Kiên Giang và Đài Phát thanh - Truyền hình Kiên Giang tuy đã phát huy, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, sự tham gia của nhân dân vào chuyên mục này chưa nhiều.

Bên cạnh đó, việc hưởng thụ văn hóa, thông tin bằng tiếng và chữ Khmer còn hạn chế, chất lượng sản phẩm, ấn phẩm văn học, nghệ thuật, phát thanh, truyền hình, báo chí bằng tiếng và chữ Khmer chưa phong phú, tin bài chưa theo kịp so với nhu cầu, thị hiếu và tầm nghiên cứu ngày càng cao của đồng bào dân tộc Khmer. Do đó, một bộ phận cư dân, đồng bào dân tộc Khmer tự tìm kiếm tài liệu, sách, báo chí được phát hành từ phía Campuchia để xem và thường xuyên xem đài truyền hình Campuchia, nghe chương trình phát thanh tiếng Khmer của đài nước ngoài (chủ yếu xem phim, đọc phần giải trí), việc nghe, xem, đọc ấn phẩm, phát thanh, truyền hình nước ngoài, bên cạnh những nội dung tích cực cũng có những nội dung tiêu cực.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 2,46% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 2,3% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy, BTVTU thực hiện chưa tốt nội dung lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer, thậm chí có 1,76% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 0,84% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ĐBSCL cho rằng các tỉnh ủy, BTVTU không thực hiện nội dung vận động này [phụ lục 11, 12].

Ba là, một số cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, nhất là ở cơ sở chưa xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ nhằm huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer.

Mặc dù, các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhưng một số cấp ủy, ban thường vụ cơ sở chưa xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ nhằm huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng

chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer. Lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, nhất là cán bộ làm công tác dân vận, tôn giáo chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp trong tỉnh. Việc phát huy vai trò của các tổ chức này trong công tác vận động đồng bào Khmer đôi lúc thiếu chặt chẽ, chưa đồng bộ. Hệ thống MTTQ, các đoàn thể CT-XH ở một số nơi chưa thật sự phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy trong công tác vận động đồng bào Khmer. Thực tiễn tại tỉnh Sóc Trăng cho thấy, hoạt động của MTTQ và các đoàn thể CT-XH về công tác vận động đồng bào Khmer có nơi chưa được đổi mới [191, tr.13].

Đội ngũ cán bộ được phân công làm công tác dân tộc của MTTQ các cấp, nhất là ở cơ sở chưa được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; trình độ năng lực, kinh nghiệm thực tiễn của một số cán bộ còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu vận động đồng bào Khmer trong tình hình mới. Cán bộ hệ thống dân vận, Mặt trận, đoàn thể huyện, xã không ổn định, trình độ năng lực có mặt chưa đáp ứng yêu cầu, việc quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ thiếu quan tâm thường xuyên [125, tr.4].

Việc nắm bắt tình hình trong đồng bào Khmer của Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT-XH ở một số địa phương chưa được sâu sát, thường xuyên. Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn của MTTQ, các tổ chức CT-XH, hội quần chúng có lúc, có nơi chưa thường xuyên, chưa sâu rộng; các phong trào thi đua, xây dựng mô hình chưa kịp thời sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm và nhân rộng; công tác tuyên truyền vận động, củng cố hoạt động chi đoàn, chi tổ hội và nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên còn hạn chế.

Một số cấp ủy, cán bộ các cấp vẫn chưa đáp ứng được nhiệm vụ chính trị trong tình hình mới cả về mặt số lượng và chất lượng. Đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc Khmer tuy số lượng tăng dần hằng năm và được bố trí sử dụng trong HTCT các cấp, nhưng vẫn thấp so với tỷ lệ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức chung, vẫn thấp so với tỷ lệ dân số dân

tộc Khmer, đội ngũ làm công tác dân tộc ở cấp xã, thị trấn chưa ổn định, thường xuyên thay đổi, luân chuyển công tác, năng lực của ĐNCB làm công tác dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc còn hạn chế.

Nhận thức của một số cấp ủy các cấp về lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp các tổ chức trong HTCT ở địa phương trong thực hiện các chủ trương, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác vận động đồng bào Khmer chưa thật sự sâu sắc; vai trò nòng cốt của Mặt trận, các đoàn thể một số nơi còn yếu, nội dung sinh hoạt chi, tổ hội chưa đáp ứng nhu cầu của quần chúng, tỷ lệ tập hợp quần chúng vào tổ chức, nhất là quần chúng là đồng bào Khmer vào các đoàn thể còn hạn chế. Một số cán bộ, cấp ủy, chính quyền địa phương còn thụ động, trông chờ vào chính sách của Nhà nước. Ban thường vụ một số cấp ủy làm việc với Mặt trận, các đoàn thể chưa đúng định kỳ theo quy chế; một số cấp ủy xã, phường, thị trấn chưa thật sự chú trọng thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác đồng bào Khmer ở cấp mình.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đối với chính quyền trong vận động đồng bào Khmer chưa kịp thời, thiếu sắc bén. Một số nơi, cấp ủy bao biện, làm thay, một số nơi lại đùn đẩy, thoái thác trách nhiệm. Việc thiếu kiểm tra, giám sát dẫn đến hiệu quả vận động của chính quyền chưa cao. Việc phân công nhiệm vụ chưa rõ ràng, cụ thể. Sự phối hợp hoạt động của các tổ chức trên địa bàn chưa chặt chẽ, đồng bộ. Việc giải quyết những vấn đề bức xúc trong vùng đồng bào còn lúng túng, hiệu quả chưa cao. Ở Kiên Giang, năng lực lãnh đạo toàn diện của một số cấp ủy, chính quyền trong HTCT ở vùng có đông đồng bào DTTS có mặt còn hạn chế [126, tr.2]. Cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc ở cấp cơ sở xã, phường, thị trấn ở tỉnh Trà Vinh vẫn còn yếu, thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ là xây dựng cơ sở vững mạnh [16, tr.9].

Tại Vĩnh Long, một số cấp ủy đảng, chính quyền cấp huyện, cấp cơ sở còn buông lỏng lãnh đạo, quản lý; ĐNCB, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc, tôn giáo vẫn chưa đảm bảo về số lượng lẫn chất lượng; việc triển

khai, quán triệt thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số nơi còn chậm [24, tr.1].

Hoạt động đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với đồng bào Khmer chưa được thực hiện thường xuyên, chưa giải quyết kịp thời, thỏa đáng những đơn, thư khiếu nại, tố cáo và những vấn đề bức xúc của nhân dân. Việc cụ thể hóa thực hiện ở một số sở, ban ngành cấp tỉnh và chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ở tỉnh Kiên Giang chưa kịp thời [142, tr.4]. Việc tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án, chính sách khác với Chương trình mục tiêu quốc gia để phát huy hiệu quả KT-XH còn thấp.

Vẫn còn tình trạng một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức tới công tác tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp đảng viên là người Khmer. Công tác phát triển đảng viên tuy có tăng nhưng tỷ lệ đảng viên dân tộc Khmer so với dân số đồng bào dân tộc Khmer còn thấp so với mức bình quân toàn vùng và chưa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, phần lớn đảng viên được phát triển ở cấp cơ sở, trình độ có giới hạn, do đó chưa đảm bảo nguồn để đào tạo cán bộ ở cấp huyện, tỉnh.

Công tác tổ chức, cán bộ ở những địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống nhìn chung vẫn còn bất cập. Công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức chưa được quan tâm nhiều, cán bộ dân tộc Khmer được bố trí chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và lãnh đạo các sở, ban, ngành địa phương còn rất ít so với tổng dân số dân tộc Khmer. Chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ chưa kịp thời nên không thu hút được lực lượng người dân tộc có trình độ về công tác ở vùng đồng bào dân tộc.

Số cán bộ được quy hoạch lãnh đạo, quản lý các cấp, cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, tham gia vào đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp chưa nhiều; còn một số địa phương có đông đồng bào Khmer nhưng chưa bố trí được cán bộ chủ chốt là người Khmer. Điển hình như, tại Sóc Trăng, công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ là người dân tộc Khmer còn hạn chế [191, tr.13].

Bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ, công chức cấp xã không sinh sống tại địa phương mà được bố trí luân chuyển trong thời gian ngắn nên hạn chế trong việc am hiểu phong tục tập quán và ngôn ngữ của đồng bào Khmer. Năng lực chuyên môn và kỹ năng công tác của một bộ phận cán bộ làm công tác vận động quần chúng còn hạn chế.

Thực tế tại tỉnh Kiên Giang cho thấy, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc chưa được quan tâm đúng mức; công tác tạo nguồn để phát triển đảng viên, đoàn viên, hội viên dân tộc còn nhiều khó khăn. Đội ngũ cán bộ dân tộc còn hụt hẫng, trình độ chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, nhất là ở cơ sở [126, tr.2]. Ban dân vận huyện và đồng chí phụ trách khối vận xã một số nơi chưa thực hiện tốt vai trò theo dõi, giám sát việc triển khai quán triệt [125, tr.1].

Bên cạnh đó, một số cán bộ chưa được đào tạo về kỹ năng tiếp dân, dẫn đến thái độ cư xử chưa đúng mực, gây ra mâu thuẫn, thậm chí xung đột với người dân. Mặt khác, cán bộ tuyên truyền phần lớn là người Kinh, không thông thạo tiếng đồng bào Khmer nên việc truyền tải nội dung tuyên truyền chung chung, qua loa, đại khái. Vì vậy, phần lớn đồng bào Khmer không hiểu; hoặc có hiểu thì cũng không tường tận. Điều này dẫn đến nhiều chủ trương, đường lối của Đảng chưa đến được cụ thể với dân, nhiều chính sách mới ưu tiên cho đồng bào Khmer; nhiều chủ trương mới chưa được giải thích rõ ràng, thấu đáo. Khi đồng bào chưa có thông tin chính thống, cũng không có điều kiện bày tỏ, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, nên những trăn trở, bức xúc dần “tích tiểu thành đại”, sinh ra những phản ứng tiêu cực khó kiểm soát và dần hình thành các điểm nóng trong dư luận và cộng đồng.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 3,17% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 2,51% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy thực hiện chưa tốt nội dung tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt

chê các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào, thậm chí có 1,06% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 1,46% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ĐBSCL cho rằng các tỉnh ủy không thực hiện nội dung vận động này [phụ lục 11, 12].

Bốn là, một số tỉnh ủy, BTVTU có lúc chưa chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, do đó chưa thu hút đồng bào tích cực tham gia; chưa thường xuyên quan tâm giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; việc phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào chưa đạt kết quả như mong muốn.

Công tác tuyên truyền về đồng bào DTTS, đặc biệt là dân tộc Khmer nâng cao ý thức tự lực, tự cường, thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh sản xuất vươn lên trong cuộc sống, đề cao ý thức cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch tuy có chuyển biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới [166, tr.9]. Công tác phát triển kinh tế, giảm nghèo vùng đồng bào DTTS nói chung, đồng bào Khmer nói riêng tuy có bước phát triển nhưng chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra; tốc độ phát triển kinh tế còn chậm, kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương; kết quả công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững; việc phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng dân cư và trong đồng bào DTTS ngày càng gia tăng; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào Khmer từng lúc vẫn tìm ẩn những nhân tố phức tạp.

Tình hình kinh tế đời sống của đồng bào dân tộc Khmer chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, phần lớn người dân sinh sống ở vùng điều kiện KT-XH còn nhiều khó khăn; trình độ nhận thức cũng như việc tiếp thu kiến thức khoa học - công nghệ còn hạn chế, thiếu tư liệu sản xuất, thiếu vốn, việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất còn hạn chế nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Trình độ học vấn, chất lượng nguồn nhân lực trong đồng bào dân tộc Khmer tuy có cải thiện nhưng nhìn chung vẫn còn thấp, người lao động qua đào tạo thấp. Việc

làm chủ yếu là nghề nông, làm thuê. Số lao động thất nghiệp vẫn còn cao [191, tr.2].

Việc triển khai một số chương trình, dự án phát triển KT-XH vùng có đông đồng bào Khmer còn chậm, hiệu quả chưa cao; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào Khmer tuy có giảm nhưng vẫn ở mức cao [191, tr.13], [155, tr.13]. Điển hình như một số địa phương ở tỉnh An Giang, việc phân bổ vốn so với các xã vùng sâu, xa có đông đồng bào dân tộc Khmer vẫn còn thấp so với quy định lại không đồng bộ, vẫn còn những nơi trong tỉnh có rất đông đồng bào dân tộc Khmer đang sinh sống, điều kiện sinh hoạt hết sức khó khăn nhưng không nằm trong diện được hưởng chính sách dân tộc hoặc chính sách hỗ trợ [118, tr.5].

Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là vùng nông thôn sâu, biên giới, hải đảo, vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer còn thấp và nhiều khó khăn, giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc chưa kịp thời [136, tr.52]. Thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu là giải quyết cho các hộ chuộc lại đất để sản xuất. Một số hộ sau khi được hỗ trợ đã đi lao động khu công nghiệp trong khi nhiều hộ khó khăn không có đất sản xuất, tình trạng sang bán đất, cầm cố đất đai trong đồng bào dân tộc từng lúc còn xảy ra [126, tr.9]. Sóc Trăng hiện có 46 xã khu vực I, 17 xã khu vực II và 775 ấp, khóm (có 44 ấp đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I, 83 ấp đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực III, 01 ấp đặc biệt khó khăn thuộc xã có ấp vùng DTTS. Năm 2022, toàn tỉnh vẫn còn 10.158 hộ cận nghèo (38,71% so với toàn tỉnh) [191, tr.4].

Việc bố trí giáo viên dạy chữ Khmer còn gặp khó khăn, vì không có vị trí việc làm nên không thể tuyển dụng và không có nguồn chi để bồi dưỡng hoặc trả lương. Các địa phương chủ yếu chọn lựa người biết sẵn chữ Khmer, trang bị thêm kiến thức sư phạm để dạy chữ Khmer, không có chế độ để chi bồi dưỡng nên hiệu quả mang lại không như mong muốn mà chỉ hoàn thành yêu cầu đặt ra theo chỉ đạo của cấp trên. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về dạy tiếng nói và chữ viết Khmer chưa thường xuyên; sự phối hợp trong triển khai thực hiện chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS còn hạn chế; tỷ lệ

cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên dạy tiếng nói và chữ viết Khmer và tỷ lệ học sinh đến chùa học tiếng nói và chữ viết Khmer nhân dịp hè ngày càng có xu hướng giảm; còn một bộ phận cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc học của con em mình. Điển hình như ở An Giang, công tác xóa mù chữ cho đồng bào dân tộc Khmer luôn gặp khó khăn một số đơn vị có kế hoạch mở lớp nhưng thực hiện không được do độ tuổi khá cao, lại sống quần cư.

Tình hình KT-XH ở những nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống chuyển biến còn chậm. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất chưa có tính ổn định, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ mang tính tự phát. Một số nơi đề ra giải pháp tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cây trồng vật nuôi... hiệu quả chưa cao. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của đồng bào còn chậm. Đa số đồng bào vẫn giữ thói quen sản xuất theo kinh nghiệm, năng suất thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao, việc tiêu thụ còn gặp nhiều khó khăn. Công tác tuyên truyền, khuyến cáo, chuyển dịch cơ cấu cây trồng và áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế. Kinh phí đầu tư còn dàn trải, phân tán, chưa đáp ứng nhu cầu cũng như chưa giải quyết được vấn đề về vốn cho đồng bào. Việc huy động nội lực trong nhân dân đóng góp, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn một số nơi chưa thực hiện tốt. Một số chương trình, dự án phát triển KT-XH hội nơi có đông đồng bào Khmer hiệu quả chưa cao. Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo trong đồng bào còn cao. Kết quả giảm nghèo trong đồng bào Khmer chưa thật sự vững, tình trạng tái nghèo còn cao.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa có sự gần gũi, gắn bó với những người có uy tín và các chức sắc tôn giáo nên chưa phát huy được vai trò của người có uy tín và các chức sắc trong vận động đồng bào Khmer. Một số ít người có uy tín trong đồng bào Khmer chưa phát huy tốt vai trò trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU đến với đồng bào Khmer tại địa bàn để đồng bào nắm, hiểu rõ và thực hiện.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 3,52% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 3,14% ý kiến của đảng viên của các

đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy thực hiện chưa tốt nội dung tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào, thậm chí có 0,7% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 1,67% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ĐBSCL cho rằng các tỉnh ủy không thực hiện nội dung vận động này [phụ lục 11, 12].

Năm là, việc kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên về công tác vận động đồng bào Khmer có lúc còn hình thức và chưa thường xuyên.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng đối với các tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên về công tác vận động đồng bào Khmer có lúc, có nơi còn lỏng lẻo, thiếu nghiêm túc, chưa thực hiện thường xuyên; còn tư tưởng né tránh, nể nang. Một số cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ các cấp trong tỉnh ở vùng ĐBSCL thiếu sâu sát, chưa thường xuyên trong vận động đồng bào Khmer tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương; cũng như chưa coi trọng việc kiểm tra, giám sát dẫn đến hiệu quả không cao trong vận động đồng bào. Việc theo dõi, giám sát các giải quyết kiến nghị, trả lời chưa thường xuyên; công tác phản biện có lúc, có nơi chưa phát huy hiệu quả yêu cầu thực tiễn đề ra [119, tr.15].

Một số tổ chức đảng, đảng viên, nhất là các chi bộ, đảng viên ở các phum, srok, nhất là những đảng viên là người Khmer chưa gương mẫu, thiếu năng lực, điều này đã làm ảnh hưởng đến niềm tin, sự tích cực của đồng bào Khmer trong góp phần thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Một số cấp ủy xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện còn chung chung, chưa cụ thể, thiếu tính chủ động, sáng tạo, còn rập khuôn, sao chép của cấp trên; một số cấp ủy còn lúng túng, hình thức trong triển khai thực hiện. Một số cán bộ, đảng viên chưa thật sự gương mẫu trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ, đảng viên làm công tác kiểm tra, giám sát trong đồng bào Khmer còn hạn chế, chưa thật sự nhạy bén xử lý các tình huống

có vấn đề, gây mất lòng tin đối với đồng bào, làm ảnh hưởng đến uy tín chung của cán bộ, Đảng và Nhà nước.

Chất lượng, hiệu quả triển khai, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL về công tác dân vận của một số cấp ủy còn hạn chế, chưa chú trọng đúng mức công tác vận động đồng bào Khmer. Một bộ phận đảng viên chưa chú trọng quán triệt các nội dung được triển khai, nhất là các nội dung không mở hội nghị mà gửi bằng văn bản. Một số cấp ủy xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo còn chậm, nhất là những vấn đề liên quan đến đồng bào Khmer. Việc cụ thể hóa thực hiện các chương trình, kế hoạch chỉ đạo của cấp ủy ở một số ngành còn hạn chế.

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 2,82% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 4,39% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy thực hiện chưa tốt nội dung kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer, thậm chí có 1,41% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 2,3% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ĐBSCL cho rằng các tỉnh ủy không thực hiện nội dung vận động này [phụ lục 11, 12].

Sáu là, việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer ở một số nơi chưa được cấp ủy duy trì thành nền nếp thường xuyên.

Việc sơ kết, tổng kết đúc rút kinh nghiệm công tác vận động đồng bào Khmer của một số cấp ủy ở các tỉnh vùng ĐBSCL có lúc, có nơi chưa đảm bảo tiến độ; còn có mặt hình thức, chiếu lệ, chưa đi vào thực chất, chưa có chiều sâu để từ đó phát hiện những vấn đề cần xem xét để kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung. Mặc dù, phần đông cán bộ và người dân có biết các chủ trương, chỉ thị, chính sách của Đảng, Nhà nước; nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU, tuy nhiên, vẫn còn không ít cán bộ và người dân biết một cách mơ hồ, chưa sâu, chưa cụ thể. Còn lỏng lẻo trong việc kiểm tra, tổng kết, rút kinh nghiệm nên chưa kịp thời nắm bắt tình hình tư tưởng và biến động của đồng bào, đôi khi đề

xuất với cấp ủy đảng, chính quyền giải quyết những vấn đề mới phát sinh trong đồng bào chưa kịp thời; hoặc giải quyết chưa thỏa đáng. Việc phát hiện những tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến để nêu gương, khen thưởng “người tốt việc tốt”, tạo sức lan tỏa trong đồng bào Khmer chưa kịp thời; việc phê bình, uốn nắn, rút kinh nghiệm những cán bộ, đảng viên chưa hoàn thành nhiệm vụ; những hộ gia đình đồng bào Khmer chưa thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân vẫn còn hạn chế.

Chất lượng của một số phong trào thi đua còn hạn chế, hiệu quả mang lại chưa cao, có nơi còn biểu hiện hình thức; việc xây dựng mô hình, điển hình “Dân vận khéo” một số nơi còn lúng túng, chưa tập trung vào những lĩnh vực khó, chưa nhân rộng được nhiều mô hình, điển hình. Chất lượng sơ kết, tổng kết việc thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận, công tác dân tộc, công tác tôn giáo có mặt còn hạn chế; công tác kiểm tra, uốn nắn chưa được quan tâm thường xuyên [125, tr.4].

Kết quả khảo sát điều tra xã hội học của đề tài luận án cho thấy, có 4,23% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 6,49% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL cho rằng, các tỉnh ủy thực hiện chưa tốt nội dung tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, thậm chí có 3,17% ý kiến của người đứng đầu cấp ủy các cấp và 2,93% ý kiến của đảng viên của các đảng bộ tỉnh ĐBSCL cho rằng các tỉnh ủy không thực hiện nội dung vận động này [phụ lục 11, 12].

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo Trung ương (nay là Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương) đã kịp thời ban hành các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn về công tác vận động đồng bào DTTS, nhất là vận động đồng bào Khmer.

Đây là những định hướng, căn cứ rất quan trọng để các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL cụ thể hóa phù hợp với công tác vận động đồng bào Khmer ở địa

phương. Trong quá trình tổ chức thực hiện công việc này, các tỉnh ủy, BTVTU luôn nhận được sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Trung ương và việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và giải quyết hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh trong công tác vận động đồng bào tại địa phương. Sự quan tâm đầu tư lớn, mạnh mẽ vào việc phát triển KT-XH ở các tỉnh vùng ĐBSCL nói chung, vùng đồng bào Khmer sinh sống nói riêng nhằm nâng cao đời sống mọi mặt của đồng bào, góp phần rất quan trọng, tạo thuận lợi cho công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy đạt hiệu quả.

Hai là, phần lớn cấp ủy đã nhận thức sâu sắc vai trò của công tác vận động đồng bào Khmer trong thời kỳ đổi mới hiện nay, quyết liệt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer nói riêng.

Sự quan tâm, quyết liệt, sáng tạo trong chỉ đạo của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với các tổ chức đảng, đảng viên về công tác vận động đồng bào Khmer là yếu tố rất quan trọng thực hiện công tác này đạt hiệu quả. Đặc biệt, việc lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo với quyết tâm chính trị cao, đạt hiệu quả của nhiều cấp ủy trong thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới đã góp phần quan trọng tạo nên ưu điểm, kết quả công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy.

Ba là, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào Khmer ở các tỉnh được đa dạng hóa về hình thức, phương pháp, hướng mạnh về cơ sở, tạo chuyển biến về nhận thức của đồng bào, là một trong những nhân tố rất quan trọng để công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy đạt hiệu quả.

Công tác tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm, lựa chọn nội dung thiết thực đối với đồng bào Khmer; kết hợp chặt chẽ với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng, các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer đã góp phần quan trọng tạo chuyển biến về nhận thức của đồng bào. Chú trọng đổi mới hình thức tuyên truyền, tăng cường hình thức tuyên truyền qua các

phương tiện truyền thông đại chúng và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền. Đây là một trong những nhân tố rất quan trọng để công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy đạt hiệu quả.

Bốn là, ban dân vận (nay là ban tuyên giáo và dân vận), các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc về công tác dân tộc, tôn giáo và chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp ở các tỉnh vùng ĐBSCL đã chủ động trong phối hợp triển khai thực hiện công tác vận động đồng bào Khmer.

Về cơ bản, ban dân vận (nay là ban tuyên giáo và dân vận), các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc về công tác dân tộc, tôn giáo và chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp luôn nhất quán, tạo điều kiện hỗ trợ, phối, kết hợp trong nhiều nội dung liên quan đến công tác vận động đồng bào Khmer. Các chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH, chương trình xóa đói, giảm nghèo ở vùng đồng bào Khmer được triển khai thực hiện. Những vụ việc liên quan đến đồng bào DTTS và tôn giáo được cơ quan chức năng kịp thời giải quyết theo đúng quy định. Đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là ở những địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống gắn bó với địa phương, nắm chắc địa bàn, hiểu nguyện vọng của đồng bào, chủ động tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền đề ra chủ trương, biện pháp phù hợp với thực tế.

Năm là, phần lớn đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng ĐBSCL luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền và hoạt động của MTTQ, các tổ chức CT-XH ở địa phương, tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương.

Phần lớn đồng bào Khmer ý thức được quyền và nghĩa vụ của mình nên yên tâm, tích cực tham gia sinh hoạt trong các tổ chức CT-XH ở địa phương, tích cực lao động sản xuất; nêu cao tinh thần đoàn kết, sống hòa thuận trong cộng đồng dân cư, chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Từ đó tạo tiền đề tích cực vào việc ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy KT-XH phát triển, nâng cao đời

sống vật chất, tinh thần cho đồng bào. Đây là nhân tố rất quan trọng tạo nên ưu điểm, kết quả công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

3.2.1.1. Nguyên nhân của hạn chế

Một là, bên cạnh những mặt tích cực, tạo sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt, trong đó có phát triển đời sống văn hóa của đồng bào Khmer, mặt trái của kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần của đồng bào gây khó khăn đáng kể cho công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy.

Sự du nhập các nền văn hóa khác nhau, mặt trái của nó tác động khá mạnh đến nếp sống giản dị, tốt đẹp vốn có của đồng bào Khmer, nhất là về đạo đức, lối sống. Bên cạnh đó, các thế lực phản động, thù địch luôn tìm đủ mọi cách để chống phá quyết liệt Đảng và Nhà nước Việt Nam trên nhiều mặt. Chúng dùng mọi âm mưu, thủ đoạn hòng xóa bỏ CNXH; lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo tìm cách chia rẽ, kích động đồng bào Khmer hòng làm lôi kéo đồng bào không tham gia vào các phong trào hành động cách mạng thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước là những cản trở đáng quan tâm trong công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy.

Hai là, một số cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở, một số đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, sâu sắc về sự cần thiết của công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nói riêng, các cấp ủy nói chung, chưa nhiệt tình tham gia vào công việc này.

Tình hình nêu trên dẫn đến một số cấp ủy, nhất là cấp ủy cơ sở thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo để có những giải pháp, cách làm sáng tạo, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, đơn vị. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới, một số cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự coi đây là công việc thường xuyên, là yêu cầu cấp bách hiện nay. Vận dụng một số chủ trương của Trung ương và cấp ủy cấp trên vào điều kiện cụ thể của địa phương

chưa tốt. Công tác nắm tình hình, tư tưởng của đồng bào Khmer chưa thường xuyên và thiếu kịp thời nên chưa có chủ trương giải pháp đem lại hiệu quả cao trong công tác vận động đồng bào.

Ba là, trình độ, năng lực của một số cán bộ, đảng viên còn hạn chế, nhất là trong công tác vận động đồng bào, chưa đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer.

Một số cán bộ, đảng viên chưa thấy được vai trò của công tác vận động đồng bào Khmer, chưa thực sự tích cực tham gia công tác này. Bên cạnh đó, trình độ, năng lực của một số cán bộ, đảng viên còn hạn chế, thiếu hiểu biết về đồng bào Khmer nên không nắm được tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của đồng bào. Một số nơi chưa thực hiện tốt công tác tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và chính sách cán bộ là đồng bào Khmer; một bộ phận cán bộ, đảng viên là người dân tộc Khmer chưa yên tâm công tác vì thực hiện đề án tinh giản biên chế, luân chuyển cán bộ. Ở các địa phương an ninh chính trị, tinh thần đoàn kết dân tộc, tôn giáo tuy được giữ vững và tăng cường, song vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố có thể ảnh hưởng bất lợi trong vùng trước những hoạt động móc nối, lôi kéo của các thế lực thù địch từ bên ngoài, song vai trò của cán bộ cơ sở còn mờ nhạt.

Bốn là, công tác phối hợp giữa ban dân vận (nay là ban tuyên giáo và dân vận), các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc về công tác dân tộc, tôn giáo, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH trong công tác nắm bắt tình hình và tuyên truyền, vận động đồng bào Khmer ở một số nơi ở các tỉnh ở vùng ĐBSCL chưa chặt chẽ, nội dung hoạt động chưa thật sự đổi mới.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể CT-XH một số nơi lúng túng trong nội dung, phương thức hoạt động, nhất là trong nội dung, phương thức vận động đồng bào Khmer; còn thụ động, chậm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; chưa có nhiều hình thức, phương pháp phù hợp trong vận động các đối tượng trong đồng bào Khmer. Sự phối hợp giữa các tổ chức này trong công tác vận động đồng bào còn rời rạc, hiệu quả thấp, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác vận động đồng bào của các tỉnh ủy.

Năm là, sự phát triển KT-XH ở nhiều vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống còn nhiều khó khăn, đời sống của đồng bào nhìn chung còn thấp.

Việc đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất để phục vụ cho công tác dân tộc có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Việc hỗ trợ đất sản xuất khó thực hiện vì nhiều nơi không có quỹ đất công, giá quyền sử dụng đất thực tế chênh lệch rất xa so với chính sách hỗ trợ. Kết cấu hạ tầng ở vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống còn hạn chế so với yêu cầu phát triển. Phần lớn đồng bào Khmer sống chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa nên khó khăn trong việc tiếp cận với các loại hình dịch vụ tiên tiến, hiện đại; phương pháp sản xuất còn lạc hậu, chưa tiến kịp với tốc độ phát triển của khoa học công nghệ hiện đại. Trong khi đó, những năm gần đây khu vực ĐBSCL chịu ảnh hưởng bởi sự biến đổi khí hậu: nắng hạn kéo dài, xâm nhập mặn, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng diễn biến phức tạp; giá cả một số mặt hàng nông sản không ổn định, thị trường tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến đời sống, lao động sản xuất của đồng bào Khmer trong khu vực.

3.2.2. Những kinh nghiệm

Một là, cấp ủy địa phương coi trọng và thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức cho ĐNCB, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác vận động đồng bào Khmer.

Căn cứ vào sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên để cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quan điểm, chủ trương sát hợp với thực tiễn của từng vùng, từng địa phương, cơ quan, đơn vị một cách hiệu quả, thiết thực. Linh hoạt, chủ động trong giải quyết các vấn đề có liên quan đến đồng bào Khmer, xem công tác vận động đồng bào Khmer là trách nhiệm của cả HTCT. Đồng thời, thường xuyên, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, uốn nắn, kịp thời đánh giá rút kinh nghiệm trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Hai là, xây dựng HTCT cơ sở, nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống vững mạnh, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ cơ sở là người Khmer, phát huy mạnh mẽ vai trò của người có uy tín trong đồng bào là yếu tố đặc biệt quan

trọng thực hiện thắng lợi công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Coi trọng và thực hiện tốt việc xây dựng HTCT cơ sở ở những nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống trong sạch, vững mạnh; coi trọng kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác vận động đồng bào Khmer; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và nghiệp vụ cán bộ chuyên trách nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Chú trọng xây dựng, củng cố và phát huy vai trò của lực lượng cốt cán, người có uy tín là người dân tộc Khmer; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng ĐNCB là người Khmer, mạnh dạn bố trí ĐNCB này vào các chức danh chủ chốt của địa phương, nhất là các huyện, xã, các phum, srok nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống là yếu tố rất quan trọng, để công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy đạt hiệu quả.

Ba là, xây dựng và phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của HTCT trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy sẽ bảo đảm cho công việc này có chất lượng hiệu quả.

Cấp ủy các cấp coi trọng và tăng cường xây dựng các tổ chức trong HTCT vững mạnh, lãnh đạo sự phối hợp chặt chẽ hoạt động của các tổ chức trong HTCT tạo thành sức mạnh tổng hợp trong công tác dân vận của tỉnh ủy. Trong đó, cấp ủy coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp hoạt động của các tổ chức trong HTCT sẽ tạo thành sức mạnh tổng hợp to lớn, bảo đảm thắng lợi công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, nhất là trong thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới.

Bốn là, thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, trong đó có đồng bào Khmer theo hướng nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh, phát huy dân chủ, tạo thuận lợi cho đồng bào nhận thức đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và thực hiện đạt kết quả.

Nhờ sự quan tâm, ưu tiên đầu tư phát triển toàn diện đối với vùng dân tộc của Đảng và Nhà nước, cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc đang hiện diện ở vùng đồng bào dân tộc Khmer. Thực hiện các chính sách dân tộc bảo đảm đúng đối

tượng, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong tổ chức thực hiện. Các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất tinh thần của đồng bào Khmer được quan tâm. Tạo điều kiện thuận lợi trong việc giữ gìn và phát huy các loại hình văn hoá, văn nghệ, các phong tục, tập quán là nét đẹp truyền thống của cộng đồng người dân tộc Khmer, nhất là chữ viết và ngôn ngữ tiếng Khmer.

Năm là, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để phát triển KT-XH, giữ vững QP,AN, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer được nâng lên, củng cố thêm niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng, công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy sẽ đạt hiệu quả.

Xác định rõ nguyên nhân dẫn đến đói nghèo trong đồng bào Khmer để có giải pháp thực hiện tốt công tác giảm nghèo. Chú trọng thực thi các chính sách dân tộc, hoàn thiện hệ thống hạ tầng, hỗ trợ đồng bào Khmer thoát nghèo bền vững. Đồng thời, tăng cường công tác tuyên truyền vận động và đấu tranh chống lại luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần ổn định chính trị, phát triển KT-XH, giữ vững QP,AN và xây dựng HTCT vững mạnh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiểu kết chương 3

Trong những năm qua, công tác vận động đồng bào Khmer đã được các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL lãnh đạo, chỉ đạo và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện công tác này vẫn còn những hạn chế cả về nội dung và phương thức thực hiện.

Từ thực tiễn công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau: *Một là*, cấp ủy địa phương coi trọng và thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức cho ĐNCB, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác vận động đồng bào Khmer. *Hai là*, xây dựng HTCT cơ sở, nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống vững mạnh, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ cơ sở là người Khmer, phát huy mạnh mẽ vai trò của người có uy tín trong đồng bào là yếu tố đặc biệt quan trọng thực hiện thắng lợi công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. *Ba là*, xây dựng và phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của HTCT trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy sẽ bảo đảm cho công việc này có chất lượng hiệu quả. *Bốn là*, thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, trong đó có đồng bào Khmer theo hướng nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh, phát huy dân chủ, tạo thuận lợi cho đồng bào nhận thức đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và thực hiện đạt kết quả. *Năm là*, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để phát triển KT-XH, giữ vững QP,AN, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer được nâng lên, củng cố thêm niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng, công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy sẽ đạt hiệu quả.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI GIAN TỚI

4.1.1. Dự báo những yếu tố tác động đến công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới

4.1.1.1. Những yếu tố thuận lợi

Một là, thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới và kết quả công cuộc đổi mới ở các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó có đóng góp của đồng bào Khmer tiếp tục cổ vũ, động viên các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy trong những năm tới.

Thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới trong gần 40 năm qua và kết quả đổi mới ở các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó, có sự đóng góp đáng ghi nhận của đồng bào Khmer là đáng trân trọng. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02-4-2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” khẳng định:

Kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt kết quả khá toàn diện trở thành vùng trọng điểm nông nghiệp của cả nước với nhiều sản phẩm chủ lực, nhất là lúa, tôm, các tra, trái cây. Kinh tế tăng trưởng khá với chất lượng được cải thiện, quy mô được mở rộng... GRDP bình quân đầu người đạt mức 56,02 triệu đồng/người/năm [33].

Nhờ đó, bộ mặt nông thôn ở các tỉnh vùng này thay đổi mạnh mẽ theo sự phát triển của thời gian và theo hướng tích cực; đời sống vật chất, và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Các phum, srok có sự thay đổi lớn, đời sống vật chất, và tinh thần của đồng bào được cải thiện và nâng lên. Điều này tạo sự phấn khởi, tin tưởng của đồng bào vào thắng lợi của công cuộc đổi

mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và cấp ủy địa phương; tích cực tham gia thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đây là thuận lợi lớn, niềm tự hào, động lực quan trọng, niềm tin để các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất là các tỉnh ủy ở vùng này vươn lên mạnh mẽ, tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer những năm tới. Qua đó, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 04-4-2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới và bảo vệ Tổ quốc trong những năm tới.

Hai là, đường lối, quan điểm của Đảng về công tác dân vận ngày càng hoàn thiện, đúng đắn, phù hợp với điều kiện nước ta, đường lối phát triển KT-XH, nhất là Nghị quyết của Bộ Chính trị về ĐBSCL tạo thuận lợi lớn cho các tỉnh ủy ở vùng này tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer đạt hiệu quả.

Trong thời kỳ đổi mới Đảng đã luôn coi trọng và tăng cường công tác dân vận. Từ Nghị quyết Trung ương 8B khóa VI ngày 27-3-1990 về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân”; tiếp đến những nhiệm kỳ gần đây, Đảng đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quyết định, nghị quyết về công tác dân vận, như: Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25-02-2010 của Bộ Chính trị về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; nhất là Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Kết luận số 43-KL/TW ngày 07-01-2019 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW nêu trên; gần đây là Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30-7-2021 của Bộ Chính trị về ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”... Qua các nghị quyết, quyết định này, đường lối, quan điểm của Đảng về công tác dân vận được bổ sung, phát triển ngày càng hoàn thiện hơn. Qua việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định đó, đường lối, quan điểm của Đảng về công tác dân vận được thực tiễn kiểm nghiệm và khẳng định là đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể nước ta

trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Đặc biệt, Bộ Chính trị Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 04-4-2022 nêu trên. Đây là nhân tố đặc biệt quan trọng đối sự phát triển về mọi mặt của các tỉnh ở vùng ĐBSCL.

Đường lối, quan điểm của Đảng về công tác dân vận được bổ sung, hoàn chỉnh hơn, Nghị quyết số 13-NQ/TW nêu trên của Bộ Chính trị là căn cứ rất quan trọng để các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL xây dựng, ban hành các nghị quyết đúng đắn về công tác dân vận, trong đó, có công tác vận động đồng bào Khmer và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Ba là, qua lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng, tỉnh ủy về công tác dân vận, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer, tỉnh ủy, các cấp ủy của đảng bộ tỉnh đã tích lũy được những kinh nghiệm bổ ích, những kinh nghiệm này sẽ được vận dụng đạt kết quả trong những năm tới.

Qua lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng, của tỉnh ủy về công tác dân vận, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer trong những năm qua, nhất lãnh đạo khắc phục hậu quả biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ nhân dân, phòng, chống đại dịch Covid-19, tỉnh ủy, các cấp ủy đã năng động, có nhiều sáng tạo trong thực hiện các nghị quyết này đem lại hiệu quả đáng ghi nhận. Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp sẽ tiếp tục vận dụng những kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer trong những năm qua đem lại hiệu quả trong những năm tới. Qua đó góp phần tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy.

Bốn là, đại hội đảng bộ các cấp tiến đến Đại hội XIV của Đảng ở các tỉnh ĐBSCL sẽ được tổ chức và thành công tốt đẹp; xác định rõ ưu, khuyết điểm về lãnh đạo của cấp ủy, giải pháp mới nâng cao chất lượng lãnh đạo, bầu được cấp ủy mới có chất lượng hơn, tạo thuận lợi thực hiện tốt việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong nhiệm kỳ tới.

Hiện tại, tỉnh ủy, các cấp ủy ở các tỉnh vùng ĐBSCL đang tích cực chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến đến Đại hội XIV của Đảng theo Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14-6-2024 của Bộ Chính trị về vấn đề này, đại hội sẽ thành công tốt đẹp, sẽ kiểm điểm nghiêm túc hoạt động lãnh đạo của cấp ủy, xác

định nhiệm vụ, giải pháp mới nâng cao chất lượng lãnh đạo của cấp ủy, sẽ bầu được cấp ủy mới có chất lượng tạo thuận lợi thực hiện tốt việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong nhiệm kỳ tới.

Đặc biệt, đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh ở vùng ĐBSCL đang được chuẩn bị chu đáo, sẽ được tổ chức và sẽ thành công, sự lãnh đạo của tỉnh ủy trong nhiệm kỳ hiện tại sẽ được kiểm điểm nghiêm túc, trong đó có công tác dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer nói riêng; chỉ rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân của khuyết điểm, hạn chế; xác định nhiệm vụ, giải pháp thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030. Đại hội sẽ bầu được tỉnh ủy mới có chất lượng hơn bảo đảm lãnh đạo tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 và Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, trong đó có tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer.

4.1.1.2. Khó khăn

Một là, trong những năm tới tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến rất phức tạp, khó dự báo, tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định, tác động đến nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó có đồng bào Khmer, gây khó khăn đáng kể đối với việc tăng cường công tác vận động đồng bào của các tỉnh ủy ở vùng này.

Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến rất nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo... Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển nhưng đang bị thách thức bởi sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các nước lớn và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan” [57, tr.105]. Những diễn biến, khó dự báo đó, chứa đựng nhiều yếu tố gây mất ổn định về nhiều mặt, nhất là về chính trị. Sự hung hăng, coi thường luật lệ quốc tế và đạo lý nhân loại của các thế lực thù địch, thách thức trắng trợn các nước trong khu vực và nước ta trong thực hiện nhiệm vụ cao cả là bảo vệ toàn vẹn chủ quyền biển, đảo. Bối cảnh đó, tác động mạnh đến nhân dân ở các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó có đồng bào Khmer. Đây là khó khăn đáng kể đối với việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy trong những năm tới.

Hai là, việc sáp nhập cơ quan, đơn vị; điều chỉnh địa giới hành các cấp ở vùng ĐBSCL, cả việc sáp nhập tỉnh sẽ có những biến động về tổ chức bộ máy, cán bộ các tổ chức của HTCT, ảnh hưởng nhất định đến việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy.

Thực hiện công việc nêu trên là rất đúng đắn và cần thiết, không thể để chậm trễ, kéo dài. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đang lãnh đạo, chỉ đạo mạnh mẽ, quyết liệt tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” (Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017) tập trung vào việc sáp nhập, kết thúc hoạt động của một số cơ quan, đơn vị trong HTCT ở Trung ương. Thực hiện tốt công việc này để bước vào Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Việc sáp nhập cơ quan, đơn vị, kết thúc hoạt động của một số cơ quan, đơn vị trong HTCT các cấp ở các tỉnh; điều chỉnh địa giới hành các cấp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước, cả việc sáp nhập tỉnh, thành phố, trong đó có các tỉnh ở vùng ĐBSCL sẽ gây xáo trộn về tổ chức bộ máy, cán bộ các tổ chức trong HTCT các cấp, số cán bộ, công chức dư dôi rất lớn. Để các tổ chức trong HTCT các cấp ở các tỉnh của vùng ĐBSCL ổn định và hoạt động bình thường đạt hiệu quả phải qua khoảng thời gian cần thiết trong đó có các tổ chức nòng cốt của công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng này.

Theo định hướng sẽ sáp nhập các thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn, bỏ cấp huyện, sáp nhập tỉnh chưa đáp ứng các tiêu chí theo quy định. Trong đó, có những ấp, tổ dân phố, xã, thị trấn có đông đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL. Quy mô, địa bàn hoạt động của các đơn vị hình chính sau sáp nhập sẽ lớn hơn, công việc nhiều và nặng nề, phức tạp hơn, nhất là các xã, phường, thị trấn, ấp. Trong khi đó trình độ, năng lực, kỹ năng, kinh nghiệm công tác dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer nói riêng của ĐNCB chưa được bồi dưỡng, bổ sung kịp thời, là khó khăn đáng quan tâm đối với việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy.

Bên cạnh đó, ở tỉnh, ban dân vận sáp nhập với ban tuyên giáo thành ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy; không còn sở lao động, thương binh và xã hội (sáp nhập với sở nội vụ); các tổ chức CT-XH tỉnh cũng được sáp nhập. Đặc biệt, là việc kết thúc hoạt động của đảng đoàn MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh, ban cán sự đảng ở các cơ quan chính quyền tỉnh, trước mắt ảnh hưởng nhất định đối với việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy. Các cơ quan, đơn vị mới sau khi sáp nhập phải có thời gian nhất định để ổn định tổ chức bộ máy, cán bộ thì mới có thể hoạt động bình thường, đạt hiệu quả.

Những điều nêu trên ảnh hưởng nhất định đối với việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong những năm tới.

Ba là, đời sống của nhiều gia đình đồng bào Khmer còn gặp nhiều khó khăn, chênh lệch khá lớn về mức sống so với nhân dân trong vùng; hậu quả của biến đổi khí hậu trong những thập niên tới đối với ĐBSCL rất nặng nề, ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của đồng bào Khmer.

Qua gần 40 năm đổi mới đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt, trong đó có đồng bào Khmer. Song, sự cải thiện ấy, chưa vững chắc, nhất là trước những tác động xấu của biến đổi khí hậu và những tác động khác đến môi trường sinh thái, điều kiện canh tác của các tỉnh ở vùng ĐBSCL. Phương thức canh tác truyền thống, lạc hậu của đồng bào Khmer chưa được đổi mới mạnh mẽ, làm cho đời sống của nhiều gia đình đồng bào Khmer gặp nhiều khó khăn. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 04-4-2022 của Bộ Chính trị nêu trên, chỉ rõ: “đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn, giảm nghèo chưa bền vững”. Trong khi đó, ở nhiều địa phương trong vùng cấp ủy, chính quyền địa phương chưa có những giải pháp đem lại hiệu quả cao khắc phục căn bản, đạt hiệu quả những tác động này để nâng cao đời sống nhân dân nói chung, đồng bào Khmer nói riêng. Đồng bào phải tập trung lo cho cuộc sống thường nhật của gia đình, việc học hành của con em và chữa trị bệnh tật... Điều này ảnh hưởng nhất định đến việc tích cực tham gia của nhiều người dân trong đồng bào Khmer trong thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương chính sách của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Theo dự báo, trong những thập niên tới biến đổi khí hậu diễn biến rất phức tạp, gây hậu quả rất nặng nề: nhiệt độ trái đất tăng lên, băng tan, nước biển dâng, kéo theo tình trạng xâm nhập mặn trên diện tích lớn ở vùng ĐBSCL; nhiều diện tích của các tỉnh đứng trước nguy cơ bị nhấn chìm... Bên cạnh đó, tình trạng sạt lở diễn ra ngày càng nghiêm trọng và tình trạng cạn kiệt nguồn nước sông Mê Kông... Tình hình đó làm đảo lộn sản xuất, đời sống của nhân dân ở vùng ĐBSCL nói chung, đồng bào Khmer nói riêng, tác động vào suy nghĩ của đồng bào, trong đó có những suy nghĩ tiêu cực gây khó khăn cho công tác vận động đồng bào.

Bốn là, năng lực công tác vận động đồng bào Khmer nói riêng của nhiều cấp ủy, cán bộ, đảng viên, nhất là cấp ủy, cán bộ, đảng viên ở xã, phường, thị trấn, những địa phương có đông đồng bào Khmer còn nhiều hạn chế trước những đòi hỏi tăng cường công tác vận động đồng bào của các tỉnh ủy những năm tới.

Đại hội XIII của Đảng khẳng định đất nước bắt đầu bước vào thời kỳ phát triển mới, bắt đầu từ năm 2021. Đại hội cũng xác định mục tiêu tổng quát của sự phát triển nước ta và mục tiêu cụ thể Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước; Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng; Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đối với khu vực nông thôn, Đại hội xác định mục tiêu đến năm 2025:

...tỉ trọng lao động nông nghiệp nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng khoảng 25%... tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm của cả nước giảm khoảng 1-1,5% hằng năm; tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn là 93-95%... [58, tr.327-328].

Đây là những nhiệm vụ rất lớn, rất khó khăn trong thực hiện đối với các cấp ủy, chính quyền các tổ chức CT-XH ở các tỉnh vùng ĐBSCL dưới sự lãnh đạo của các tỉnh ủy; lại càng lớn, khó khăn đối với cấp ủy, chính quyền, các tổ chức CT-XH ở những địa phương có đông đồng bào Khmer, nhất là cấp ủy,

chính quyền các tổ chức CT-XH ở các xã. Đồng thời, là đòi hỏi rất cao, áp lực rất lớn đối với cấp ủy, chính quyền các tổ chức CT-XH vùng này. Trong khi đó, trình độ, năng lực công tác dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer của các cấp ủy, cán bộ xã, lực lượng chủ yếu, nòng cốt, trực tiếp tiến hành công tác vận động đồng bào Khmer còn rất thấp.

Bên cạnh đó, ở nhiều xã có đông đồng bào Khmer đang xảy ra tình trạng thiếu nguồn cán bộ xã, nhất là cán bộ làm công tác dân vận, MTTQ, các tổ chức CT-XH có đủ phẩm chất năng lực hoàn thành nhiệm vụ; có nơi thiếu nghiêm trọng. Nguồn phát triển đảng viên, nhất là đảng viên là người Khmer ở nhiều xã cũng thiếu hụt lớn, nên không có nguồn bổ sung cho ĐNCB xã... Cùng với những đòi hỏi, áp lực nêu trên, là những áp lực mới nảy sinh từ việc thực hiện chủ trương của Nhà nước về điều chỉnh, mở rộng địa giới hành chính. Nhiều xã, phum, srok cũng được mở rộng, công việc càng nhiều, phạm vi rộng hơn, đòi hỏi cao hơn về trình độ, năng lực công tác của cán bộ xã, phum, srok, trong đó có trình độ, năng lực công tác vận động đồng bào Khmer.

Năm là, các thế lực thù địch, đặc biệt là bọn phản động người Khmer lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, kích động thù hằn dân tộc, lừa gạt, kích động đồng bào Khmer chống lại Đảng, Nhà nước ta, trước hết là chống lại cấp ủy, chính quyền địa phương.

Ở nước ta các thế lực thù địch, bọn phản động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để vu khống, xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước dân tộc, tôn giáo, kích động thù hằn dân tộc, tôn giáo, lừa gạt, lôi kéo đồng bào các DTTS và các tín đồ tôn giáo chống lại Đảng, Nhà nước và chế độ ta, gây phức tạp, mất ổn định chính trị để thực hiện âm mưu đen tối của bọn chúng. Đó là vấn đề Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam bộ. Đã có thời kỳ tạm lắng xuống, đỡ phức tạp hơn, nhất là tình hình ở Tây Bắc, Tây Nguyên. Song, hiện nay vấn đề dân tộc Khmer lại nổi lên, phức tạp hơn.

Các thế lực thù địch ở nước ngoài, nhất là bọn phản động ở Campuchia, kể cả một bộ phận không thiện chí với Việt Nam tập trung tuyên truyền, xuyên tạc, lôi kéo, kích động đồng bào Khmer gây thù hằn với dân tộc Việt Nam.

Chúng tập trung khoét sâu những vấn đề về lãnh thổ từ thời xa xưa, về thời “hoàng kim” của đế chế Phù Nam... Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 04-4-2022 của Bộ Chính trị nêu trên nhận định: “Công tác dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp”...

Những hoạt động nêu trên của các thế lực thù địch, hòng kích động đồng bào chống lại Đảng và Nhà nước ta, gây phức tạp về an ninh, trật tự ở địa phương; ảnh hưởng đến việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chủ trương, chính sách của cấp ủy, chính quyền địa phương, gây khó khăn nhất định cho hoạt động của các cấp ủy ở các tỉnh vùng này, nhất là đối với việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới ở địa phương.

4.1.2. Phương hướng tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long thời gian tới

Một là, tỉnh ủy tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng về công tác dân vận, Kết luận số 43-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này, nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác dân vận trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” (Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương về vấn đề này) đã được ban hành và tổ chức thực hiện, Bộ Chính trị đã lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết 10 năm thực hiện nghị này và ban hành Kết luận số 43-KL/TW ngày 07-01-2019 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW nêu trên. Tỉnh ủy, các cấp ủy cần tiếp tục quán triệt sâu sắc nghị quyết này và Kết luận số 43-KL/TW trong công tác vận động đồng bào Khmer những năm tới.

Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định nhiệm vụ, giải pháp công tác dân vận, nhấn mạnh công tác vận động đồng bào DTTS. Nghị quyết nhấn mạnh: “Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan đảng, nhà nước và chính quyền các cấp. Chú trọng công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, người Việt Nam ở nước

ngoài” [58, tr.248]. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 04-4-2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” xác định mục tiêu đến năm 2030: “Xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện đại, sinh thái, văn minh, phát triển nhanh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước; là trung tâm kinh tế nông nghiệp xanh, sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng và giá trị gia tăng của quốc gia, khu vực và thế giới”.

Tỉnh ủy, các cấp ủy ở vùng ĐBSCL cần quán triệt sâu sắc và thực hiện đạt kết quả nhiệm vụ, giải pháp công tác dân vận và mục tiêu nêu trên trong công tác vận động đồng bào Khmer của mình những năm tới.

Hai là, vận động đồng bào Khmer phát triển KT-XH, nâng cao đời sống, xây dựng nông thôn mới, phum, srok văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng sự đoàn kết các dân tộc, tích cực tham gia đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp xã vận động đồng bào Khmer phát triển KT-XH, nâng cao đời sống, tập trung vào việc vận động đồng bào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đổi mới phương thức canh tác; áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; xây dựng nông thôn mới, phum, srok văn hóa; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; xây dựng, phát triển sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương; nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng và tham gia chống lại bọn phản động lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer, lãnh thổ để phá hoại.

Ba là, tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện tốt Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ở xã, phường, thị trấn có đông đồng bào Khmer sinh sống kết hợp chặt chẽ với công tác vận động đồng bào Khmer của các cấp ủy, nhất là cấp ủy xã, phường, thị trấn.

Từ Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã phường, thị trấn (Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20-4-2007), Đảng đã lãnh đạo Quốc hội ban hành Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở (Luật số: 10/2022/QH15 ngày 14-12-2022) và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện tốt Luật này, kết hợp chặt chẽ với công tác vận động đồng bào Khmer của các cấp ủy, nhất là cấp ủy cấp xã,

Bốn là, tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng ủy xã, thị trấn, nơi có đông đồng bào sinh sống và của các chi bộ phum, srok; phát huy vai trò của những đảng viên là người Khmer trong công tác việc này.

Đảng ủy xã, thị trấn trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các chi bộ phum, srok tiến hành công tác vận động đồng bào Khmer trên địa bàn. Đây là một trong những lực lượng chủ yếu, nòng cốt và trực tiếp tiến hành công việc này rất cần được xây dựng vững mạnh, hoạt động hiệu quả. Các đảng ủy xã, thị trấn, nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống, có nhiệm vụ và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác vận động đồng bào Khmer.

Năm là, phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền, các tổ chức CT-XH xã, phường, ban quản lý phum, srok, tổ công tác MTTQ, các chi hội của các tổ chức CT-XH và những người có uy tín trong đồng bào Khmer ở các phum, srok trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Đây là lực lượng rất quan trọng, nắm vững tâm tư, tình cảm, cuộc sống, các quan hệ xã hội của đồng bào Khmer, là lực lượng nòng cốt và trực tiếp tiến hành công tác vận động đồng bào Khmer. Các cấp ủy cần quan tâm thỏa đáng đến các tổ chức, lực lượng này, phát huy tốt vai trò của họ trong công tác vận động đồng bào Khmer những năm tới.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BAO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG THỜI GIAN TỚI

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, nhất là tỉnh ủy, đảng ủy xã, thị trấn nơi có đông đồng bào Khmer về tăng cường công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy thời gian tới

Tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong những năm tới chỉ đạt chất lượng, hiệu quả khi tỉnh ủy, BTVTU, các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong HTCT, cán bộ, đảng viên và nhân

dân trong tỉnh nhận thức đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc về công tác vận động đồng bào Khmer trong thời kỳ đổi mới hiện nay ở các địa phương vùng ĐBSCL. Đặc biệt, tỉnh ủy và đảng ủy, đảng bộ, cán bộ, đảng viên các đảng bộ xã, thị trấn nơi có đông đồng bào sinh sống. Bởi vì, tỉnh ủy xây dựng ban hành các nghị quyết, về công tác dân vận của đảng bộ tỉnh, trong đó có những nội dung về công tác vận động đồng bào Khmer; đảng ủy xã, thị trấn, nơi có đông đồng bào sinh sống là lực lượng lãnh đạo và trực tiếp tổ chức thực hiện các nội dung về công tác vận động đồng bào Khmer trong xác định nghị quyết của tỉnh ủy. Thực tế đã chứng minh chỉ khi có được nhận thức đúng đắn, đầy đủ và sâu sắc về công việc mình sẽ tiến hành, thì mới có thể có được hành động đúng đắn đem lại hiệu quả khi thực hiện công việc đó. Đối với công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong thời kỳ đổi mới hiện nay lại càng phải như thế. Bởi vì, đây là công việc lớn, nặng nề, nhiều việc, tác động đến đồng bào Khmer một lực lượng khá đông đảo, một bộ phận rất quan trọng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam nói chung, trong cư dân ở các tỉnh vùng ĐBSCL nói riêng, một công việc rất tế nhị và nhạy cảm hiện nay. Để có được điều này, cần:

Một là, nhận thức sâu sắc đầy đủ, sâu sắc, thống nhất về những vấn đề chủ yếu về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL hiện nay.

Cần nhận thức sâu sắc, đầy đủ, thống nhất những vấn đề chủ yếu về công tác vận động đồng bào Khmer hiện nay, đặc biệt là vai trò chiến lược của công tác vận động đồng bào Khmer. Về thực chất, đây là cuộc đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nhất là bọn phản động là người Khmer hòng giành giật đồng bào đồng bào đối với Đảng, Nhà nước ta. Là công việc chiến lược nên không thể tiến hành trong thời gian nhất định rồi dừng lại hoặc một số tổ chức, lực lượng tiến hành, mà phải tiến hành liên tục bằng sức mạnh tổng hợp của cả HTCT và toàn dân.

Đồng thời, cần nhận thức sâu sắc đặc điểm, vai trò của đồng bào Khmer để xác định nội dung vận động đồng bào đúng đắn, phù hợp, thiết thực; đặc biệt là xác định cách tiến hành vận động đồng bào tham gia các hoạt động phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa

phương, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc; nhận thức sâu sắc nội dung và vai trò của công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy hiện nay. Trên cơ sở đó, từng tổ chức, cá nhân xác định trách nhiệm đối với công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, xác định hành động thực tế tham gia vào công việc này theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, chức trách, nhiệm vụ của từng cá nhân, góp phần thực hiện thắng lợi công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, tạo nên sự phát triển mạnh mẽ vững chắc, kết quả công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ở các tỉnh.

Nhận thức sâu sắc nội dung nêu trên kết hợp chặt chẽ với việc tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 của Đảng về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Kết luận số 43-KL/TW ngày 07-01-2019 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW; Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30-7-2021 của Bộ Chính trị về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”... vận dụng phù hợp, hiệu quả trong công tác vận động đồng bào Khmer ở địa phương.

Cần nhận thức sâu sắc: công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy không chỉ là công việc riêng của tỉnh ủy, mà còn là công việc của các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở, của cán bộ, đảng viên, nhân dân, các tổ chức, lực lượng hoạt động trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm lãnh đạo mọi hoạt động trên địa bàn tỉnh, gồm lãnh đạo các tổ chức đảng, đội ngũ CBDV của đảng bộ tỉnh; các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở, các tổ chức, các lực lượng, hoạt động trên địa bàn tỉnh và lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội của tỉnh; nhân tố quyết định thắng lợi hoạt động của các tổ chức, lực lượng, cán bộ, đảng viên và nhân dân, các lĩnh vực đời sống xã hội. Trong đó, có công tác vận động đồng bào Khmer. Công tác dân vận là công việc của Đảng, của các cấp ủy, tổ chức đảng; Đảng, các cấp ủy, tổ chức đảng phải trực tiếp tiến hành công tác dân vận, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, của các tổ chức trong HTCT thuộc phạm vi lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng.

Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL không phải là công việc riêng của tỉnh ủy, chỉ tỉnh ủy tiến hành; mà còn là công việc của các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh; của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở, của các tổ chức, lực lượng hoạt động trên địa bàn tỉnh và của nhân dân trong tỉnh. Các tổ chức, lực lượng tiến hành công việc này dưới sự lãnh đạo của tỉnh ủy do tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, bảo đảm cho công việc này theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và giành thắng lợi.

Hai là, tăng cường trao đổi, thảo luận về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong các cuộc sinh hoạt tỉnh ủy, BTVTU, cấp ủy, chi bộ trong đảng bộ tỉnh, trong các hội nghị các đảng bộ hằng năm, giữa nhiệm kỳ.

Tỉnh ủy, BTVTU đưa những vấn đề về công tác vận động đồng bào Khmer vào nội dung sinh hoạt tỉnh ủy, BTVTU một cách phù hợp và tăng cường trao đổi, thảo luận, kết luận về những vấn đề đang nổi lên cần giải quyết, những khó khăn, vướng mắc nảy sinh cần tháo gỡ để có chủ trương giải pháp giải quyết kịp thời để công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy được tiến hành đúng kế hoạch đạt kết quả.

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong đảng bộ tỉnh, nhất là cấp ủy cấp xã, chi bộ trực thuộc, nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống, cần đưa những nội dung về công tác vận động đồng bào Khmer vào nội dung sinh hoạt cấp ủy, chi bộ thường kỳ. Đồng thời, các cấp ủy coi trọng đưa những nội dung này vào nội dung các hội nghị đảng bộ hằng năm, giữa nhiệm kỳ, tăng cường thảo luận, đánh giá rút ra ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, có thể rút ra những kinh nghiệm cần thiết và quyết định chủ trương, giải pháp để công việc này đạt kết quả lớn hơn trong thời gian tới.

Đảng ủy xã ở những nơi có đông đồng bào đồng bào Khmer sinh sống, tùy theo điều kiện, tình hình cụ thể của địa phương, trên cơ sở nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác vận động đồng bào Khmer, có thể xây dựng, ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác vận động đồng bào Khmer của mình, triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện.

Thực hiện tốt những công việc nêu trên là những biện pháp thiết thực nhất phát triển, nâng cao nhận thức trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, nhất đảng ủy, chi bộ, cán bộ, đảng viên ở những nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống.

Ba là, BTVTU tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học và triển khai thực hiện một số đề tài khoa học về công tác vận động đồng bào Khmer với quy mô thích hợp theo quyền hạn của mình.

Tiến hành những công việc nêu trên, BTVTU cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức nghiên cứu, thảo luận làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn của những nội dung cần thiết về công tác vận động đồng bào Khmer; công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, các cấp ủy, các tổ chức trong HTCT của tỉnh, phục vụ đắc lực công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Đối với các cuộc hội thảo khoa học BTVTU cần coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của mình; lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo các cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ, các cơ sở nghiên cứu khoa học, coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo trường chính trị tỉnh chuẩn bị chu đáo về nội dung các cuộc hội thảo khoa học. Trong đó, chú ý xác định đúng, chính xác chủ đề các cuộc hội thảo; nội dung, cơ cấu các báo cáo tham luận tại các cuộc hội thảo, người viết báo cáo tham luận. Người điều hành hội thảo cần điều hành một cách khoa học, không đọc toàn bộ tham luận, chỉ nhấn mạnh những điểm chủ yếu; tăng cường dân chủ, tranh luận, thảo luận những ý kiến khác nhau, ý kiến phản biện, trái ngược, tôn trọng và lắng nghe những ý kiến đó; khắc phục tình trạng phổ biến trong các cuộc hội thảo là ít tranh luận, thảo luận. Cần kết luận những nội dung đã có sự đồng thuận cao; tiếp tục nghiên cứu những vấn đề còn nhiều ý kiến khác nhau.

Đối với các đề tài khoa học, cần triển khai nghiêm túc, chặt chẽ, coi trọng phương thức đấu thầu kết hợp với chỉ định thầu một cách hợp lý, đem lại hiệu quả. Tỉnh ủy cần lãnh đạo chặt chẽ việc xác định các đề tài khoa học về công tác vận động đồng bào Khmer; mục tiêu, yêu cầu phải đạt được của từng đề tài; tiến độ thực hiện, kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện để tránh sai sót, thất thoát

tài chính; tổ chức nghiệm thu nghiêm túc theo quy định của Nhà nước và triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu của từng đề tài trong công tác vận động đồng bào Khmer ở các địa phương trong tỉnh.

Bốn là, nâng cao chất hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng, phát huy vai trò của các cơ quan này trong nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong HTCT, cán bộ, đảng viên và nhân dân về tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng trong tuyên truyền, hướng dẫn về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy; kết hợp với các hoạt động văn hóa, văn nghệ; đồng thời phê phán, phản bác các quan điểm sai trái, phản động của các thế lực thù địch, hòng kích động gây thù hằn dân tộc, phá hoại sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương, cản trở việc thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới ở các tỉnh. Đặc biệt, coi trọng nâng cao chất lượng bản tin nội bộ và trang websites về hoạt động của tỉnh ủy.

Các cấp ủy tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng các phương tiện truyền thông đại chúng của mình, quan tâm thỏa đáng đến việc lãnh đạo hoạt động của hệ thống truyền thanh, phát thanh của các xã, thị trấn, nhất là ở những nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống. Các cấp ủy trong đảng bộ tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc kết hợp hoạt động của các cơ quan truyền thông đại chúng với các hoạt động văn hóa, văn nghệ ở địa phương để việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong HTCT, cán bộ, đảng viên và nhân dân về tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy thời gian tới đạt hiệu quả.

4.2.2. Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long tăng cường vận động đồng bào Khmer phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; bảo đảm an ninh, trật tự và cuộc sống bình yên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới ở các tỉnh

Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy là một nhiệm vụ quan trọng của tỉnh ủy. Tỉnh ủy lãnh đạo công tác vận động đồng bào Khmer của

đảng bộ tỉnh, trọng tâm là lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc, cấp ủy cơ sở tiến hành công tác vận động đồng bào Khmer trên địa bàn, nhất là lãnh đạo cấp ủy cấp xã tiến hành công việc này. Đây là lực lượng chủ yếu trực tiếp tiến hành công tác vận động đồng bào Khmer trên địa bàn. Tỉnh ủy lãnh đạo chính quyền, MTTQ các tổ chức CT-XH tỉnh, các tổ chức xã hội tiến hành công việc này theo chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Sự lãnh đạo của tỉnh ủy bảo đảm cho công tác vận động đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận, trong đó có những nội dung về công tác vận động đồng bào Khmer (ở những tỉnh có đông đồng bào Khmer). Đồng thời, tỉnh ủy trực tiếp tiến hành công tác vận động đồng bào Khmer. Song chủ yếu là tỉnh ủy lãnh đạo công tác vận động đồng bào Khmer của cấp ủy cấp xã, của chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh. Để thực hiện tốt công việc này, cần:

Một là, tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS, xác định chủ trương, giải pháp phù hợp với vùng đồng bào dân tộc Khmer và lãnh đạo tổ chức thực hiện.

Tỉnh ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy của Đảng bộ tỉnh, nhất là cấp ủy cấp xã quán triệt Nghị quyết Trung ương số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Đảng “về công tác dân tộc trong tình hình mới”; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị “về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc trong tình hình mới”; nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ... Cần đi sâu quán triệt những nội dung về phát triển KT-XH để vận dụng vào vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống, đề ra chủ trương, giải pháp phát triển KT-XH phù hợp và lãnh đạo thực hiện.

Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị nhấn mạnh: “Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp

tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khoá IX nhằm phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”. Đồng thời, Kết luận này xác định các giải pháp trọng tâm: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng về công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào DTTS và miền núi trong tình hình mới. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến đồng bào DTTS. Các chính sách phát triển KT-XH, QP, AN vùng dân tộc miền núi phải toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và phát huy lợi thế, tiềm năng của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào DTTS. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi... Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển” [57, tr.170]. Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ cụ thể hóa và nhấn mạnh những nội dung này.

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 04-4-2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, xác định mục tiêu đến năm 2030; tăng trưởng kinh tế bình quân của vùng giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 6,5-7%/năm. Quy mô kinh tế đến năm 2030 gấp 2-2,5 lần so với năm 2021; 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,5-2%/năm; đạt 30 giường bệnh viện. 10 bác sĩ, 2,8 được sĩ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của cư dân nông thôn đạt 70% [33].

Tỉnh uỷ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ của Đảng bộ tỉnh quán triệt sâu sắc những nội dung nêu trên, coi trọng lãnh đạo và kiểm tra cấp uỷ cấp xã về thực hiện công việc này trong xây dựng, ban hành chủ trương, giải pháp phát triển KT-XH phù hợp với vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer sinh sống, bảo đảm khả thi và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Hai là, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng đồng bào Khmer; coi trọng xây dựng và nhân rộng những mô hình kinh tế của đồng bào đem lại hiệu quả kinh tế và thích ứng với biến đổi khí hậu rất khắc nghiệt ở vùng ĐBSCL.

Để thực hiện đạt hiệu quả giải pháp nêu trên, tỉnh ủy cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp xã nghiên cứu tìm giải pháp khả thi thực hiện tốt nhiệm vụ giải pháp do Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: “Huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư, phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số” [57, tr.170]. Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động, phân bổ, sử dụng hợp lý và ưu tiên nguồn lực của tỉnh và của Trung ương đối với phát triển KT-XH ở vùng có đông đồng bào Khmer.

Các cấp ủy, nhất là ở những nơi có đông đồng bào Khmer, coi trọng và tăng cường lãnh đạo việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hoá, phát huy thế mạnh của địa phương, phù hợp với văn hoá, tập quán của đồng bào Khmer. Tích cực phấn đấu dần dần hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng của đồng bào; nhân rộng các mô hình sản xuất đem lại hiệu quả và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn, sạt lở, cạn kiệt nguồn nước sông Mê Kông... Phấn đấu từng bước thực hiện đạt kết quả mục tiêu của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ: tạo bước chuyển về kinh tế (tăng trưởng kinh tế bình quân từ 6,0 đến 6,5%/năm, hình thành, phát triển những vùng kinh tế lớn, chất lượng cao, thân thiện với môi trường...

Ba là, tăng cường lãnh đạo xây dựng, phát huy vai trò của cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa xã hội ở vùng đồng bào Khmer, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào; vận động đồng bào tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, phum, srok văn hóa.

Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo ưu tiên nguồn lực nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa xã hội ở vùng đồng bào

Khmer, nhất là đường giao thông, công trình thuỷ lợi, chợ, trường học, trạm y tế, điện lưới quốc gia, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông...; coi trọng từng bước kiên cố hóa nhà văn hoá phum, srok, nâng cao chất lượng hoạt động.

Đảng ủy xã, thị trấn nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng hoạt động của nhà văn hóa phum, srok, theo hướng coi trọng đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt cộng đồng, thiết thực đối với đồng bào, thu hút đông đảo đồng bào tham gia vào các hoạt động của nhà văn hóa phum, srok; giải quyết hài hòa, hợp lý và phối hợp giữa hoạt động cộng đồng của đồng bào ở nhà văn hóa phum, srok với hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào tại nhà chùa ở địa phương. Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống truyền thanh cơ sở; nâng cao chất lượng chương trình phát thanh tiếng Khmer của hệ thống truyền thanh của xã, thị trấn, nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống... Coi trọng việc bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá truyền thống của đồng bào; đấu tranh loại bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu, những tác động tiêu cực trong truyền thống văn hóa của đồng bào.

Bốn là, tuyên truyền nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho đồng bào; vận động đồng bào tích cực tham gia giữ vững an ninh, trật tự, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ở địa phương; góp phần vào kết quả công cuộc đổi mới của các tỉnh.

Các cấp ủy, nhất là cấp ủy cấp xã coi trọng và tăng cường tuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho đồng bào trước những luận điệu sai trái, phản động của các thế lực thù, nhất là sự xuyên tạc, phá hoại sự đoàn kết truyền thống lâu đời giữa đồng bào Khmer và người Kinh; quan hệ hữu nghị giữa Nhà nước ta với Nhà nước Campuchia; tích cực tham gia bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn, xây dựng thế trận lòng dân, thế trận an ninh nhân dân, lực lượng dự bị, đông viên, tích cực tham gia vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc ở địa phương. Ở những xã có đường biên giới với Campuchia cấp ủy quan tâm lãnh đạo xây dựng biên giới hữu nghị, củng cố, phát triển tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước; đấu tranh ngăn chặn, loại trừ những hoạt động phá hoại, nhất là những vấn đề an ninh phi truyền thống.

4.2.3. Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng tốt yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong thời gian tới

V.I.Lênin chỉ rõ, nếu không có ĐNCB có phẩm chất, năng lực thì mọi đường lối, nghị quyết của Đảng không thể thành hiện thực. V.I.Lênin viết “...nếu không thể thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn” [82, tr.449]. Ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [93, tr.269]; “công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém” [93, tr. 73]. Vì vậy, Người khẳng định: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” [93, tr.269]. Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị” [56, tr.54].

Để tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong thời gian tới, cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc tư tưởng, quan điểm nêu trên, xây dựng tỉnh ủy, BTVTU ở vùng này có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng tốt yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. Để đạt được điều này, cần:

Một là, tỉnh ủy, BTVTU tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả công tác tạo nguồn cán bộ dự bị để đưa vào quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU, nhiệm kỳ trước mắt và nhiệm kỳ tiếp theo.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả công việc nêu trên với số lượng khá lớn và nâng cao chất lượng nguồn cán bộ dự bị. Ở những tỉnh có đông đồng bào Khmer, tỉnh ủy, BTVTU cần chú ý tạo nguồn cán bộ là người Khmer để đưa vào quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU. Thực hiện tốt công việc này sẽ lựa chọn được những cán bộ đáp ứng tốt tiêu chuẩn cán bộ đưa vào quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU.

Việc tạo nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, một mặt, cần tạo nguồn trong ĐNCB ở các ban ngành tỉnh, nhất là trong MTTQ, các tổ chức

chức CT-XH tỉnh. Mặt khác, coi trọng tạo nguồn từ xa, dài hạn; chọn những sinh viên tốt nghiệp các trường cao đẳng của tỉnh, tốt nghiệp các trường đại học từ khá trở lên, chú ý chọn những sinh viên là người Khmer. Tỉnh ủy, BTVTU định hướng việc đào tạo bồi dưỡng những cán bộ đã được đưa vào nguồn quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU, nhất là đào tạo, bồi dưỡng trong thực tiễn; quan tâm hơn đến việc định hướng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn là người Khmer.

Hai là, xây dựng tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL có chất lượng đáp ứng yêu cầu lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của đảng bộ tỉnh, coi trọng việc đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy những năm tới.

Ban Thường vụ tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đạt hiệu quả việc đưa cán bộ nguồn vào quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU theo đúng nguyên tắc, thủ tục, quy trình công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng. Tiến hành công việc này trên cơ sở định hướng về số lượng, cơ cấu tỉnh ủy, BTVTU và tiêu chuẩn tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU nhiệm kỳ tới theo Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14-6-2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. BTVTU lãnh đạo chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của mình, nhất là ban tổ chức tỉnh ủy rà soát về trình độ, chuyên môn được đào tạo, quá trình công tác, cương vị đã đảm nhiệm về công tác đảng, chính quyền, đoàn thể của cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng. Trên cơ sở chức danh được quy hoạch BTVTU lãnh đạo chỉ đạo xây dựng kế hoạch và thực việc luân chuyển cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU theo chức danh được quy hoạch.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU hằng năm và đánh giá trước khi giới thiệu ứng cử, đề cử để đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh bầu vào tỉnh ủy nhiệm kỳ tới có chất lượng, bảo đảm số lượng cơ cấu và định hướng cơ cấu BTVTU sau khi đại hội bầu được tỉnh ủy để tỉnh ủy bầu cử BTVTU. Trong đánh giá cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU hằng năm và đánh giá trước khi giới thiệu ứng cử, đề cử cần phân biệt rõ việc này khác với việc đánh giá những cán bộ khác hằng năm ở chỗ, đánh

giá cán bộ trong quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU cần coi trọng đánh giá về xu hướng, khả năng phát triển thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của chức danh đã được quy hoạch. Coi trọng tiến hành các thủ tục, quy trình giới thiệu những cán bộ này ứng cử, đề cử để đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh bầu cử vào tỉnh ủy theo đúng quy định, thủ tục, quy trình và hướng dẫn của Đảng.

Tiến hành những công việc nêu trên, cần coi trọng định hướng tỉnh ủy, BTVTU ngay từ khi xây dựng quy hoạch tỉnh ủy, BTVTU; bảo đảm đủ số lượng, cơ cấu hợp lý, từng cán bộ có chất lượng, chú ý cơ cấu cán bộ làm công tác dân vận, MTTQ, các tổ chức CT-XH, cán bộ là người Khmer.

Ba là, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng tỉnh ủy viên đã được bầu trong đại hội đại biểu tỉnh ủy nhiệm kỳ hiện tại, ủy viên BTVTU đã được tỉnh ủy khóa mới bầu vào BTVTU; coi trọng bồi dưỡng về công tác dân vận, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer.

Sau đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, cho các tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU. BTVTU tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát về trình độ, chuyên môn được đào tạo, năng lực, trình độ, kỹ năng công tác, lĩnh vực chuyên sâu, nhiều kinh nghiệm của các tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU; xác định rõ những mặt, những lĩnh vực từng tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU còn thiếu cần được bồi dưỡng, bổ sung, những mặt, những lĩnh vực cần được bồi dưỡng cập nhật tri thức và nâng cao. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, kỹ năng công tác cho các tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU.

Kế hoạch bồi dưỡng các tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU cần được xây dựng cụ thể, khoa học, khả thi, phù hợp với chương trình, kế hoạch hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU, không ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện chương trình, kế hoạch đó. Cần xác định rõ nội dung cần bồi dưỡng cho những tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU, phân chia thành từng loại để tổ chức thực hiện, không bỏ sót; thời gian cần triển khai thực hiện phù hợp; xác định rõ những tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU tiến hành bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ kỹ năng công

tác tại địa phương. Hình thức tiến hành công việc này gồm: thông qua các hoạt động, như: tham dự, chủ trì các cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học; hội nghị công tác đảng; sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm; xử lý điểm nóng; nghe các báo cáo chuyên đề tại địa phương do báo cáo viên các ban, ngành ở Trung ương trình bày; giảng viên của các học viện ở Trung ương giảng bài...

Đối với những tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU cần tham dự các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ, kỹ năng công tác do Trung ương mở sau đại hội Đảng toàn quốc, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì, BTVTU cần nghiên cứu kế hoạch mở các lớp học đó, để có kế hoạch đưa các tỉnh ủy viên và ủy viên BTVTU tham dự lớp học đạt hiệu quả.

Bốn là, nâng cao năng lực, trách nhiệm tham gia xây dựng các nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận, trong đó có những nội dung về công tác vận động đồng bào Khmer và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

Trong một nhiệm kỳ, ở nhiều nơi của ĐBSCL, tỉnh ủy thường ban hành một nghị quyết về công tác dân vận, bao gồm, quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp tổng thể về công tác dân vận, nhấn mạnh công tác dân vận đối với các đối tượng nhân dân, nhất là các đối tượng đặc thù như đồng bào DTTS, đồng bào theo các tôn giáo trên địa bàn... BTVTU thường ban hành nghị quyết về một hoặc hai vấn đề nổi lên trong công tác dân vận cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết và công tác vận động các đối tượng đặc thù trên địa bàn, như: đồng bào DTTS, đồng bào theo các tôn giáo...

Tỉnh ủy, BTVTU cần quan tâm phát huy mạnh mẽ, vai trò, trách nhiệm của từng tỉnh ủy viên trong tham gia đạt hiệu quả vào việc xây dựng nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU nói chung về công tác dân vận nói riêng. Cần phát huy mạnh mẽ trình độ trí tuệ, năng lực tổ chức thực tiễn, nhất là kinh nghiệm công tác dân vận; coi trọng phát huy kinh nghiệm của những tỉnh ủy viên đã hoạt động đạt hiệu quả ở những địa phương có đông đồng bào Khmer tham gia vào công việc này; đề xuất những giải pháp tăng cường công tác dân vận của tỉnh ủy, vận động đồng bào Khmer và những đối tượng đặc thù ở địa phương. Cần phát huy đạt hiệu quả hoạt động của những tỉnh ủy viên này

trong hội nghị về bàn bạc, quyết định nghị quyết của tỉnh ủy và tham gia ý kiến vào dự thảo nghị quyết của BTVTU về công tác dân vận, nhất là công tác vận động những đối tượng nhân dân đặc thù trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, tỉnh ủy, BTVTU tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực của các tỉnh viên về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận. Cần phân công các tỉnh ủy viên phụ trách những nội dung quan trọng trong nghị quyết của tỉnh ủy, BTVTU về công tác dân vận; phân công phụ trách những địa bàn phức tạp, gặp nhiều khó khăn về công tác dân vận, như biên giới, ven biển, đảo, những nơi có đông đồng bào DTTS nói chung, đồng bào Khmer nói riêng, nhất là ở những địa bàn biên giới với Campuchia ở những tỉnh có biên giới với nước này. Coi trọng đưa các tỉnh ủy viên tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về công tác dân vận ở địa phương; giao lưu, học tập, trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác dân vận trong vùng và các tỉnh, thành phố trong cả nước, trước hết là ở các tỉnh, thành phố ở phía Nam nước ta; coi trọng việc giao lưu, học tập, trao đổi, kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer ở các tỉnh trong vùng ĐBSCL.

Năm là, tỉnh ủy, BTVTU tăng cường khuyến khích, động viên các tỉnh ủy viên tích cực tự giác tự học tập, tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, năng lực công tác dân vận.

Trước hết, từng tỉnh ủy viên cần coi trọng thực hiện tốt việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống là những tấm gương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân noi theo. Chỉ như thế, tỉnh ủy viên mới có thể hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao và mới có thể vận động nhân dân nói chung, vận động đồng bào Khmer nói riêng. Tiếp đến là tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực, kỹ năng công tác dân vận. Tiến hành công việc này, từng tỉnh viên cần xây dựng và thực hiện nghiên, tự giác thực hiện, thực hiện liên tục, bền bỉ kế hoạch tự học tập, tự rèn luyện về mọi mặt của mình; thực hiện nghiêm quan điểm của Đảng: “Lười học tập, lười suy nghĩ, không thường xuyên tiếp nhận những thông tin mới, những hiểu biết mới cũng là biểu hiện của sự thoái hóa” [47, tr.141].

Tỉnh ủy tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU thực hiện tốt việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ mọi mặt. BTVTU tăng cường kiểm tra, giám sát việc tự học tập, tự rèn luyện của các tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU; động viên họ thực hiện tốt; góp ý, phê bình những người thực hiện chưa tốt. BTVTU có thể nghiên cứu đưa việc tự học tập, tự rèn luyện nâng cao trình độ mọi tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU vào tiêu chí xem xét, đánh giá tỉnh ủy viên, ủy viên BTVTU hằng năm...

4.2.4. Phát huy vai trò các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, nhất là ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy; xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo, dân vận ở địa phương là lực lượng nòng cốt trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy

4.2.4.1. Phát huy vai trò của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, nhất là ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy trong tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy

Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng trong mọi hoạt động của tỉnh ủy, trong đó có việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. Đối với công tác này, ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy và ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã phụ trách công tác tuyên giáo, dân vận ở những nơi có đông đồng bào Khmer có vai trò đặc biệt quan trọng và thường được coi là “bộ óc thứ hai” của cấp ủy về công tác vận động đồng bào Khmer. Để tăng cường công tác vận động đồng bào cần coi trọng thực hiện tốt việc phát huy vai trò của các cơ quan này. Cần:

Một là, tỉnh ủy, cấp ủy cấp xã quán triệt sâu sắc chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và vai trò của ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy thể hiện trong các quy định của Đảng, coi đó là cơ sở chủ yếu để phát huy vai trò của các cơ quan này trong tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25-07-2018 của Ban Bí thư “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy”. Tỉnh ủy, BTVTU, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cấp xã cần quán triệt sâu sắc chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và vai trò của ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy thể hiện trong quy định nêu trên và chức năng, nhiệm

vụ, vai trò của đảng bộ cấp xã trong công tác tuyên giáo, dân vận, thể hiện trong Quy định số 127-QĐ/TW ngày 01-03-2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của đảng bộ, chi bộ cơ sở xã, phường, thị trấn, có nhận thức đúng đắn, thống nhất về những nội dung này, coi đó là cơ sở chủ yếu để phát huy vai trò của các cơ quan trong tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy những năm tới.

Hai là, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, đặc biệt coi trọng ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã phụ trách công tác tuyên giáo, dân vận đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Tỉnh ủy tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về tổ chức bộ máy của HTCT tiếp tục tổ chức thực hiện đạt kết quả việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của mình tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ tốt việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan.

Coi trọng nâng cao chất lượng hoạt động của ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy và ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã phụ trách công tác tuyên giáo, dân vận ở những nơi đồng bào Khmer thực sự là lực lượng nòng cốt trong công tác vận động đồng bào của cấp ủy các cấp.

Ba là, cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy là cơ sở để đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng ĐNCB đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy những năm tới.

Sau khi sáp nhập, cần cụ thể hóa, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL phù hợp với điều kiện, đặc điểm cụ thể của địa phương để tổ chức thực hiện. Trong đó, quy định rõ những nội dung về công tác vận động đồng bào Khmer. Hằng năm, trong hội nghị các tổng kết công tác tuyên giáo, dân vận, tổng kết hoạt động của cấp ủy,

chính quyền cần xem xét, chỉnh sửa bổ sung để chức năng, nhiệm vụ của ban tuyên giáo và dân vận hoàn chỉnh hơn.

Bốn là, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và thực hiện quy chế làm việc của ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy, đảng ủy cấp xã về công tác tuyên giáo, dân vận, trong đó, có những quy định về sự phối hợp các cơ quan tham mưu, các tổ chức trong công tác tuyên giáo, dân vận nói chung, vận động đồng bào Khmer nói riêng.

Ban Thường vụ tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy xây dựng quy chế làm việc, lãnh đạo, chỉ đạo đảng ủy cấp xã xây dựng quy chế làm việc, trong đó có những quy định về công tác tuyên giáo, dân vận, vận động đồng bào Khmer ở những nơi có đông đồng bào Khmer để tổ chức thực hiện. Trong đó, quy định rõ chức trách, nhiệm vụ, trách nhiệm của cán bộ chủ chốt của ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động của ban, đối với công tác vận động đồng bào Khmer; chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức trong ban về công việc này, chức trách, nhiệm vụ, trách nhiệm của tập thể đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy, bí thư, phó bí thư, các đảng ủy viên đảng ủy cấp xã về công tác tuyên giáo, dân vận và công tác vận động đồng bào Khmer trên địa bàn.

Trong quy chế làm việc về công tác tuyên giáo, dân vận, cần có những quy định về sự phối hợp giữa ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy, đảng ủy cấp xã với các ban tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, các tổ chức trong HTCT địa phương trong công tác tuyên giáo, dân vận, vận động đồng bào Khmer. Cấp ủy tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện và lãnh đạo, chỉ đạo việc sơ kết, tổng kết việc thực hiện, chỉnh sửa, bổ sung để quy chế này hoàn thiện hơn.

4.2.4.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo, dân vận cấp ủy từ tỉnh đến cấp xã thực sự là lực lượng nòng cốt trong công tác vận động đồng bào Khmer; quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác tuyên giáo, dân vận, vận động đồng bào Khmer của đội ngũ cán bộ, đảng viên

Đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo, dân vận cấp ủy từ tỉnh đến cấp xã có vai trò rất quan trọng đối với chất lượng, hiệu quả công tác tuyên giáo, dân vận của tỉnh ủy, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer. Đây

là lực lượng nòng cốt trực tiếp và góp phần rất quan trọng, quyết định chất lượng, hiệu quả công tác tuyên giáo, dân vận, công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. Để ĐNCB này thể hiện rõ và khẳng định vai trò nêu trên, tỉnh ủy, các cấp ủy cần coi trọng và thực hiện tốt việc xây dựng ĐNCB chuyên trách công tác tuyên giáo, dân vận có phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, thực sự là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên giáo, dân vận và vận động đồng bào Khmer. Để đạt được điều này, cần thực hiện tốt những giải pháp sau đây:

Một là, tỉnh ủy, cấp ủy cấp xã tiếp tục quán triệt sâu sắc mục tiêu xây dựng ĐNCB chuyên trách công tác tuyên giáo, dân vận của tỉnh thực sự là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên giáo, dân vận và vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy, bảo đảm thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo, dân vận của tỉnh gồm những cán bộ làm việc trong ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã phụ trách công tác tuyên giáo, dân vận. Tỉnh ủy, cấp ủy cấp xã tiếp tục nâng cao nhận thức của mình về vai trò đặc biệt quan trọng của ĐNCB này. Đồng thời, tỉnh ủy, cấp ủy cấp xã quán triệt sâu sắc mục tiêu xây dựng ĐNCB của HTCT hiện nay, theo quan điểm của Đảng, thể hiện trong Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” trong xây dựng ĐNCB chuyên trách công tác tuyên giáo, dân vận của tỉnh. Cần xây dựng ĐNCB này đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý; trong đó quan tâm thỏa đáng đến cán bộ là người Khmer trong cơ cấu ĐNCB ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy; từng cán bộ có phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Hai là, tỉnh ủy lãnh đạo chỉ đạo thực hiện tốt các khâu của công tác cán bộ, tạo nên ĐNCB chuyên trách công tác tuyên giáo, dân vận của tỉnh đáp ứng tốt việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy; coi trọng trưởng ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy.

Tỉnh ủy lãnh đạo chỉ đạo thực hiện tốt các khâu của công tác cán bộ, coi trọng cụ thể hóa tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chức danh, công tác tạo nguồn, quy

hoạch, đào tạo, bồi dưỡng luân chuyển, quản lý, đánh giá cán bộ trong quy hoạch trưởng ban, phó trưởng ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy, giới thiệu ứng cử, đề cử đề đại hội đảng các cấp bầu vào cấp ủy...

Trong cụ thể hóa tiêu chuẩn, tiêu chuẩn chức danh cán bộ tuyên giáo, dân vận cần quán triệt sâu sắc những quy định của Đảng về tiêu chuẩn cán bộ trong Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các văn kiện của Đảng, nhất là quy định của Đảng về phong cách cán bộ công tác tuyên giáo, dân vận trong Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng “về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”. Nghị quyết chỉ rõ cán bộ tuyên giáo, dân vận: “Xây dựng và thực hiện phong cách: “Trọng dân, gần dân, học dân và có trách nhiệm đối với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin, thường xuyên đi công tác cơ sở” [53, tr.46] và trong Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 14-6-2004 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội XIV của Đảng. Đồng thời, quán triệt, nhận thức sâu sắc chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phong cách cán bộ tuyên giáo, dân vận: “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. Chứ không phải chỉ nói suông, chỉ ngồi viết mệnh lệnh. Họ phải thật thà nhúng tay vào việc” [93, tr.699]. Trong công tác tạo nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch trưởng ban, phó trưởng ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy cần kết hợp chặt chẽ việc tạo nguồn trước mắt và lâu dài, coi trọng tạo nguồn cán bộ trưởng thành trong thực tiễn.

Ba là, quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác tuyên giáo, dân vận, vận động đồng bào Khmer của ĐNCB tuyên giáo, dân vận của tỉnh.

Những cán bộ này có vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy và công tác tuyên giáo, dân vận của đảng ủy cấp xã và với chất lượng, hiệu quả của công tác tuyên giáo, dân vận của tỉnh ủy nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nói riêng. Những cán bộ này bảo đảm hoạt động hiện tại của ban tuyên giáo và dân vận diễn ra theo đúng chương trình, kế hoạch, đạt hiệu quả, tạo cơ sở để kết thừa, phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động của ban tuyên giáo và dân vận trong những năm tới; bồi dưỡng cán bộ tuyên giáo, dân vận kế cận. Những cán bộ này rất cần được quan

tâm bồi dưỡng cập nhật kiến thức cần thiết và nâng cao trình độ, nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn.

Cần đa dạng hóa hình thức bồi dưỡng đối với những cán bộ này, coi trọng việc đưa cán bộ tham dự các lớp bồi dưỡng do cấp trên tổ chức trong thời gian nhất định; các hội thảo khoa học; chủ nhiệm các đề tài khoa học về công tác tuyên giáo, dân vận; tham gia giao lưu học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác tuyên giáo, dân vận ở trong và ngoài tỉnh...

Bốn là, nghiên cứu, chuẩn bị và triển khai việc thi tuyển trưởng ban, phó trưởng ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy theo hướng dẫn của cấp trên.

Một chủ trương lớn của Đảng được thể hiện trong một số văn kiện đảng, nhất là trong Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII “về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” là mở rộng việc thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan của HTCT. Chủ trương này đã được triển khai thực hiện trong những năm qua đạt kết quả bước đầu và thể hiện tác dụng. Ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL cần nghiên cứu cần nghiên cứu, chuẩn bị chu đáo những điều kiện cần thiết và tiến hành việc này đối với trưởng ban, phó trưởng ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy theo hướng dẫn của cấp trên và có thể tổ chức thi tuyển cán bộ, công chức vào làm việc ở ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy.

4.2.5. Phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cấp xã; các chi hội chính trị - xã hội, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok và những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer

4.2.5.1. Đẩy mạnh công tác vận động đồng bào Khmer của cơ quan chính quyền từ tỉnh đến cấp xã; phát huy vai trò của cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc về công tác dân tộc, tôn giáo, bộ phận làm công tác dân tộc, tôn giáo ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer

Các cơ quan chính quyền từ tỉnh đến cấp xã ở các tỉnh vùng ĐBSCL có vai trò rất quan trọng và trách nhiệm đối với công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã chỉ rõ điều này. Chủ tịch Hồ

Chí Minh chỉ rõ: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v.) *đều phải phụ trách dân vận*” [93, tr.699]. Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng “về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” nêu nhiệm vụ, giải pháp: “Tăng cường và đổi mới công tác dân vận của các cơ quan chính quyền nhà nước” [53, tr.46]. Vì vậy, tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy cần coi trọng đẩy mạnh công tác vận động đồng bào Khmer của cơ quan chính quyền từ tỉnh đến cấp xã. Cần:

Một là, cán bộ, công chức các cơ quan chính quyền trong tỉnh có nhận thức sâu sắc, đúng đắn về công tác tuyên giáo, dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer của chính quyền nói riêng, xác định trách nhiệm của mình phải tham gia thực hiện tốt công việc này.

Cấp ủy, cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ, công chức, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan chính quyền từ tỉnh đến cấp xã trong tỉnh cần nhận thức sâu sắc quan điểm, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng nêu trên về công tác tuyên giáo, dân vận của cơ quan chính quyền các cấp.

Trong tác phẩm “Dân vận” Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Tất cả cán bộ chính quyền, tất cả cán bộ Đoàn thể và tất cả hội viên của các tổ chức nhân dân (Liên Việt, Việt Minh, v.v.) *đều phải phụ trách dân vận*” [93, tr.699]. Chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức chính quyền các cấp của các tỉnh ở vùng ĐBSCL cần nhận thức sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề này, xác định rõ trách nhiệm của mình trong công tác tuyên giáo, dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nói riêng. Đồng thời, cần nhận thức sâu sắc quan điểm của Đảng về công tác tuyên giáo, dân vận của chính quyền các cấp, từ đó xác định rõ trách nhiệm của mình trong đối với công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Quy định số 23-QĐ/TW ngày 30-7-2021 của Bộ Chính trị về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, chỉ rõ trách nhiệm của chính quyền các cấp đối với công tác dân vận:

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch cụ thể triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác dân vận.
2. Thực hiện cải cách hành chính; công khai minh bạch chủ trương, chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, nguồn lực nhà nước.
3. Thực hiện quy định về dân chủ ở cơ sở; tiếp công dân, đối thoại, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, những vấn đề bức xúc của nhân dân theo quy định của pháp luật; tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và hoạt động của chính quyền các cấp.
4. Nâng cao đạo đức công vụ, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống nhân dân; xử lý tham nhũng, tiêu cực, hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân theo thẩm quyền.
5. Phối hợp với ban dân vận, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp trong tham mưu thực hiện công tác dân vận. Định kỳ có chương trình làm việc với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp về tình hình nhân dân và công tác dân vận.
6. Phân công đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân phụ trách công tác dân vận và chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách công tác dân vận [32].

Tỉnh ủy, các cấp ủy trong tỉnh cần nhận thức sâu sắc những quy định nêu trên và cụ thể hóa trong công tác vận động đồng bào Khmer của mình để thực hiện dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo chung của tỉnh ủy. Các cấp ủy cần loại bỏ những

nhận thức không đúng đắn, coi công tác tuyên giáo, dân vận là công việc, nhiệm vụ chủ yếu của cấp ủy, các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc của cấp ủy, nhất là của ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy. Từ đó, cán bộ, công chức, người đứng đầu các cơ quan chính quyền từ tỉnh đến cấp xã trong tỉnh xác định trách nhiệm của mình phải tham gia đạt hiệu quả công tác tuyên giáo, dân vận nói chung, công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nói riêng.

Hai là, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan chính quyền các cấp trong tỉnh tập trung giải quyết đạt hiệu quả việc nâng cao đời sống và những vấn đề về nguyện vọng, lợi ích chính đáng của đồng bào Khmer ở địa phương.

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, cơ quan chính quyền các cấp trong tỉnh, nhất là chính quyền tỉnh, trước hết tập trung xác định và thực hiện các giải pháp phát triển KT-XH ở những địa phương có đông đồng bào Khmer sinh sống; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào; tôn trọng phong tục tập quán tiến bộ, sự tự hào dân tộc của đồng bào; giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào... Đồng thời, chính quyền các cấp có chủ trương, giải pháp đem lại hiệu quả về bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết tốt các chính sách đối với người nghèo, khuyết tật trong đồng bào Khmer.

Chính quyền các cấp tăng cường đối thoại, tiếp xúc trực tiếp, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu tố của dân, với nhân dân, thực hiện tốt công tác thanh tra nhân dân, hòa giải, ở cơ sở, Quy chế dân chủ ở cơ sở... đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân. Coi trọng việc rèn luyện thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ công chức chính quyền; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là chính quyền cơ sở, phấn đấu để cán bộ công chức các cơ quan chính quyền là những công bộc của nhân dân nói chung, đồng bào Khmer nói riêng.

Ba là, xây dựng phát huy mạnh mẽ vai trò của cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc về công tác dân tộc, tôn giáo của chính quyền các cấp trong công tác vận động đồng bào Khmer (những nơi có đông đồng bào Khmer) của các cơ quan chính quyền các cấp, góp phần thực hiện tốt công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc về công tác dân tộc, tôn giáo có vai trò rất quan trọng trong công tác vận động đồng bào Khmer của chính quyền các cấp. Cần xây dựng các cơ quan này có chất lượng thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; tập trung vào xây dựng tổ chức, bộ máy, cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu có chất lượng, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ tham mưu, giúp việc chính quyền trong công tác vận động đồng bào Khmer. Đồng thời, coi trọng sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan này với ban tuyên giáo và dân vận, MTTQ, các tổ chức CT-XH trong công tác vận động đồng bào Khmer.

4.2.5.2. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã trong công tác vận động đồng bào Khmer

Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức CT-XH từ tỉnh đến cấp xã (nơi có đông đồng bào Khmer) ở vùng ĐBSCL được thành lập ở các địa phương của tỉnh, phạm vi hoạt động rộng lớn, trên khắp địa bàn tỉnh, gắn bó với hầu hết người dân của tỉnh, trong đó có đồng bào Khmer. Các tổ chức này, nhất là cấp xã trực tiếp, gắn bó mật thiết với nhân dân, nắm vững diễn biến tư tưởng, cuộc sống và nguyện vọng, lợi ích chính đáng của hầu hết nhân dân trong tỉnh, trong đó có đồng bào Khmer, có vai trò rất quan trọng đối với công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. Tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy không thể không coi trọng, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức, lực lượng này trong công tác vận động đồng bào Khmer ở các địa phương. Để công việc này đạt hiệu quả, cần:

Một là, tỉnh ủy, BTVTU cùng với việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh trong công tác vận động đồng bào Khmer; coi trọng lãnh đạo cấp ủy cấp xã về phát huy vai trò của MTTQ, các tổ chức CT-XH trong công tác vận động đồng bào Khmer ở địa phương.

Cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của MTTQ, các tổ chức CT-XH từ tỉnh đến cấp xã tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ

thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và theo nhiệm vụ, giải pháp về tổ chức bộ máy của HTCT của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

Đồng thời, tỉnh ủy, các cấp ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức này đổi mới nội dung, phương thức hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả. Đặc biệt coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo và hỗ trợ, kể cả việc tăng cường cán bộ, kinh phí và những điều kiện cần thiết khác cho việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của MTTQ, các tổ chức CT-XH cấp xã, nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống, phù hợp với tập quán, đời sống văn hóa của đồng bào; quan tâm thỏa đáng đến việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp đồng bào để tuyên truyền và triển khai các hoạt động ở ấp, phum, srok về phát triển KT-XH, nâng cao đời sống đồng bào và bảo đảm an ninh, trật tự ở địa phương.

Hai là, các cấp ủy coi trọng lãnh đạo xây dựng ĐNCB, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu MTTQ, các tổ chức CT-XH đủ số lượng, có cơ cấu hợp lý, từng cán bộ có chất lượng tốt, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao thực hiện tốt công tác vận động đồng bào Khmer.

Để xây dựng được ĐNCB MTTQ, các tổ chức CT-XH từ tỉnh đến cấp xã đáp ứng những yêu cầu nêu trên, các cấp ủy cần quán triệt, nhận thức sâu sắc quy định của Đảng về tiêu chuẩn cán bộ, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, đặc biệt là những chỉ dẫn về phong cách công tác của cán bộ dân vận nêu trên do Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra. Bởi vì, về thực chất có thể coi cán bộ của MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp cũng là những cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo, dân vận của Đảng.

Các cấp ủy theo chức năng, nhiệm vụ của mình và theo quy định của Đảng về phân cấp quản lý cán bộ, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các khâu của công tác cán bộ, như: quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, quản lý, đánh giá, sử dụng, thực hiện chính sách cán bộ trong quá trình xây dựng ĐNCB MTTQ, các tổ chức CT-XH các cấp.

Tỉnh ủy cần đặc biệt quan tâm thỏa đáng đến việc xây dựng đội ĐNCB MTTQ, các tổ chức CT-XH ở các xã có đông đồng bào Khmer, tăng cường cán bộ là người Khmer trong MTTQ, các tổ chức CT-XH xã; tăng cường bồi dưỡng về phong tục, tập quán của đồng bào Khmer cho những cán bộ không phải là

người Khmer... Quan tâm thỏa đáng đến chính sách, chế độ đãi ngộ cho cán bộ MTTQ, các tổ chức CT-XH cấp xã phù hợp với điều kiện kinh tế của tỉnh.

Ba là, các cấp ủy trong tỉnh coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ việc phối hợp giữa MTTQ các tổ chức CT-XH các cấp trong tỉnh với các chính quyền, ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy cùng cấp và với các tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ nói chung và trong công tác vận động đồng bào Khmer nói riêng.

Để thực hiện tốt sự phối hợp nêu trên, cấp ủy các cấp cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc xây dựng quy chế phối hợp giữa MTTQ các tổ chức CT-XH các cấp trong tỉnh với các chính quyền, ban tuyên giáo và dân vận cấp ủy cùng cấp và với các tổ chức, lực lượng có liên quan trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và thực hiện những nhiệm vụ chung của công tác tuyên giáo, dân vận, quan tâm thỏa đáng đến công tác vận động đồng bào Khmer. Đặc biệt coi trọng lãnh đạo việc thực hiện quy chế phối hợp hoạt động đã dự xây dựng và thông qua; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện quy chế phối hợp hoạt động, chỉ rõ ưu, khuyết điểm, đúc kết kinh nghiệm; chỉ ra những điểm chưa phù hợp, những điểm còn thiếu để chỉnh sửa, bổ sung hoàn chỉnh hơn.

Bốn là, cấp ủy các cấp trong tỉnh cổ vũ, động viên và tạo thuận lợi cho để MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân tham gia vào đạt hiệu quả vào việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Cấp ủy các cấp trong tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đạt hiệu quả việc cổ vũ, động viên và tạo thuận lợi cho để MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân, tích cực tham gia công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy; coi trọng động viên, thu hút đồng bào Khmer tham gia công việc này. Thực tế cho thấy, đồng bào Khmer vận động, thuyết phục đồng bào mình tham gia vào các hoạt động ở ấp, phum, srok đem lại hiệu quả rất lớn trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. Cấp ủy các cấp, nhất là cấp ủy cấp xã cần tăng cường hướng dẫn và tạo thuận lợi cho MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân thực hiện công việc nêu trên; coi trọng việc giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức này đối với hoạt động của cấp ủy, chính quyền cấp xã trong thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào Khmer.

4.2.5.3. Phát huy mạnh mẽ vai trò của các chi hội chính trị - xã hội nơi có đông đồng bào Khmer và các lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok, những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer

Theo Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV, ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố: “Thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc... (gọi chung là thôn); thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn. Tổ dân phố, khu phố, khối phố, khóm, tiểu khu... (gọi chung là tổ dân phố); tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố ” [34]. Như vậy, ấp, phum, srok ở các tỉnh vùng ĐSSCL được gọi chung là thôn (cách gọi thống nhất trong cả nước).

Theo quy định của Nhà nước ta về những công việc ở thôn, tổ dân phố, có thể xác định những công việc ở ấp, phum, srok ở các tỉnh vùng ĐBSCL, gồm: 1. Bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi xã, ấp, phum, srok do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các công việc của ấp, phum, srok và của xã theo quy định; 3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của ấp, phum, srok; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội. 4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức CT-XH phát động. 5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ấp, phum, srok [35].

Các tổ chức, lực lượng thực hiện công việc ở ấp, phum, srok gồm: *chi bộ ấp, phum, srok* lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện công việc trên địa bàn; *trưởng ấp, phum, srok, phó trưởng ấp, phum, srok*; *Ban công tác MTTQ, các chi hội tổ chức CT-XH*, như Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, chi hội phụ nữ, chi hội nông dân, cựu chiến binh... *Lực lượng tham gia thực hiện công việc ở ấp, phum, srok, gồm:* các tổ chức đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH xã; chi bộ

quân sự, công an, trường tiểu học, trung học cơ sở xã; chi bộ và doanh nghiệp, bộ đội biên phòng đóng trên địa bàn xã (ở các xã biên giới, biển đảo, ven biển...).

Các lực lượng khác tham gia thực hiện công việc ở ấp, phum, srok: lực lượng ở xã gồm: Ban Thanh tra nhân dân; Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; Tổ công nghệ số cộng đồng; Đội dân phòng - phòng cháy chữa cháy; *lực lượng ở ấp, phum, srok gồm:* Tổ hoà giải; Lực lượng công an viên; Lực lượng dân quân tự vệ tại chỗ; Lực lượng y tế ấp, phum, srok; Các cộng tác viên dân số và kế hoạch hoá gia đình; Người có uy tín; Chi hội người cao tuổi; Chi hội chữ thập đỏ; nhân dân các dân tộc ở ấp, phum, srok.

Các tổ chức lực lượng nêu trên trực tiếp hằng hằng giờ gắn bó với nhân dân trên địa bàn, tham gia thực hiện những công việc liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân ở thôn dưới sự lãnh đạo của chi bộ thôn và điều hành của trưởng thôn, phó trưởng thôn, trong đó có đồng bào Khmer. Những lực lượng này có vai trò rất quan trọng trong công tác vận động, trong đó có đồng bào Khmer của các cấp ủy và của tỉnh ủy. Tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy cần coi trọng và thực hiện tốt việc phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức, lực lượng này trong công tác vận động đồng bào Khmer ở các địa phương. Để đạt được điều này, cần:

Một là, nâng cao chất lượng chi bộ ấp, phum, srok thực sự là lực lượng lãnh đạo, quyết định việc thực hiện có hiệu quả mọi công việc trên địa bàn, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer.

Cấp ủy, nhất là đảng ủy xã coi trọng và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng các chi bộ ấp, phum, srok, bảo đảm thực hiện thắng lợi chức năng, nhiệm vụ của mình; thực sự là lực lượng lãnh đạo, quyết định việc thực hiện có hiệu quả mọi công việc trên địa bàn, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer; lãnh đạo các chi hội CT-XH hoạt động hiệu quả, tham gia thực hiện tốt công tác vận động đồng bào Khmer trên địa bàn; lãnh đạo, tổ chức thực hiện tốt việc phát huy vai trò của người có uy tín trong thực hiện mọi công việc ở ấp, phum, srok, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer.

Đảng ủy xã quan tâm thỏa đáng đến việc hình thành chi ủy, đặc biệt coi trọng chọn, bố trí đúng bí thư chi bộ ấp, phum, srok; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ mọi mặt, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, coi trọng kỹ năng công tác tuyên giáo, dân dân nói chung, vận động đồng bào Khmer nói riêng. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên là người Khmer; phát huy vai trò của những đảng viên là người Khmer trong công tác vận động đồng bào. Bố trí bí thư chi bộ ấp, phum, srok, đồng thời là trưởng ấp, phum, srok; thường xuyên theo dõi, giúp đỡ chi ủy nói chung, bí thư chi bộ nói riêng trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Hai là, đảng ủy xã tăng cường lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi hội CT-XH ở ấp, phum, srok bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, coi trọng việc tham gia thực hiện tốt công tác vận động đồng bào Khmer.

Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công việc nêu trên, coi trọng lãnh đạo nâng cao chất lượng ĐNCB, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các chi hội CT-XH ở ấp, phum, srok. Tăng cường lãnh đạo việc đổi mới nội dung hoạt động của các chi hội theo hướng thiết thực, đáp ứng nguyện vọng, lợi ích của đồng bào Khmer, góp phần giải quyết đạt hiệu quả những vấn đề đồng bào quan tâm. Đồng thời, đổi mới hình thức tập hợp nhân dân phù hợp với đặc điểm của đồng bào, nhất là hình thức sinh hoạt cộng đồng, thu hút đông đảo đồng bào vào các chi hội CT-XH và các tổ chức xã hội ở ấp, phum, srok.

Chi bộ ấp, phum, srok tạo thuận lợi cho các chi hội tham gia tích cực, hiệu quả vào công việc ở ấp, phum, srok, lãnh đạo sự phối hợp hoạt động của các chi hội với các tổ chức, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok với trưởng ấp, phum, srok trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ và trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Ba là, phát huy vai trò của các lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum; đặc biệt coi trọng phát huy đạt hiệu quả vai trò của những người có uy tín trên địa bàn trong thực hiện những công việc ở ấp, phum, srok, nhất là trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Chi ủy, chi bộ, trưởng ấp, phum đặc biệt coi trọng thực hiện tốt công việc nêu trên; quan tâm thỏa đáng đến việc phát huy vai trò của những người có uy tín ở ấp, phum, srok trong thực hiện công việc ở ấp, phum, srok, nhất là có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào. Đối với những người có uy tín ở địa phương, cấp ủy cần tạo sự thân thiện, hòa đồng, tin tưởng của họ đối với chi ủy, chi bộ, trưởng ấp, phum, srok, từ đó sẽ phát huy tốt vai trò của họ trong thực hiện công việc ở ấp, phum, srok và công tác vận động đồng bào Khmer.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy xã, việc tạo thuận lợi của chính quyền, các tổ chức CT-XH xã đối với hoạt động của chi ủy, chi bộ và các chi hội CT-XH và các lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Để các chi bộ, trưởng ấp, phum, srok, các chi hội CT-XH, các lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer, không thể thiếu sự lãnh đạo, chỉ đạo của đảng ủy xã và việc tạo thuận lợi của chính quyền, các tổ chức CT-XH xã. Đảng ủy xã cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công việc này. Tập trung thực hiện tốt những giải pháp, như: nâng cao chất lượng đảng ủy, ban thường vụ đảng ủy xã; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo; kiện toàn các bộ phận, cán bộ tham mưu, giúp việc đảng ủy; nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, tăng cường kết nạp đảng viên là người Khmer; phát huy vai trò của những đảng viên này trong công tác vận động đồng bào Khmer...

Thực hiện những công việc nêu trên theo nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết Trung ương 5 khóa XIII của Đảng “về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới”. Đồng thời, đảng ủy xã tăng cường lãnh đạo xây dựng chính quyền xã, các tổ chức CT-XH hội xã vững mạnh, tạo thuận lợi cho các chi bộ, trưởng ấp, phum, srok, các chi hội CT-XH, các lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok thực hiện tốt nhiệm vụ, trong đó có công tác vận động đồng bào Khmer.

4.2.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và sự tạo thuận lợi của các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương đối với tỉnh ủy trong công tác vận động đồng bào Khmer

4.2.6.1. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng có vai trò rất quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của Đảng, cấp ủy, tổ chức đảng, trong đó có thực hiện thắng lợi đường lối, nghị quyết của Đảng, nghị quyết, chủ trương của cấp ủy các cấp; là những chức năng lãnh đạo của Đảng, của cấp ủy các cấp. Theo quy định của Điều lệ Đảng: “Các cấp ủy đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng” [64, tr.51]. Như vậy, đối với công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL, tỉnh ủy có nhiệm vụ: lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy; các cấp ủy cấp ủy trong đảng bộ tỉnh về thực hiện công tác vận động đồng bào Khmer, trọng tâm là lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy trực thuộc về thực hiện công việc này; tỉnh ủy tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các cấp ủy, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về thực hiện công tác vận động đồng bào Khmer, trọng tâm là kiểm tra, giám sát các cấp ủy trực thuộc và đảng viên là cán bộ thuộc diện BTVTU quản lý về thực hiện công việc này. Tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL rất cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên trong đảng bộ tỉnh về công tác này gồm hai nhiệm vụ nêu trên. Cần tập trung vào:

Một là, BTVTU tập trung lãnh đạo chỉ đạo ủy ban kiểm tra và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, đặc biệt coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo ủy ban kiểm tra tăng cường kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, CB, ĐV về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.

Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy là cơ quan chuyên trách về công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy, có nhiệm vụ trọng yếu là kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp khi có dấu hiệu vi phạm. Tỉnh ủy cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo ủy ban kiểm tra tỉnh ủy thực hiện đạt hiệu quả nhiệm vụ này, trong đó có kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới ở những nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống và kiểm tra đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy; tập trung vào kiểm tra cấp ủy trực thuộc, nhất là đảng viên là cán bộ diện BTVTU quản lý. Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo ủy ban kiểm tra tỉnh ủy xây dựng và thực hiện chương trình kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát toàn nhiệm kỳ ngay sau đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cuộc kiểm tra, xem xét, thông qua kết luận các cuộc kiểm tra; xác định nội dung, lựa chọn hình thức, phương pháp tiến hành. Đặc biệt, coi trọng lựa chọn hình thức, phương pháp kiểm tra về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy phù hợp với điều kiện, đặc điểm hoạt động của các tổ chức đảng, đảng viên ở những nơi có đông đồng bào Khmer; coi trọng phát hiện, cổ vũ, động viên những tập thể, các nhân tiêu biểu, ưu tú trong công tác vận động đồng bào Khmer. Đồng thời, tăng cường công tác giám sát và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, để phòng ngừa, ngăn chặn sai lầm, khuyết điểm của tổ chức đảng và đảng viên ngay từ khi mới manh nha.

Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy có nhiệm vụ kiểm tra giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên về những nội dung thuộc lĩnh vực tham mưu của từng cơ quan, kiểm tra, giám sát cơ quan tham mưu cấp ủy cấp dưới tương ứng. Tỉnh ủy cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan tham mưu của mình tiến hành công tác, kiểm tra, giám sát theo quy định, trong đó có kiểm tra, giám sát những vấn đề liên quan đến công tác vận động đồng bào Khmer thuộc lĩnh vực tham mưu của từng cơ quan. Đồng thời, tỉnh ủy coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy trực thuộc về công tác vận động đồng bào Khmer của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

Hai là, tỉnh ủy, BTVTU lựa chọn những vấn đề đang nổi lên cần giải quyết, những địa bàn có vấn đề phức tạp về công tác vận động đồng bào Khmer trực tiếp tiến hành kiểm tra, giám sát.

Trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát là một nhiệm vụ quan trọng của tỉnh ủy, BTVTU, trong đó có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về công tác vận động đồng bào Khmer. Tỉnh ủy, trực tiếp là BTVTU tăng cường nắm tình hình về công tác vận động đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh, trao đổi, thảo luận trong BTVTU xác định vấn đề đang nổi lên cần giải quyết về công tác vận động đồng bào Khmer; những địa bàn có vấn đề phức tạp ảnh hưởng lớn đến công tác vận động đồng bào và trực tiếp tiến hành kiểm tra, giám sát. Coi trọng xác định đúng, chính xác nội dung và hình thức, phương pháp kiểm tra; thành lập đoàn kiểm tra, chú ý cơ cấu cán bộ là người Khmer đủ yêu cầu tham gia đoàn kiểm tra; xây dựng và thực hiện quy chế làm việc và triển khai các bước kiểm tra; chú ý thực hiện chế độ báo cáo, báo nhanh hoạt động của đoàn kiểm tra; chỉ đạo giải quyết những vướng mắc, những vấn đề mới xuất hiện ngoài dự kiến trong quá trình làm việc của đoàn kiểm tra...

Ba là, BTVTU tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp giữa ủy ban kiểm tra tỉnh ủy với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy trong kiểm tra, giám sát công tác vận động đồng bào Khmer và phối hợp với việc giám sát công tác vận động đồng bào của MTTQ, các tổ chức CT-XH và nhân dân.

Đây là công việc rất quan trọng BTVTU cần quan tâm thỏa đáng lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đạt hiệu quả. Cần lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quy chế, hoặc những quy định cụ thể về sự phối hợp, coi trọng việc thực hiện quy chế, quy định đã được xây dựng, định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm; chỉnh sửa, bổ sung để quy chế, những quy định về sự phối hợp này hoàn chỉnh hơn.

4.2.6.2. Tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự tạo thuận lợi của các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương đối với tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long về công tác vận động đồng bào Khmer

Tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có hiệu quả là công việc chủ yếu của các tỉnh ủy; song cũng không thể

thiếu những hoạt động nêu trên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương. Để đạt được điều này, cần thực hiện tốt những giải pháp sau đây:

Một là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp tỉnh, trong đó có các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thực hiện các nghị quyết của Đảng, kết luận của Bộ Chính trị về công tác tuyên giáo, dân vận, DTTS; có thể ban hành và lãnh đạo thực hiện nghị quyết hoặc kết luận của Bộ Chính trị về việc này.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy cấp tỉnh, trong đó có các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”; Kết luận số 43-KL/TW ngày 07-01-2019 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW” nêu trên; Nghị quyết Trung ương số 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 “về công tác dân tộc”; Kết luận số 65-KL/TW ngày 17/10/2019 của Bộ Chính trị “về công tác dân tộc trong tình hình mới”; Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Chính phủ... Coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong thực hiện các Nghị quyết, Kết luận này trong công tác vận động đồng bào Khmer, kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 04-4-2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, phấn đấu đạt các mục tiêu cụ thể do Nghị quyết đề ra ở những địa phương có đông đồng bào Khmer.

Bộ Chính trị có thể nghiên cứu và lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, ban hành nghị quyết về công tác tuyên giáo, dân vận thay cho Nghị quyết số 25-NQ/TW nêu trên, hoặc ban hành Kết luận mới về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này trong những năm tới và lãnh đạo chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Hai là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về công tác vận động đồng bào Khmer; tăng cường lãnh đạo phát triển KT-XH tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy tiến hành công tác vận động đồng bào Khmer đạt hiệu quả.

Để việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL phát triển, có hiệu quả, không thể thiếu việc làm sáng tỏ, thấu đáo về lý luận về công việc này là cơ sở cho các tỉnh ủy xác định chủ trương, giải pháp đúng đắn, khả thi để thực hiện. Bộ Chính trị, Ban Bí thư quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các cơ quan có liên quan xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện chương trình khoa học quốc gia về phát triển KT-XH, xây dựng Đảng, công tác dân vận động đồng bào các DTTS trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, cung cấp cơ sở lý luận cho các hoạt động ở vùng đồng bào DTTS, trong đó có vùng có đông đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL và công tác vận động đồng bào.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp chặt chẽ với các viện nghiên cứu khoa học có liên quan và các tỉnh ủy, nơi có đông đồng bào DTTS triển khai thực hiện chặt chẽ, có chất lượng những đề tài khoa học về những nội dung nêu trên. Đồng thời, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL phối hợp chặt chẽ với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh triển khai các đề tài khoa học cấp tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer, tổ chức các hội thảo khoa học, tổng kết thực tiễn về công tác này và, đúc rút kinh nghiệm những điển hình tiên tiến về công tác vận động đồng bào Khmer, phổ biến kinh nghiệm, nhân ra diện rộng...

Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo tăng cường lãnh đạo phát triển KT-XH; xây dựng hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, khoa học và công nghệ, chuyển đổi số... nâng cao đời sống nhân dân ở các tỉnh nói chung, đồng bào Khmer nói riêng, tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL tiến hành công tác vận động đồng bào đạt hiệu quả...

Ba là, Bộ Chính trị, Ban Bí thư coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo tìm các giải pháp khả thi đem lại hiệu quả giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước ta với nước Campuchia trên cơ sở đường lối đối ngoại của Đảng.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư quan tâm và thực hiện thực tốt công việc nêu trên sẽ tạo thuận lợi lớn và căn bản cho các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thực hiện tốt công tác vận động đồng bào Khmer. Đồng thời, ngăn chặn loại trừ một cách cơ bản hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc Campuchia để

phá hoại Đảng, Nhà nước ta, phá hoại quan hệ hữu nghị truyền thống giữa dân tộc Việt Nam với dân tộc Campuchia.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về công tác vận động đồng bào Khmer.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban kiểm tra Trung ương tăng cường kiểm tra, giám sát các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL về công tác vận động đồng bào Khmer ở địa phương; đồng thời lãnh đạo cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước tiến hành thanh tra, kiểm toán những vấn đề liên quan đến đồng bào Khmer. Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo sự phối hợp chặt chẽ giữa Ủy ban kiểm tra Trung ương với cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, xử lý kịp thời, nghiêm minh, dứt điểm những tập thể, các nhân sai đến mức phải xử lý theo kỷ luật đảng và pháp luật; tạo thuận lợi cho việc tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đạt mục tiêu đề ra.

Năm là, các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer đạt hiệu quả.

Các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương nhận thức sâu sắc nhiệm vụ và trách nhiệm của mình đối với công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL, tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy thực hiện tốt công việc này.

Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ của mình tạo thuận lợi về những vấn đề thuộc lĩnh vực tham mưu của từng cơ quan liên quan đến công tác vận động đồng bào Khmer để các tỉnh ủy thực hiện tốt công tác vận động đồng bào. Đặc biệt, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương sau khi sáp nhập cần khẩn trương ổn định tổ chức, cán bộ, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thực hiện tốt công tác vận động đồng bào trong những năm tới. Cần tập trung vào hướng dẫn nội dung, phương thức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tuyên giáo, dân vận, trực tiếp cử cán bộ giúp tỉnh ủy về công tác vận động đồng bào Khmer, sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm... Các đoàn thể CT-XH ở Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ của mình cần coi trọng tạo thuận lợi cho các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL thực hiện tốt công tác vận động đồng bào Khmer.

Tiểu kết chương 4

Để tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong những năm tới cần nắm chắc, tận dụng những yếu tố thuận lợi, đặc biệt coi trọng khắc phục và vượt qua những yếu tố khó khăn. Cần thực hiện tốt các phương hướng tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy những năm tới: *Một là*, tỉnh ủy tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng về công tác dân vận, Kết luận số 43-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này, nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác dân vận trong công tác vận động đồng bào Khmer. *Hai là*, vận động đồng bào Khmer phát triển KT-XH, nâng cao đời sống, xây dựng nông thôn mới, phum, srok văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng sự đoàn kết các dân tộc, tích cực tham gia đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch. *Ba là*, tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện tốt Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ở xã, phường, thị trấn có đồng đồng bào Khmer sinh sống kết hợp chặt chẽ với công tác vận động đồng bào Khmer của các cấp ủy, nhất là cấp ủy xã, phường, thị trấn. *Bốn là*, tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng ủy xã, thị trấn, nơi có đồng đồng bào sinh sống và của các chi bộ phum, srok; phát huy vai trò của những đảng viên là người Khmer trong công tác việc này. *Năm là*, phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền, các tổ chức CT-XH xã, phường, ban quản lý phum, srok, tổ công tác MTTQ, các chi hội của các tổ chức CT-XH và những người có uy tín trong đồng bào Khmer ở các phum, srok trong công tác vận động đồng bào Khmer.

Đồng thời, quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt các giải pháp nêu trên. Các giải pháp này quan hệ mật thiết với nhau, tác động qua lại và tạo thuận lợi cho nhau phát triển, nên cần thực hiện đồng bộ các giải pháp. Trong đó, coi trọng hơn việc thực hiện giải pháp có tính đột phá: Phát huy vai trò của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cấp xã; các chi hội CT-XH, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok và những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer.

KẾT LUẬN

Công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL rất quan trọng trong các thời kỳ cách mạng, lại càng quan trọng trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Đặc biệt, trong những thập niên gần đây, trước sự biến đổi rất phức tạp, khó dự báo của tình hình chính trị thế giới và khu vực; tình KT-XH trong nước; các thế lực thù địch tăng cường phá hoại sự nghiệp đổi mới ở những nơi có đông đồng bào Khmer; phá hoại khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, trong đó có sự đoàn kết của đồng bào Khmer với các dân tộc khác, công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng này lại càng quan trọng và rất cần được tăng cường.

Công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL là hoạt động của tỉnh ủy, BTVTU với sự tham gia của các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên của đảng bộ tỉnh và các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan ở những tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống về tuyên truyền, thuyết phục, tập hợp, giáo dục và tổ chức đồng bào thực hiện thắng lợi các chủ trương, nghị quyết, quyết định của tỉnh ủy về phát triển KT-XH, bảo đảm QP,AN, đối ngoại, góp phần vào sự phát triển vững mạnh của tỉnh, nâng cao đời sống nhân dân nói chung, đồng bào Khmer nói riêng.

Trong những năm qua công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL có nhiều tiến bộ, đạt kết quả quan trọng, góp phần vào kết quả công cuộc đổi mới, nâng cao đời sống đồng bào, xây dựng, củng cố, phát triển sự đoàn kết giữa đồng bào Khmer với nhân dân địa phương... Tuy nhiên, công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy vẫn còn những khuyết điểm, hạn chế, ảnh hưởng nhất định đến kết quả đổi mới ở các tỉnh. Các tỉnh ủy đã nhận rõ những những khuyết điểm, hạn chế và tìm giải pháp khắc phục. Qua nghiên cứu công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL những năm qua, có thể rút ra những kinh nghiệm có giá trị: *Một là*, cấp ủy địa phương coi trọng và thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức cho ĐNCB, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác vận động đồng bào Khmer. *Hai là*, xây dựng HTCT cơ sở, nơi có đông đồng bào Khmer sinh sống vững mạnh, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ cơ sở là người Khmer, phát huy mạnh mẽ vai trò của người có uy tín trong đồng bào là yếu tố đặc

biệt quan trọng thực hiện thắng lợi công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. *Ba là*, xây dựng và phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp của HTCT trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy sẽ bảo đảm cho công việc này có chất lượng hiệu quả. *Bốn là*, thường xuyên quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, trong đó có đồng bào Khmer theo hướng nâng cao dân trí, cải thiện dân sinh, phát huy dân chủ, tạo thuận lợi cho đồng bào nhận thức đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và thực hiện đạt kết quả. *Năm là*, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế để phát triển KT-XH, giữ vững QP,AN, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer được nâng lên, củng cố thêm niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng, công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy sẽ đạt hiệu quả.

Để tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL trong những năm tới, đạt hiệu quả có thể nghiên cứu và thực hiện đồng bộ những giải pháp do luận án đề xuất: *Một là*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tỉnh ủy, BTVTU, các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong HTCT, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, nhất là tỉnh ủy, đảng ủy xã, thị trấn nơi có đông đồng bào Khmer về tăng cường công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy thời gian tới. *Hai là*, các tỉnh ủy ở ĐBSCL tăng cường vận động đồng bào Khmer phát triển KT-XH, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; bảo đảm an ninh, trật tự và cuộc sống bình yên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới ở các tỉnh. *Ba là*, xây dựng tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng tốt yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong thời gian tới. *Bốn là*, phát huy vai trò các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, nhất là ban tuyên giáo và dân vận tỉnh ủy; xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo, dân vận ở địa phương là lực lượng nòng cốt trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy. *Năm là*, phát huy vai trò của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cấp xã; các chi hội CT-XH, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok và những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer. *Sáu là*, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và việc tạo thuận lợi của các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương đối với tỉnh ủy trong công tác vận động đồng bào Khmer.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Lê Thị Diễm Trinh (2023), *Đồng bào dân tộc Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long là bộ phận không thể tách rời trong khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam*, Tạp chí Nội chính, Ban Nội chính Trung ương, chuyên đề số 109, tháng 4-2023, tr.34-39, ISSN 0866-7934.
2. Lê Thị Diễm Trinh (2023), *The leadership of the Vinh Long provincial party committee over the mass mobilization of Khmer people*, State Management Review, tập 30, số 09, tháng 10-2023, tr.107-111, ISSN 2815-6021.
3. Lê Thị Diễm Trinh (2024), *Tăng cường sự lãnh đạo của Tỉnh ủy An Giang đối với công tác vận động đồng bào Khmer hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, chuyên đề số 2 (tháng 10-2024), tr.148-150, ISSN 1859-1485.
4. Lê Thị Diễm Trinh (2024), *Vai trò và đặc trưng của đồng bào Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/11/14/vai-tro-va-dac-trung-cua-dong-bao-khmer-vung-dong-bang-song-cuu-long/>, ngày 14-11-2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Ngọc Anh (2023), *Sự tham gia của đồng bào Khmer trong xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Sinh hoạt lý luận, số 7, tr.57-61.
2. Nguyễn Thị Ngọc Anh (2024), *Sự tham gia của đồng bào Khmer trong xây dựng nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Tạp chí Thông tin khoa học xã hội, số 2, tr.38-44.
3. Ban Bí thư (2018), *Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-1-2018 về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới*, Hà Nội.
4. Ban Chấp hành Trung ương (1990), *Nghị quyết Trung ương số 8-NQHN/TW ngày 27-3-1990 về đổi mới công tác quản chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân*, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*, Hà Nội.
6. Ban Dân vận Tỉnh ủy An Giang (2016), *Báo cáo tình hình thực hiện một số chủ trương, chính sách đối với người dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2010-2015*, ngày 14-9-2016, An Giang.
7. Ban Dân tộc tỉnh An Giang (2021), *Báo cáo số 04/BC-BDT ngày 06-01-2021 về tình hình thực hiện công tác dân tộc năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*, An Giang.
8. Ban Dân vận Tỉnh ủy An Giang (2022), *Báo cáo số 106-BC/BDVTU ngày 18-01-2022 về tổng kết công tác dân vận năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác dân vận năm 2022*, An Giang.
9. Ban Dân vận Tỉnh ủy An Giang (2022), *Báo cáo số 172-BC/BDVTU ngày 28-11-2022 về kết quả công tác dân vận năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ công tác dân vận năm 2023*, An Giang.
10. Ban Dân tộc tỉnh An Giang (2024), *Báo cáo số 07/BC-BDT ngày 26-01-2024 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, An Giang.

11. Ban Dân tộc tỉnh An Giang (2024), *Báo cáo số 22/BC-BDT ngày 01-5-2024 về kết quả thực hiện công tác dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số quý I năm 2024*, An Giang.
12. Ban Dân tộc tỉnh An Giang (2024), *Báo cáo số 24/BC-BDT ngày 08-5-2024 về kết quả thực hiện Quyết định số 2152/QĐ-TTg ngày 18-12-2020 của Thủ tướng Chính phủ năm 2023*, An Giang.
13. Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang (2021), *Báo cáo số 204/BC-BDT ngày 20-12-2021 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022*, Kiên Giang.
14. Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang (2022), *Báo cáo số 143/BC-BDT ngày 20-12-2022 về kết quả thực hiện công tác dân tộc năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*, Kiên Giang.
15. Ban Dân tộc tỉnh Kiên Giang (2024), *Báo cáo số 114/BC-BDT ngày 01-8-2024 về kết quả triển khai thực hiện các chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2024 và đề xuất xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*, Kiên Giang.
16. Ban Dân tộc tỉnh Trà Vinh (2023), *Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 23-8-2018 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 81-KH/TU ngày 23-4-2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới*, Trà Vinh.
17. Ban Dân Vận - Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng (2024), *Báo cáo số 03-BC/BDV-BDT ngày 30-01-2024 về kết quả thực hiện Chương trình phối hợp công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy và Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng năm 2023*, Sóc Trăng.
18. Ban Dân vận Tỉnh ủy Trà Vinh (2015), *Báo cáo số 37-BC/BDVTU ngày 31-12-2015 về kết quả công tác dân vận chính quyền năm 2015, phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2016*, Trà Vinh.

19. Ban Dân vận Tỉnh ủy Trà Vinh (2021), *Báo cáo số 41-BC/BDVTU ngày 20-01-2021 về kết quả công tác dân vận năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*, Trà Vinh.
20. Ban Dân vận Tỉnh ủy Trà Vinh (2022), *Báo cáo số 189-BC/BDVTU ngày 11-01-2022 về kết quả công tác dân vận năm 2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, Trà Vinh.
21. Ban Dân vận Trung ương (1999), *Một số văn kiện của Đảng về công tác dân vận (1976-2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Ban Dân vận Trung ương (2003), *Công tác dân vận của Đảng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Ban Dân vận Trung ương (2014), *Cẩm nang công tác dân vận*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long (2023), *Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 27-7-2023 về tăng cường củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo*, Vĩnh Long.
25. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Sóc Trăng (2019), *Báo cáo số 588-BC/BTCTU ngày 10-12-2019 về tình hình và kết quả công tác Tổ chức xây dựng Đảng năm 2019; phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2020*, Sóc Trăng.
26. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Sóc Trăng (2020), *Báo cáo về tình hình và kết quả công tác Tổ chức xây dựng Đảng năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2021*, Sóc Trăng.
27. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Sóc Trăng (2021), *Báo cáo số 85-BC/BTCTU ngày 20-12-2021 về tình hình, kết quả công tác Tổ chức xây dựng Đảng năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022*, Sóc Trăng.
28. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Sóc Trăng (2022), *Báo cáo số 151-BC/BTCTU ngày 09-12-2022 về tình hình, kết quả công tác Tổ chức xây dựng Đảng năm 2022; phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2023*, Sóc Trăng.
29. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Sóc Trăng (2023), *Báo cáo số 230-BC/BTCTU ngày 08-12-2023 về tình hình, kết quả công tác Tổ chức xây dựng Đảng năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024*, Sóc Trăng.

30. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Sóc Trăng (2024), *Báo cáo số 270-BC/BTCTU ngày 04-6-2024 về tình hình, kết quả công tác Tổ chức xây dựng Đảng 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024*, Sóc Trăng.
31. Bộ Chính trị (2018), *Quy định số 10-QĐ/TW ngày 12-12-2018 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
32. Bộ Chính trị (2021), *Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30-7-2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị*, Hà Nội.
33. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02-4-2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.
34. Bộ Nội vụ (2012), *Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31-8-2012 Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố*, Hà Nội.
35. Bộ Nội vụ (2019), *Thông tư số 01/VBHN-BNV ngày 16-4-2019 Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố*, Hà Nội.
36. Võ Minh Chiến, *Sóc Trăng chăm lo đời sống đồng bào dân tộc Khmer*, <http://nhandan.com.vn>.
37. Vũ Thế Công (Chủ biên) (2023), *Vận động quần chúng và xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc tại địa bàn dân tộc, tôn giáo*, Nxb. Công an nhân dân, 2023.
38. Denise Affonço (2021), *Thoát khỏi địa ngục Khmer đỏ - Hồi ký của một người còn sống (Trần Quang Hiếu dịch, Lê Mạnh Linh hiệu đính)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Nguyễn Ngọc Diễm, Đỗ Thị Thơm (2020), *Tổng quan tác động của biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường đến đời sống kinh tế của người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Tạp chí Khoa học xã hội, số 7 (263).
40. Đặng Thị Kim Dung (2021), *Một số vấn đề về chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer ở Việt Nam*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, tháng 5, tr.95-98.

41. Nguyễn Quốc Dũng, Võ Thị Kim Dung (Đồng chủ biên), (2016), *Giảm nghèo đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong quá trình phát triển bền vững*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
42. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ X (2015), *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ X, nhiệm kỳ 2015-2020*, Kiên Giang.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (1992), *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”*, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
58. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
59. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành khóa XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
60. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Đặng Viết Đạt, Hoàng Thị Quyên (2020), *Vai trò chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer trong phổ biến, giáo dục pháp luật vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp, tập 9, số 4, tr.52-61.
62. Nguyễn Phấn Đầu (2019), *Chính sách đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ hiện nay: Thực trạng và bài học kinh nghiệm*, Tạp chí Thông tin khoa học chính trị, số 3, tr.86-92.
63. Nguyễn Phấn Đầu (2019), *Công tác dân vận trong đồng bào dân tộc Khmer Tây Nam Bộ hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
64. *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
65. Nguyễn Thị Minh Hạnh (2024), *Phát huy vai trò của sư sãi, người có uy tín và đồng bào Khmer trong công cuộc xây dựng và đổi mới tỉnh Vĩnh Long*, Tạp chí Dân vận, số 4, tr.44-46.
66. Lại Thị Ngọc Hạnh (2022), *Công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ ngành Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
67. Lưu Kim Hâm (2000), *Trung Quốc - Thách thức nghiêm trọng của thế kỷ mới*, Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc.

68. Nguyễn Thái Hòa (Chủ nhiệm) (2008), *Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ người dân tộc Khmer ở cơ sở xã, phường, thị trấn khu vực Tây Nam Bộ*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, Vụ Địa phương III, Ban Tổ chức Trung ương.
69. Sơn Phước Hoan (2003), *Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước.
70. Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2019), *Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06-12-2019 quy định chính sách đặc thù hỗ trợ người dạy tiếng và chữ Khmer vào dịp hè, tiếng và chữ Hoa tại các trường ngoài hệ thống các trường công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*, Sóc Trăng.
71. Nguyễn Thị Huệ (2020), *Môi trường tự nhiên và hoạt động văn hóa của người Khmer Nam Bộ*, Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung, số 03 (65).
72. Nguyễn Thị Huệ (2020), *Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer tại Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp quốc gia, Trường Đại học Trà Vinh là cơ quan chủ trì.
73. Lý Hùng (2020), *Vai trò của tu sĩ Phật giáo Nam tông trong đời sống xã hội của người Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
74. Nguyễn Thanh Huyền (2023), *Vai trò công tác đồng bào dân tộc thiểu số trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về dân tộc, tôn giáo*, Tạp chí Dân vận, số 8, tr.20-24.
75. Phạm Thị Thu Hường (2017), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2017-2025*, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là cơ quan chủ trì.
76. Dương Sà Kha (2022), *Nâng cao hiệu quả, tính bền vững các mô hình, điển hình “Dân vận khéo” trong đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Sóc Trăng*, Tạp chí Dân vận, số 4, tr.44-46.
77. Trần Hoàng Khải (2022), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ là người Khmer giai đoạn hiện nay*, Luận án

- tiền sĩ ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
78. Phạm Tiết Khánh (Chủ nhiệm) (2019), *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa âm nhạc dân gian Khmer Nam Bộ*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Trà Vinh là cơ quan chủ trì.
79. *Kiên Giang: Sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 19 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới*, <http://www.cema.gov.vn>, ngày 31-12-2022.
80. Lý Trung Kiệt (2012), *Kinh nghiệm quý báu của Đảng Cộng sản Trung Quốc về làm tốt công tác quần chúng*, bài viết trong cuốn sách: Hội đồng Lý luận Trung ương (2012), *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
81. Hoàng Thị Lan (2023), *Thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo đối với đồng bào Khmer ở khu vực Tây Nam bộ hiện nay*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, số 11, tr.65-72.
82. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 44, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
83. Nguyễn Phú Lợi (2022), *Sự chuyển biến của Phật giáo Nam tông Khmer ở Tây Nam Bộ hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, số 5(221), tr.58-75.
84. Lê Văn Lợi (2019), *Công tác vận động đồng bào dân tộc thiểu số theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 10, tr.30-35.
85. Trương Bá Lý (2012), *Kiên trì đường lối quần chúng, củng cố ưu thế chính trị của Đảng*, bài viết trong cuốn sách: Hội đồng Lý luận Trung ương (2012), *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
86. Lê Quốc Lý (Chủ biên) (2016), *Chính sách phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

87. Lê Quốc Lý (Chủ biên) (2017), *Chính sách đối với Phật giáo Nam tông Khmer và đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
88. Lun Yin và cộng sự (2020), *Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp truyền thống của các dân tộc thiểu số tại Trung Quốc*, Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật môi trường, số 9, tháng 3-4, tr.43-55.
89. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
90. Hồ Xuân Mai (2020), *Chính sách ngôn ngữ đối với cộng đồng người Khmer trong phát triển bền vững vùng Nam Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
91. Tài Lê Nhã Mi (2024), *Thực thi chính sách tín dụng đối với đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh*, Tạp chí Khoa học chính trị, số 1, tr.90-95.
92. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
93. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
95. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
96. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 12, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
97. Vũ Đăng Minh, Nguyễn Quỳnh Trâm (2023), *MTTQ Việt Nam các cấp tăng cường công tác ở vùng đồng bào Khmer trong tình hình mới*, <https://tapchimattran.vn>, ngày 07-10-2023.
98. Dương Thị Ngọc Minh, Lâm Châu Tuấn (2022), *Phòng chống âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch trong cộng đồng người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng*, Tạp chí Dân tộc, số 2, tr.106-116.
99. Vũ Đình Mười (2014), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia của người Khmer vùng Nam Bộ*, Tạp chí Dân tộc học, số 4.
100. Nancy J.Smith-Hefner (1999), *Người Mỹ gốc Khmer: Giáo dục bản sắc và đạo đức trong cộng đồng hải ngoại*, Nxb. University of California Press.
101. Trần Thanh Nam (2001), *Phát triển đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào Khmer Nam Bộ trong công cuộc đổi mới hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

102. Nguyễn Thành Nhân (Chủ nhiệm) (2023), *Công tác vận động quần chúng đồng bào Khmer bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Cần Thơ*, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
103. Hoàng Phê (Chủ biên) (2017), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
104. Huỳnh Thanh Quang (2010), *Phát huy giá trị văn hóa Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long góp phần củng cố khối đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
105. Lưu Minh Quân (2023), *Đổi mới nội dung, phương thức vận động đồng bào dân tộc thiểu số trong phát triển kinh tế - xã hội và giảm nghèo bền vững ở tỉnh Sơn La*, Tạp chí Dân vận, số 11, tr.41-43.
106. Hoàng Thị Quyên (2015), *Vai trò Phật giáo Nam tông với đời sống người Khmer Nam Bộ*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Tháp, số 12, tr.65-69.
107. Nguyễn Thuận Quý (2015), *Quan hệ tộc người của người Khmer ở hai bên biên giới Việt Nam - Campuchia (khu vực Tây Nam Bộ)*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
108. Sách tra cứu các mục từ về tổ chức (2004), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Lưu Văn Sơn (2012), *Kiên trì quan điểm nhân dân là tối thượng, thiết thực làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới*, bài viết trong cuốn sách: Hội đồng Lý luận Trung ương (2012), *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
110. Stefano Vcchia (2007), *Người Khmer: Lịch sử và kho báu của nền văn minh cổ đại*, Nxb. White Star Editions.
111. Shuxin Mao (2020), *Lựa chọn chiến lược sinh kế và sự đa dạng sinh kế của các dân tộc thiểu số chính ở Trùng Khánh, Trung Quốc*, Sustainability, số 12(19), 8166.
112. Thào Xuân Sùng (Chủ biên) (2016), *Xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

113. Nguyễn Hữu Tám (Chủ nhiệm) (2009), *Đổi mới nội dung và phương thức vận động đồng bào Khmer tỉnh Sóc Trăng trong tình hình mới*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, Sóc Trăng.
114. Lê Tăng (Chủ nhiệm) (2003), *Một số giải pháp nâng cao đời sống cho đồng bào dân tộc Khmer ở Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước.
115. Đặng Trí Thủ (2012), *Công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng bộ xã, phường, thị trấn ở Tây Nam Bộ trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
116. Nguyễn Thu Thủy (2001), *Quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
117. Lý Tiệp (2012), *Lấy dân làm gốc, cầm quyền vì dân là sự thể hiện tập trung tính chất và tôn chỉ của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, bài viết trong cuốn sách: Hội đồng Lý luận Trung ương (2012), *Làm tốt công tác quần chúng trong tình hình mới - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
118. Tỉnh ủy An Giang (2023), *Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khơ-me trong tình hình mới*, An Giang.
119. Tỉnh ủy An Giang (2023), *Báo cáo số 251-BC/BDVTU ngày 23-11-2023 về kết quả công tác dân vận năm 2023, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*, An Giang.
120. Tỉnh ủy An Giang (2024), *Báo cáo sơ kết công tác dân vận 6 tháng đầu năm, phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024*, An Giang.
121. Tỉnh ủy Kiên Giang (2011), *Báo cáo số 12-BC/TU tổng kết thực hiện chương trình chỉ đạo công tác dân vận năm 2010*, Kiên Giang.
122. Tỉnh ủy Kiên Giang (2012), *Báo cáo số 90-BC/TU ngày 30-01-2012 tổng kết thực hiện chương trình chỉ đạo công tác dân vận năm 2011*, Kiên Giang.

123. Tỉnh ủy Kiên Giang (2015), *Báo cáo số 419-BC/TU ngày 20-10-2015 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X*, Kiên Giang.
124. Tỉnh ủy Kiên Giang (2015), *Tiếp tục xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế; phấn đấu đưa Kiên Giang thành tỉnh phát triển khá trong cả nước (Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành khóa IX tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X)*, Kiên Giang.
125. Tỉnh ủy Kiên Giang (2016), *Báo cáo số 37-BC/TU ngày 04-02-2016 tổng kết công tác dân vận năm 2015 và chương trình chỉ đạo năm 2016*, Kiên Giang.
126. Tỉnh ủy Kiên Giang (2016), *Báo cáo số 59-BC/TU ngày 09-6-2016 kết quả công tác giáo dục đào tạo, dạy nghề, giảm nghèo, bố trí đất sản xuất, nước sinh hoạt, nước sản xuất, công tác cán bộ trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, Kiên Giang.
127. Tỉnh ủy Kiên Giang (2017), *Báo cáo số 138-BC/TU ngày 23-01-2017 tổng kết công tác dân vận năm 2016 và chương trình chỉ đạo năm 2017*, Kiên Giang.
128. Tỉnh ủy Kiên Giang (2018), *Báo cáo số 261-BC/TU ngày 15-01-2018 tổng kết công tác dân vận năm 2017 và chương trình chỉ đạo năm 2018*, Kiên Giang.
129. Tỉnh ủy Kiên Giang (2018), *Báo cáo số 320-BC/TU sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới*, Kiên Giang.
130. Tỉnh ủy Kiên Giang (2019), *Báo cáo số 382-BC/TU ngày 18-2-2019 tổng kết công tác dân vận năm 2018 và chương trình chỉ đạo năm 2019*, Kiên Giang.
131. Tỉnh ủy Kiên Giang (2019), *Báo cáo số 413-BC/TU ngày 14-6-2019 sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung*

ương (khóa XI) về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”, Kiên Giang.

132. Tỉnh ủy Kiên Giang (2019), *Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 01-8-2019 về tăng cường công tác quản lý đoàn viên, hội viên; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi đoàn, chi hội, tổ hội ở địa bàn dân cư*, Kiên Giang.
133. Tỉnh ủy Kiên Giang (2020), *Báo cáo số 487-BC/TU ngày 19-02-2020 tổng kết công tác dân vận năm 2019 và chương trình chỉ đạo năm 2020*, Kiên Giang.
134. Tỉnh ủy Kiên Giang (2020), *Báo cáo số 538-BC/TU ngày 10-8-2020 về kết quả 5 năm thực hiện Kết luận số 114-KL ngày 14-7-2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp*, Kiên Giang.
135. Tỉnh ủy Kiên Giang (2020), *Báo cáo số 560-BC/TU ngày 06-10-2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*, Kiên Giang.
136. Tỉnh ủy Kiên Giang (2020), *Báo cáo số 561-BC/TU ngày 06-10-2020 kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2015-2020*, Kiên Giang.
137. Tỉnh ủy Kiên Giang (2021), *Báo cáo số 44-BC/TU ngày 03-02-2021 tổng kết công tác dân vận năm 2020 và chương trình chỉ đạo năm 2021*, Kiên Giang.
138. Tỉnh ủy Kiên Giang (2022), *Báo cáo số 153-BC/TU ngày 28-01-2022 tổng kết công tác dân vận năm 2021*, Kiên Giang.
139. Tỉnh ủy Kiên Giang (2022), *Báo cáo số 265-BC/TU tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX “Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*, Kiên Giang.
140. Tỉnh ủy Kiên Giang (2023), *Báo cáo số 279-BC/TU ngày 07-2-2023 tổng kết công tác dân vận năm 2022*, Kiên Giang.

141. Tỉnh ủy Kiên Giang (2023), *Báo cáo số 359-BC/TU ngày 08-8-2023 sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 3-8-2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh về công tác dân vận, Kiên Giang.*
142. Tỉnh ủy Kiên Giang (2023), *Báo cáo số 363-BC/TU ngày 17-8-2023 sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10-01-2018 của Ban Bí thư (khóa XII) về tăng cường công tác ở vùng đồng bào Khmer trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Kiên Giang.*
143. Tỉnh ủy Kiên Giang (2023), *Báo cáo số 378-BC/TU ngày 18-9-2023 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03-6-2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới và 5 năm thực hiện Kết luận số 43-KL/TW ngày 07-01-2019 của Ban Bí thư tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, Kiên Giang.*
144. Tỉnh ủy Kiên Giang (2023), *Chỉ thị số 16-CT/TU ngày 10-10-2023 về việc tăng cường lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh, Kiên Giang.*
145. Tỉnh ủy Kiên Giang (2024), *Báo cáo số 443-BC/TU ngày 30-01-2024 tổng kết công tác dân vận năm 2023, Kiên Giang.*
146. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2015), *Báo cáo tổng kết công tác dân vận năm 2015 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2016, Sóc Trăng.*
147. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2016), *Báo cáo công tác dân vận năm 2016 và một số nhiệm vụ trọng tâm công tác dân vận năm 2017, Sóc Trăng.*
148. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2017), *Báo cáo công tác dân vận năm 2017 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2018, Sóc Trăng.*
149. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2018), *Báo cáo công tác dân vận năm 2018 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2019, Sóc Trăng.*
150. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2019), *Báo cáo công tác dân vận năm 2019 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2020, Sóc Trăng.*

151. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2020), *Báo cáo công tác dân vận năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021*, Sóc Trăng.
152. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2021), *Báo cáo công tác dân vận năm 2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2022*, Sóc Trăng.
153. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2022), *Báo cáo công tác dân vận năm 2022 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Sóc Trăng.
154. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2023), *Báo cáo công tác dân vận năm 2023 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*, Sóc Trăng.
155. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2023), *Báo cáo số 401-BC/TU ngày 31-8-2023 về sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới*, Sóc Trăng.
156. Tỉnh ủy Trà Vinh (2020), *Báo cáo số 02-BC/TU ngày 20-10-2020, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI*, Trà Vinh.
157. Tỉnh ủy Trà Vinh (2021), *Báo cáo số 40-BC/TU ngày 19-01-2021 kết quả thực hiện Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2020*, Trà Vinh.
158. Tỉnh ủy Trà Vinh (2021), *Báo cáo số 148-BC/TU ngày 07-10-2021 tổng kết tình hình thực hiện Kết luận số 01-KL/TU ngày 16-6-2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa IX) về phát triển toàn diện vùng đồng bào Khmer*, Trà Vinh.
159. Tỉnh ủy Trà Vinh (2022), *Báo cáo số 193-BC/TU ngày 18-01-2022 kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2021*, Trà Vinh.
160. Tỉnh ủy Trà Vinh (2023), *Báo cáo số 471-BC/TU ngày 18-8-2023 giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*, Trà Vinh.
161. Tỉnh ủy Trà Vinh (2024), *Báo cáo số 547-BC/TU ngày 09-01-2024 về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2023*, Trà Vinh.

162. Tỉnh ủy Trà Vinh (2024), *Báo cáo số 685-BC/TU ngày 24-10-2024 sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30-10-2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12-3-2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân vận trong tình hình mới*, Trà Vinh.
163. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2014), *Báo cáo số 288-BC/TU ngày 26-6-2014 sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 57-KL/TW, ngày 03-11-2009 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc*, Vĩnh Long.
164. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2014), *Báo cáo số 306-BC/TU ngày 20-8-2014 sơ kết 5 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25-2-2010 của Bộ Chính trị về việc “ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị”*, Vĩnh Long.
165. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2019), *Báo cáo số 427-BC/TU ngày 13-5-2019 tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12-3-2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc*, Vĩnh Long.
166. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2020), *Báo cáo số 15-BC/TU ngày 17-11-2020 sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20-10-2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, Vĩnh Long.
167. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2020), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, ngày 26-9-2020*, Vĩnh Long.
168. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2020), *Chương trình số 06-CTr/TU ngày 21-12-2020, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025*, Vĩnh Long.
169. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2022), *Báo cáo số 316-BC/TU ngày 22-12-2022 tổng kết công tác dân vận năm 2022, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023*, Vĩnh Long.
170. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2023), *Báo cáo số 408-BC/TU ngày 17-8-2023 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành*

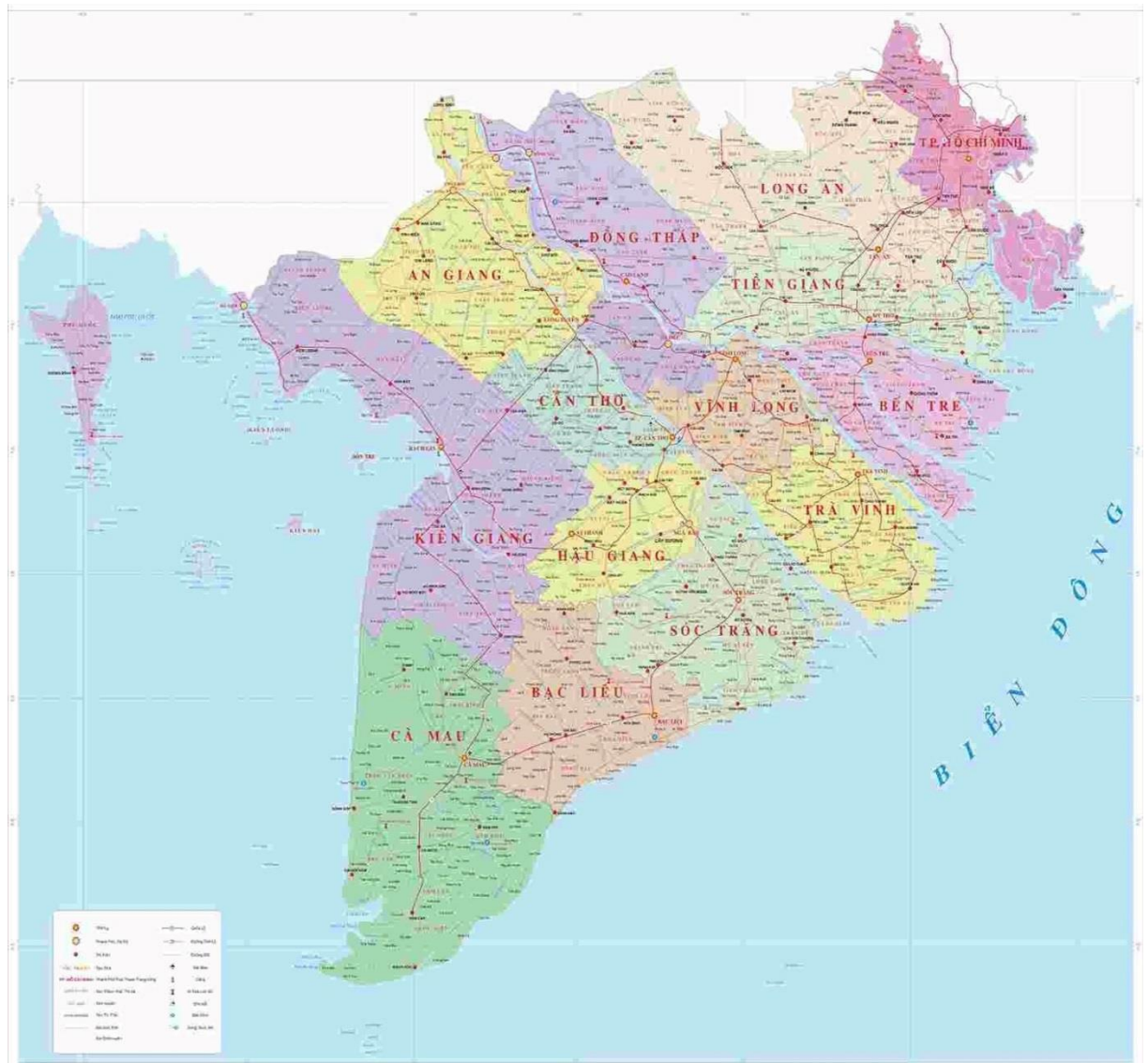
Trung ương Đảng, 05 năm thực hiện Kết luận số 43-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”, Vĩnh Long.

171. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2023), *Báo cáo số 437-BC/TU ngày 13-10-2023 tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 05 năm thực hiện Kết luận số 43-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”, Vĩnh Long.*
172. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2023), *Báo cáo số 443-BC/TU ngày 20-10-2023 về công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức qua gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Vĩnh Long.*
173. Sơn Minh Thắng (Chủ nhiệm) (2019), *Nghiên cứu kết quả thực hiện một số chủ trương, chính sách đối với đồng bào Khmer và những vấn đề đặt ra*, Đề tài khoa học cấp bộ, Học viện Dân tộc là cơ quan chủ trì.
174. Nguyễn Thị Bích Thu (Chủ nhiệm) (2019), *Thực trạng và giải pháp bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế - xã hội cho cộng đồng dân tộc thiểu số (Chăm, Hoa, Khmer) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2025, tầm nhìn 2030*, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Ủy ban Dân tộc là cơ quan chủ trì.
175. Đinh Vũ Thủy (2021), *Bộ đội biên phòng vận động người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh ở khu vực biên giới*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
176. Đào Đình Thường (2024), *Đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo hình thành “Nhà nước Khmer Krôm” ở Tây Nam Bộ*, Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị, số 1, tr.11-17.
177. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Lào (2009), *Công tác dân vận của Quân đội nhân dân Lào trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Quân đội nhân dân, Viêng Chăn.

178. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Lào (2009), *Một số lý luận và thực tiễn về công tác dân vận - phát triển nông thôn toàn diện, gắn với xây dựng làng và cụm làng vững mạnh về mặt quốc phòng*, Nxb. Quân đội nhân dân, Viêng Chăn.
179. Thùy Trang, *Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, <https://daidoanket.vn>, ngày 29-10-2024.
180. Trần Bình Trọng (Chủ nhiệm) (2015), *Phong trào yêu nước của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh là cơ quan chủ quản.
181. Dương Thành Trung (2016), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
182. Nguyễn Duy Trường (Chủ nhiệm) (2019), *Thực trạng và giải pháp giảm nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Cà Mau*, Đề tài khoa học cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau là cơ quan chủ trì.
183. Nguyễn Thị Bạch Tuyết (2024), *Đảm bảo sinh kế bền vững của đồng bào Khmer Tây Nam Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, Luận án tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
184. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2023), *Báo cáo số 626/BC-UBND ngày 20-7-2023 sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh An Giang*, An Giang.
185. Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2023), *Báo cáo số 691/BC-UBND ngày 08-8-2023 về thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc Khmer giai đoạn 2018-2023 tỉnh An Giang*, An Giang.
186. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (2021), *Báo cáo số 308/BC-UBND ngày 03-9-2021 về kết quả thực hiện Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14-11-2011 của Chính phủ về công tác dân tộc từ năm 2016 đến nay*, Kiên Giang.

187. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (2023), *Báo cáo số 596/BC-UBND ngày 15-12-2023 về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024*, Kiên Giang.
188. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (2023), *Báo cáo số 606/BC-UBND ngày 21-12-2023 về kết quả công tác dân tộc năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ công tác dân tộc năm 2024*, Kiên Giang.
189. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (2024), *Báo cáo số 307/BC-UBND ngày 27-6-2024 kết quả công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ công tác dân tộc 6 tháng cuối năm 2024*, Kiên Giang.
190. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2023), *Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 15-8-2023 sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*, Sóc Trăng.
191. Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (2023), *Báo cáo số 224/BC-UBND ngày 16-8-2023 về kết quả thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào thiểu số, giai đoạn 2018-2023*, Sóc Trăng.
192. Hứa Khánh Vy (2016), *Đảng bộ cơ sở các tỉnh, thành khu vực Tây Nam Bộ với công tác dân vận trong đồng bào Khmer*, Tạp chí Dân vận, số 4. Bài
193. Xiaowei Zang và cộng sự (2016), *Cẩm nang về các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc (Sổ tay nghiên cứu về Trung Quốc đương đại)*, Nxb. Edward Elgar.
194. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
195. Nguyễn Như Ý (2013), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
BẢN ĐỒ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



PHỤ LỤC 2
DÂN SỐ CÁC TỈNH Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

STT	Tỉnh	Tổng dân số (người)	Dân số người Khmer (người)	Tỷ lệ (%)
1	Sóc Trăng	1.198.815	361.933	30,19
2	Trà Vinh	1.000.000	315.203	31,53
2	An Giang	1.913.000	75.878	3,98
4	Kiên Giang	1.748.465	230.500	13,19
5	Vĩnh Long	1.028.822	22.736	2,21
6	Long An	1.938.198	75.878	3,91
7	Tiền Giang	1.785.240	796	0,04
8	Đồng Tháp	1.600.170	713	0,04
9	Hậu Giang	729.470	24.100	3,30
10	Bến Tre	1.354.589	773	0,06
11	Bạc Liêu	921.810	74.000	8,03
12	Cà Mau	1.207.630	33.439	2,77

*Nguồn: Tổng hợp theo báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW
của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL*

PHỤ LỤC 3

SỐ LƯỢNG, GIỚI TÍNH, TUỔI ĐÒI, TRÌNH ĐỘ TỈNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2015-2020

Tỉnh	Tổng số cấp ủy viên	Ủy viên Ban thường vụ	Giới tính nữ	Độ tuổi				Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ				Trình độ Lý luận chính trị		Dân tộc Khmer
				Dưới 40	Từ 41 đến 45 tuổi	Từ 46 đến 50 tuổi	Trên 50 tuổi	Văn hóa	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Cao cấp	Cử nhân	
An Giang	55	15	15	4	9	18	24	55	40	10	3	19	34	1
Bạc Liêu	46	16	16	3	13	12	18	46	35	9	2	29	17	1
Cà Mau	52	15	15	4	11	17	20	52	33	18	1	33	19	1
Kiên Giang	56	16	16	6	13	15	22	56	37	15	3	40	16	3
Sóc Trăng	54	16	16	5	9	15	25	54	45	7	2	32	11	6
Trà Vinh	55	15	15	5	9	16	25	55	47	5	3	35	25	6
Bến Tre	52	16	8	5	10	15	22	52	41	11	0	30	22	0
Đồng Tháp	54	15	5	6	8	14	26	54	26	25	3	37	17	0
Hậu Giang	52	16	7	4	12	16	20	52	42	8	2	34	18	1
Long An	54	15	2	3	11	14	26	54	38	15	1	39	15	0
Tiền Giang	49	14	7	3	8	14	24	49	36	10	3	25	24	0
Vĩnh Long	51	15	6	6	5	13	27	51	21	26	4	31	20	1

Nguồn: Tổng hợp theo báo cáo của Ban Tổ chức các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

PHỤ LỤC 4

SỐ LƯỢNG, GIỚI TÍNH, TUỔI ĐÒI, TRÌNH ĐỘ TỈNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2020-2025

Tỉnh	Tổng số cấp ủy viên	Ủy viên Ban thường vụ	Giới tính nữ	Độ tuổi				Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ				Trình độ Lý luận chính trị		Dân tộc Khmer
				Dưới 40	Từ 41 đến 45 tuổi	Từ 46 đến 50 tuổi	Trên 50 tuổi	Văn hóa	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Cao cấp	Cử nhân	
An Giang	45	15	9	4	8	11	22	45	22	20	3	34	11	2
Bạc Liêu	47	14	8	3	13	12	18	47	26	19	2	29	18	1
Cà Mau	51	16	5	4	11	17	20	51	25	25	1	33	18	1
Kiên Giang	51	14	12	6	13	15	22	51	20	28	3	40	11	4
Sóc Trăng	51	15	6	5	9	15	25	51	28	21	2	32	20	6
Trà Vinh	49	11	8	5	9	16	25	49	26	23	3	35	14	7
Bến Tre	49	14	10	5	10	15	19	49	32	16	1	30	19	0
Đồng Tháp	51	15	6	2	11	5	33	51	20	27	4	36	15	0
Hậu Giang	50	16	9	4	12	14	20	50	30	18	2	34	16	1
Long An	52	13	5	4	11	12	25	52	28	22	2	45	17	0
Tiền Giang	47	13	7	3	4	10	30	47	22	24	1	47	00	0
Vĩnh Long	49	15	7	2	5	16	26	49	20	26	3	38	11	1

Nguồn: Tổng hợp theo báo cáo của Ban Tổ chức các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

PHỤ LỤC 5**ĐẢNG VIÊN Ở MỘT SỐ TỈNH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

STT	Tỉnh	Tổng số đảng viên (người)	Đảng viên là người dân tộc Khmer (người)	Tỷ lệ (%)
1	Sóc Trăng	48.155	7.865	16,33
2	Trà Vinh	47.122	8.349	17,72
2	An Giang	22.404	1.311	5,85
4	Kiên Giang	62.658	4.070	6,5
5	Vĩnh Long	44.092		

Nguồn: Tổng hợp theo báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của một số tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL.

PHỤ LỤC 6**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 19-CT/TW CỦA TỈNH AN GIANG****Phụ lục 6.1****CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC Ở VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC KHMER SAU KHI CÓ CHỈ THỊ SỐ 19-CT/TW**

TT	Tỉnh/thành phố	Tên loại văn bản				
		Nghị quyết	Chỉ thị	Kế hoạch	Quyết định	Văn bản khác
1	2	3	4	5	6	7
1	Tỉnh ủy			1		
2	Hội đồng nhân dân tỉnh	5				
3	Ủy ban nhân dân tỉnh					1
4	Mặt trận Tổ quốc tỉnh			1		

Phụ lục 6.2
KINH TẾ, ĐỜI SỐNG

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Toàn tỉnh		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ người DT Khmer/toàn tỉnh (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	(4)	(5)	6	7	8 (=6/4)	9 (=7/5)
1	Tổng dân số	Người	2.159.859	1.913.000	90.714	75.878	4,19	3,96
2	Tổng số hộ	Hộ	543.764	460.000	22.791	21.119	4,19	4,59
3	Thu nhập bình quân/người/hộ	Đồng	33.986.000	60.000.000	27.674	39.326	0,08	0,06
4	Số hộ nghèo	Hộ	28.461	14.872	5.432	3.017	20,10	20,29
5	Số hộ cận nghèo	Hộ	34.020	24.370	1.811	1.912	5,32	7,85
6	Số hộ thiếu đất ở	Hộ	300	317	253	179	84,33	77,15
7	Số hộ thiếu đất sản xuất	Hộ	140	119	122	101	87,14	84,87
8	Số hộ thiếu nước sinh hoạt	Hộ	1.068	802	513	428	48,03	53,36
9	Số lao động chưa qua đào tạo nghề	Người	25.150	30.688	396	819	1,57	2,67
10	Số lao động thiếu việc làm	Người	32.018	13.500	1.141	878	3,56	6,50

Phụ lục 6.3
VĂN HÓA, GIÁO DỤC, Y TẾ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	2018	2023
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Nhà văn hóa xã, (riêng văn phòng ấp là điểm sinh hoạt văn hóa)	Nhà	03	23
2	Nhà hỏa táng	Nhà	0	01
3	Người Khmer không biết chữ phổ thông	Người	26.659	21.377
4	Người Khmer không biết chữ Khmer	Người	0	0
5	Trường phổ thông dân tộc nội trú	Trường	03	03
6	Số học sinh dân tộc Khmer tại trường phổ thông dân tộc nội trú	Người	1.280	1.096
7	Trường dạy song ngữ Việt - Khmer	Trường	05	03
8	Học viên sau đại học người dân tộc Khmer	Người	0	03
9	Sinh viên cao đẳng, đại học người dân tộc Khmer	Người	152	169
10	Học sinh THPT người dân tộc Khmer	Người	1.207	1.666
11	Học sinh THCS người dân tộc Khmer	Người	5.316	6.133
12	Học sinh tiểu học người dân tộc Khmer	Người	3.360	10.497
13	Học sinh cử tuyển người Khmer	Người	0	0
14	Học sinh cử tuyển người Khmer tốt nghiệp chưa được bố trí việc làm	Người	0	0
15	Đội ngũ giáo viên người Khmer	Người	517	584
16	Đội ngũ bác sĩ người Khmer	Người	20	32
17	Nhân viên y tế người Khmer	Người	144	162
18	Số người dân tộc Khmer có bảo hiểm y tế	Người	70.238	63.344
19	Thời lượng phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer	Giờ	120 phút/ngày	120 phút/ngày

Phụ lục 6.4
TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn tỉnh		Người DT Khmer		Tỷ lệ người dân tộc Khmer/toàn tỉnh (%)		Ghi chú
			2018	2023	2018	2023	2018	2023	
1	2	3	4	5	6	7	8 (=6/4)	9 (=7/5)	10
	Tổng số tín đồ	Người	2.025.068	1.570.499	90.271	75.875	4.46	4.83	
1	Phật giáo Việt Nam	Người	894.335	762.812	0	0	0	0	
	Phật giáo Nam tông	Người	90.271	75.875	90.271	75.875	100%	100%	
2	Công giáo	Người	62.130	49.160	0	0	0	0	
3	Tin lành	Người	1.510	1.578	0	0	0	0	
4	Cao đài	Người	72.210	44.920	0	0	0	0	
5	Phật giáo Hòa hảo	Người	936.974	670.465	0	0	0	0	
6	Tứ Ân Hiếu Nghĩa	Người	34.821	27.416	0	0	0	0	
7	Bửu Sơn Kỳ Hương	Người	8.253	2.449	0	0	0	0	
8	Hồi giáo (Islam)	Người	14.381	11.339	0	0	0	0	
9	Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam	Người	100	638	0	0	0	0	
10	Phật giáo Hiếu nghĩa Tà Lơn	Người	173	173	0	0	0	0	
11	Mặc Môn (Giáo hội các Thánh hữu ngày sau Chúa Giêsu Kytô)	Người	50	87	0	0	0	0	AG có 11 Tôn giáo

Phụ lục 6.5
ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

TT	Tiêu chí	2018			2023		
		Toàn tỉnh (người)	Người dân tộc Khmer	Tỷ lệ (%)	Toàn tỉnh (người)	Người dân tộc Khmer	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đảng viên	21.694	1.270	5,85	22.404	1.311	5,85
2	Cấp ủy viên các cấp	5.875	104	4,28	4.279	83	1,94
3	Đại biểu quốc hội	1	1	100	1	1	100
4	Đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	521	106	20,34	1.305	163	12,49
5	Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp	918	26	2,83	865	26	3,00
6	Công đoàn viên	20.750	956	4,60	21.183	922	4,35
7	Hội viên Hội Nông dân	33.103	2.891	8,73	33.281	3.457	10,38
8	Hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ	102.102	11.108	10,87	151.431	17.620	11,63
9	Hội viên Hội Cựu chiến binh	5.022	249	4,95	4.929	267	5,41
10	Đoàn viên Đoàn thanh niên	22.617	1.569	6,93	19.427	1.187	6,11
11	Người có uy tín	114	82	72	120	84	70

Phụ lục 6.6
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Cấp tỉnh						Cấp huyện						Cấp xã					
<i>Cán bộ, công chức, viên chức (người)</i>		<i>Cán bộ, công chức, viên chức người Khmer (người)</i>		<i>Tỷ lệ (%)</i>		<i>Cán bộ, công chức, viên chức (người)</i>		<i>Cán bộ, công chức, viên chức người Khmer (người)</i>		<i>Tỷ lệ (%)</i>		<i>Cán bộ, công chức, viên chức (người)</i>		<i>Cán bộ, công chức, viên chức người Khmer (người)</i>		<i>Tỷ lệ (%)</i>	
2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023
14.606	11.637	274	325	1,87	2,78	24.568	24.749	671	684	2,73	2,76	1.484	3.475	70	171	4,71	4,92

Phụ lục 6.7
AN NINH TRẬT TỰ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn tỉnh		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	4	5	6	7	8 (=6/4)	9 (7/5)
1	Số người xuất cảnh trái phép	Người	0	0	0	0	0	0
2	Kết hôn trái pháp luật với người nước ngoài	Người	0	0	0	0	0	0
3	Số vụ khiếu nại, tố cáo	Vụ	08	04	02	03	0,24	0,75
4	Số vụ khiếu nại, tố cáo đã giải quyết	Vụ	03	01	02	01	0,66	100

Nguồn: [118].

PHỤ LỤC 7
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 19-CT/TW CỦA TỈNH SÓC TRĂNG

Phụ lục 7.1

**CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC Ở VÙNG ĐỒNG BÀO
 DÂN TỘC KHMER SAU KHI CÓ CHỈ THỊ 19-CT/TW**

TT	Cơ quan ban hành	Tên loại văn bản		
		Nghị quyết	Kế hoạch	Văn bản khác
1	Tỉnh uỷ			Công văn số 753-CV/TU, ngày 29/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư khoá XII
2	Hội đồng nhân dân tỉnh	Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND, ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chính sách đặc thù hỗ trợ người dạy tiếng và chữ Khmer vào dịp hè; tiếng và chữ Hoa tại các trường ngoài hệ thống các trường công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		

3	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh		Kế hoạch số 335/KH-MTTQ-BTT, ngày 19/12/2018 của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư “Về tăng cường công tác ở vùng đông bào dân tộc Khmer trong tình hình mới”.	Công văn số 10-CV/ĐĐ-MTTQ ngày 19/11/2018 của Đảng đoàn Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư “Về tăng cường công tác ở vùng đông bào dân tộc Khmer trong tình hình mới”.
---	---------------------------------------	--	--	---

Phụ lục 7.2
KINH TẾ, ĐỜI SỐNG

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Toàn tỉnh		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ người dân tộc Khmer/toàn tỉnh (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	4	5	6	7	8=(6/4)	9=(7/5)
1	Tổng dân số	Người	1.312.490	1.197.823	404.247	361.635	30,8	30,2
2	Tổng số hộ	Hộ	323.353	333.655	99.592	90.254	30,8	27,05
3	Thu nhập bình quân/người/năm	Triệu	37,2	54,8	37,2	54,8	-	-
4	Số hộ nghèo	Hộ	27.154	15.139	13.013	7.176	47,9	47,4
5	Số hộ cận nghèo	Hộ	38.401	26.242	15.250	10.158	39,7	38,7
6	Số hộ thiếu đất ở	Hộ	648	490	648	490	100	100
7	Số hộ thiếu đất sản xuất	Hộ	120	850	120	850	100	100
8	Số hộ thiếu nước sinh hoạt	Hộ	2.570	1.320	2.570	1.320	100	100
9	Số lao động chưa qua đào tạo nghề	Người	277.788	238.738	108.338	119.784	39	50,17
10	Số lao động thiếu việc làm	Người	3,55	3,55	3,55	3,55	-	-

Phụ lục 7.3
VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, Y TẾ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	2018	2023
1	2	3	4	5
1	Nhà văn hoá thôn, ấp	Nhà	684	724
2	Nhà hoả táng	Nhà	104	97
3	Người Khmer không biết chữ phổ thông	Người	25.126	15.134
4	Người Khmer không biết chữ Khmer	Người	98.567	55.000
5	Trường phổ thông dân tộc nội trú	Trường	10	10
6	Số học sinh dân tộc Khmer tại trường phổ thông dân tộc nội trú	Người	3.138	3.252
7	Trường dạy song ngữ Việt - Khmer	Trường	152	131
8	Học viên sau đại học người dân tộc Khmer	Người	15	39
9	Sinh viên cao đẳng, đại học người dân tộc Khmer	Người	987	1.636
10	Học sinh THPT người dân tộc Khmer	Người	4.520	5.813
11	Học sinh THCS người dân tộc Khmer	Người	19.673	20.498
12	Học sinh tiểu học người dân tộc Khmer	Người	42.159	43.911
13	Học sinh cử tuyển người Khmer	Người	146	0
14	Học sinh cử tuyển người Khmer tốt nghiệp chưa được bố trí việc làm	Người	32	15
15	Đội ngũ giáo viên người Khmer	Người	4.498	4.548
16	Đội ngũ bác sĩ người Khmer	Người	129	120
17	Nhân viên y tế người Khmer	Người	694	780
18	Số người dân tộc Khmer có bảo hiểm y tế	Người	312.079	257.747
19	Thời lượng phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer	Giờ	9 giờ/ngày	9 giờ/ngày

Phụ lục 7.4
TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn tỉnh		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ người dân tộc Khmer/toàn tỉnh (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	4	5	6	7	8=(6/4)	9=(7/5)
1	Tổng số tín đồ	Người	427.984	427.887	362.126	362.126	84,61	84,63
2	Phật giáo Nam tông Khmer	Người	359.990	359.893	359.990	359.893	100	100
3	Công giáo	Người	64.343	64.343	2.026	2.026	3,14	3,14
4	Tin lành	Người	3.651	3.651	110	207	3,01	5,66

Phụ lục 7.5
ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

TT	Tiêu chí	2018			2023		
		Toàn tỉnh (người)	Người dân tộc Khmer	Tỷ lệ (%)	Toàn tỉnh (người)	Người dân tộc Khmer	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đảng viên	43.460	6.376	14,67	48.155	7.865	16,33
2	Cấp uỷ viên các cấp	4.262	349	8,19	3.961	340	8,58
3	Đại biểu Quốc hội	6	1	16,67	7	2	28,57
4	Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	3.316	501	15,11	3.169	507	16
5	Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp	4.224	771	18,25	4.135	765	18,5
6	Công đoàn viên	57.027	12.197	21,39	63.658	17.413	27,35
7	Hội viên Hội Nông dân	157.878	40.736	25,8	134.613	41.350	30,72
8	Hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ	112.943	33.943	30	238.244	66.959	28,1
9	Hội viên Hội Cựu Chiến binh	19.930	2.853	14,31	17.992	2.671	14,84
10	Đoàn viên Đoàn Thanh niên	53.776	13.210	24,56	40.525	7.991	19,71
11	Người có uy tín	367	313	85,28	606	520	85,8

Phụ lục 7.6
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Cấp tỉnh						Cấp huyện						Cấp xã					
Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)		Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)		Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)	
2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023
8.174	9.071	1.170	1.583	14,3	17,5	15.587	14.906	3.547	3.774	22,8	25,3	2.256	2.131	189	253	8,4	11,9

Phụ lục 7.7
AN NINH TRẬT TỰ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn tỉnh		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	4	5	6	7	8=(6/4)	9=(7/5)
1	Số người xuất cảnh trái phép	Người	32	8	32	6	100	75
2	Kết hôn trái pháp luật với người nước ngoài	Người	-	-	-	-	-	-
3	Số vụ khiếu nại, tố cáo	Vụ	31	26	2	3	6,45	11,53
4	Số vụ khiếu nại, tố cáo đã giải quyết	Vụ	2	7	-	-	-	-

Nguồn: [155].

PHỤ LỤC 8
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 19-CT/TW CỦA TỈNH KIÊN GIANG
Phụ lục 8.1
CÁC VĂN BẢN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC
Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER SAU KHI CÓ CHỈ THỊ 19-CT/TW

TT	Cơ quan ban hành	Tên loại văn bản			
		Nghị quyết	Kế hoạch	Quyết định	Văn bản khác
1	Tỉnh ủy		1		11 công văn
2	Hội đồng nhân dân	9			
3	Ủy ban nhân dân tỉnh		11	18	
4	Mặt trận Tổ quốc tỉnh		1		
5	Công đoàn tỉnh				1 công văn
6	Hội Nông dân tỉnh		2		1 chương trình
7	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh		1		
8	Hội Cựu Chiến binh				
9	Đoàn Thanh niên tỉnh		1		Hằng năm đều ban hành Công văn chỉ đạo các đơn vị tổ chức thăm, tặng quà cho cán bộ, đoàn viên là người dân tộc nhân dịp lễ, Tết của đồng bào dân tộc Khmer.

Phụ lục 8.2
KINH TẾ, ĐỜI SỐNG

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Toàn tỉnh		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ người dân tộc Khmer/toàn tỉnh (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	4	5	6	7	8 (=6/4)	9 (=7/5)
1	Tổng dân số	Người	1.723.067	1.748.465	237.867	230.500	13,8	13,2
2	Tổng số hộ	Hộ	423.282	465.665	56.373	55.765	13,3	12,0
3	Thu nhập bình quân/người/năm	Đồng	48.160.000	66.240.000	40.917.000	56.966.400	85,0	86,0
4	Số hộ nghèo	Hộ	18.252	8.854	4.738	2.485	26,0	28,1
5	Số hộ cận nghèo	Hộ	20.597	14.787	4.812	3.786	23,4	25,6
6	Số hộ thiếu đất ở	Hộ	2.779	1.459	790	445	28,4	30,5
7	Số hộ thiếu đất sản xuất	Hộ	14.953	10.836	852	427	5,7	3,9
8	Số hộ thiếu nước sinh hoạt	Hộ	58.039	10.600	19.582	3.668	33,7	34,6
9	Số lao động chưa qua đào tạo nghề	Người	488.304	455.596	58.596	26.949	12,0	5,9
10	Số lao động thiếu việc làm	Người	26.490	22.607	3.443	2.938	13,0	13,0

Phụ lục 8.3
VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, Y TẾ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	2018	2023
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
1	Nhà văn hoá thôn, ấp	Nhà	754	861
2	Nhà hoả táng	Nhà	61	62
3	Người Khmer không biết chữ phổ thông	Người	9.764	6.863
4	Người Khmer không biết chữ Khmer	Người	50.639	56.687
5	Trường phổ thông dân tộc nội trú	Trường	6	6
6	Số học sinh dân tộc Khmer tại trường phổ thông dân tộc nội trú	Người	1.577	1.604
7	Trường dạy song ngữ Việt – Khmer	Trường	-	-
8	Học viên sau đại học người dân tộc Khmer	Người	39	44
9	Sinh viên cao đẳng, đại học người dân tộc Khmer	Người	-	-
10	Học sinh THPT người dân tộc Khmer	Người	3.441	4.366
11	Học sinh THCS người dân tộc Khmer	Người	12.148	13.765

12	Học sinh tiểu học người dân tộc Khmer	Người	22.031	24.806
13	Học sinh cử tuyển người Khmer	Người	10	0
14	Học sinh cử tuyển người Khmer tốt nghiệp chưa được bố trí việc làm	Người	10	0
15	Đội ngũ giáo viên người Khmer	Người	1.979	2.061
16	Đội ngũ bác sĩ người Khmer	Người	79	101
17	Nhân viên y tế người Khmer	Người	111	231
18	Số người dân tộc Khmer có bảo hiểm y tế	Người	149.825	195.925
19	Thời lượng phát thanh, truyền hình bằng tiếng Khmer	Giờ	03 giờ/ngày	03 giờ/ngày

Phụ lục 8.4
TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Toàn tỉnh		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ người dân tộc Khmer/toàn tỉnh (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	2	3	4	5	6	7	8 (=6/4)	9 (=7/5)
I	Tổng số tín đồ	Người	590.756	510.271	223.960	219.889	37,9	43,1
1	Phật giáo Nam tông	Người	205.940	236.059	205.036	213.516	99,6	90,5
2	Công giáo	Người	115.411	116.638	422	943	0,4	0,8
3	Tin lành	Người	6.349	5.909	562	575	8,9	9,7
4	Cao đài	Người	26.935	28.105	54	116	0,2	0,4
5	Phật giáo Hoà Hảo	Người	7.675	10.871	33	138	0,4	1,3
6	Tịnh độ Cư sĩ	Người	4.453	4.708	43	68	1,0	1,4
7	Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lon	Người	4.750	4.627	-	5	-	0,1

8	Phật giáo Bắc Tông, Khất sĩ	Người	217.254	101.668	17.810	4.444	8,2	4,4
9	Tin lành khác	Người	-	-	-	84	-	-
10	Tứ ân Hiếu nghĩa	Người	933	723	-	-	-	-
11	Baha'I	Người	597	524	-	-	-	-
12	Hồi giáo	Người	419	356	-	-	-	-
13	Giáo hội Cơ Đốc Phục Lâm	Người	-	43	-	-	-	-
14	Minh sư đạo	Người	40	40	-	-	-	-

Phụ lục 8.5
ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

TT	Tiêu chí	2018			2023		
		Toàn tỉnh (người)	Người dân tộc Khmer	Tỷ lệ (%)	Toàn tỉnh (người)	Người dân tộc Khmer	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Đảng viên	57.789	3.620	6,3	62.658	4.070	6,5
2	Cấp uỷ viên các cấp	4.843	222	4,6	4.679	190	4,1
3	Đại biểu Quốc hội	8	1	12,5	8	1	12,5
4	Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	4.701	396	8,4	4.275	377	8,8
5	Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp	5.606	687	12,3	5.388	568	10,5
6	Công đoàn viên	68.081	2.382	3,5	71.980	6.438	8,9
7	Hội viên Hội Nông dân	133.209	16.728	12,6	181.086	20.781	11,5
8	Hội viên Hội Liên hiệp Phụ nữ	249.314	24.770	9,9	287.220	28.121	9,8
9	Hội viên Hội Cựu Chiến binh	23.058	1.428	6,2	22.872	1.215	5,3
10	Đoàn viên Đoàn Thanh niên	66.938	6.996	10,5	70.661	6.709	9,5
11	Người có uy tín	282	228	80,9	285	237	83,2

Phụ lục 8.6
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Cấp tỉnh						Cấp huyện						Cấp xã					
Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)		Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)		Cán bộ, công chức, viên chức (người)		Cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer (người)		Tỷ lệ (%)	
2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023	2018	2023
13.964	11.244	1.248	920	8,9	8,2	21.475	19.183	1.425	1.298	6,6	6,8	3.202	2.989	203	189	6,3	6,3

Phụ lục 8.7
AN NINH TRẬT TỰ

TT	Tiêu chí	Đơn vị	Tổng số toàn tỉnh		Người dân tộc Khmer		Tỷ lệ (%)	
			2018	2023	2018	2023	2018	2023
1	Số người xuất cảnh trái phép	Người	42	67	7		16,7	0,0
2	Kết hôn trái pháp luật với người nước ngoài	Người						
3	Số vụ khiếu nại, tố cáo	Vụ	411	266	1	2	0,2	0,8
4	Số vụ khiếu nại, tố cáo đã giải quyết	Vụ	405	263	1	2	0,2	0,8

Nguồn: [142].

PHỤ LỤC 9
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY
Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

(Dành cho đồng chí là người đứng đầu cấp ủy các cấp trực thuộc các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Để có những thông tin cần thiết làm cơ sở nghiên cứu, xác định phương hướng, tìm giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong những năm tới, xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây:

(Xin đánh dấu nhân (X) vào ô ☐ bên cạnh, hoặc dấu nhân (X) vào dòng, cột trong biểu, bảng tương ứng có nội dung phù hợp với ý kiến của Đồng chí hoặc ghi thêm ý kiến khác vào ô cuối cùng trong biểu, bảng của câu hỏi.

Câu 1: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Là các đơn vị hành chính cấp tỉnh - cấp hành chính thứ hai sau cấp Trung ương của hệ thống hành chính bốn cấp ở nước ta.			
2	Là địa bàn thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH, QP,AN trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối chính sách ấy, trong cả nước.			
3	Là địa bàn triển khai ngay việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT, xây dựng HTCT của mình từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng HTCT nước ta vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.			
4	Là địa bàn rất quan trọng quan hệ với cấp			

	hành chính Trung ương và cấp huyện, các tỉnh ở vùng ĐBSCL có vai trò to lớn đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động của cấp hành chính Trung ương và cấp huyện.			
	Ý kiến khác:			

Câu 2: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có số lượng khá lớn và lớn nhất so với các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng này, đồng bào sống tập trung ở năm tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, đông nhất là ở tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang.			
2	Phương thức sản xuất của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL chủ yếu là tự cung, tự cấp; nông nghiệp chủ yếu độc canh cây lúa nước; các ngành nghề phát triển rất chậm; đời sống của đa số đồng bào còn nhiều khó khăn.			
3	Văn hóa của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL rất đa dạng phong phú, gắn liền với văn hóa tâm linh với nền tảng là văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước cổ truyền, với sinh hoạt Phật giáo Tiểu thừa Khmer; chùa là nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung của đồng bào.			
4	“Phum”, “srok” là những đơn vị cư trú cổ truyền và sinh hoạt của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL; song “phum”, “srok” dần dần trở thành bộ phận của đơn vị hành chính cấp cơ sở ở vùng ĐBSCL tương tự			

	thôn, bản ở miền Bắc nước ta.			
5	Đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh trong vùng ĐBSCL có mối liên hệ mật thiết với nhau và có quan hệ mật thiết, nhiều người có quan hệ họ hàng, thân tộc với đồng bào Khmer ở nước Campuchia.			
	Ý kiến khác:			

Câu 3: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Là một bộ phận quan trọng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không tách rời cộng đồng dân tộc, cùng các dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam yêu quý.			
2	Góp phần nhất định vào sự phát triển kinh tế ở các xã, thị trấn của các tỉnh và của các tỉnh vùng này.			
3	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển đa dạng văn hóa vùng ĐBSCL.			
4	Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng, củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa hai dân tộc Campuchia và Việt Nam.			
5	Góp phần ngăn chặn, làm thất bại âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề dân tộc và văn hóa Khmer ở vùng ĐBSCL để thực hiện âm mưu đen tối của bọn chúng, góp phần giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong vùng và bảo vệ Tổ quốc.			
	Ý kiến khác:			

Câu 4: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL là một trong những nhân tố chủ yếu quyết định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại được thực hiện thắng lợi trên địa bàn tỉnh.			
2	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng Đảng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng bộ tỉnh vững mạnh do đại hội đảng bộ nhiệm kỳ hiện tại xác định, góp phần vào kết quả xây dựng Đảng.			
3	Các tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.			
4	Tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.			
	Ý kiến khác:			

Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung vận động đồng bào Khmer? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Vận động đồng bào thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ xã, thị trấn, đẩy mạnh phát triển KT-XH, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống, bảo đảm QP,AN, chấp hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và những quy định của địa phương.			
2	Vận động đồng bào tham gia tích cực vào việc tăng cường và củng cố sự đoàn kết đồng bào Khmer với dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số khác ở địa phương; phát huy mạnh mẽ sức mạnh của sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			
3	Vận động đồng bào tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và các MTTQ, các tổ chức CT-XH ở địa phương vững mạnh, tích cực tham gia vào các các tổ chức này và các tổ chức xã hội ở địa phương.			
4	Vận động đồng bào nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại sự đoàn kết đồng bào Khmer với các dân tộc trên địa bàn, phá hoại Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới ở nước ta.			
	Ý kiến khác:			

Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.			
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.			
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào.			
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào.			
5	Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.			
6	Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.			
	Ý kiến khác:			

Câu 7: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
1	Tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.					
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.					
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào.					
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác					

	vận động đồng bào.					
5	Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.					
6	Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.					

Câu 8. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương hướng dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Tỉnh ủy tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng về công tác dân vận, Kết luận số 43-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này, nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác dân vận trong công tác vận động đồng bào Khmer.			
2	Vận động đồng bào Khmer phát triển KT-XH, nâng cao đời sống xây dựng nông thôn mới, phum, srok văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng sự đoàn kết các dân tộc, tích cực tham gia đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.			
3	Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ở xã, phường, thị trấn có đồng đồng bào Khmer sinh sống kết hợp chặt chẽ với công tác vận động đồng bào Khmer của các cấp ủy, nhất là cấp ủy xã, phường, thị trấn.			
4	Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu			

	quả công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng ủy xã, thị trấn, nơi có đông đồng bào sinh sống và của các chi bộ phum, srok; phát huy vai trò của những đảng viên là người Khmer trong công tác việc này.			
5	Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền, các tổ chức CT-XH xã, phường, ban quản lý phum, srok, tổ công tác MTTQ, các chi hội của các tổ chức CT-XH và những người có uy tín trong đồng bào Khmer ở các phum, srok trong công tác vận động đồng bào Khmer.			
	Ý kiến khác:			

Câu 9. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương hướng dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, nhất là tỉnh ủy, đảng ủy xã, thị trấn nơi có đông đồng bào Khmer về tăng cường công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy thời gian tới.			
2	Tăng cường vận động đồng bào Khmer phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; bảo đảm an ninh, trật tự và cuộc sống bình yên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới ở các tỉnh.			
3	Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đủ phẩm			

	chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng tốt yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong thời gian tới.			
4	Phát huy vai trò các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, nhất là ban dân vận cấp ủy; xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận cấp ủy các cấp là lực lượng nòng cốt trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.			
5	Phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cấp xã; các chi hội CT-XH, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok và những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer.			
6	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và việc tạo thuận lợi của các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương đối với tỉnh ủy trong công tác vận động đồng bào Khmer.			
	Ý kiến khác:			

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

a. Giới tính	- Nam	☐
	- Nữ	☐
b. Tuổi	- Dưới 35	☐
	- 35 - 40	☐
	- 41 - 45	☐
	- 46 - 50	☐

	- 51 - 55	☐
	- Trên 55	☐
c. Số năm công tác	- 05 - 10 năm	☐
	- 10 - 20 năm	☐
	- 20 - 30 năm	☐
	- Trên 30 năm	☐
d. Trình độ chuyên môn	- Cử nhân hoặc tương đương	☐
	- Sau đại học	☐
e. Đồng chí	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối đảng	☐
	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối chính quyền	☐
	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối đoàn thể	☐
	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối quân đội, công an	☐
	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối doanh nghiệp	☐

Trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình tham gia ý kiến của Đồng chí!

PHỤ LỤC 10
PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY
(Dành cho đồng chí là đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Để có những thông tin cần thiết làm cơ sở nghiên cứu, xác định phương hướng, tìm giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong những năm tới, xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau đây:

(Xin đánh dấu nhân (X) vào ô ☐ bên cạnh, hoặc dấu nhân (X) vào dòng, cột trong biểu, bảng tương ứng có nội dung phù hợp với ý kiến của *Đồng chí* hoặc ghi thêm ý kiến khác vào ô cuối cùng trong biểu, bảng của câu hỏi.

Câu 1: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Là các đơn vị hành chính cấp tỉnh - cấp hành chính thứ hai sau cấp Trung ương của hệ thống hành chính bốn cấp ở nước ta.			
2	Là địa bàn thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH, QP,AN trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối chính sách ấy, trong cả nước.			
3	Là địa bàn triển khai ngay việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT, xây dựng HTCT của mình từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng HTCT nước ta vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.			
4	Là địa bàn rất quan trọng quan hệ với cấp hành chính Trung ương và cấp huyện, các tỉnh ở vùng ĐBSCL có vai trò to lớn đối			

	với chất lượng, hiệu quả hoạt động của cấp hành chính Trung ương và cấp huyện.			
	Ý kiến khác:			

Câu 2: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có số lượng khá lớn và lớn nhất so với các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng này, đồng bào sống tập trung ở năm tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, đông nhất là ở tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang.			
2	Phương thức sản xuất của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL chủ yếu là tự cung, tự cấp; nông nghiệp chủ yếu độc canh cây lúa nước; các ngành nghề phát triển rất chậm; đời sống của đa số đồng bào còn nhiều khó khăn.			
3	Văn hóa của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL rất đa dạng phong phú, gắn liền với văn hóa tâm linh với nền tảng là văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước cổ truyền, với sinh hoạt Phật giáo Tiểu thừa Khmer; chùa là nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung của đồng bào.			
4	“Phum”, “srok” là những đơn vị cư trú cổ truyền và sinh hoạt của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL; song “phum”, “srok” dần dần trở thành bộ phận của đơn vị hành chính cấp cơ sở ở vùng ĐBSCL tương tự thôn, bản ở miền Bắc nước ta.			
5	Đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh trong			

	vùng ĐBSCL có mối liên hệ mật thiết với nhau và có quan hệ mật thiết, nhiều người có quan hệ họ hàng, thân tộc với đồng bào Khmer ở nước Campuchia.			
	Ý kiến khác:			

Câu 3: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Là một bộ phận quan trọng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không tách rời cộng đồng dân tộc, cùng các dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam yêu quý.			
2	Góp phần nhất định vào sự phát triển kinh tế ở các xã, thị trấn của các tỉnh và của các tỉnh vùng này.			
3	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển đa dạng văn hóa vùng ĐBSCL.			
4	Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng, củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa hai dân tộc Campuchia và Việt Nam.			
5	Góp phần ngăn chặn, làm thất bại âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề dân tộc và văn hóa Khmer ở vùng ĐBSCL để thực hiện âm mưu đen tối của bọn chúng, góp phần giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong vùng và bảo vệ Tổ quốc.			
	Ý kiến khác:			

Câu 4: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL là một trong những nhân tố chủ yếu quyết định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại được thực hiện thắng lợi trên địa bàn tỉnh.			
2	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng Đảng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng bộ tỉnh vững mạnh do đại hội đảng bộ nhiệm kỳ hiện tại xác định, góp phần vào kết quả xây dựng Đảng.			
3	Các tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.			
4	Tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.			
	Ý kiến khác:			

Câu 5: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung vận động đồng bào Khmer? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Vận động đồng bào thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ xã, thị trấn, đẩy mạnh phát triển KT-XH, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống, bảo đảm QP,AN, chấp hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và những quy định của địa phương.			
2	Vận động đồng bào tham gia tích cực vào việc tăng cường và củng cố sự đoàn kết đồng bào Khmer với dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số khác ở địa phương; phát huy mạnh mẽ sức mạnh của sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.			
3	Vận động đồng bào tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và các MTTQ, các tổ chức CT-XH ở địa phương vững mạnh, tích cực tham gia vào các các tổ chức này và các tổ chức xã hội ở địa phương.			
4	Vận động đồng bào nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại sự đoàn kết đồng bào Khmer với các dân tộc trên địa bàn, phá hoại Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới ở nước ta.			
	Ý kiến khác:			

Câu 6: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các nội dung dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.			
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.			
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào			
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào.			
5	Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.			
6	Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.			
	Ý kiến khác:			

Câu 7: Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay?

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt	Đạt yêu cầu	Thực hiện chưa tốt	Không thực hiện	Vi phạm
1	Tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.					
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.					
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào.					
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác					

	vận động đồng bào.					
5	Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.					
6	Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.					

Câu 8. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương hướng dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Tỉnh ủy tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng về công tác dân vận, Kết luận số 43-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này, nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác dân vận trong công tác vận động đồng bào Khmer.			
2	Vận động đồng bào Khmer phát triển KT-XH, nâng cao đời sống xây dựng nông thôn mới, phum, srok văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng sự đoàn kết các dân tộc, tích cực tham gia đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.			
3	Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ở xã, phường, thị trấn có đông đồng bào Khmer sinh sống kết hợp chặt chẽ với công tác vận động đồng bào Khmer của các cấp ủy, nhất là cấp ủy xã, phường, thị trấn.			
4	Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu			

	quả công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng ủy xã, thị trấn, nơi có đông đồng bào sinh sống và của các chi bộ phum, srok; phát huy vai trò của những đảng viên là người Khmer trong công tác việc này.			
5	Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền, các tổ chức CT-XH xã, phường, ban quản lý phum, srok, tổ công tác MTTQ, các chi hội của các tổ chức CT-XH và những người có uy tín trong đồng bào Khmer ở các phum, srok trong công tác vận động đồng bào Khmer.			
	Ý kiến khác:			

Câu 9. Xin Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay? (Đồng chí có thể cho ý kiến về các phương hướng dưới đây).

TT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Khó trả lời
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, nhất là tỉnh ủy, đảng ủy xã, thị trấn nơi có đông đồng bào Khmer về tăng cường công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy thời gian tới.			
2	Tăng cường vận động đồng bào Khmer phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; bảo đảm an ninh, trật tự và cuộc sống bình yên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới ở các tỉnh.			
3	Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đủ phẩm			

	chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng tốt yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong thời gian tới.			
4	Phát huy vai trò các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, nhất là ban dân vận cấp ủy; xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận cấp ủy các cấp là lực lượng nòng cốt trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.			
5	Phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cấp xã; các chi hội CT-XH, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok và những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer.			
6	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và việc tạo thuận lợi của các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương đối với tỉnh ủy trong công tác vận động đồng bào Khmer.			
	Ý kiến khác:			

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

a. Giới tính	- Nam	☐
	- Nữ	☐
b. Tuổi	- Dưới 35	☐
	- 35 - 40	☐
	- 41 - 45	☐
	- 46 - 50	☐

	- 51 - 55	☐
	- Trên 55	☐
c. Số năm công tác	- Dưới 05 năm	☐
	- 05 - 10 năm	☐
	- 10 - 20 năm	☐
	- 20 - 30 năm	☐
	- Trên 30 năm	☐
d. Trình độ chuyên môn	- Cử nhân hoặc tương đương	☐
	- Sau đại học	☐
e. Đồng chí	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh Sóc Trăng	☐
	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh Trà Vinh	☐
	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh An Giang	☐
	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh Kiên Giang	☐
	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh Vĩnh Long	☐

Trân trọng cảm ơn sự nhiệt tình tham gia ý kiến của Đồng chí!

PHỤ LỤC 11
BÁO CÁO XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT Ý KIẾN
VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

(Dành cho đồng chí là người đứng đầu cấp ủy các cấp trực thuộc các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

- Số phiếu phát ra: 300
- Số phiếu thu về: 292
- Số phiếu hợp lệ: 284
- Số phiếu không hợp lệ: 8

Câu 1: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Là các đơn vị hành chính cấp tỉnh - cấp hành chính thứ hai sau cấp Trung ương của hệ thống hành chính bốn cấp ở nước ta.	275	96,83%	9	3,17%	0	0,00%
2	Là địa bàn thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH, QP, AN trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối chính sách ấy, trong cả nước.	277	97,53%	3	1,06%	4	1,41%

3	Là địa bàn triển khai ngay việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT, xây dựng HTCT của mình từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng HTCT nước ta vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	280	98,60%	2	0,70%	2	0,70%
4	Là địa bàn rất quan trọng quan hệ với cấp hành chính Trung ương và cấp huyện, các tỉnh ở vùng ĐBSCL có vai trò to lớn đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động của cấp hành chính Trung ương và cấp huyện.	279	98,24%	4	1,41%	1	0,35%
Ý kiến khác: Không có							

Câu 2: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có số lượng khá lớn và lớn nhất so với các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng này, đồng bào sống tập trung ở năm tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, đông nhất là ở tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang.	283	99,65%	0	0,00%	1	0,35%

2	Phương thức sản xuất của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL chủ yếu là tự cung, tự cấp; nông nghiệp chủ yếu độc canh cây lúa nước; các ngành nghề phát triển rất chậm; đời sống của đa số đồng bào còn nhiều khó khăn.	279	98,24%	3	1,06%	2	0,70%
3	Văn hóa của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL rất đa dạng phong phú, gắn liền với văn hóa tâm linh với nền tảng là văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước cổ truyền, với sinh hoạt Phật giáo Tiểu thừa Khmer; chùa là nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung của đồng bào.	276	97,19%	2	0,70%	6	2,11%
4	“Phum”, “srok” là những đơn vị cư trú cổ truyền và sinh hoạt của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL; song “phum”, “srok” dần dần trở thành bộ phận của đơn vị hành chính cấp cơ sở ở vùng ĐBSCL tương tự thôn, bản ở miền Bắc nước ta.	275	96,83%	4	1,41%	5	1,76%
5	Đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh trong vùng ĐBSCL có mối liên hệ mật thiết với nhau và có quan hệ mật thiết, nhiều người có quan hệ họ hàng, thân tộc với đồng bào Khmer ở nước Campuchia.	271	95,42%	8	2,82%	5	1,76%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 3: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Là một bộ phận quan trọng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không tách rời cộng đồng dân tộc, cùng các dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam yêu quý.	280	98,59%	3	1,06%	1	0,35%
2	Góp phần nhất định vào sự phát triển kinh tế ở các xã, thị trấn của các tỉnh và của các tỉnh vùng này.	273	96,13%	7	2,46%	4	1,41%
3	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển đa dạng văn hóa vùng ĐBSCL.	274	96,48%	3	1,06%	7	2,46%
4	Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng, củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa hai dân tộc Campuchia và Việt Nam.	276	97,18%	2	0,70%	6	2,11%
5	Góp phần ngăn chặn, làm thất bại âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề dân tộc và văn hóa Khmer ở vùng ĐBSCL để thực hiện âm mưu đen tối của bọn chúng, góp phần giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong vùng và bảo vệ Tổ quốc.	273	96,13%	6	2,11%	5	1,76%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 4: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL là một trong những nhân tố chủ yếu quyết định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại được thực hiện thắng lợi trên địa bàn tỉnh.	272	95,77%	9	3,17%	3	1,06%
2	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng Đảng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng bộ tỉnh vững mạnh do đại hội đảng bộ nhiệm kỳ hiện tại xác định, góp phần vào kết quả xây dựng Đảng.	269	94,72%	7	2,46%	8	2,82%
3	Các tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	277	97,54%	1	0,35%	6	2,11%
4	Tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.	275	95,83%	4	1,41%	5	1,76%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 5: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung vận động đồng bào Khmer gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Vận động đồng bào thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ xã, thị trấn, đẩy mạnh phát triển KT-XH, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống, bảo đảm QP,AN, chấp hành Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và những quy định của địa phương.	276	97,18%	5	1,76%	3	1,06%
2	Vận động đồng bào tham gia tích cực vào việc tăng cường và củng cố sự đoàn kết đồng bào Khmer với dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số khác ở địa phương; phát huy mạnh mẽ sức mạnh của sự đoàn kết các dân tộc ở địa phương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	273	96,13%	7	2,46%	4	1,41%
3	Vận động đồng bào tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và các MTTQ, các tổ chức CT-XH ở địa phương vững mạnh, tích cực tham gia vào các các tổ chức này và các tổ chức xã hội ở địa phương.	267	94,02%	11	3,87%	6	2,11%
4	Vận động đồng bào nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer để phá hoại sự đoàn kết đồng bào Khmer với các dân tộc trên địa bàn, phá hoại Đảng, Nhà nước và công cuộc đổi mới ở nước ta.	271	95,42%	9	3,17%	4	1,41%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 6: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.	268	94,37%	10	3,52%	6	2,11%
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.	273	96,13%	7	2,46%	4	1,41%
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào.	270	95,07%	3	1,06%	11	3,87%
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào	272	95,78%	6	2,11%	6	2,11%

	Khmer trong công tác vận động đồng bào.						
5	Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.	271	95,42%	9	3,17%	4	1,41%
6	Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.	268	94,37%	9	3,17%	7	2,46%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 7: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay:

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.	235	82,75%	43	15,14%	4	1,41%	2	0,70%	0	0,00%
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức	241	84,86%	31	10,92%	7	2,46%	5	1,76%	0	0,00%

	trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.										
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào.	231	81,33%	41	14,44%	9	3,17%	3	1,06%	0	0,00%
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào.	233	82,05%	39	13,73%	10	3,52%	2	0,70%	0	0.00%
5	Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.	227	79,93%	45	15,85%	8	2,82%	4	1,41%	0	0.00%
6	Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.	234	82,39%	29	10,21%	12	4,23%	9	3,17%	0	0.00%

Câu 8: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng về công tác dân vận, Kết luận số 43-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này, nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác dân vận trong công tác vận động đồng bào Khmer.	273	96,13%	9	3,17%	2	0,70%
2	Vận động đồng bào Khmer phát triển KT-XH, nâng cao đời sống xây dựng nông thôn mới, phum, srok văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng sự đoàn kết các dân tộc, tích cực tham gia đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.	260	91,55%	21	7,39%	3	1,06%
3	Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ở xã, phường, thị trấn có đông đồng bào Khmer sinh sống kết hợp chặt chẽ với công tác vận động đồng bào Khmer của các cấp ủy, nhất là cấp ủy xã, phường, thị trấn.	267	94,01%	12	4,23%	5	1,76%
4	Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo cấp ủy cấp huyện	249	87,68%	30	10,56%	5	1,76%

	về lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng ủy xã, thị trấn, nơi có đông đồng bào sinh sống và của các chi bộ phum, srok; phát huy vai trò của những đảng viên là người Khmer trong công tác việc này.						
5	Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền, các tổ chức CT-XH xã, phường, ban quản lý phum, srok, tổ công tác MTTQ, các chi hội của các tổ chức CT-XH và những người có uy tín trong đồng bào Khmer ở các phum, srok trong công tác vận động đồng bào Khmer.	248	87,32%	25	8,80%	11	3,87%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 9: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, nhất là tỉnh ủy, đảng ủy xã, thị trấn nơi có đồng bào Khmer về tăng cường công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy thời gian tới.	265	93,31%	14	4,93%	5	1,76%
2	Tăng cường vận động đồng bào Khmer phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; bảo đảm an ninh, trật tự và cuộc sống bình yên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới ở các tỉnh.	253	89,08%	27	9,51%	4	1,41%
3	Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng tốt yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong thời gian tới.	262	92,25%	17	5,99%	5	1,76%
4	Phát huy vai trò các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, nhất là ban dân vận cấp ủy; xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận cấp ủy các cấp là lực lượng nòng cốt trong	246	86,62%	32	11,27%	6	2,11%

	công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.						
5	Phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cấp xã; các chi hội CT-XH, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok và những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer.	236	83,10%	37	13,03%	11	3,87%
6	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và việc tạo thuận lợi của các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương đối với tỉnh ủy trong công tác vận động đồng bào Khmer.	243	85,56%	31	10,92%	10	3,52%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
a. Giới tính	Nam	165	58,10%
	Nữ	119	41,90%
b. Tuổi	Dưới 35	8	2,82%
	35 - 40	57	20,07%
	41 - 45	60	21,13%
	46 - 50	65	22,88%
	51 - 55	56	19,72%

	Trên 55	38	13,38%
c. Số năm công tác	05 - 10 năm	89	31,34%
	10 - 20 năm	114	40,14%
	20 - 30 năm	52	18,31%
	Trên 30 năm	29	10,21%
d. Trình độ chuyên môn	Cử nhân hoặc tương đương	75	26,41%
	Sau đại học	209	73,59%
e. Đồng chí	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối đảng	77	27,12%
	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối chính quyền	73	25,70%
	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối đoàn thể	49	17,25%
	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối quân đội, công an	40	14,08%
	- Đang là người đứng đầu cấp ủy khối doanh nghiệp	45	15,85%

PHỤ LỤC 12
BÁO CÁO XỬ LÝ SỐ LIỆU KHẢO SÁT Ý KIẾN
VỀ CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG ĐỒNG BÀO KHMER CỦA CÁC TỈNH ỦY Ở
VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY
(Dành cho đồng chí là đảng viên của các đảng bộ tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

- Số phiếu phát ra: 500
- Số phiếu thu về: 489
- Số phiếu hợp lệ: 478
- Số phiếu không hợp lệ: 11

Câu 1: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Là các đơn vị hành chính cấp tỉnh - cấp hành chính thứ hai sau cấp Trung ương của hệ thống hành chính bốn cấp ở nước ta.	459	96,03%	11	2,30%	8	1,67%
2	Là địa bàn thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển KT-XH, QP, AN trên địa bàn, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối chính sách ấy, trong cả nước.	462	96,66%	9	1,88%	7	1,46%

3	Là địa bàn triển khai ngay việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng HTCT, xây dựng HTCT của mình từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, góp phần xây dựng HTCT nước ta vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	469	98,12%	7	1,46%	2	0,42%
4	Là địa bàn rất quan trọng quan hệ với cấp hành chính Trung ương và cấp huyện, các tỉnh ở vùng ĐBSCL có vai trò to lớn đối với chất lượng, hiệu quả hoạt động của cấp hành chính Trung ương và cấp huyện.	459	96,02%	13	2,72%	6	1,26%
Ý kiến khác: Không có							

Câu 2: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về đặc điểm của đồng bào Khmer ở các tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có số lượng khá lớn và lớn nhất so với các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng này, đồng bào sống tập trung ở năm tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang, Vĩnh Long, đông nhất là ở tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang.	455	95,19%	20	4,18%	3	0,63%

2	Phương thức sản xuất của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL chủ yếu là tự cung, tự cấp; nông nghiệp chủ yếu độc canh cây lúa nước; các ngành nghề phát triển rất chậm; đời sống của đa số đồng bào còn nhiều khó khăn.	460	96,24%	11	2,30%	7	1,46%
3	Văn hóa của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL rất đa dạng phong phú, gắn liền với văn hóa tâm linh với nền tảng là văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước cổ truyền, với sinh hoạt Phật giáo Tiểu thừa Khmer; chùa là nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung của đồng bào.	448	93,73%	19	3,97%	11	2,30%
4	“Phum”, “srok” là những đơn vị cư trú cổ truyền và sinh hoạt của đồng bào Khmer ở vùng ĐBSCL; song “phum”, “srok” dần dần trở thành bộ phận của đơn vị hành chính cấp cơ sở ở vùng ĐBSCL tương tự thôn, bản ở miền Bắc nước ta.	445	93,09%	27	5,65%	6	1,26%
5	Đồng bào Khmer sinh sống ở các tỉnh trong vùng ĐBSCL có mối liên hệ mật thiết với nhau và có quan hệ mật thiết, nhiều người có quan hệ họ hàng, thân tộc với đồng bào Khmer ở nước Campuchia.	447	93,52%	12	2,51%	19	3,97%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 3: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của đồng bào Khmer ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Là một bộ phận quan trọng trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, không tách rời cộng đồng dân tộc, cùng các dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam yêu quý.	443	92,67%	29	6,07%	6	1,26%
2	Góp phần nhất định vào sự phát triển kinh tế ở các xã, thị trấn của các tỉnh và của các tỉnh vùng này.	442	92,47%	25	5,23%	11	2,30%
3	Có vai trò quan trọng trong sự phát triển đa dạng văn hóa vùng ĐBSCL.	450	94,15%	21	4,39%	7	1,46%
4	Là lực lượng nòng cốt trong xây dựng, củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa hai dân tộc Campuchia và Việt Nam.	451	94,35%	14	2,93%	13	2,72%
5	Góp phần ngăn chặn, làm thất bại âm mưu và hành động lợi dụng vấn đề dân tộc và văn hóa Khmer ở vùng ĐBSCL để thực hiện âm mưu đen tối của bọn chúng, góp phần giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong vùng và bảo vệ Tổ quốc.	449	93,94%	19	3,97%	10	2,09%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 4: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về vai trò của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL là một trong những nhân tố chủ yếu quyết định đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về KT-XH, QP,AN, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại được thực hiện thắng lợi trên địa bàn tỉnh.	463	96,86%	11	2,30%	4	0,84%
2	Sự lãnh đạo đúng đắn, hiệu quả của tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi chủ trương, nghị quyết của Đảng về xây dựng Đảng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Đảng bộ tỉnh vững mạnh do đại hội đảng bộ nhiệm kỳ hiện tại xác định, góp phần vào kết quả xây dựng Đảng.	460	96,24%	8	1,67%	10	2,09%
3	Các tỉnh ủy, BTVTU là nhân tố quyết định xây dựng tổ chức bộ máy và hoạt động của các tổ chức trong HTCT từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	455	95,19%	16	3,35%	7	1,46%
4	Tỉnh ủy, BTVTU ở vùng ĐBSCL góp phần quan trọng nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.	456	95,40%	14	2,93%	8	1,67%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 5: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung vận động đồng bào Khmer gồm:

[illegible]

Câu 6: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.	444	92,89%	13	2,72%	21	4,39%
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.	451	94,36%	19	3,97%	8	1,67%
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào.	446	93,30%	15	3,14%	17	3,56%
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát	442	92,47%	29	6,07%	7	1,46%

	huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào.						
5	Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.	441	92,26%	18	3,77%	19	3,97%
6	Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.	435	91,00%	25	5,23%	18	3,77%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 7: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về mức độ thực hiện nội dung công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay:

TT	Nhiệm vụ	Thực hiện tốt		Đạt yêu cầu		Thực hiện chưa tốt		Không thực hiện		Vi phạm	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy, BTVTU xây dựng, ban hành các chủ trương, chương trình, kế hoạch về công tác vận động đồng bào Khmer.	383	80,12%	73	15,27%	17	3,56%	5	1,05%	0	0,00%
2	Tỉnh ủy, BTVTU lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của mình về công tác vận động đồng bào Khmer trong các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ,	381	79,71%	82	17,15%	11	2,30%	4	0,84%	0	0,00%

	đảng viên, các tổ chức trong HTCT, các tổ chức có liên quan, coi trọng tuyên truyền, phổ biến chủ trương đó trong đồng bào Khmer.										
3	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo huy động và phát huy mạnh mẽ vai trò nòng cốt của các lực lượng chuyên trách công tác vận động đồng bào Khmer, phối hợp chặt chẽ các lực lượng này trong công tác vận động đồng bào.	385	80,55%	74	15,48%	12	2,51%	7	1,46%	0	0,00%
4	Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo phát động và duy trì các phong trào hành động cách mạng ở địa phương, thu hút đồng bào tích cực tham gia; coi trọng giúp đỡ gia đình đồng bào gặp khó khăn, hoạn nạn; phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào Khmer trong công tác vận động đồng bào.	387	80,96%	68	14,23%	15	3,14%	8	1,67%	0	0.00%
5	Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, cán bộ, đảng viên của đảng bộ tỉnh về công tác vận động đồng bào Khmer.	379	79,29%	67	14,02%	21	4,39%	11	2,30%	0	0.00%
6	Tỉnh ủy định kỳ sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.	356	74,47%	77	16,11%	31	6,49%	14	2,93%	0	0.00%

Câu 8: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về phương hướng tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Tỉnh ủy tiếp tục quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI của Đảng về công tác dân vận, Kết luận số 43-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết này, nhiệm vụ giải pháp của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về công tác dân vận trong công tác vận động đồng bào Khmer.	458	95,81%	17	3,56%	3	0,63%
2	Vận động đồng bào Khmer phát triển KT-XH, nâng cao đời sống xây dựng nông thôn mới, phum, srok văn hóa, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng sự đoàn kết các dân tộc, tích cực tham gia đấu tranh với các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.	449	93,93%	25	5,23%	4	0,84%
3	Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và thực hiện tốt Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ở xã, phường, thị trấn có đồng đồng bào Khmer sinh sống kết hợp chặt chẽ với công tác vận động đồng bào Khmer của các cấp ủy, nhất là cấp ủy xã, phường, thị trấn.	456	95,40%	15	3,14%	7	1,46%

4	Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo cấp ủy cấp huyện về lãnh đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác vận động đồng bào Khmer của các đảng ủy xã, thị trấn, nơi có đông đồng bào sinh sống và của các chi bộ phum, srok; phát huy vai trò của những đảng viên là người Khmer trong công tác việc này.	453	94,77%	22	4,60%	3	0,63%
5	Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền, các tổ chức CT-XH xã, phường, ban quản lý phum, srok, tổ công tác MTTQ, các chi hội của các tổ chức CT-XH và những người có uy tín trong đồng bào Khmer ở các phum, srok trong công tác vận động đồng bào Khmer.	450	94,14%	17	3,56%	11	2,30%
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 9: Đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về giải pháp tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy nơi Đồng chí đang làm việc hoặc sinh sống hiện nay:

TT	Nội dung	Đồng ý		Không đồng ý		Khó trả lời	
		Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ	Số người	Tỷ lệ
1	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, nhất là tỉnh ủy, đảng ủy xã, thị trấn nơi có đông đồng bào	451	94,35%	22	4,60%	5	1,05%

	Khmer về tăng cường công tác vận động đồng bào của tỉnh ủy thời gian tới.						
2	Tăng cường vận động đồng bào Khmer phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần; bảo đảm an ninh, trật tự và cuộc sống bình yên, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu công cuộc đổi mới ở các tỉnh.	452	94,57%	19	3,97%	7	1,46%
3	Xây dựng tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng tốt yêu cầu tăng cường công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy trong thời gian tới.	459	96,02%	13	2,72%	6	1,26%
4	Phát huy vai trò các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, cấp ủy cấp huyện, nhất là ban dân vận cấp ủy; xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận cấp ủy các cấp là lực lượng nòng cốt trong công tác vận động đồng bào Khmer của tỉnh ủy.	450	94,54%	17	3,57%	9	1,89%
5	Phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cấp xã; các chi hội CT-XH, lực lượng tham gia công việc ở ấp, phum, srok và những người có uy tín ở địa phương trong công tác vận động đồng bào Khmer.	444	92,89%	23	4,81%	11	2,30%
6	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh ủy đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và việc tạo thuận lợi của các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương đối với tỉnh ủy trong công	455	95,19%	16	3,35%	7	1,46%

	tác vận động đồng bào Khmer.						
	Ý kiến khác: Không có						

Câu 10: Xin Đồng chí vui lòng cho biết một số thông tin về cá nhân

	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
a. Giới tính	Nam	255	53,35%
	Nữ	223	46,65%
b. Tuổi	Dưới 35	50	10,46%
	35 - 40	98	20,50%
	41 - 45	102	21,35%
	46 - 50	97	20,29%
	51 - 55	99	20,71%
	Trên 55	32	6,69%
c. Số năm công tác	Dưới 5 năm	65	13,60%
	05 - 10 năm	107	22,38%
	10 - 20 năm	134	28,04%
	20 - 30 năm	113	23,64%
	Trên 30 năm	59	12,34%

d. Trình độ chuyên môn	Cử nhân hoặc tương đương	294	61,51%
	Sau đại học	184	38,49%
e. Đồng chí	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh Sóc Trăng	135	28,24%
	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh Trà Vinh	97	20,29%
	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh An Giang	93	19,46%
	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh Kiên Giang	112	23,43%
	- Đang là đảng viên của đảng bộ tỉnh Vĩnh Long	41	8,58%